

M. Lermontov

MỘT ANH HÙNG
THỜI ĐẠI



vh

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

VĂN HỌC CỔ ĐIỂN NƯỚC NGOÀI
VĂN HỌC NGA

Tác giả: **M. LERMONTOP**

MỘT ANH HÙNG THỜI ĐẠI

ANH TRÚC dịch

In lần thứ ba

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

Hà Nội – 2000

(Dịch từ nguyên bản tiếng Nga: “GHEROI NASEVO VREMENHI” của

M. Lermontop

NXB “**TIẾNG NGA**” Matxcơva – 1988)

Mục Lục

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Lời Dẫn

PHẦN THỨ NHẤT

I. BELA

II. MARXIM MARXIMICH

PHẦN THỨ HAI

TRÍCH NHẬT KÝ CỦA PÊTSÔRIN

I. TAMAN

II. NGƯỜI TIN ĐỊNH MỆNH

III. CÔNG TƯỚC TIỂU THƯ MÊRI

CHÚ THÍCH

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Tháng 5 năm 1840, cuốn sách Một anh hùng thời đại xuất hiện trên các giá sách tại thành Pêterbua. Tác giả là một chàng trai mới hai mươi lăm tuổi: M. Lermôntôp (Mikhail Iurievich Lermontov - 1814 - 1841), vốn là một nhà thơ đã có tiếng, nhưng lại quay sang viết tiểu thuyết. Cả tên tác phẩm lẫn tác giả đều gây nên sự tò mò đến mức nôn nóng. Ai cũng muốn đọc qua cuốn sách xem cái nhân vật mà nhà thơ gọi là vị anh hùng của thời đại đó là ai, là một người như thế nào?..

Đã là anh hùng thì ắt sẽ có nhiều người bắt chước, nhiều người noi gương... Nhưng đọc xong rất nhiều đọc giả đã la lối lên rằng: "... một thằng vô lại như thế mà Lermôntôp, một nhà thơ - nhà văn tiếng tăm, còn là một sĩ quan trong quân đội Nga Hoàng nữa, lại dám tôn vinh hẳn lên là Một anh hùng thời đại chúng ta ư?!. Một sự phi báng hỗn xược!

Đó là tiếng nói của các vị đã nhận ra những đường nét, những tính cách và hành vi nào đó của nhân vật có gì giống mình trong bức chân dung ấy.

Petsôrin - nhân vật chính của cuốn tiểu thuyết – là một thanh niên thông minh và nhạy cảm, vốn sống trong nhung lụa, nhưng lại là một kẻ tàn tật về tinh thần: sống buông thả, không niềm tin, không hy vọng và hoài bão, tự hủy hoại đời mình và phá hoại không biết bao nhiêu cuộc sống tươi trẻ khác. Vậy mà nhà văn Lermôntôp lại dám vẽ chân dung hẳn như một vị anh hùng. Thật mỉa mai thay!

Đáp lại, nhà văn nói: "Bây giờ cần có những bài thuốc đắng, những sự thật cay nghiệt! Đó quả là một chân dung nhưng không phải chân dung của một người cụ thể, mà là bức chân dung phức hợp vẽ nên mọi thói hư tật xấu của cả một thế hệ đang sống của xã hội ta"!

Hà Nội

1999

LỜI DẪN

Trong bất kỳ cuốn sách nào lời nói đầu là cái đầu tiên đồng thời cũng là cái cuối cùng, nó nhằm giải thích mục đích của tác phẩm hoặc để biện minh và trả lời giới phê bình. Nhưng thông thường thì độc giả không biết tới mục đích luân lý cũng như những lời công kích của báo chí, bởi vì họ không đọc lời nói đầu. Tiếc thay, nhưng đó là sự thật, nhất là ở nước ta. Công chúng nước ta còn rất mới mẻ và chất phác đến nỗi không hiểu được những chuyện ngụ ngôn, nếu họ không tìm thấy ở phần cuối những lời răn. Họ không đoán ra được những chuyện đùa tếu, không cảm nhận được chuyện châm biếm, chỉ tại họ kém giáo dục. Họ chưa biết được rằng trong một xã hội có nền nếp và trong một cuốn sách đúng đắn không thể có những lời chửi bới lộ liễu; rằng kiến thức hiện đại đã chế ra một thứ vũ khí sắc bén hơn nhiều, gần như là vô hình, và cũng nguy hiểm chết người không kém, một thứ vũ khí vượt ve mơn trớn nhưng lại đánh những đòn chắc chắn và không thể chống đỡ. Công chúng của chúng ta giống như một anh chàng tỉnh lẻ, khi nghe lỏm được cuộc hội đàm giữa hai nhà ngoại giao của hai triều đình thù địch, đã tin chắc rằng mỗi người trong hai vị kia đang lừa dối chính phủ mình để mưu cầu tình bằng hữu tốt đẹp nhất với nhau.

Mới gần đây, cuốn sách này cũng đã từng nếm trải sự cả tin khốn khổ của một số độc giả và thậm chí của một số báo chí, chỉ tin vào nghĩa đen của câu chữ. Một số thì bất bình ghê gớm, mà bất bình thực sự, vì người ta đã đem đến cho họ, để làm gương, một con người đòi bại như Một anh hùng thời đại chúng ta; những kẻ khác thì lại nhận xét một cách rất tinh rằng tác giả đã vẽ lại chân dung của chính mình và những người quen thuộc của mình... Một lối pha trò thâm hại và cũ rích! Nhưng rõ ràng nước Nga đã được tạo lập nên như thế, trong đó cái gì cũng đối mới trừ những điều phi lý nhảm nhí đại loại như vậy. Một câu chuyện hoang đường nhất trong

số những chuyện hoang đường ở chúng ta, cũng khó tránh khỏi lời quở trách là có ý đồ xúc phạm cá nhân!

Một anh hùng thời đại^[1*] chúng ta, thừa các ngài kính mến của tôi, quả là một bức chân dung, nhưng không phải của một người: đó là bức chân dung phức hợp những thói hư tật xấu của một thế hệ chúng ta đang ở độ phát triển nhất của chúng. Một lần nữa các ngài lại sẽ bảo tôi rằng làm gì có người xấu đến thế, nhưng tôi xin thưa với các ngài rằng nếu các ngài đã tin vào khả năng tồn tại của tất cả những thằng khốn nạn trong các tác phẩm bi kịch và lãng mạn, thì tại sao các ngài lại không tin ở tính hiện thực của Pêtsôrin? Nếu các ngài đã nhắm nháp những điều hư cấu còn quái gở và khủng khiếp hơn nhiều thì tại sao cái cá tính này, thậm chí là một hư cấu, lại không làm cho các ngài thương cảm? Không phải vì nó trung thực quá đầy chứ, chẳng lẽ các ngài mong muốn thế sao?..

Các ngài sẽ nói rằng điều đó không có lợi cho nền đạo đức?.. Xin lỗi. Bấy lâu người ta nuôi sống người bằng bánh kẹo, nên dạ dày họ đậm hư: bây giờ thì phải có những bài thuốc đắng, những sự thật cay nghiệt. Tuy nói vậy, nhưng đừng tưởng rằng, sau chuyện này có lúc tác giả cuốn sách cũng đã từng có một ước vọng đầy kiêu hãnh là biến mình thành người uốn nắn các thói hư tật xấu của con người. Cầu Chúa tránh cho hắn không mắc phải cái điều vô lễ ấy! Hắn chỉ muốn mô tả một con người đương đại như hắn hiểu, và thật là không may cho hắn, và cả cho các ngài nữa, hắn mô tả đúng như một con người hắn thường gặp luôn. Dầu sao thì căn bệnh cũng đã được tìm ra, điều trị nó thế nào – điều đó họa may có trời biết nổi!

M. LERMONTÔP

PHẦN THỨ NHẤT

I. BELA

Tôi tới Tiflix^[2*] bằng xe trạm. Hành lý trên xe chỉ có mỗi chiếc va ly nhỏ mà phân nửa là chứa những tập bút ký về cuộc hành trình qua xứ Gruz. Thật may cho các bạn là phần lớn những tập ký ấy đã bị mất, nhưng lại may cho tôi là đồ đạc trong va ly thì vẫn còn nguyên.

Tôi tới thung lũng Kôisau thì mặt trời cũng bắt đầu lặn xuống sau đỉnh núi phủ tuyết. Lão đánh xe người Ôxetin rần hết sức hát thật to và hối hả ra roi thúc ngựa để kịp lên núi Kôisau trước khi trời tối. Thung lũng là một nơi danh thắng tuyệt vời. Bốn bề núi non hiểm trở, những vách đá màu hồng, treo lơ lửng những sợi trường xuân xanh xanh, điểm xuyết những bụi tiêu huyền phương Đông; những bờ dốc đất vàng, chằng chịt những nương xói, và cao cao trên đỉnh núi là một dải tuyết vàng, phía dưới là dòng sông Aragva, sau khi hội lưu với một dòng suối nhỏ không tên đang ồn ã vọt ra khỏi hẻm đá tối đen, con sông trải dài ra như một sợi chỉ bạc, óng ánh như vảy rắn.

Đến chân núi Kôisau, chúng tôi dừng lại bên một cái quán nhỏ. Trong quán có khoảng hai chục người Gruz và dân miền núi đang chuyện trò rôm rả; gần đó có đàn lạc đà nghỉ đêm. Tôi phải dùng bò để kéo xe mới mong vượt nổi cái ngọn núi đáng nguyền rủa này, vì trời đã sang thu, và đã có những lớp băng mỏng, mà con đường núi này thì dài tới gần hai dặm^[3*] chứ có ít đâu.

Không còn cách nào khác, tôi đành phải thuê sáu con bò và mấy người Ôxetin. Một người vác chiếc va ly còn những người kia thì hầu như chỉ hò hét chứ không hề động tay vào xe để hỗ trợ lũ bò.

Đằng sau xe tôi là một chiếc xe khác có bốn con bò kéo, chiếc xe chở đầy ắp mà sao lại đi thong dong chả có gì khó nhọc. Điều đó làm tôi ngạc nhiên. Người chủ bước theo sau, miệng ngậm chiếc tẩu nhỏ kiểu Kabardin bịt bạc. Ông ta mặc quần áo sĩ quan, không cầu vai và đội chiếc mũ lông

kiểu Tserkex. Nom ông trạc năm mươi; nước da ngăm ngăm chứng tỏ ông đã dạn dày với cái nắng vùng ngoại Kapka này từ lâu, bộ ria mép điểm bạc sớm không hợp với bước đi rần rỏi và cái vẻ hoạt bát của ông. Tôi tới gần và cúi đầu chào ông, ông lặng lẽ đáp lễ và nhả một hơi khói dài.

- Có lẽ chúng tôi đi cùng đường với ngài?

Ông nghiêng mình một lần nữa, nhưng vẫn im lặng

- Hẳn là ngài đi Xtaprôpôn?

- Chính thế... với đồng quân trang này.

- Thưa ngài, xin ngài làm ơn cho biết, xe ngài chở nặng lại chỉ có bốn con bò kéo, cố sao lại đi thông dong như bõn, trong lúc xe tôi nhẹ bằng lại có tới sáu con bò với bấy nhiêu người Ôxetin trợ lực mà vẫn cứ ì ạch là thế nào?

Ông mỉm cười hóm hỉnh, nhìn tôi đầy ngụ ý:

- Tôi đồ chừng ông đến Kapka này chưa được bao lâu?

- Một năm rồi, - tôi đáp.

Ông ta lại mỉm cười một lần nữa.

- Thế thì sao ạ?

- Ông thấy đấy! Lũ người châu Á này xỏ lá lăm! Ông tưởng chúng ta hét như vậy là được việc lăm đấy hả? Họ có quý sứ mới biết là chúng ta hét cái gì? Lũ bò ắt là hiểu chúng lăm; ông có mắc tới hai chục con, bọn chúng vẫn cứ la hét như thường, còn bò thì vẫn cứ đứng ì ra đấy. Quân bịp bợm ghê người. Trông mong gì ở chúng? Chúng chỉ bòn rút tiền của khách qua đường... Người ta đã dung túng cái bọn bịp bợm này quá thế! Rồi ông xem, chúng còn vòi tiền rượu ở ông nữa kia. Tôi quá biết bọn chúng rồi, nên chúng không lừa nổi tôi.

- Vậy ngài ở đây đã lâu chưa?..

- Dạ, tôi đã ở đây từ thời Alecxây Pêtrôvich^[4*], - ông ưỡn thẳng người, đáp. - Hồi ông ấy tới Liniya^[5*], tôi mới là thiếu úy, - ông nói thêm, dưới quyền chỉ huy của ông ấy, tôi đã được thăng hai cấp vì có công dẹp loạn đám dân miền núi.

- Và bây giờ thì ngài?..

- Hiện nay tôi ở tiểu đoàn tiểu binh thứ ba. Còn ông, xin mạn phép hỏi?..
Tôi nói với ông về tôi.

Câu chuyện nói đến đây là hết, chúng tôi lại lặng lẽ đi bên nhau. Tới đỉnh núi chúng tôi gặp tuyết rơi. Mặt trời vừa lặn là màn đêm cũng buông ngay, ở miền Nam thường không có hoàng hôn; nhưng nhờ có ánh tuyết chúng tôi vẫn nhận ra đường một cách dễ dàng, con đường cứ đi ngược lên mãi tuy đã bớt dốc. Tôi bảo đặt va ly vào xe và thay bò bằng ngựa, rồi đứng nhìn xuống thung lũng một lần cuối cùng; nhưng một lớp sương mù dày đặc từ các hẻm núi tỏa ra như sóng phủ kín thung, từ phía dưới không một tiếng động nào vọng lên tới chỗ chúng tôi. Mấy người Ôxetin vây lấy tôi, âm ỉ đòi tiền rượu, nhưng bị ông thượng úy la mắng thậm tệ nên đã tản đi trong nháy mắt.

- Giống người đâu mà lạ thế cơ chứ! - ông nói, - chưa biết tiếng Nga cái bánh gọi là gì, vậy mà đã biết cách xin xỏ: "Bẩm quan lớn, xin ngài cho anh em chúng tôi hớp rượu!" Tôi thấy người Tatar còn khá hơn: ít ra họ cũng không hay say rượu...

Còn một dặm nữa mới tới trạm. Bốn bề tĩnh lặng, tĩnh lặng đến nỗi nghe tiếng muỗi bay cũng có thể biết nó bay về hướng nào. Bên trái là một cái khe sâu đen ngòm, bên kia và phía trước mặt là những đỉnh núi xanh đen, chằng chịt những nếp nhăn, nằm dưới tuyết, in lên nền trời nhợt nhạt còn nhuốm chút tà dương. Trên vòm trời mờ tối các vì sao bắt đầu nhấp nháy, và kỳ lạ thay, tôi có cảm giác là những vì sao ở đây nom có vẻ cao hơn nhiều so với ở miền Bắc chúng ta. Hai bên đường lổn nhổn những hòn đá đen trần trụi, đây đó có những bụi cây con nhô lên khỏi mặt tuyết, nhưng không nghe thấy một tiếng lá khô xào xạc, và vui sướng xiết bao giữa cảnh tĩnh lặng của vạn vật đang chìm trong giấc ngủ say như chết ấy, ta lại nghe thấy ngựa mệt mỏi thở phì phì của chiếc xe tam mã chở thư và tiếng reo vang rờ rạc của chiếc chuông Nga.

- Ngày mai đẹp trời đây! - tôi nói. Không nói nửa lời, ông thượng úy giơ tay chỉ cho tôi xem ngọn núi cao sừng sững ngay trước mặt.

- Núi gì vậy? - tôi hỏi.

- Núi Gút.

- Nhưng mà sao?

- Ông thấy không, nó đang bốc khói kia kìa.

Quả thực là núi Gút đang bốc khói. Những làn mây nhẹ đang trườn đi trên sườn núi, còn trên đỉnh núi là một đám mây đen, đen đến nỗi ngay trên nền trời tối sẫm mà nó vẫn nổi lên thành một cái vệt đen.

Chúng tôi đã trông thấy rõ trạm bưu điện, với những lớp mái của các ngôi nhà xaklia^[6*] ở xung quanh; khi trời nổi lên một cơn gió lạnh ẩm ướt, hèm núi gió bắt đầu lên tiếng gào, và trời bắt đầu mưa nhẹ hạt, thì trước mắt chúng tôi cũng lấp lánh những ánh lửa hồng vờn vã. Tôi vừa mặc xong chiếc áo burka thì tuyết cũng rơi. Tôi nhìn ông thượng úy thán phục.

- Chúng ta bắt buộc phải ngủ lại đây thôi, - ông bực bội nói, - vượt núi trong cơn bão tuyết này là không ổn rồi. - Rồi quay lại với người đánh xe, ông hỏi: - Sao? Tuyết trên đỉnh Cây thập tự đã sập chưa?

- Thừa ngài chưa ạ, - người đánh xe Ôxetin trả lời, - vẫn còn đọng lại nhiều, nhiều lắm ạ.

Vì ở trạm không có phòng nghỉ cho khách qua đường, người ta đưa chúng tôi vào nghỉ trong một căn nhà mờ mịt khói. Tôi mời ông bạn đồng hành uống chén trà vì tôi có mang theo chiếc ấm bằng gang, một thú vui duy nhất của tôi trong các cuộc hành trình ở Kapka.

Ngôi nhà tựa một bên sườn vào vách núi; ba bậc cửa trơn, ướt sũng dẫn tới lối cửa ra vào. Tôi mò mẫm bước đi và đụng phải một con bò cái (dân xứ này lấy chuồng gia súc thay cho buồng đầy tớ). Tôi không biết đi về hướng nào: chỗ này thì cừu kêu be be, chỗ kia lại có tiếng chó gầm gừ. May sao ở phía bên bồng lóe lên một ánh lửa lò mờ, và nhờ đó tôi có thể tìm thấy một cái hốc nom giống như một cái cửa ra vào. Một cảnh tượng rất thú vị bày ra ngay trước mắt: một cái nhà rộng, mái đỡ bằng hai cây cột ám khói, chật ních người. Giữa nhà là một đống lửa nhóm ngay trên nền đất, củi cháy nổ lép lép; và khói bị gió từ lỗ thông hơi trên mái nhà thổi ngược lại, tỏa ra xung quanh dày đặc khiến tôi nhìn mãi mà vẫn không nhận thấy

gì; hai bà già, một đám trẻ con và một người Gruzơ gầy đét đang ngồi quanh đồng lửa, tất cả đều rách rưới. Chẳng biết làm gì hơn, chúng tôi đành ngồi xuống cạnh đồng lửa, châm thuốc hút, và lát sau thì nước trong ấm trà bắt đầu reo nghe thật vui tai.

- Đám người tội nghiệp! - tôi nói với ông thượng úy, tay chỉ mấy người chủ nhà bẩn thỉu đang nhìn chúng tôi, im lặng, ngỡ ngàng.

- Lũ người u mê! - ông đáp. - Không biết ông có tin được không, họ không biết làm bất cứ một việc gì sất, không đủ khả năng để học bất cứ một cái gì. Dân tộc Kabardin hay Tsetsen của chúng ta, tuy là bọn đầu trộm đuôi cướp, đám người khốn khổ, nhưng ít ra họ còn có nhiệt huyết, còn cái lũ này, chúng không thích vũ khí, không người nào có lấy một con dao găm cho ra hồn. Đúng là dân Ôxetin chính cống!

- Thế ngài ở Tsetsenia bao lâu rồi?

- Lâu đấy. Tôi đã đồn trú ở đó mười năm, với một đại đội ở pháo đài Suối đá, ông biết chỗ ấy chứ?

- Có, tôi có nghe nói.

- Khổ lắm ông bạn ạ, cái lũ đồ tể ấy đã làm cho chúng tôi chán ngấy! Bây giờ thì, lạ Chúa, đã đỡ hơn nhiều; chứ hồi ấy thì hễ cứ ra khỏi thành một trăm bước là chắc chắn đã có một thằng quý lông lá đang rình rập ở đâu đó, và chỉ sơ ý một tí thôi là sẽ có ngay hoặc một chiếc dây thòng lọng thắt vào cổ, hoặc một phát đạn đập vào gáy. Lũ tảo tợn ấy tài ba lắm!

- Vậy thì chắc hẳn là ngài đã gặp lắm chuyện phiêu lưu mạo hiểm? - Tôi lên tiếng vì tính tò mò bị kích động.

- Sao lại không! có đấy...

Rồi ông vâng vâng bên ria mép trái, ngẩng đầu lên và suy ngẫm. Tôi khao khát làm sao moi được ở ông một chuyện gì đó ly kỳ, - đây chính là ước nguyện vốn có của tất cả những ai đi chu du và viết bút ký. Giữa lúc ấy thì ấm trà bắt đầu sôi; tôi lấy ở va ly ra hai chiếc cốc đã ngoài, rót đầy trà và đặt một cốc trước mặt ông. Ông nhấp một ngụm và nói như thể tự nói với mình: "Chuyện thì có đấy!" Câu ông nói làm tôi chứa chan hy vọng. Tôi biết những ông già vùng Kapka thích nói, thích kể chuyện, vì với họ đó là

những dịp may hiếm hoi: có người đã từng sống với trung đội của mình ở một nơi khi họ cò gáy trong suốt năm năm trời mà không một ai cất tiếng chào anh ta bằng hai cái tiếng thân mật “Chào ngài” (vì viên thượng sĩ chỉ nói: “Chúc ngài khỏe”). Còn để tán gẫu thì thiếu gì chuyện để nói: xung quanh là một dân tộc mọi rợ, rất đáng tò mò, nguy hiểm rình rập hàng ngày hàng giờ, những trường hợp kinh dị thường xảy ra luôn, và bỗng nhiên ta lấy làm tiếc vì ở ta không mấy ai chịu khó bỏ công ghi chép lại.

- Ông có thích pha thêm ít rượu rom không? - tôi hỏi, - tôi có mang theo ít rom trắng từ Tiflix; hôm nay trời lạnh.

- Không, đội ơn ông, tôi không uống rượu.

- Sao thế?

- Thì thế chứ sao. Tôi đã thề không bao giờ uống rượu. Khi còn là thiếu úy, có lần, ông biết không, chúng tôi đã cao hứng uống với nhau hơi quá chén, nhưng đêm ấy lại có báo động, đứng trong đội ngũ rồi mà chúng tôi vẫn còn hơi chệnh choáng, và khi chuyện đến tai ngài Alexây Pêtrôvich, thì trời ơi, ông ta nổi trận lôi đình, chúng tôi bị quở trách một trận nên thân, tí nữa thì còn bị ra tòa. Sự đời là thế, khi anh đã sống quanh năm suốt tháng không gặp một ai, nếu lại còn rượu chè vào nữa thì chỉ có hỏng bét!

Nghe tới đó tôi mất hết hy vọng.

- Ngay cả người Tserkex, - ông nói tiếp, - khi đã nốc đầy buda trong các dịp hiếu hỷ thì thế nào cũng kết thúc bằng cuộc chém giết lẫn nhau. Có lần tôi đã phải bỏ chạy thực mạng, nhưng sau đó tôi vẫn cứ đến chơi nhà quận vương quận Mirnôp.

- Chuyện xảy ra thế nào, thưa ông?

- Thế này, (ông tra thuốc vào tẩu, rít một hơi dài và bắt đầu kể) rồi ông sẽ thấy, hồi ấy cách đây đã gần năm năm, tôi cùng một đại đội đồn trú ở một pháo đài ở phía bên kia trấn Têrêch. Một hôm, lúc bảy giờ là mùa thu, có chuyến xe chở thực phẩm tới, đi cùng xe có một sỹ quan trẻ khoảng hai mươi lăm tuổi. Anh ta đến trình diện tôi, gọn gàng trong bộ binh phục chỉnh tề, và nói với tôi rằng anh được điều đến pháo đài này phục vụ dưới quyền chỉ huy của tôi. Thân hình anh mảnh dẻ, nước da xanh tái, áo khoác

mới tinh nên tôi đoán ngay là anh ta mới đến Kapka này chưa được bao lâu. Tôi hỏi: “Ông chắc mới được điều động từ nước Nga tới đây?” “Đúng thế, thưa thượng úy!” - anh ta trả lời. Tôi nắm lấy anh ta và nói: “Rất sung sướng, rất sung sướng. Ở đây chắc ông sẽ hơi buồn đấy... nhưng không sao, chúng ta sẽ sống với nhau như bạn bè... Xin ông cứ gọi tôi là Marxim Marximich; mà này, mặc dù lệ bộ thế làm gì? Đến chỗ tôi anh cứ đội cát kết thôi cũng được”. Tôi cho người dẫn anh ta đến nơi ăn ở, và thế là anh ta ở lại pháo đài với chúng tôi.

- Nhưng anh ta tên là gì? - tôi hỏi Marxim Marximich.

- Tên là... Grigôri Alexăngdrôvich Pêtsôrin. Một cậu bé dễ thương, đúng vậy, nhưng hơi kỳ dị. Ví dụ, có lần chúng tôi đi săn, suốt ngày trời mưa và rét, ai nấy đều mệt lử và lạnh cóng, nhưng anh ta vẫn cứ nhớn như như không. Nhưng lần khác, ngồi trong phòng thoáng gió, anh ta lại phàn nàn là sợ cảm lạnh, và khi cánh cửa sổ bị gió thổi kêu lách cách thì anh ta lại rùng mình, người tái mét; tôi đã từng thấy anh ta vật lộn tay đôi với con lợn rừng; có khi hàng giờ anh ta không nói một câu nhưng khi anh ta nói thì ai nấy đều buồn cười đến nôn ruột... Phải, một người tính khí hết sức kỳ quặc, và chắc phải là một tay giàu có; anh ta mang theo bao nhiêu là đồ dùng tư trang quý giá!..

- Và anh ta sống với các ông có lâu không? - Tôi lại hỏi.

- Trọn một năm. Nhưng cái năm ấy đã làm cho tôi nhớ đời. Anh ta đã gây cho tôi không biết bao nhiêu chuyện rắc rối, nhưng thôi, ta hãy quên cái đoạn đó đi. Ở đời vẫn có những kẻ vừa mới lọt lòng trời đã định sẵn là trong đời anh ta sẽ gặp nhiều chuyện khác thường.

- Khác thường? - Tôi thốt lên với vẻ thích thú ra mặt, và rót thêm trà mời ông.

- Số là thế này, tôi xin kể ông nghe. Cách pháo đài chúng tôi sáu dặm là dinh thự của một quận vương. Ông ta có cậu con trai chừng mười lăm tuổi, thường ngày vẫn đến chỗ chúng tôi, khi thì vì việc này khi thì việc khác. Chúng tôi, Pêtsôrin và tôi, quả thật là đã làm hư thằng bé. Chà, hẳn là một tên bạt mạng, sáng dạ, sống cảnh nhàn cư, thích gì thì làm cho bằng được:

trên mình con ngựa đang phi nước đại nó có thể cúi xuống nhặt cái mũ nằm trên mặt đất, có thể bắn súng. Nhưng cậu ta có một cái tật xấu: hám tiền quá đỗi. Có lần Pêtsôrin nói đùa, hứa sẽ cho cậu ta một đồng tiền vàng nếu cậu ăn trộm được con dê tốt nhất đàn của ông bố; và ông có biết sao không? ngay tối hôm sau, cậu ta đã túm sừng con dê kéo thẳng tới pháo đài. Nhưng thường thì chúng tôi chỉ chòng ghẹo cậu ta thôi, vậy mà đôi mắt cu cậu đã đỏ ngầu lên và tức khắc để tay lên đốc dao. “Ê hê, Adamat! Cậu không giữ nổi cái đầu trên cổ đâu, - tôi nói với nó, - cái đầu của cậu nó sẽ khốn khổ đấy!”.

Một hôm ông quận vương già đã thân hành đến mời chúng tôi đi dự đám cưới: ông gả chồng cho cô con gái đầu lòng, mà chúng tôi với ông là chỗ kunac^[7*] với nhau, nên dù ông là người Tatar chúng tôi cũng không thể nào từ chối. Thế là chúng tôi đi. Trong bản nhiều chó, trông thấy chúng tôi cứ sủa vánh lên; còn phụ nữ trông thấy chúng tôi thì bỏ chạy trốn, những người mà chúng tôi có thể nom rõ mặt thì lại chả có gì là đẹp... Pêtsôrin nói với tôi: “Tôi có cảm tưởng phụ nữ Tserkex khá hơn nhiều”. Tôi cười, đáp: “Đừng nói vội”. Tôi có nhận xét riêng của tôi.

Trong nhà quận vương đã rất đông khách. Ông biết không, người Á đông có tục lệ là tất cả những ai có việc qua lại đó đều được mời vào dự tiệc cưới. Họ chào đón chúng tôi rất long trọng và mời lên gian đại sảnh. Tuy nhiên tôi vẫn không quên quan sát xem người ta buộc ngựa của chúng tôi ở chỗ nào, ông cũng biết là đề phòng khi bắt trặc.

- Nhưng họ tổ chức lễ cưới như thế nào? - Tôi hỏi ông thượng úy.

- À, cũng bình thường thôi. Vào đám, munla^[8*] đọc một đoạn kinh Koran, sau đó người ta tặng quà cho đôi bạn trẻ và tất cả những người thân của họ; ăn cỗ, uống buda, sau đó đến múa gươm trên mình ngựa, và ở đám nào cũng có một anh chàng ăn mặc rách rưới, bần thiêu ngồi trên mình một con nghêo xấu xí, khập khiễng, múa may làm trò mua vui cho đám khách khứa sang trọng; sau nữa, khi trời bắt đầu tối, trong gian đại sảnh cũng bắt đầu mở cuộc khiêu vũ, ấy là nói theo kiểu của chúng ta. Một ông già nghèo ngồi gảy bập bùng trên một cây đàn ba dây... tôi quên không biết họ gọi là

đàn gì... nom thì cũng giống như đàn balalaika của ta vậy. Con gái và con trai đứng thành hai hàng, ngoảnh mặt vào nhau, vừa vỗ tay vừa hát. Rồi một đôi nam nữ bước ra giữa nhà, dai giọng ngân nga đối đáp nhau những vần thơ ứng tác, mọi người tham dự đều đồng thanh xướng họa theo. Tôi và Pêtsôrin đều ngồi chiếu trên, và thế là cô con gái út của ông chủ, tuổi chừng mười sáu, tiến tới chỗ Pêtsôrin và hát một khúc ca chào mừng anh ta... biết nói thế nào nhỉ?.. Đại loại như một bài tụng ca vậy.

- Lời lẽ cô ta hát thế nào, ông còn nhớ không?

- Có, đại khái như thế này: “Các chàng đgighit của chúng ta, kể ra, tráng kiện, và áo Kaftan trên mình họ thêu bạc, nhưng chàng sĩ quan Nga lại trẻ trung tráng kiện hơn, và lon gù trên vai chàng nạm vàng. Ở giữa đám trai làng, chàng như cây phong, chỉ có điều cây phong ấy không lớn lên, không nở hoa trong vườn chúng ta”. Nghe xong, Pêtsôrin đứng dậy, cúi mình chào nàng, đặt tay lên trán và tim, và nhờ tôi đáp từ, chả là tôi thạo tiếng địa phương, và dịch lời đáp của anh.

Khi cô ta rời khỏi chỗ chúng tôi, tôi liền ghé tai nói nhỏ với Pêtsôrin: “Thế nào, khá không hả?” “Tuyệt! - anh ta trả lời. - Nhưng cô ta tên là gì nhỉ?” “Tên cô ta là Bela”, - tôi đáp.

Và quả thật cô nàng nom rất xinh, tầm vóc cao, mảnh dẻ, cặp mắt đen như con linh dương hướng về phía chúng tôi như nhìn thấu tận đáy lòng. Pêtsôrin dăm dăm nhìn cô không chớp mắt, và cô nàng thỉnh thoảng cũng đưa mắt liếc nhìn chàng. Có điều đâu phải chỉ một mình Pêtsôrin say ngắm cô tiểu thư xinh đẹp ấy.

Ở góc phòng, một cặp mắt khác mở trừng trừng như hai đốm lửa cũng đang nhìn cô. Tôi đứng dậy ngó xem người ấy là ai thì nhận ra đó là Kazbich, hẳn là loại người không ra tốt cũng không hẳn là xấu. Ở hẳn có nhiều điều đáng ngờ, nhưng hẳn chưa bao giờ bị tóm cổ vì một trò tai quái gì. Thi thoảng hẳn có đưa cừu đến chỗ chúng tôi ở pháo đài và bán với giá rẻ, có điều hẳn không bao giờ chịu mặc cả, nói bao nhiêu, bán bấy nhiêu dù gươm có kề cổ cũng mặc. Người ta đồn rằng hẳn hay giao du với bọn thổ phi ở bên kia Kuban, kể ra thì nom cái mặt hẳn cũng giống một thằng tướng

cướp thật: người nhỏ thó, khô đanh, vai rộng... nhưng nhanh nhẹn, tháo vát thì như quỷ sứ! Cái áo besmet bao giờ cũng rách tả tơi, vá vúi, nhưng vũ khí của hắn thì lại mạ bạc. Còn con ngựa của hắn thì nổi tiếng khắp vùng Kabarda. Quả thật không tìm đâu ra một con ngựa hay hơn. Không phải vô cớ mà tất cả đám kỵ mã đều thèm muốn và đã nhiều lần định đánh cắp của hắn nhưng không xong. Cho đến lúc này, con ngựa ấy tôi vẫn còn nhớ rõ như nó đang đứng trước mặt: đen như mun, chân nhỏ như sợi dây, mắt thì không khác gì mắt Bela; còn sức khỏe thì khỏi phải nói! Có thể phi năm mươi dặm liền, lại được huấn luyện khéo, chạy theo chủ như một con chó, thậm chí nó nhận ra cả giọng nói của chủ! Hắn không bao giờ phải buộc ngựa. Đúng là ngựa của tụi ăn cướp!...

Buổi tối hôm ấy, Kazbich nom có vẻ cau có hơn mọi ngày, và tôi để ý thấy chiếc áo giáp của hắn lộ ra dưới lớp áo besmet. “Hắn mặc áo giáp đâu phải vô cớ, - tôi nghĩ, - nhất định là hắn đang mưu tính cái trò quái gì đây”.

Trong nhà nóng bức đến nghẹt thở, tôi bèn ra ngoài cho thoáng. Màn đêm đã trùm lên khắp các ngọn núi, và sương mù bắt đầu nhõn nhờ trong các hẻm núi.

Tôi bỗng nảy ra ý định tạt vào lều nơi buộc ngựa của chúng tôi xem chúng có được ăn uống tử tế không, và lại cần tắc không bao giờ thừa: chẳng là tôi cũng có một con ngựa hay, đã từng làm cho nhiều chàng Kabardin xuýt xoa, ngấm nghĩa: “Iasi, tkhe, tsek iasi!”.^[9*]

Đang đi men theo hàng rào, tôi bỗng nghe có tiếng người nói chuyện; tôi nhận ra ngay một giọng nói quen: đó là cái thằng vô lại Adamat, con trai ông chủ nhà của chúng tôi; một người nữa nói ít và nói nhỏ hơn. Tôi nghĩ thầm: “Chúng nó bàn mưu tính kế gì mà phải lôi nhau ra đây nhỉ? Không chừng lại chuyện con ngựa của mình cũng nên!”. Thế là tôi ngồi thụp xuống bên cạnh hàng rào và vểnh tai lên nghe, cố không bỏ sót một lời. Đôi khi tiếng hát, tiếng ồn ào từ trong nhà vọng ra làm át mất từng đoạn cuộc đàm thoại rất đáng quan tâm này.

- Anh có con ngựa đẹp quá! - Adamat nói, - nếu tôi là chủ nhà này và có đàn gia súc ba trăm con thì tôi sẽ biếu anh một nửa để đổi lấy con ngựa của

anh, anh Kazbich ạ!

- “À, Kazbich!” - tôi nghĩ và sực nhớ đến tấm áo giáp.

- Đúng đấy! - Kazbich trả lời sau một lát im lặng, - toàn xứ Kabarda không tìm đâu ra một con ngựa như thế. Có lần ở phía bên kia Têrêch, tao cũng với bọn thổ phỉ đi cướp đàn gia súc của tụi Nga, lần ấy chúng tao không may, và bị rượt đuổi chạy tán loạn. Tao bị bốn thằng Kôđắc rượt theo. Tao đã nghe rõ tiếng la lối của bọn ngoại đạo ấy ở phía sau, mà trước mắt tao là rừng rậm. Tao nằm bẹp trên yên và phó mặc tính mệnh cho thánh Anla, và lần đầu trong đời tao đã phải quất cho con ngựa của tao một roi. Như một con chim, nó nhảy nhót giữa đám cành cây; gai góc cào nát quần áo tao, cành du khô quất vào mặt tao. Con ngựa nhảy vọt qua các gốc cây đã đổ, uốn ngược băng qua các bụi rậm. Có lẽ lúc ấy tốt hơn hết là bỏ mặc con ngựa ngoài mé rừng và đi bộ trốn vào trong rừng, nhưng tao không nỡ lòng nào rời bỏ nó và số phận đã đền bù công lao cho tao. Mấy viên đạn rít trên đầu tao, tao đã nghe rõ tiếng tụi Kôđắc đang hối hả đuổi theo... Bỗng trước mắt tao hiện ra một cái lạch sâu; con ngựa của tao do dự một giây, rồi nhảy phốc qua. Nhưng hai vó sau bị trượt ở mép bờ bên kia, và thế là nó treo mình trên hai vó trước, tao vớt dây cương đi và lao xuống lạch; con ngựa thế là thoát: nó chồm lên được khỏi bờ vực. Tụi Kôđắc thấy tất cả cảnh tượng đó nhưng không một đứa nào tụt xuống tìm tao: chắc hẳn chúng cho là tao đã va đầu vào đá mà chết, và tao nghe thấy chúng rượt theo con ngựa của tao. Lòng tao đau như cắt; tao bắt đầu trườn trên cỏ rậm dọc theo con lạch và đưa mắt nhìn: đã hết rừng, mấy thằng Kôđắc đang đi từ rừng ra đồng cỏ, và con Karaghết của tao cũng đang lao thẳng đến chỗ chúng; tất cả bọn chúng đuổi theo kêu la inh ỏi; chúng đuổi như thế rất lâu, lâu lắm, có một đôi lần một thằng trong bọn chúng suýt nữa thì ném được cái vòng thòng lọng vào cổ con vật: tao run bắn lên, mắt nhắm lại và bắt đầu cầu nguyện. Một lát sau tao mở mắt ra nhìn và thấy: con Karaghết của tao phi như bay, cái đuôi dương lên, phần phật bay trong gió. Xa xa, trên thảo nguyên, tụi ngoại đạo rơi rớt dần, ngựa của chúng đã kiệt sức. Lạy thánh Anla! đó là sự thật, sự thật chân chính! Tao ngồi mãi dưới lạch cho đến tận

khuya. Bỗng nhiên - mà y nghĩ sao, Adamat? Trong bóng tối mịt mù tảo nghe thấy tiếng chân ngựa chạy trên bờ lạch... thở phì phì, hí vang và gõ móng xuống đất; tao nhận ra tiếng con Karaghết của tao! Đúng nó, người bạn trung thành của tao!... Từ đấy chúng tao chưa bao giờ xa nhau.

Và tôi nghe thấy thằng chó ấy đưa tay vỗ nhẹ lên cái cổ mượt mà của con chiến mã, mồm gọi nó bằng đủ thứ tên êm ái.

- Nếu tôi có một đàn ngựa nghìn con, - Adamat nói, - tôi cũng sẽ đem tất cả ra để đổi lấy con Karaghết của anh.

- Iok^[10*], tao không muốn đổi, - Kazbich hờ hững đáp.

- Này, anh Kazbich ơi, - Adamat nói, giọng xun xoe, - anh là một người tốt, một chàng dgighít can đảm, còn cha tôi thì sợ tụi Nga và cấm tôi lên núi: anh cứ cho tôi con ngựa của anh và anh muốn gì tôi sẽ làm nấy, tôi sẽ lấy trộm của cha tôi cho anh khẩu súng tốt nhất hay thanh kiếm, có điều là anh thích cái gì, còn thanh kiếm của cha tôi thì đó là một báu vật: anh chỉ cần để lưỡi nó vào cánh tay là nó đã đâm vào thân anh. Còn như cái áo giáp của anh thì chả mùi mẽ gì đâu.

Kazbich im lặng.

- Lần đầu tiên tôi thấy con ngựa của anh, - Adamat nói tiếp. - Khi anh cưỡi nó quay vòng, tung vó dưới chân anh, hai cánh mũi nó phồng lên, và đá sỏi bay tung tóe dưới móng nó, trong tôi bỗng xảy ra một chuyện gì thật khó hiểu, và từ đó trở đi tôi có cảm giác chán ngấy tất cả: ngay cả những con tuấn mã hay nhất của cha tôi, tôi cũng thấy khinh, tôi thấy xấu hổ khi cưỡi trên lưng chúng, và một nỗi buồn đã xâm chiếm tâm can tôi, và khi buồn nhớ tôi ngồi liền mấy ngày trên ghềnh đá, từng giờ, từng phút tôi nghĩ tới con ngựa ô của anh, với dáng đi nhịp nhàng, với cái bờm mượt mà, thẳng tắp như mũi tên; cặp mắt linh lợi của nó nhìn vào mắt tôi như muốn nói nên lời. Anh Kazbich ơi, tôi chết mất nếu anh không bán nó cho tôi! - Adamat nói, giọng run run.

Tôi nghe thấy thằng bé khóc: nhưng cũng phải nói với ông rằng Adamat vốn là đứa trẻ cứng đầu, và thường ngày không có gì làm cho nó khóc được, ngay cả lúc nó còn ít tuổi hơn.

Đáp lại những giọt nước mắt của thằng bé, tôi nghe thấy tiếng gì đó giống như tiếng cười.

- Này! - Adamat nói giọng cứng cỏi, - việc khó mấy tôi cũng làm được tất. Anh muốn, tôi sẽ cướp chị gái tôi cho anh? Chị gái tôi nhảy đẹp và hát hay biết bao! Còn đồ chị tôi thêu kim tuyến thì thật là kỳ quan! Ngay đến ông hoàng Thổ Nhĩ Kỳ cũng không thể có một người vợ như thế... Anh bằng lòng chứ? Tối mai, anh sẽ đợi tôi trên đường trong hẻm núi, cạnh con suối: tôi sẽ đi qua đó với chị tôi để sang làng bên, và thế là chị tôi thuộc về anh. Chẳng lẽ Bela không đáng giá bằng con ngựa của anh sao?

Kazbich im lặng hồi lâu, rất lâu. Cuối cùng thay vì trả lời hẳn lại khẽ hát một bài ca cổ:

Làng bản ta có nhiều cô nàng đẹp
Sao sáng ngời trong đáy mắt các nàng.
Mê các nàng thật ngọt ngào, thật tuyệt!
Nhưng tự do ngang dọc vẫn thú hơn.
Vàng có thể mua được bốn cô vợ,
Có giá nào mua nổi con ngựa hay:
Ngựa không bỏ ta giữa thảo nguyên bão tố.
Không lừa dối ta, không phản bội một đời. [\[11*\]](#)

Mặc cho Adamat nài nỉ, rồi nịnh hót, khóc lóc và thề bồi, vô ích! cuối cùng Kazbich nổi cáu:

- Cút, thằng nhãi điên rồ! Mã mày mà cười được ngựa của tao ư? Chỉ ba bước là nó hất mày xuống đất, ngã vỡ sọ.

- Tao ấy ư? - Adamat thét lên tức tối và có tiếng kim khí của lưỡi kiếm non nớt chạm vào áo giáp. Một bàn tay rắn chắc hất văng chú bé ra, và chú ngã chúi vào hàng rào, mạnh đến nỗi làm cho hàng rào rung rinh. “Tấn trò chém giết bắt đầu! - Tôi nghĩ, rồi tức khắc chạy ngay vào tàu ngựa, thẳng yên cương cho mấy con ngựa của chúng tôi và dắt chúng ra sân sau. Chỉ hai phút sau là cửa nhà huyền ảo, rồi tung rồi mù. Chuyện là như thế này: Adamat chạy vào, quần áo rách bươm, hô lên rằng Kazbich định giết nó.

Thế là cả nhà chồm dậy, ai nấy đều vớ lấy vũ khí, và cuộc ẩu đả bắt đầu. Đâu đâu cũng chỉ nghe thấy tiếng kêu, tiếng gào, rồi tiếng súng nổ đì đẹt; có điều là Kazbich cũng đã nhảy lên mình ngựa, và tựa như con quý sống, hấn vung kiếm len lỏi giữa đám đông trên đường làng.

- Quýt làm cam chịu, chả hay ho gì đâu, - tôi kéo tay Pêtsôrin và nói. - Ta chuồn sớm chả tốt hơn sao?

- Nhưng nán lại tí xem chuyện kết thúc thế nào đã?

- Đợi gì nữa, chắc chắn là tai hại rồi; đối với dân châu Á thì bao giờ chả thế: nốc buda bí tí rồi chém giết lẫn nhau! - chúng tôi lên ngựa và phi về pháo đài.

- Còn Kazbich thì sao? - Tôi sốt ruột hỏi ông thượng úy.

- Những hạng người như thế thì ai làm gì được chúng! - ông đáp và uống cạn chén trà. - Vì hấn đã biến mất rồi!

- Và không hề bị thương tích gì ư? - tôi hỏi.

- Có trời biết được hấn! Ngựa ấy thì chúng sống dai lắm. Trong đời tôi đã từng thấy nhiều kẻ như thế, ví như có thằng toàn thân đã bị lê đâm nát như mặt sàng mà tay hấn vẫn cứ vung kiếm. - Sau một phút im lặng, ông thượng úy giậm chân xuống đất một cái rồi nói tiếp:

- Nhưng có một điều làm tôi ân hận mãi: về đến pháo đài không biết ma quỷ gì xúi giục tôi lại đem kể hết câu chuyện đã nghe lỏm được sau hàng rào, với Pêtsôrin. Anh ta cười khì khì, - cái thằng ranh mãnh đến thế là cùng, - nhưng trong đầu thì hấn đã toan tính gì rồi đó...

- Nhưng đó là chuyện gì, xin ông kể tiếp đi!

- Chà, biết làm thế nào được! Đã khơi ra thì phải nói tiếp thôi!

Bốn hôm sau Adamat tới pháo đài. Theo thói quen nó vào phòng Pêtsôrin vì anh ta lần nào cũng đãi nó bánh kẹo. Tôi cũng đang có mặt ở đó. Câu chuyện bàn đến ngựa và Pêtsôrin khen không tiếc lời con ngựa của Kazbich, nào là nhanh và đẹp như linh dương, chà, cứ theo lời anh ta thì trên đời này đó là con ngựa độc nhất vô nhị.

Đôi mắt thẳng bé Tatar sáng quắc lên còn Pêtsôrin thì tuồng như không để ý tới; tôi nói lảng sang chuyện khác, nhưng như ông thấy đấy anh ta lại kéo câu chuyện trở về con ngựa của Kazbich, và rồi lần nào Adamat tới cũng thế. Ba tuần sau, tôi bắt đầu để ý thấy thẳng bé trở nên xanh xao và héo hắt như kẻ thất tình trong các thiên tiểu thuyết. Chuyện gì mà lạ thế nhỉ?...

Như ông thấy đấy, mãi sau này tôi mới vỡ lẽ Pêtsôrin đã kích thích thẳng bé đến nỗi cu cậu sẵn sàng nhảy vào lửa. Một hôm anh ta bảo thẳng bé:

- Đây, Adamat, ta biết chú mày say con ngựa kia lắm nhưng chú không bao giờ có được đâu; như người ta không bao giờ nhìn thấy gáy mình vậy! Mà này chú thử nói xem, nếu có ai đem cho chú con ngựa ấy, thì chú sẽ cho người ta cái gì nào?

- Cho tất, muốn gì được nấy, - Adamat trả lời.

- Vậy thì ta sẽ làm cho chú có con ngựa, nhưng với điều kiện... Chú phải thề là chú sẽ làm cơ...

- Tôi xin thề... cả anh cũng thề đi!

- Được! Ta thề là chú sẽ chiếm hữu được con ngựa, nhưng bù lại chú phải trao cho ta chị Bela của chú: con Karaghết sẽ là món đồ dẫn cưới chị chú. Tôi hy vọng giá ấy có lợi cho chú.

Adamat im lặng.

- Chú không muốn ư? Được, tùy thôi! Ta tưởng chú là người lớn, té ra chú vẫn là thẳng nhóc con: tuổi chú cưới ngựa là hơi sớm quá đấy...

Adamat đỏ mặt tía tai.

- Nhưng còn cha tôi? - nó nói.

- Chẳng lẽ ông ấy không bao giờ đi vắng sao?

- Đúng thế.

- Đồng ý chứ?

- Đồng ý, - Adamat nói lí nhí, mặt tái nhợt như xác chết. - Vậy thì bao giờ nào?

- Ngay khi Kazbich tới đây lần đầu tiên, hắn đã hứa là sẽ lừa mười con cừu tới bản; còn sao nữa thì đó là việc của ta. Hãy coi chừng, Adamat!

Đấy, chúng đã thu xếp công việc với nhau như thế đó... nói thật ra thì đó là một việc nhơ nhuốc! Sau đó tôi có nói với Pêtsôrin như thế, nhưng anh ta chỉ trả lời rằng con bé Tserkex mọi rợ kia ắt phải lấy làm sung sướng có được người chồng đẹp trai như anh ta bởi vì theo tục lệ của họ thì dù sao anh ta cũng vẫn là chồng của cô bé, còn Kazbich là cái gì, một tên cướp cần trừng trị. Ông cứ tự phán xét xem liệu tôi còn biết trả lời hắn ra sao để ngăn cản cái việc tồi tệ ấy?.. Nhưng lúc ấy tôi đâu có biết gì về mưu kế của chúng. Thế rồi một hôm Kazbich tới và hỏi xem chúng tôi có cần mua cừu và mật không; tôi liền bảo hắn để hôm khác hãy đem đến.

- Adamat! - Pêtsôrin nói, - ngày mai con Karaghết sẽ vào tay ta; nếu tối nay Bela không có mặt tại đây, thì chú đừng hòng thấy mặt con ngựa...

- Được! - Adamat nói và phi nước đại về bản.

Chiều tối, Pêtsôrin trang bị cẩn thận và đi ra ngoài pháo đài. Chúng đã làm việc đó như thế nào, tôi đâu có hay, chỉ biết là đêm đến cả hai đứa cùng quay về và người lính gác đã nhìn thấy một phụ nữ, tay chân bị trói, đầu trùm khăn kín mít, nằm ngang trên yên ngựa Adamat.

- Còn con ngựa? - Tôi hỏi ông thượng úy.

- Gượm đã, có ngay. Sáng hôm sau, sớm tinh mơ, Kazbich tới, và lừa tới một chục con cừu để bán! Sau khi buộc ngựa vào hàng giậu, hắn ta đến gặp tôi; tôi mời hắn uống trà vì tuy là một tên trộm cướp, nhưng dù sao hắn vẫn là kunac của tôi.

Chúng tôi tán gẫu đủ thứ chuyện: bỗng nhiên tôi thấy hắn rùng mình, mặt biến sắc và hắn chồm ra cửa sổ, nhưng khốn thay cửa sổ lại trở ra sân sau.

- Anh làm sao thế? - Tôi hỏi.

- Ngựa của tôi!.. Con ngựa! - Hắn nói, toàn thân run bần bật.

Thật vậy, tôi có nghe thấy tiếng vó ngựa: “Chắc là có người Kôđắc nào vừa tới...”

- Không, không phải! Urux iaman, iaman! (Người Nga không tốt, không tốt!) - hăn hét lên, và nhanh như con báo, nhảy bổ ra ngoài. Chỉ hai bước hăn đã nhảy ra đến sân; đến cổng pháo đài, người lính gác giơ súng ra chặn hăn lại; hăn đã nhảy qua khẩu súng và lao đầu chạy miết trên đường cái... Xa xa có đám bụi - Adamat đang phi trên mình con Karaghết hung hăng; vừa chạy Kazbich vừa rút súng ra khỏi bao và ngắm bắn. Hăn đứng ngậy ra trong chốc lát để xem, nhưng khi thấy đã bắn trượt, hăn kêu lên một tiếng, đập súng vào tảng đá, đập cho đến lúc gãy nát khẩu súng rồi nằm lăn ra đất khóc như một đứa trẻ... Thế là người trong pháo đài chạy ùa ra và đứng vây quanh hăn, nhưng hăn không nhận ra ai, người ta đứng xem, bàn tán rồi bỏ ra về. Tôi bảo người mang tiền mua cừu ra đặt cạnh, hăn không hề động tới, cứ nằm úp mặt xuống đất như cái xác chết. Liệu ông có tin được không: hăn cứ nằm như thế cho tới đêm và cho đến sáng. Rồi sáng hôm sau hăn mới quay vào pháo đài và hỏi ai là người đã đánh cắp ngựa của hăn. Người lính gác có chứng kiến Adamat cởi dây buộc ngựa và phi đi mất nên đã nói toạc ra vì thấy không cần phải giấu làm gì. Nghe đến tên Adamat, mắt Kazbich long lên sòng sọc và hăn đi về phía làng, nơi có ông bố Adamat đang ở.

- Thế ông bố có sao không?

- Sự thế là Kazbich không gặp ông ở nhà: ông đi đâu vắng sáu hôm; nếu không thì Adamat làm sao cuồn được cô chị?

Về tới nhà ông bố không thấy tăm hơi cả cô con gái lẫn cậu con trai. Thằng ma lạnh thế đấy: nó biết khó sống nổi với ông bố, nếu gặp ông. Thế là nó chuồn thẳng mất tăm từ đấy, chắc chắn là nó đã đi theo tụi thổ phỉ, và chắc đã lìa bỏ cái đầu nổi loạn ở một nơi nào phía bên kia Têrếch hay vùng Kuban. Thật đáng đời nó!

Thú thật là cái phần trách phạt của tôi cũng khá gay go. Vừa hay tin cô gái Tserkex đang pử chỗ Pêtsôrin, tôi liền đóng lon, đeo kiếm và đi tới chỗ anh ta ở.

Anh ta nằm duỗi dài trên giường, trong căn phòng thứ nhất, một tay kê dưới gáy, một tay cầm chiếc tẩu tắp ngấm; cánh cửa sang phòng thứ hai

khóa chặt, không thấy chìa trong ổ. Tôi hiểu ra ngay tất cả... Tôi liền hăng giọng và nện gót giày trên bậu cửa, nhưng anh ta vờ như không nghe thấy.

- Ông thiếu úy! - tôi nói, cố nghiêm giọng, - chẳng lẽ ông không thấy là tôi đến tìm ông sao?

- À Xin chào bác Marxim Marximich! Bác làm một điều nhé? - anh ta trả lời, nhưng vẫn nằm yên.

- Xin lỗi ông! Tôi không phải là Marxim Marximichz, tôi là thượng úy của ông!

- Thì cũng thế cả chứ sao! Bác uống chén trà vậy nhé? Chà, nếu bác biết tôi lo lắng đến mức nào!

- Tôi biết hết rồi! - tôi trả lời, và bước tới gần giường anh ta.

- Thế thì càng hay, hiện tôi cũng đang không hứng nói chuyện.

- Ông thiếu úy, ông đã làm một việc mà cả tôi cũng phải chịu trách nhiệm...

- Thôi! Đủ quá rồi! Chuyện gì mà ghê gớm thế? Bấy lâu nay chúng ta đã chả cùng nhau chia sẻ tất cả rồi đó sao.

- Chuyện đùa đấy hẳn?! Kiếm của ông đâu, đưa đây!

- Mitka, đưa kiếm ra đây!

Mitka xách kiếm đến. Khi đã làm xong bốn phận, tôi ngồi xuống thành giường anh ta và nói:

- Này, Pêtsôrin, phải thừa nhận đó là một việc xấu xa.

- Cái gì xấu xa?

- Còn việc gì nữa, việc anh đã cuỗm cô Bela... Chính cái thằng khốn nạn Adamat đã nói với tôi!... Thôi, nhận đi! - tôi bảo anh ta.

- Nhưng tôi thích cô ta thì sao?

Nào, ông bảo tôi phải đối đáp thế nào câu ấy?... Tôi lâm vào thế bí. Thế nhưng sau một hồi im lặng tôi bảo anh ta rằng nếu ông bố đòi thì phải trả cô ta về.

- Không cần thế đâu.

- Nhưng rồi ông ta cũng sẽ biết là cô bé đang ở đây!

- Nhưng ông ta làm sao biết được?

Lại một lần nữa, tôi lâm vào thế bí.

- Nay, bác Marxim Marximich ơi! - Pêtsôrin nhồm người lên nói, - vì bác là một người phúc hậu; nhưng nếu chúng ta trả lại cô gái cho cái lão mọi rợ kia, ắt lão sẽ giết cô bé hoặc đem đi bán. Việc đã làm, không nên vì tùy thích mà làm cho rắc rối thêm; bác cứ để cô ấy ở với tôi, còn kiếm của tôi thì bác cứ giữ lấy.

- Nhưng cũng phải cho tôi xem mặt cô ta một tí chứ, - tôi nói.

- Cô ta hiện đang ở sau cái cánh cửa này, có điều là chính tôi cũng đang muốn xem mặt cô ta mà chưa được: cô ngồi trong góc, đầu trùm khăn kín, không nói và cũng không nhìn ai, nom sợ sệt như con linh dương. Tôi đã thuê bà chủ quán ăn của chúng ta, biết tiếng Tatar, bà ấy sẽ chăm sóc và khuyên nhủ cô bé để cô hiểu rằng cô ấy là của tôi, vì ngoài tôi ra cô ấy sẽ không thể thuộc ai khác, - anh ta nói thêm và đấm tay xuống bàn. Tôi chấp nhận tất... Ông bảo còn biết làm thế nào khác được! Ở đời có những người mà với họ ta chỉ có mỗi cách là chấp thuận.

- Nhưng rồi sao nữa? - tôi hỏi Marxim Marximich, - anh ta có thu phục được cô bé không hay cô ta chỉ chết mòn trong cảnh giam cầm, vì nhớ quê?

- Xin ông bỏ quá, chứ cứ sao lại nhớ quê? Từ trong pháo đài chúng tôi, có thể nhìn thấy cũng chính những ngọn núi ấy như đứng ngay trong bàn vậy, mà với dân mọi rợ ấy thì họ chả cần cái quái gì hơn. Rồi hàng ngày Pêtsôrin lại đem tặng cô một món quà; mấy ngày đầu cô ta im lặng hãnh diện chối từ và như vậy thì những món quà đó lại rơi vào tay người hầu, khiến bà ta dè miệng hơn. Chao ôi, quà cáp! có gì mà người phụ nữ không làm vì một miếng giẻ rách bằng vải màu! Nhưng thôi tôi lại nói trịch đường rồi... Pêtsôrin chật vật mãi với cô ta và trong khoảng thời gian này anh học tiếng Tatar và cô bé cũng bắt đầu hiểu được tiếng Nga. Dần dà cô ta cũng quen nhìn anh chàng, lúc đầu còn nhìn trộm, liếc ngang; nhưng vẫn buồn rười rượi và khe khẽ hát những khúc ca riêng của mình, và giọng cô buồn đến nỗi mỗi khi nghe cô hát ở phòng bên bản thân tôi đôi lúc cũng thấy buồn. Một cảnh tượng khiến tôi không tài nào quên: khi đi ngang qua

cửa sổ, tôi có ngó vào trong phòng; Bela đang ngồi trên giường đầu cúi xuống sát ngực, còn Pêtsôrin thì đứng trước mặt cô.

- Hãy nghe anh hồi thiên thần gãy cánh, - anh ta nói, - chính em cũng biết, sớm muộn gì em cũng là của anh, vậy thì tại sao em cứ làm khổ anh mãi? chẳng lẽ em đã yêu một cậu Tserkex nào rồi? Nếu đúng như thế thì anh sẽ để em về ngay tức khắc - Cô bé khẽ rùng mình và lắc đầu. Hay - anh ta nói tiếp, - em thấy anh chỉ là một thằng khả ố? - Cô ta thở dài. - Hay tôn giáo của em cấm em không được yêu anh? - Cô bé tái xanh và vẫn im lặng. - Hãy tin anh?! Đức Anla là chung cho mọi bộ lạc và nếu Ngài cho phép anh yêu em, thì lẽ nào Ngài lại cấm em đáp lại tình anh? - cô bé nhìn thẳng vào mặt anh ta chăm chú, tuồng như bị xúc động vì cái ý nghĩ mới mẻ này; trong đôi mắt cô ánh lên nỗi ngờ vực và lòng mong ước xác tín. Ôi đôi mắt! Nó rục lên như hai cục than hồng! - Hãy nghe đây, Bela yêu quý và nhân từ! - Pêtsôrin nói tiếp, - em đã biết anh yêu em đến mức nào rồi; anh sẵn sàng hy sinh tất cả để thấy em vui: anh muốn em được sung sướng nhưng nếu em lại buồn thì anh đến chết mất. Hứa với anh là em sẽ vui?

Cô nghĩ ngợi, đôi mắt đen láy vẫn chăm chú nhìn Pêtsôrin, sau đó cô mỉm cười âu yếm và gật đầu tỏ lòng chấp thuận. Anh nắm lấy tay cô và bắt đầu dụ dỗ để cô hôn anh; cô từ chối một cách yếu ớt và chỉ nhắc đi nhắc lại: “Kìa anh, đừng, đừng làm thế”. Anh ta cố nài nỉ, người cô run lên và khóc:

- Em là tù nhân của anh, - cô nói, - là nô lệ của anh; tất nhiên, anh muốn bắt thế nào em chả phải chịu, - rồi nước mắt cô lại trào ra.

Pêtsôrin đấm tay lên trán và lao qua phòng bên. Tôi bước vào, anh ta đang khoanh tay trước ngực, mặt sa sầm, đi đi lại lại ở trong phòng.

- Sao thế, anh bạn? - Tôi hỏi.

- Một con quý chứ đâu phải đàn bà, - anh đáp, - có điều tôi xin hứa với bác, một lời hứa danh dự, nó sẽ là của tôi...

Tôi lắc đầu.

- Bác có dám cuộc không? - anh ta nói, - một tuần!

- Thì cuộc!

Chúng tôi vỗ đét vào tay nhau và chia tay.

Ngay hôm sau, Pêtsôrin vội vã cho người chạy thư đến Kizliar để mua đủ các thứ quà, họ chở về đủ các loại vải Ba Tư, nhiều đến nỗi không đếm xuể.

- Bác nghĩ thế nào, bác Marxim Marximich! - anh ta nói với tôi, tay chỉ đồng tặng phẩm, - liệu mỹ nhân châu Á ấy có trụ nổi trước cái khẩu đội như thế này không?

- Anh chưa biết đám phụ nữ Tserkex đấy thôi - tôi trả lời, - họ không giống như phụ nữ Gruzii hay phụ nữ Tatar Ngoại Kapka đâu, không giống mấy may! Họ có quy tắc riêng, kiểu giáo dục riêng! - Pêtsôrin mỉm cười và miệng huýt sáo một khúc quân hành.

Nhưng rốt cuộc thì tôi đã nói đúng quà cáp chỉ có tác dụng một phần nào; cô bé tỏ ra dịu dàng và tin cậy hơn - nhưng cũng chỉ thế thôi; điều đó khiến anh chàng phải dùng tới phương pháp cuối cùng. Một buổi sáng anh ta cho đóng ngựa, ăn mặc như người Tserkex, mang vũ khí và đến gặp cô: “Bela! - anh nói, - em biết là anh yêu em đến mức nào. Anh đã dám bắt cóc em vì anh nghĩ, một khi em biết rõ anh, em sẽ yêu anh; nhưng anh nhầm: Xin vĩnh biệt! em ở lại mà cai quản tất cả những gì anh có; em có thể trở về với bố nếu em muốn - em tự do. Anh có tội với em và anh phải tự trừng phạt mình; vĩnh biệt em, anh đi đây - đi đâu? Anh nào biết! Anh ra đi tìm một mũi tên hay nhát kiếm, may ra thì cũng nhanh thôi; lúc đó, em hãy nhớ tới anh và tha thứ cho anh”. Anh quay người và giơ tay ra cho cô để từ biệt. Cô không cầm tay anh và vẫn im lặng. Lúc đó tôi đứng sau cửa, qua khe hở, tôi có thể trông thấy rõ mặt cô: thật tội nghiệp - khuôn mặt xinh xắn ấy phủ một màu xanh bợt như xác chết! Không thấy trả lời, Pêtsôrin liền bước mấy bước ra phía cửa; anh ta run lên, - và điều này không biết có nên nói với ông không? - tôi nghĩ anh ta có thể biến những điều vừa nói đùa thành thật. Tính anh ta như thế mà, có trời biết! Nhưng anh chàng vừa chạm tay vào cánh cửa thì cô nàng liền nhảy chồm tới, khóc nức nở và ôm lấy cổ anh. Liệu ông có tin được không? đứng sau cửa tôi cũng khóc, tức là đâu có đáng khóc, nhưng sự thế là thế, ông cũng thấy - rõ là một trò ngu xuẩn!..

Thượng úy lại ngừng lời.

- Phải, xin thú thực, - sau đó ông nói, tay vôn vê bộ ria mép, - tôi cảm thấy đau lòng vì trong đời tôi chưa hề được một người đàn bà nào yêu tha thiết đến thế.

- Nhưng hạnh phúc của họ có bền lâu không? - tôi hỏi.

- Có! Cô bé đã thú với chúng tôi rằng, ngay từ lần đầu trông thấy Pêtsôrin cô đã thường mơ thấy anh và trong đời cô chưa một người đàn ông nào có thể gây cho cô ấn tượng sâu sắc đến thế. Vâng, quả là họ đã sống hạnh phúc!

- Thế thì chán chết! - Tôi buột miệng thốt lên. Thực ra thì tôi đang chờ đợi một kết cục bi thảm cơ, ấy vậy mà bỗng chốc mọi hy vọng của tôi lại bị mắc lừa một cách thật bất ngờ!... - Nhưng lẽ nào, - tôi nói thế, - ông bố lại không đoán ra là cô gái đang ở chỗ các ông trong pháo đài?

- Tức là ông ta cũng có ngờ ngờ, hình như thế. Vài hôm sau, chúng tôi được tin ông già bị ám sát. Chuyện xảy ra như thế này...

Hứng thú của tôi lại bùng lên.

- Phải nói với ông là Kazbich tưởng rằng Adamat đã ăn cướp ngựa của hắn ít ra thì cũng được ông bố đồng ý, ấy là tôi phỏng đoán như vậy. Thế rồi một hôm hắn đợi trên đường cái, cách bản ba dặm: ông già quay về bản sau khi không tìm thấy con gái. Lính hầu đi thụt lại phía sau, - lúc ấy trời chập choạng tối, - ông dăm chiêu cho ngựa đi từng bước một, thỉnh thoảng trong bụi Kazbich nhảy bổ ra như một con mèo, và chồm lên mông con ngựa của ông, bằng một nhát dao hắt ông ngã nhào xuống đất, cướp lấy dây cương, và thế là xong. Vài anh lính hầu đứng trên mỏm đất cao trông thấy tất cả cảnh tượng ấy; họ vội rượt theo nhưng không kịp.

- Hắn bù lại con ngựa đã mất và báo thù, - tôi nói, để gợi ý người kể chuyện.

- Tất nhiên, theo quan điểm của họ, - thượng úy nói, - thì hắn đã làm đúng.

Bất giác tôi thấy kinh ngạc trước khả năng của người Nga để thích nghi với phong tục của các dân tộc mà họ có dịp sống chung, tôi không biết đặc

tính ấy của trí tuệ là đáng chê hay đáng khen, nhưng nó chứng tỏ cái trí tuệ ấy cực kỳ mềm dẻo, và khối óc ấy sáng suốt biết tha thứ điều ác ở những nơi phải có, hay không thể tiêu diệt được nó.

Trong khoảng thời gian ấy chúng tôi đã uống cạn trà; ngựa đóng vào xe đã lâu đang đứng run trong tuyết. Trăng nhạt dần ở phương Tây và sẵn sàng chìm vào những đám mây đen lơ lửng trên các đỉnh núi xa, nom giống như những mảnh rèm rách tả tơi. Chúng tôi ra khỏi nhà. Trái với lời dự đoán của ông bạn đường, trời trở nên quang đãng và báo trước một buổi sáng thanh bình. Phía chân trời xa các vì sao đang múa vòng, bện vào nhau thành những hình hoa văn kỳ ảo; nhưng rồi từng ngôi đang tắt dần vì ánh lê mình nhàn nhạt từ phương Đông đang lan rộng trên vòm trời tím sẫm và hắt ánh hồng lên những sườn núi phủ tuyết trắng trinh tiết, núi mỗi lúc một thêm dốc. Hai bên đường là những vực thẳm tối tăm, bí hiểm, và sương mù cuộn cuộn, uốn mình như bày răn trườn xuống vực theo các nếp nhăn của các vách đá lân cận tuồng như chúng cảm thấy sợ ánh ngày đang tới.

Trên trời, dưới đất, khắp nơi đều an bình như lòng người vào giờ cầu kinh buổi sáng, chỉ thỉnh thoảng mới thấy một cơn gió lạnh từ phía đông thổi tới, làm tung bồm lũ ngựa còn ướt đẫm hơi sương. Chúng tôi lên đường; năm con nghẻo gầy giờ xương, ì ạch kéo những chiếc xe của chúng tôi trên con đường ngoằn ngoèo đi lên núi Gút. Chúng tôi đi bộ theo sau, lấy đá chặn bánh xe mỗi khi ngựa kiệt lực phải dừng lại; có cảm tưởng là con đường đi lên trời, vì theo tầm mắt, người ta thấy nó đi lên, lên mãi để cuối cùng mất hút vào đám mây đã nghỉ chân trên đỉnh núi Gút từ chiều hôm qua nom giống như một con diều hâu đang rình mồi; tuyết kêo lạo xạo dưới chân, không khí trở nên loãng đến khó thở, máu bốc lên đầu mỗi lúc một nhiều, thế nhưng một cảm giác khoan khoái lạ kỳ cứ lan tỏa khắp mọi vi ti huyết quản tôi và tôi thấy có gì vui vui như vậy là mình cao hơn nhân thế, - một cảm giác trẻ thơ: đúng thế, nhưng khi người ta xa rời những quy ước xã hội và tiếp cận với thiên nhiên, bất giác chúng ta trở thành con trẻ, hồn ta rũ sạch những ý niệm đã có và lại trở thành nguyên sơ như thuở nào, để một lúc nào đó chắc chắn lại sẽ trở về như cũ... Những ai đã có dịp đi du

ngoạn trên những ngọn núi hoang vắng như tôi lúc này, đã từng say ngắm những hình ảnh kỳ dị của chúng và say sưa hít thở bầu không khí trong lành tràn đầy trong các khe núi, tất nhiên người đó sẽ hiểu được lòng mong muốn của tôi là truyền đạt, diễn tả và minh họa lại những bức tranh thần tiên này. Thế rồi rút cục chúng tôi cũng tới đỉnh núi Gút, dừng chân và đưa mắt nhìn quanh: treo lơ lửng trên đỉnh núi là một đám mây xám, và hơi thở lạnh của nó báo hiệu một cơn đông đang đến gần, nhưng ở phía đông trời vẫn sáng sủa và vàng óng làm cho chúng tôi, tức là tôi và ông thượng úy, quên hẳn đám mây đen kia... Vâng, cả ông thượng úy nữa: trong tâm hồn những người bình dị cảm giác về cái đẹp và sự hùng vĩ của tạo hóa mạnh mẽ và sống động hơn gấp trăm lần chúng ta, những người chỉ thích diễn tả bằng lời và bằng giấy.

- Ông, tôi thiết tưởng, đã quá quen với những cảnh sắc huy hoàng này? - tôi hỏi ông.

- Vâng, đúng thế, và có thể còn quen với cả tiếng đạn rít, tức là quen giấu đi tiếng đập vô tình của con tim.

- Nhưng tôi lại nghe nói khác cơ, rằng đối với một số quân nhân già, điệu nhạc ấy nghe cũng có cái thú của nó.

- Cố nhiên, nếu ông muốn thì thấy nó cũng dễ chịu thật, nhưng dầu sao cũng chỉ tại vì rằng trái tim đập mạnh hơn! Ông nhìn kìa! - Ông nói thêm, tay chỉ về phương Đông - miền đất kia sao mà đẹp thế!

Và đúng thế, đời tôi vị tất còn có dịp nào được ngắm một cảnh sắc đẹp như thế một lần nữa không: phía dưới chúng tôi là thung lũng Kôisau có con sông Aragva và một con, suối khác cắt ngang như hai sợi chỉ bạc; sương mù xanh nhạt lướt trôi trong thung, lẫn vào những hốc núi lân cận để tránh tia nắng ấm ban mai, hai bên là những sống núi, cái nọ cao hơn cái kia, đan chen vào nhau và nằm duỗi dài dưới lớp tuyết và cây cối. Xa xa, cũng vẫn là những ngọn núi ấy nhưng lại có hai vách đá giống nhau, - và tất cả những đám tuyết kia đều tỏa ra một thứ ánh hồng, tươi vui và trong sáng đến nỗi tưởng như ta có thể sống ở đó suốt đời. Mặt trời vừa mới ló dạng sau dãy núi xanh sẫm mà chỉ có con mắt tinh tường mới phân biệt nổi

nó với làn mây đen của cơn dông. Nhưng phía trên mặt trời là một đường rạch màu đỏ máu mà ông bạn đường của tôi rất quan tâm. “Tôi đã nói với ông rồi mà - ông thốt lên, - hôm nay trời sẽ xấu; phải nhanh lên nếu không, có lẽ, ta sẽ gặp mưa trên đỉnh Cây thập tự. Thôi lên đường!” - ông ta ra lệnh cho mấy người đánh xe.

Người ta quàng vào bánh xe những sợi dây xích sắt thay cho phanh, để chúng khỏi lăn quá đà, rồi nắm lấy dây cương và bắt đầu xuống núi. Bên phải là vách đá dựng đứng và bên trái là vực sâu thăm thẳm đến nỗi cả cái làng của người Ôxetin nằm dưới đáy vực mà trông cũng chỉ như cái tổ én. Tôi rùng mình khi nghĩ đến người đưa thư nào đó thường qua lại đây, mỗi năm khoảng mười lần, ngồi trên chiếc xe lắc lư, đi trong đêm tối mịt mù trên con đường chật không đủ cho hai chiếc xe tránh nhau này. Một trong hai anh đánh xe của chúng tôi là người Nga, nông dân vùng Iarôzlap, người thứ hai là dân Ôxetin: Người thứ hai hết sức cẩn thận, nắm cương dắt con ngựa giữa, sau khi đã tháo ách cho những con ngựa bên, - còn anh chàng người Nga bất cần đời của chúng ta thậm chí không thèm xuống khỏi xe. Khi tôi nhắc anh ta là ít ra thì cũng nên để ý đến cái va ly của tôi vì tôi không muốn tụt xuống đáy vực để nhặt lại thì anh ta đã trả lời tôi: “Nhưng thưa ông, nhờ trời rồi chúng ta cũng sẽ tới nơi, không thua kém gì họ: bởi vì chúng tôi đi đây đâu phải lần đầu!”. Và anh ta nói có lý: chúng tôi quả thật đã tưởng là sẽ không đi tới nơi, thế nhưng rồi vẫn cứ tới được, và nếu mỗi người đều nghĩ kỹ thêm chút nữa thì hẳn họ đã khẳng định được rằng cuộc đời không đáng để ta bận tâm nhiều đến thế.

Nhưng các bạn có lẽ muốn biết đoạn cuối của câu chuyện về Bela? Trước hết, tôi không viết truyện mà viết bút ký, do đó, tôi không thể bắt ông thượng úy phải kể trước, mà thực ra thì ông cũng đã bắt đầu kể rồi. Vậy mong bạn hãy đợi một chút hay, nếu muốn thì bạn hãy bỏ qua mấy trang, nhưng tôi khuyên bạn đừng làm điều đó, bởi vì đoạn đường vượt qua núi Cây thập tự^[12*] (hay là le Mont St-Christophe^[13*] như nhà bác học Gamba vẫn gọi) cũng đáng để các bạn quan tâm lắm. Thế là, chúng tôi từ núi Gút tụt xuống thung lũng Quý^[14*]... Cái tên này nghe cũng khá là lãng

mạn! các bạn sẽ thấy cái hang ỗ của vị hung thần này giữa những vách đá dựng đứng không thể vượt qua, nhưng không phải thế đâu! Chữ Tsertôva là do chữ tserta (đường biên) - chứ không phải chữ tsort (con quỷ), - bởi vì ở đây trước là biên giới xứ Gruz. Thung lũng này ngồn ngang những ụ tuyết và khá giống Xaratốp, Tambốp và nhiều nơi thân thương khác của tổ quốc ta.

- Đỉnh cây thập tự kia rồi! - thượng úy nói với tôi khi chúng tôi tới thung lũng Quý, tay chỉ một quả đồi chìm trong màn tuyết trên đỉnh núi đã thấy thấp thoáng cái bóng dáng đen đen của cây thập tự bằng đá; một con đường nom không rõ lắm đi men qua cây thập tự; con đường này chỉ dùng khi tuyết rơi ngập con đường bên. Những người đánh xe nói rằng tuyết vẫn chưa sập, và để ngựa đỡ mệt, họ dẫn chúng tôi đi bằng con đường vòng; đến chỗ ngoặt chúng tôi gặp năm người Ôxetin. Họ đề nghị cho họ được giúp chúng tôi một tay, và búi ngay lấy bánh xe; họ vừa hò vừa kéo và đẩy xe chúng tôi lên. Quả thật, đường đi hiểm trở lắm. Phía phải là những đụn tuyết treo lơ lửng trên đầu chúng tôi, tưởng chừng chỉ cần một cơn gió nhẹ là sẽ sụp ngay xuống con đường hẹp. Con đường hẹp tuyết phủ một phần, ở chỗ này thì tuyết sụt dưới chân chỗ khác nó lại biến thành băng dưới tác động của ánh nắng và băng giá ban đêm, vì vậy mà chính chúng tôi cũng phải vất vả lắm mới đi lên được. Ngựa ngã luôn, phía trái là một cái khe sâu há hốc miệng: dưới đó có một con suối chảy, khi thì mất hút dưới lớp băng, khi thì nhảy chồm chồm trên những tảng đá đen, tung bọt trắng xóa. Hai giờ sau chúng tôi mới vòng qua được đỉnh Cây thập tự - hai dặm mà đi mất hai giờ! Giữa lúc đó, mây đen lại sà xuống, rồi mưa đá và tuyết cũng đổ ập xuống luôn. Gió thổi luôn vào các hẻm núi, vừa rít vừa gào rú như tên đạo tặc Xalôvây^[15*] và lát sau cây thập tự bằng đá đã khuất dạng trong sương mù từ phương Đông ùn ùn chạy lại, mỗi lúc một dày đặc và chặt sít hơn. Luôn tiện cũng nói thêm, về Cây thập tự này hiện có một huyền thoại kỳ lạ nhưng rất phổ biến trong dân gian, tuồng như nó đã được Hoàng đế Piôtr Đệ nhất dựng lên trong chuyến Ngài đi qua Kapka; nhưng trước hết Piôtr chỉ mới đến Đagetxtan và sau nữa là trên cây thập tự có ghi bằng

những nét chữ to tướng, chỉ rằng nó đã được dựng lên không những theo lệnh của tướng Ermôlôp mà còn ghi rõ vào đúng năm 1824. Ghi thì ghi nhưng câu huyền thoại vẫn cứ bám sâu vào đầu óc đến nỗi người ta, nói cho đúng, là không biết tin vào cái nào, hơn nữa chúng ta lại không có thói quen tin tưởng vào những đề từ.

Chúng tôi còn phải đi thêm khoảng năm dặm trên những vách đá phủ băng và trong tuyết lầy mới tới được trạm Kôbi. Ngựa đã mệt lử, và người thì rét cóng, cơn bão tuyết gầm rú mỗi lúc một dữ dội hơn, cũng giống như những cơn bão ở miền Bắc chúng ta, có điều là ở đây tiếng kêu hoang sơ của nó nghe rền rĩ, thê lương hơn. Tôi thầm nghĩ: “Và cả mi, kẻ tha phương khóc thương miền thảo nguyên bao la, rộng lớn. Đây là nơi mi tự do tung cánh lạnh lùng, còn ở đây, mi cảm thấy chật chội, ngột ngạt như con đại bàng hét vang đập đầu vào song sắt giam cầm”.

- Ngụy to rồi, - thượng úy nói, - trông kìa: xung quanh mù mịt, chỉ thấy mây mù và tuyết; - coi chừng kẻo chúng ta rất có thể lăn xuống vực hay rơi vào rừng rậm, còn ở phía dưới nữa có lẽ là con sông Baidara chảy siết đến nỗi không tài nào qua được. Ôi, tôi cũng đến khổ với cái xứ châu Á này! Không thể nào trông cậy được - sông chả ra sông người chả ra người.

Những người đánh xe mồm kêu la và rửa xả, tay quất mạnh vào mông những con ngựa cứ thờ phì phì, đứng ì ra và muốn gì thì cũng không chịu cất bước, mặc cho những ngọn roi cứ ra sức hùng biện.

- Bấm quan lớn, - cuối cùng một người đánh xe nói, - chiều nay chắc chúng ta không tài nào đến Kôbi được đâu; liệu ngài có cho phép chúng tôi rẽ trái, trong lúc còn có thể rẽ được không ạ? Kìa, ngài có thấy một vật đen đen trên dốc núi kia không ạ - chắc chắn đó là những ngôi nhà xaklia, đó là nơi khách qua đường bao giờ cũng trú chân mỗi khi gặp thời tiết xấu; họ bảo rằng họ sẽ dẫn chúng ta tới đấy, nếu ngài thưởng cho họ ít tiền, - anh ta nói thêm, tay chỉ mấy người Ôxetin.

- Ta biết rồi, chú mày ơi, chẳng cần chú mày ta cũng biết! - Thượng úy nói, - bọn láu cá ấy chỉ tìm cách sinh sự để bòn rút tiền uống rượu là khoái.

- Thế nhưng ông phải thừa nhận rằng, - tôi nói, - không có chúng thì chúng ta còn khốn đốn hơn nữa cơ.

- Đúng, đúng thế - ông ta làu bàu, - tôi quả có cần người dẫn đường thật! bọn chúng đã đánh hơi thấy dịp kiếm chác, cứ làm như không có chúng thì không ai tìm ra đường.

Thế là chúng tôi rẽ trái, và sau nhiều lần bện rộn, vất vả lắm mới tới được một nơi trú ẩn tồi tàn, gồm hai căn nhà con xây bằng đá phiến và đá hộc, tường bao quanh cũng thế. Những người chủ nhà quần áo rách rưới tiếp đón chúng tôi rất ân cần. Sau này tôi mới biết rằng chính phủ trả lương và nuôi họ với điều kiện là họ phải tiếp nhận khách qua đường khi gặp bão tuyết.

- Mọi việc thế mà lại hóa hay, - tôi vừa nói vừa ngồi xuống cạnh bếp lửa, - bây giờ thì ông hãy kể nốt cho tôi nghe câu chuyện về Bela; tôi chắc là chuyện chưa hết.

- Nhưng tại sao ông lại tin như thế? - thượng úy vừa trả lời tôi vừa nháy mắt với nụ cười hóm hình.

- Vì như thế không hợp với quy luật của sự vật: cái gì đã bắt đầu một cách phi thường thì ắt cũng sẽ kết thúc như thế.

- Vâng, ông đoán đúng...

- Thế thì hay quá.

- Ông thấy hay, thế là quý rồi, còn tôi, thực tình tôi lại thấy buồn khi phải xáo lại những kỷ niệm xưa. Cái con bé Bela ấy quả là một cô gái tuyệt sắc! Đối với nó, cuối cùng tôi đã quen cư xử như cha với con; và nó cũng yêu mến tôi. Phải nói với ông là tôi không có gia đình: khoảng mười hai năm nay tôi bật tin cả cha lẫn mẹ, lúc còn trẻ lại không nghĩ ra là phải lấy vợ; còn lúc này thì, ông cũng thấy đấy, muộn mất rồi; và tôi đã lấy làm sung sướng vì từ nay đã có người để nâng niu. Cô bé thường hát cho chúng tôi nghe hoặc nhảy điệu lezghinka^[16*]... Và, nó nhảy thì quả là miễn chê! Tôi đã từng thấy các cô tiểu thư tình lẻ của chúng ta nhảy rồi, có lần tôi còn tham dự một cuộc họp mặt của giới quý tộc ở Matxkova, cách đây khoảng hai mươi năm - so với nó thì chả thấm vào đâu! Hoàn toàn không giống

như cô bé!... Pêtsôrin ăn vận cho cô như một con búp bê, chiều chuộng và nâng niu, và cô đã trở nên xinh đẹp như một báu vật kỳ lạ trong pháo đài chúng tôi; mặt và tay đã mất màu rám nắng, má ửng hồng... Cô bé vui tính đáo để và luôn luôn trêu chọc tôi, một cô bé tinh nghịch!.. Cầu chúa tha tội cho nó!..

- Nhưng khi các ông báo cho cô ta biết việc ông bố cô bị giết chết thì cô bé có thái độ thế nào?

- Chúng tôi giấu nó mãi cho đến khi nó đã quen với hoàn cảnh mới của nó; khi chúng tôi cho nó biết, nó đã khóc hai ngày liền, rồi cũng quên.

Bốn tháng trôi qua mọi việc đều êm ru. Pêtsôrin, hình như tôi đã nói với ông rồi, mê săn bắn đến khủng khiếp; anh ta luôn khao khát vào rừng săn dê hay lợn rừng, ấy thế mà từ đó anh ta không hề rời khỏi pháo đài. Thế nhưng một hôm, tôi thấy anh ta lại bắt đầu trầm ngâm, đi bách bộ trong phòng, tay chấp sau lưng; sau đó có lần, không nói với ai, anh ta xách súng đi săn, và suốt buổi sáng hôm đó, không ai thấy mặt anh ta đâu; một lần, hai lần, rồi càng ngày càng nhiều...

"Không tốt lành gì đâu, - tôi nghĩ, - giữa họ chắc hẳn lại có chuyện gì xấu rồi!".

Một buổi sớm, tôi tới chỗ họ ở, đến bây giờ cảnh ấy vẫn hiện rõ mồn một trước mắt tôi: Bela đang ngồi trên giường, trong bộ besmet bằng lụa đen, nom cô bé xanh xao và buồn rười đến nỗi tôi phát sợ.

- Pêtsôrin đâu? - tôi hỏi.

- Đi săn rồi.

- Đi sáng nay à? - Cô bé nín lặng, tuồng như cô có điều gì khó nói.

- Không, từ hôm qua! - cuối cùng cô nói và thở dài nã nuột.

- Chẳng lẽ cậu ấy lại gặp chuyện gì chẳng lành rồi sao?

- Hôm qua cháu cứ nghĩ ngợi suốt ngày, - cô bé trả lời, nước mắt chảy quanh - cháu tưởng tượng ra đủ chuyện rủi ro: khi thì cháu nghĩ anh ấy bị lợn rừng húc, có khi lại thấy anh ấy bị một thằng Tserkex bắt vào núi... Nhưng hôm nay, thì cháu lại nghĩ rằng anh ấy không yêu cháu nữa.

- Cửa đáng tội thì, cháu yêu ơi, cháu không thể nghĩ ra điều gì tồi tệ hơn!
- Cô khóc, nhưng sau đó lại kiêu hãnh ngẩng mặt lên, lau nước mắt và tiếp:

- Nếu anh ấy không yêu cháu nữa thì việc gì anh ấy lại không trả cháu về nhà? Cháu có bó buộc gì anh ấy đâu! Còn nếu cứ tiếp tục như thế này, cháu sẽ bỏ đi: cháu không phải là nô lệ của anh ấy, cháu là con gái quận vương!..

Tôi đỡ dành cô:

- Đây, Bela ạ, nó không thể cứ ngồi lì ở đây để bám váy cháu được đâu: nó còn trẻ, ham mê săn bắn thú hoang, nó đi rồi nó lại về; nhưng nếu cháu cứ buồn mãi, thì chẳng mấy chốc mà nó chán đấy.

- Dạ, dạ - cô đáp, - cháu sẽ vui! - Rồi cười khanh khách, cô vợ lấy cái trống tambôranh, bắt đầu hát và vừa múa vừa nhảy căng lên ở cạnh tôi; nhưng rồi cũng không được lâu, cô lại nằm vật xuống giường, hai tay bưng lấy mặt.

Tôi còn biết nói năng gì với cô bé ấy nữa? Tôi thì ông biết đấy, chưa bao giờ tiếp xúc với phụ nữ; tôi cứ nghĩ mãi xem có cách nào đỡ dành an ủi cô bé, mà chả nghĩ ra được điều gì. Một lúc lâu cả hai chúng tôi đều im lặng... Thật là một tình cảnh quá ư sượng sùng.

Cuối cùng tôi nói: "Đây cháu, chúng ta ra ngoài thành dạo một vòng đi? Trời đẹp quá!" Lúc đó là tháng chín, và quả là một ngày tuyệt vời, trời trong sáng và không nóng lắm, mọi ngọn núi đều hiện rõ như hình vẽ trong đáy đĩa. Chúng tôi lặng lẽ đi đi, lại lại trên mặt thành, sau cùng cô ngồi xuống đám cỏ, và tôi cũng ngồi xuống cạnh cô. Thật là buồn cười khi nghĩ lại cảnh tượng ấy: tôi chạy theo cô bé như một bà vú vậy.

Pháo đài của chúng tôi ở trên cao, và từ tường thành trông ra cảnh sắc thật ngoạn mục: một bên là bãi cỏ rộng với vài ba cái mương xói cắt ngang, cuối bãi là một khu rừng lan rộng lên cao đến tận đỉnh núi; đó đây trên đồng cỏ loáng thoáng những lùm khói của các bản làng, gia súc đi lại từng đàn; bên kia là con sông nhỏ, tiếp giáp với nó là những cây bụi phủ đầy lên trên những quả đồi đá nổi dài tới dãy núi chính là dãy Kapka.

Chúng tôi ngồi ở góc pháo đài cho nên trông thấy được tất cả những việc xảy ra ở hai bên. Tôi bỗng thấy một người cưỡi con ngựa xám từ rừng đi ra,

tiến về phía chúng tôi mỗi lúc một gần, cuối cùng anh ta dừng lại ở phía bên kia sông, cách chỗ chúng tôi chừng một trăm xagien, và bắt đầu quần đảo trên lưng ngựa như một thằng điên. Cái gì mà lạ thế nhỉ?

- Cháu nhìn kìa, Bela, mắt cháu tinh, cháu nhìn xem, chàng đgrighit kia là ai, anh đến đây làm trò gì thế nhỉ?..

Bela nhìn và kêu lên:

- Đó là thằng Kazbich!

- À thằng giặc! nó đến để cười vào mũi chúng ta ư? - Tôi nhìn kỹ, đúng là Kazbich: vẫn đen nhẻm, rách rưới và bẩn thỉu như hồi xưa.

- Đó là con ngựa của cha cháu. - Bela nói và nắm lấy tay tôi, cô run run như tàu lá, mắt cô sáng quắc "Á à! tôi nghĩ thầm - cháu yêu ơi, hóa ra trong cháu cái máu nổi loạn đâu đã lặn!".

- Này, lại đây, - tôi gọi tên lính gác, - thử lại súng và hạ thằng kia cho ta, chú sẽ được một rúp bạc đấy.

- Bấm quan lớn, vâng ạ; có điều là hãn có chịu đứng yên cho đâu...

- Thì bảo hãn đứng lại! - Tôi cười bảo tên lính.

- Ê hê, ông bạn! - người lính gác vừa gọi vừa vẫy tay với hãn, - hãy dừng lại tí nào, sao lại cứ quay tít như cái cù thế hả?

Kazbich dừng lại thực và lắng tai nghe: chắc hãn- hãn tưởng người ta sẽ điều đình với hãn, - nhưng hoàn toàn không phải thế... Người lính giơ súng ngắm. Đoàn... trượt mất rồi, thuốc súng vừa bùng cháy, Kazbich đã thúc ngựa, và con ngựa nhảy chồm sang một bên. Đứng thẳng trên bàn đạp, hãn nói gì đó bằng tiếng địa phương, và giơ roi lên dọa dẫm, và biến mất tăm.

- Sao chú lại không thấy xấu hổ nhỉ, - tôi nói với anh lính gác.

- Bấm quan lớn, rồi hãn cũng sẽ chết ở nơi khác thôi, - anh lính trả lời, - loại người đáng nguyên rủa ấy không tài nào giết ngay bằng một phát được đấng nào thì hãn cũng chết.

Khoảng mười lăm phút sau, Pêtsôrin đi sấn về.

Bela nhảy tới bá lấy cổ anh, không phàn nàn, không oán trách một lời vì tội bỏ đi lâu... Nhưng tôi lại nổi cáu với anh ta.

- Anh hãy bỏ quá cho, - tôi nói. - Chính thằng Kazbich vừa ở đây, phía bên kia sông, và chúng tôi đã bắn hăn, và sớm muộn gì thì anh cũng sẽ chạm trán hăn. Dân miền núi chúng rất hay thù dai: Anh tưởng hăn không đoán ra là anh đã góp phần tiếp tay cho thằng Adamat sao? Và tôi xin đánh cược là hôm nay hăn đã trông thấy Bela. Tôi biết cách đây một năm, hăn mê cô bé lắm, chính hăn đã tự nói với tôi như thế, và nếu hăn đã hy vọng dành dụm đủ một món tiền dẫn cưới cho đảng hoàng thì chắc hăn đã xin cưới rồi...

Lúc ấy Pêtsôrin trở nên tư lự. "Phải, ta nên cẩn thận hơn, - anh ta trả lời, - Bela, từ nay trở đi, em không được lên mặt thành nữa nhé!"

Chiều hôm ấy tôi đã nói chuyện với anh ta rất lâu; tôi rất phiền lòng thấy anh ta có thái độ khác hăn mọi ngày đối với cô bé tội nghiệp này. Ngoài một nửa thời giờ đi săn ra, thái độ của anh ta còn trở lên lạnh nhạt, ít trù mến với cô bé, và cô bé rõ là ngày một gầy đi, khuôn mặt nhỏ nhắn trở nên dài ngoẵng, đôi mắt to đã mất vẻ tinh anh. Đôi khi tôi hỏi cô: "Cớ sao cháu lại thờ dài, hờ Bela? Cháu buồn ư?" - "Không" - "Cháu muốn gì nào?" - "Không" - "Cháu buồn vì xa cha mẹ à?" - "Cháu có còn ai thân thích nữa đâu?"

Sự thế đã đến chỗ là suốt ngày, ngoài tiếng "vâng" và "không" ra không ai còn nghe thấy cô nói gì thêm.

Thế rồi tôi đem tất cả chuyện đó nói lại với anh ta. "Này, bác Marxim Marximich ơi, - anh đáp, - tính tình tôi nó vốn vô phúc rồi; tôi được giáo dục như thế hay vì trời sinh ra tôi như thế, tôi không biết; chỉ biết là nếu tôi làm cho người khác khổ thì chính tôi cũng không sung sướng gì. Có lẽ, đối với họ điều đó không thể nào an ủi được, nhưng sự thật quả là như vậy. Lúc thiếu thời, kể từ cái giờ phút tôi không còn phải nương tựa vào thân nhân nữa, tôi đã bắt đầu tận hưởng một cách điên cuồng tất cả những lạc thú mà người ta có thể tìm được bằng tiền bạc, và cố nhiên, sau đấy tôi lại căm ghét những lạc thú ấy. Sau cùng thì tôi nhập vào giới thượng lưu, nhưng chả mấy chốc tôi lại thấy chán. Tôi đã yêu say đắm những mỹ nhân lịch thiệp và cũng được yêu, nhưng tình yêu của họ chỉ kích thích trí tưởng

tượng và lòng tự ái của tôi thôi, còn lòng tôi thì vẫn trống rỗng... Từ đó tôi bắt đầu đọc sách và học tập, rồi khoa học cũng làm tôi chán ngấy, tôi thấy rằng cả danh vọng lẫn hạnh phúc đều không mấy may do khoa học, vì những kẻ sung sướng nhất lại là những kẻ vô học, còn danh vọng chỉ là một việc may rủi, muốn có nó, chỉ cần khôn khéo là đủ. Từ đó tôi đâm ra buồn... Chẳng bao lâu tôi được điều đến Kapka: đó là thời kỳ sung sướng nhất đời tôi. Tôi hy vọng nỗi buồn sẽ biến đi dưới làn mưa đạn của tụi Tserkex - vô ích: sau một tháng tôi đã quen với tiếng đạn rít và sự kề cận với thần chết đến nỗi chúng quả là cái không đáng bận tâm bằng mấy con muỗi, - và tôi lại thấy chán, chán hơn trước, vì như thế là tôi đã đánh mất nốt cả cái hy vọng gần như là cuối cùng. Khi tôi nhìn thấy Bela ở nhà cô, và khi lần đầu tiên tôi đặt cô bé trên đùi, hôn những vòng tóc đen của cô, tôi, thật là ngu ngốc, lại tưởng rằng cô bé là một thiên thần mà số mệnh có lòng từ bi đã dành cho tôi... Tôi lại nhầm một lần nữa: tình yêu của con bé mọi rợ cũng chả hơn gì mấy tình yêu của một tiểu thư quý tộc, sự ngu dốt và chất phác của người này cũng làm ta chán ngấy không kém gì lỗi làm duyên làm dáng của người kia. Nếu bác muốn, thì tôi vẫn cứ yêu con bé, tôi chịu ơn nó, vì chút ít giây phút khá ngọt ngào, và tôi sẽ hy sinh đời tôi cho nó, có điều là sống với nó thì tôi lại thấy chán... Tôi ngu ngốc hay tàn nhẫn tôi không biết, nhưng có điều chắc chắn tôi là kẻ rất đáng thương, có lẽ còn đáng thương hơn cả cô ấy nữa kia: tâm hồn tôi đã bị giới quý tộc làm cho hư hỏng, đầu óc tôi luôn luôn phiền muộn, trái tim tôi không bao giờ thoải mái; ít khi tôi vừa lòng, tôi quen với đau buồn cũng dễ dàng như với thú vui, và đời tôi mỗi ngày càng thêm trống rỗng; tôi chỉ còn một lối thoát: đi du lịch. Khi nào có dịp là tôi sẽ đi nhưng không phải châu Âu, lạy Chúa! - tôi sẽ đi Mỹ, sang A Rập, Ấn Độ, may ra tôi có thể bỏ xác ở đâu đó trên dọc đường! Tôi tin chắc rằng ít ra cái nguồn an ủi cuối cùng ấy không tiêu tan ngay, vì trên bước đường phiêu bạt ấy ắt sẽ có chông gai và bão táp". - Rồi cứ thế anh ta nói một thôi một hồi rất lâu, và những lời anh ta nói đã khắc sâu vào tâm trí tôi vì những lời đó, lần đầu tiên tôi nghe thấy từ miệng một con người mới hai mươi lăm tuổi, và nhờ trời, đó cũng là lần cuối... Thật khó tin! Mong ông cho biết - quay lại phía tôi, thượng úy nói tiếp, - có

lẽ ông chưa xa thủ đô bao lâu; chẳng lẽ ở đấy đám thanh niên đều giống anh ta cả sao?

Tôi đã trả lời ông rằng có nhiều người nói đúng như thế, và trong số đó chắc cũng có những kẻ nói thật; và chẳng bệnh chán đời, như tất cả các thứ "mốt", thường phát sinh từ các tầng lớp thượng lưu của xã hội để rồi lan xuống đám hạ lưu và đám này xài đến mòn tã, và hiện nay thì những ai chán đời và thực sự là chán hơn tất cả mọi người, đều cố giấu đi cái tai họa kia như giấu một khuyết tật. Ông thượng úy không hiểu những điều tế nhị ấy; ông lắc đầu, cười hóm hỉnh:

- Không biết có phải người Pháp đã đưa cái "mốt" chán chường này ra thành phong trào không?

- Không, đấy là người Anh!

- A - ha, hóa ra là thế! - ông ta đáp, - thì chính họ bao giờ chả là những tay nát rượu bết nhè!

Tôi không khỏi nhớ tới một bà quý tộc ở Matkova đã quả quyết rằng Bairon^[17*] cũng chỉ là một thằng nát rượu. Tuy vậy lời nhận xét của ông thượng úy kể ra cũng còn dễ tha thứ hơn: để chữa rượu, tất nhiên ông ta phải tìm cách tự nhủ là tất cả những sự không may trên đời này đều do say rượu mà ra.

Rồi ông tiếp tục câu chuyện như sau:

- Từ đấy Kazbich không xuất hiện nữa. Nhưng chẳng hiểu tại sao, một ý nghĩ cứ luôn ám ảnh tôi: không phải tự nhiên vô cớ mà hấn đến và hấn hấn là đang mưu mô một điều gì xấu xa.

Thế rồi một hôm Pêtsôrin cứ khẩn khoản mời tôi cùng đi săn lợn rừng; lúc đầu, tôi từ chối mãi: chà, cứ làm như tôi chưa thấy lợn rừng bao giờ ấy! Nhưng cuối cùng anh ta vẫn rủ được tôi. Sáng sớm tinh sương, chúng tôi cùng ra đi với năm người lính. Chúng tôi đã chui rúc hết lau lách đến rừng rậm cho mãi đến tận mười giờ, vẫn không thấy một con thú nào. "Ê, ta về thôi? - tôi nói với anh ta, - ăn thua gì đâu mà cứ cố mãi! Rõ là hôm nay xấu ngày mà". Mặc dù trời oi bức và mệt mỏi, Pêtsôrin vẫn không muốn về tay không, bản tính anh ta vẫn như thế, khi đã định điều gì là làm ngay; rõ ràng

là thuở bé anh ta đã được mẹ quá nuông chiều... Cuối cùng vào khoảng giữa trưa, chúng tôi cũng thấy một con lợn rừng: ào ào! ào ào!.. Nhưng không trúng, nó đã biến mất vào rừng lau... Hôm ấy xấu ngày mà!.. Nghi ngại một lát rồi chúng tôi ra về.

Chúng tôi lặng lẽ, buông cương đi bên nhau, và đã về tới gần pháo đài, chỉ còn khuất vài bụi cây. Bỗng nhiên có tiếng súng nổ... Chúng tôi nhìn nhau, trong óc cùng thoáng hiện một mối nghi ngờ... chúng tôi phóng nước đại về mé có tiếng nổ và nhìn thấy: trên mặt thành, lính tráng đứng tùm tùm ba chỉ trở về phía cánh đồng; trên đồng một người đang phi ngựa như bay, mang trên yên một vật gì trắng trắng. Pêtsôrin hét lên một tiếng to không kém bất cứ một tên Tsekex nào; rút súng ra khỏi bao và lao theo; tôi cũng lao theo anh.

May thay, cuộc đi săn không đạt nên ngựa chúng tôi vẫn chưa mệt lắm: chúng xông lên như bay mất cả yên và khoảng cách giữa chúng tôi và người cưỡi ngựa mỗi lúc một ngắn lại... Sau cùng tôi nhận ra Kazbich, nhưng chưa nhận ra hấn mang cái gì ở phía trước. Lúc ấy tôi đã chạy ngang hàng với Pêtsôrin và hét bảo anh: "Kazbich đấy!" anh ta nhìn tôi gật đầu và quất cho con ngựa một roi.

Thế rồi chúng tôi chỉ còn cách hấn một tầm súng, con ngựa của Kazbich đã hết sức, hoặc tồi hơn ngựa chúng tôi, nên dù hấn có cố đến mấy con ngựa vẫn không nhích lên được là bao. Tôi nghĩ lúc ấy chắc hấn đã nhớ tới con Karaghết...

Tôi thấy: Pêtsôrin vừa phi nước đại vừa nhắm bắn... "Đừng bắn, - tôi hét bảo anh, - hãy tiết kiệm đạn. Cứ đà này chúng ta sẽ đuổi kịp hấn!" Chà, cái bọn trẻ! bao giờ cũng nổi nóng không đúng lúc... Nhưng súng đã nổ và viên đạn trúng vào chân sau con ngựa, con vật còn hăng máu chạy thêm mười bước nữa, rồi loạng choạng và ngã quỵ gối xuống. Kazbich nhảy xuống, và lúc ấy chúng tôi mới thấy hấn bế trên tay một người đàn bà bọc trong cái khăn choàng mạng... Đó là Bela... tội nghiệp cho Bela chưa! Thằng Kazbich hướng về phía chúng tôi hét lên cái gì đó bằng tiếng địa phương và vung lưỡi dao lên đầu con bé... Không thể chậm trễ: lần này thì tôi bắn, bắn

phòng chừng, viên đạn có lẽ trúng vào vai hấn vì cánh tay hấn đột nhiên buông lỏng xuống... Lúc khói tan, con ngựa bị thương đã nằm sóng soài trên đất và cạnh đó là Bela, còn Kazbich thì quăng súng đi, lúi vào bụi rậm, trèo lên ghềnh đá, như một con mèo; tôi rất thích hất nó xuống khỏi vách đá, nhưng súng lại không lắp sẵn đạn! Nhảy xuống đất, chúng tôi vội vàng lao tới chỗ Bela. Con bé tội nghiệp nằm im không động đậy, và máu từ vết thương tuôn ra ồ ạt... Thằng khốn kiếp! Giá nó đâm một nhát thẳng vào tim, thà như thế cho xong đàng này nó lại đâm vào lưng... đúng là một nhát dao của quân ăn cướp! Cô bé nằm bất tỉnh. Xé ngay chiếc khăn choàng mạng chúng tôi băng vết thương lại thật chặt, Pêtsôrin đã hoài công hôn không biết bao nhiêu lần lên đôi môi lạnh ngắt của cô, nhưng không có gì có thể làm cô hồi tỉnh.

Pêtsôrin lên ngựa; tôi bế xốc Bêla lên khỏi mặt đất và tìm cách đặt cô nằm vắt ngang trên yên ngựa của anh; anh dùng một tay giữ cô, rồi chúng tôi trở về. Sau vài phút im lặng, Pêtsôrin nói với tôi: "Này, bác Marxim Marximich ơi, cứ điệu này thì chưa tới nhà cô ấy đã chết mất". - "Đúng vậy" - tôi trả lời, rồi chúng tôi cho ngựa phi hết tốc lực. Ở cổng pháo đài, một đám đông đang đợi chúng tôi. Chúng tôi thận trọng mang Bela bị thương về phòng Pêtsôrin và cho người đi gọi thầy thuốc. Ông này tuy còn say rượu nhưng vẫn tới; sau khi khám vết thương ông ta tuyên bố rằng cô bé không thể sống thêm quá một ngày nữa; nhưng ông ta đã nhầm.

- Cô ta lại hồi phục? - tôi nắm lấy tay ông thượng úy và hỏi, bất giác tôi lại thấy mừng.

- Không đâu! - ông đáp, - thầy thuốc chỉ nhầm ở chỗ là cô ta còn sống thêm được hai ngày nữa.

- Nhưng xin ông hãy nói rõ hơn, Kazbich đã bắt cóc cô bằng cách nào?

- Sự thể là thế này: mặc cho Pêtsôrin đã ngăn cấm, cô bé vẫn ra khỏi pháo đài để xuống sông. Ông nên biết là lúc ấy trời nóng quá: cô bé ngồi trên một tảng đá và thả chân xuống nước. Thế là Kazbich lén tới gần, vỗ chặt lấy cô, bịt miệng cô lại và kéo vào bụi, rồi nhảy lên con ngựa giấu ở đó, sau đấy dùng gót chân thúc ngựa chuồn thẳng! Mặc dù cô bé đã kíp kêu

cứ; đám lính gác nhốn nháo bắn theo, nhưng không trúng, giữa lúc ấy thì chúng tôi cười ngựa về tới nơi.

- Nhưng Kazbich định bắt cóc cô ta làm gì?

- Mong ông thứ lỗi! đám dân Tserkex này nổi tiếng là một lũ đầu trộm đuôi cướp, cái gì có thể thó được là chúng thó tuốt... về lời nhận xét này tôi thực lòng mong họ bỏ qua cho? Và lại Kazbich từ lâu vẫn thích cô ta kia mà.

- Và Bela đã chết?

- Phải! Sau khi đã đau đớn nhiều, và làm cho chúng tôi mệt lử vì chăm sóc cô. Vào khoảng mười giờ đêm cô mới tỉnh; chúng tôi lúc ấy ngồi bên mép giường: vừa mở mắt, cô đã gọi Pêtsôrin. "Anh đây, ngay cạnh em, gianetska (theo tiếng ta nghĩa là em yêu)" - anh ta trả lời tay cầm tay Bela. "Em chết mất thôi!" - cô nói. Chúng tôi tìm hết cách an ủi cô rằng thầy thuốc đã cam đoan là sẽ chữa khỏi; cô lắc đầu và úp mặt vào tường: Cô chưa muốn chết một tý nào!..

Đêm tối cô lại mê sảng; đầu cô nóng như lửa, thỉnh thoảng toàn thân cô run lên trong cơn sốt; cô nói lảm nhảm không đâu ra đâu về bố và em, cô muốn vào núi, muốn về nhà... Rồi cô lại nhắc tới Pêtsôrin, gọi anh ta bằng đủ thứ tên âu yếm hoặc trách móc anh rằng, anh đã không còn yêu gianetska nữa...

Anh im lặng ngồi nghe, hai tay ôm đầu; nhưng trong suốt thời gian ấy, tôi không hề thấy một giọt nước mắt nào trên mi mắt anh; quả thật anh không thể khóc được, hay anh cố nén - tôi không biết; còn tôi tôi chưa bao giờ thấy một cảnh tượng nào thương tâm hơn.

Đến sáng cô hết mê sảng; trong gần một tiếng đồng hồ, cô nằm lịm đi, xanh mét và suy nhược đến nỗi khó nhận ra là cô vẫn còn thở thoi thóp; sau đó thấy cô khá hơn, và cô lại bắt đầu nói, nhưng ông nghĩ sao, ông có biết cô bé nói thế nào không?.. Chỉ có người sắp chết mới có ý nghĩ như vậy!.. Thoạt đầu cô bé đau khổ vì không phải là tín đồ Cơ đốc giáo, và ở thế giới bên kia, linh hồn cô và Pêtsôrin sẽ không gặp được nhau, và một người đàn bà nào khác sẽ là bạn trăm năm của anh ấy ở trên thiên đường. Tôi bèn nảy

ra ý muốn làm lễ trở lại đạo cho cô trước khi cô chết; tôi nói với cô: cô nhìn tôi do dự, và mãi lâu sau vẫn không nói nên lời; cuối cùng cô đáp là sẽ chết nhưng vẫn giữ nguyên tín ngưỡng của ông cha. Ngày hôm ấy trôi qua như thế. Và ngày hôm đó cô đã thay đổi biết chừng nào! Má tái nhợt đã trở nên hồng hào, mắt thì to ra, môi khô ran. Cô cảm thấy trong người nóng bỏng tưởng như trong lồng ngực là cả một cục sắt nung đỏ.

Rồi một đêm nữa đến, chúng tôi không hề chớp mắt, không rời khỏi đầu giường cô. Cô ta đau đớn khủng khiếp, rên rỉ, nhưng cơn đau vừa mới dịu đi một tí là cô lại cố hết sức làm cho Pêtsôrin tin rằng cô đã đỡ hơn nhiều, và van nài anh ta đi ngủ, cô hôn tay anh và không chịu buông ra nữa. Trước khi trời sáng, nỗi buồn trước lúc chết xâm chiếm lòng cô, cô bắt đầu giãy giụa, rút băng ra, và máu lại chảy. Người ta băng lại, cô nằm yên hơn được một lát và muốn Pêtsôrin hôn cô. Quý xuống cạnh giường, anh nâng đầu cô lên khỏi gối và gấn môi mình vào đôi môi đang lạnh dần của cô; cô đưa đôi tay run rẩy quàng chặt lấy cổ anh như muốn trao gửi tâm hồn mình cho anh bằng cái hôn này... Không, chết cũng là một điều may mắn cho cô vậy: chà, cô sẽ sống ra sao nếu bị Pêtsôrin bỏ rơi? Mà điều này thì sớm muộn gì rồi cũng sẽ tới...

Buổi trưa ngày hôm sau, cô nằm yên, im lặng và ngoan ngoãn, để mặc cho thầy thuốc hành hạ bằng cách đắp đủ các thứ lá và cho uống đủ các thứ thuốc. "Mong ông bỏ quá, - tôi bảo thầy thuốc, - ông đã tuyên bố là cô ấy sẽ không thoát chết, thế tại sao lại còn cho thuốc?" "Dẫu sao vẫn cứ hơn, ông Maxim Marxinuts ạ - ông ta đáp, - để lương tâm khỏi cắn rứt". Cái lương tâm thế mới hay chứ!

Buổi chiều cơn khát bắt đầu giày vò cô. Chúng tôi mở cửa sổ, nhưng bên ngoài trời còn nóng hơn trong nhà, chúng tôi đặt nước đá cạnh giường, vô hiệu. Tôi biết cái khát xé ruột xé gan ấy báo hiệu giờ chết sắp đến, và báo cho Pêtsôrin biết. "Nước! Nước!" Cô đòi uống giọng khàn khàn, và hơi nhòm người lên khỏi giường.

Anh ta trở nên trắng bệch như tấm vải liệm, vợ lấy một cái cốc, rót đầy nước và đưa cho cô. Tôi đưa hai tay lên bưng lấy mặt và cầu kinh, đoạn

nào, tôi quên mất rồi... Vâng, thưa ông, tôi đã thấy nhiều người chết, chết trong bệnh viện và trên chiến trường, nhưng tất cả đều không giống như trường hợp này, khác hẳn cơ!.. Xin thú thật là cũng còn một điều nữa làm tôi buồn: trước khi chết cô ta không hề nhắc tới tôi lấy một lần; còn tôi, có lẽ, tôi đã yêu nó như con!.. Thôi, cầu Chúa tha tội cho nó!?. Và xét cho cùng thì tôi là cái thứ gì khiến nó phải nhớ đến trước khi chết cơ chứ?

Vừa uống xong, cô thấy dễ chịu ngay; nhưng ba phút sau thì tắt thở. Tôi để chiếc gương sát gần môi cô, - gương vẫn sáng!.. Tôi kéo Pêtsôrin ra ngoài, chúng tôi trèo lên mặt thành; chúng tôi đi bên nhau, đi đi lại lại một hồi lâu, không nói nửa lời, tay chấp sau lưng; nét mặt anh không biểu lộ một sắc thái gì đặc biệt, và tôi thấy bực: vào địa vị anh có lẽ tôi sẽ chết vì đau khổ. Sau cùng anh ngồi xuống đất, dưới bóng mát, và lấy que vẽ vẽ gì đó trên mặt cát. Tôi lên tiếng, ông cũng biết là để cho phải phép, tôi muốn an ủi anh; anh ngẩng đầu lên và cười... Tôi thấy người mình nổi gai ốc vì tiếng cười đó... Tôi liền bỏ đi bảo người đóng quan tài.

Phải thú thật là tôi cáng đáng công việc ấy một phần cũng chỉ vì muốn cho khuây khỏa. Sẵn có mảnh lụa phương Đông, tôi lấy bọc quan tài cho cô, và đính lên đó những cái ngù kiểu Tserkex bằng bạc mà Pêtsôrin đã mua để tặng cô.

Hôm sau, sáng sớm tinh sương, chúng tôi đã chôn cất cô ở phía sau pháo đài, cạnh suối, gần nơi cô đã ngồi lần cuối. Quanh mộ cô bây giờ đã mọc đầy những bụi thiên tuế trắng và hương mộc. Tôi cũng muốn trồng lên mộ một cây thập ác nhưng ông biết, thấy không tiện, dẫu sao cô cũng không phải là tín đồ Cơ đốc.

- Còn Pêtsôrin thì sao? - tôi hỏi.

- Pêtsôrin ốm rất lâu. Tội nghiệp, anh ta gầy đi nhiều, nhưng chúng tôi không hề nhắc tới Bela: tôi biết điều đó làm anh ta khó chịu; đã vậy thì nhắc tới có ích gì? Ba tháng sau, anh được đổi sang trung đoàn E; và anh đi Gruz. Từ đó chúng tôi không gặp nhau nữa... Tôi nhớ gần đây có người cho tôi hay là anh đã trở về Nga, nhưng trong các lệnh của quân đoàn không thấy nói đến. Và lại, chúng tôi nhận được tin tức thật quá chậm! Đến

đó, ông phân tích tràn giang đại hải về sự khó chịu phải nhận tin tức chậm, có lúc đến cả năm - có lẽ ông cố nói để làm át đi những kỷ niệm đau buồn ở trong lòng. Để mặc ông nói, tai tôi để nơi khác.

Một giờ sau, chúng tôi đã có thể lên đường được rồi, cơn bão đã lặng, trời trở nên sáng sủa và chúng tôi lên đường. Dọc đường, tôi bắt gặp lại lời câu chuyện trở về Bela và Pêtsôrin.

- Và ông có biết sau này Kazbich như thế nào không?

- Kazbich ấy à? Chà, quả thật tôi không biết...

Tôi có nghe nói, về phía sườn núi bên phải, trong đám dân Sáp-xu, có một tên Kazbich nào đó, mặc áo besmet đỏ, thường đi lại ung dung dưới làn đạn của quân ta, và mỗi khi một viên đạn bay sát mang tai thì hấn lại giơ tay lên chào lễ phép, nhưng vị tất đó đã là cái thằng Kazbich kia!..

Đến Kôbi, tôi chia tay với Marxim Marximich; tôi đi bằng xe thư, còn ông ta không thể đi như tôi được vì có nhiều hành lý. Chúng tôi không hy vọng còn có dịp gặp nhau nữa, ấy thế mà rồi lại gặp nhau, và nếu các bạn muốn nghe, tôi xin kể: đó là cả một câu chuyện dài... Thế nhưng không biết các bạn có nhận ra rằng Marxim Marximich là một người đáng được tôn trọng lắm chứ?.. Nếu các bạn thừa nhận điều ấy thì tôi sẽ lấy làm mãn nguyện về câu chuyện của tôi, có thể là hơi dài dòng.

II. MARXIM MARXIMICH

Sau khi già từ Marxim Marximich, tôi vui vẻ phi ngựa qua những ải đạo Têrêch và Darian, tôi ăn cơm sáng ở Kadobêch, uống trà ở Lapxơ và vẫn kịp ăn cơm chiều ở Vladykapka. Tôi không để các bạn phải đọc đoạn mô tả núi non, những lời cảm thán không biểu đạt một ý nghĩa gì hết, những cảnh sắc không nhằm mô tả một điều gì, nhất là đối với những ai chưa đặt chân tới đó - và những bản ghi chú mang tính thống kê mà nhất định là không ai buồn đọc.

Tôi dừng chân tại một lữ quán, nơi tất cả các khách qua đường đều dừng chân xuống nghỉ, và đây cũng là nơi không thể sai người ta quay một con chim trĩ hay nấu một bát canh bắp cải; bởi vì ba người phế binh làm nhiệm vụ coi giữ quán thì ngu độn quá hay nói cho đúng là lúc nào cũng say bí tỉ nên không nhờ vả được gì.

Người ta bảo tôi phải đợi ở đây ba ngày nữa vì "cái ôkazya"^[18*]từ Ekatêrinôgrat vẫn chưa tới thì làm sao có thể trở về ngay được. Thế là lỡ chuyến mất rồi? Nhưng cái trò chơi chữ vô duyên này không phải là điều an ủi đối với một người Nga, và để giải sầu, tôi nảy ra ý ghi lại câu chuyện về Bela mà Marxim Marximich đã kể, không ngờ rằng câu chuyện này lại là mắt xích mở đầu cho một chuỗi dài những thiên truyện khác, các bạn cũng thấy là đôi khi một cái cơ chả lấy gì làm quan trọng lại gây nên những hậu quả tai hại như thế nào rồi?.. Nhưng chắc các bạn chưa hiểu "cái ôkazya" ở đây là cái gì? Đó là một đội bảo vệ gồm nửa đại đội bộ binh với một khẩu pháo hộ tống những chuyến xe vận tải đi từ Vladykapka qua Kabarda đến Ekatêrinôgrat.

Ngày thứ nhất, tôi buồn như chấu cấn. Sáng sớm hôm sau thấy một chiếc xe đi vào sân... A, Marxim Marximich!.. Chúng tôi như đôi bạn cũ gặp lại nhau. Tôi mời ông ngủ cùng phòng. Ông không khách khí, thậm chí còn vỗ vai tôi và ông nhếch mép kiểu gượng cười. Trông ông đến là hay!..

Marxim Marximich là một tay sành sỏi về bếp núc: ông quay một con trĩ ngon tuyệt vời, lại tưới thêm nước "xốt" dưa chuột một cách rất thành thạo; và cũng phải thừa nhận rằng, không có ông, tôi sẽ phải ăn toàn đồ nguội. Một chai rượu vang Kaxêtin làm chúng tôi quên rằng bữa ăn rất thanh đạm, chỉ gồm có mỗi một món; sau khi châm thuốc hút, chúng tôi kiếm mỗi người một chỗ ngồi: tôi ngồi gần cửa sổ, còn ông, cạnh lò đã nhóm lửa vì hôm đó trời lạnh và ẩm. Chúng tôi im lặng. Chả còn gì để nói với nhau nữa?.. ông đã kể cho tôi nghe tất cả những gì đáng quan tâm đã đến với ông, còn tôi thì có gì đâu mà kể. Tôi nhìn qua cửa sổ. Nhiều căn nhà thấp lè tè, nằm rải rác trên bờ sông Têrêch, dòng sông chảy mỗi lúc một rộng ra, thấp thoáng sau hàng cây, còn ở phía xa là dãy núi hình răng cưa, xanh xanh như bức tường thành, và lấp ló sau dãy núi là ngọn Kadơbêch đầu đội mũ trắng, như mũ giáo chủ. Tôi thăm vỉnh biệt chúng nhưng lòng lại thấy nao nao một nỗi niềm lưu luyến...

Chúng tôi ngồi yên như thế rất lâu. Mặt trời đã khuất sau những đỉnh núi lạnh giá, và một làn sương trắng đục đã bắt đầu lan tỏa trong các thung lũng thì ngoài đường bỗng vang lên tiếng nhạc ngựa và tiếng la lối của những người đánh xe. Mấy chiếc xe chở đám người Armêni bắn thiu đi vào sân lữ quán, và phía sau là một chiếc xe sang trọng không có người; chiếc xe nhẹ nhàng, xinh xắn và tiện lợi, có cái dáng sang trọng mang dấu ấn ngoại quốc. Một người có bộ ria mép dài đi ở phía sau; hăn ta bận chiếc áo kiểu Hung, ăn mặc quá bảnh bao so với một người hầu, nhìn dáng điệu ngang tàng khi hăn gõ tàn thuốc trong dọc tẩu và khi hăn gọi anh đánh xe, thì không thể nào nhằm được cái danh vị của hăn. Hăn rõ ràng là một tên đầy tớ cứng của một ông chủ lười biếng, - một loại Phigarô [\[19*\]](#) Nga vậy.

- Này anh bạn, làm ơn cho hỏi - tôi nói với hăn qua cửa sổ, - có phải là "cái ôkazya" đã đến đấy phải không? Hăn ta nhìn tôi khá ngạo mạn, sửa lại cà vạt và quay đi, một người Armêni đi cạnh hăn, mỉm cười trả lời thay hăn rằng đúng là "cái ôkazya" đã đến và sáng sớm mai sẽ quay về ngay.

- Lạy Chúa! - giữa lúc đó thì Marxim Marximich vừa nói vừa đi lại gần cửa sổ. - Chiếc xe đẹp quá - ông ta nói thêm, - chắc là của một quan chức

nào đi kinh lý Tiflix đây. Trông cũng đủ hiểu rằng ông ta chưa biết núi non ở đây. Không đùa được đâu anh bạn quý ơi! Núi non đâu phải anh em mình, chúng sẽ vò nát ngay dù xe có được đóng ở tận nước Anh.

- Nhưng đó là ai, nào ta ra hỏi thử xem sao...

Chúng tôi ra ngoài hành lang. Đầu hành lang là một cái cửa đi vào một căn buồng ngang cánh mở toang. Người hầu và một người đánh xe mang va ly vào đó.

- Này, anh bạn, - ông thượng úy hỏi anh hầu, - chiếc xe xinh đẹp kia là của ai vậy?.. Hả?.. Chiếc xe đẹp quá!.. - Người hầu, không thềm quay lại, tay mở chiếc va ly mồm lẩm bầm cái gì không rõ. Marxim Marximich nổi cáu, ông ta nắm vai thẳng vô lễ và nói:

- Này, anh bạn, ta hỏi anh đấy...

- Xe của ai ấy ư?.. Của ông chủ tôi...

- Nhưng ông chủ anh là ai?

- Pêtsôrin...

- Anh nói sao? Anh nói sao? Pêtsôrin ư? ôi, lạy Chúa tôi!.. Có phải là ông ta đã từng phục vụ ở Kapka không? - Marxim Marximich vừa thốt lên vừa kéo tay áo tôi. Cặp mắt ông long lanh vui sướng.

- Đã phục vụ, hình như thế! - Tôi mới theo hầu ông ấy chưa lâu.

- Chà, ra thế!.. Ra thế!.. Grigôri Alecxan-đrôvich, có phải tên và phụ danh ông ta như thế không?.. Ta với chủ anh là chỗ bạn bè, - ông nói thêm, tay vỗ vai người hầu, thân mật đến nỗi hẳn ta loạng choạng...

- Xin lỗi, ngài quấy rầy tôi quá, - hẳn nói, lông mày nhíu lại.

- Gì mà khó tính thế anh bạn? Nhưng anh có biết không? chủ anh và ta đây là đôi bạn thân thiết, đã từng sống chung... - Nhưng ông ấy đâu rồi...

Người đầy tớ đáp rằng Pêtsôrin ở lại dùng cơm chiều và nghỉ đêm tại nhà đại tá N...

- Nhưng chiều nay ông ấy có tới đây không? - Marxim Marximich hỏi, - hay thế này, anh bạn, anh có việc gì phải đến đây không? Nếu anh đi,

hãy nói với ông ấy là Marxim Marximich hiện đang ở đây cứ nói thế thôi... ông ta sẽ biết... Ta sẽ thưởng cho anh đồng tám mươi kôpếch để uống rượu.

Người hầu bĩu môi tỏ vẻ chê số tiền nhỏ mọn, nhưng cũng hứa với Marxim Marximich là sẽ làm nhiệm vụ ấy.

- Rồi ông xem, anh ta sẽ tới ngay, - ông nói với tôi vẻ trang trọng - tôi ra ngoài đường đợi anh ta đây, đáng tiếc là tôi không quen ông N...

Và ông ra ngoài cổng ngồi xuống chiếc ghế dài, còn tôi trở về buồng. Tôi xin thú thật: tôi cũng hơi nóng lòng chờ đợi cái anh chàng Pêtsôrin này tới; mặc dù sau khi nghe ông thượng úy kể chuyện, tôi có ấn tượng không tốt về anh ta, thế nhưng một vài nét trong tính cách của anh ta lại khiến tôi chú ý. Một giờ sau, một phế bình mang chiếc ấm xamôva đang sôi và bình pha trà tới...

- Bác Marxim Marximich! Bác có muốn uống trà không? - tôi gọi ông qua cửa sổ.

- Cám ơn, tôi không khát.

- Đây, bác vào uống đi! Cẩn thận kéo chiều rồi mà trời lại lạnh đấy.

- Không sao đâu, cám ơn...

- Thôi tùy bác. - Tôi uống trà một mình, mười phút sau ông bạn già của tôi đi vào.

- Ông nói có lý, dẫu sao dùng một cốc trà vẫn hơn, - nhưng tôi vẫn cứ đợi... Thằng hầu đã đi đến chỗ anh ta từ lâu rồi... nhưng rõ là anh ta mắc bận việc gì.

Ông ta uống vội cốc trà, từ chối không uống thêm, rồi lại đi ra ngoài cổng trong tâm trạng bấn khoăn thấp thỏm. Rõ ràng là sự lãnh đạm của Pêtsôrin làm rầu lòng ông thượng úy già; nhất là ông lại vừa nói với tôi về tình bạn giữa hai người, và một giờ trước đây ông còn tin rằng chỉ thoáng nghe thấy tên ông, anh ta cũng sẽ chạy tới ngay.

Khi đêm đã khuya và tối trời, tôi lại mở cửa sổ gọi Marxim Marximich, tôi bảo ông rằng đã đến giờ đi ngủ. Ông lẩm bẩm điều gì trong miệng; tôi mời lần thứ hai, ông không đáp.

Tôi nằm trên đi văng, đắp áo ca pốt lên người và ngọn nến vẫn cháy trên giá, phút chốc tôi thiếp đi và đã đánh một giấc ngon lành nếu như Marxim Marximich không làm tôi thức giấc khi ông trở vào phòng lúc ấy đêm đã rất khuya. Ông ta ném chiếc tẩu lên bàn, đi bách bộ trong phòng, cho thêm củi vào lò và sau đó thì cũng đi nằm; nhưng mãi lâu sau tôi vẫn còn nghe thấy tiếng ông ho, khạc nhổ và trăn trọc mãi.

- Rệp làm bác khó ngủ ư? - tôi hỏi.

- Vâng, lũ rệp... - ông đáp, và thở dài nã nề.

Sáng hôm sau tôi dậy sớm, nhưng Marxim Marximich đã dậy trước tôi; tôi lại thấy ông ngồi trên chiếc ghế ở ngoài cổng. "Tôi phải đi lại đặng ông thiếu tá, - ông nói, - nếu Pêtsôrin đến, nhờ ông làm ơn cho người đi gọi tôi...".

Tôi nhận lời và ông chạy đi tưởng như đôi chân của ông tự nhiên lại mạnh lên và dẻo dai như thời trai trẻ.

Buổi sáng hôm ấy trời mát, nhưng lại đẹp tuyệt vời. Những đám mây vàng đọng lại phía trên những ngọn núi nom như một dãy núi mới do không khí tạo nên. Trước cổng là một bãi đất rộng, bên kia là cái chợ đang ở thời điểm đông đúc náo nhiệt, vì là ngày chủ nhật. Những thằng bé Ôxetin chân đất, mang trên lưng những giỏ đầy sáp ong, bu quanh tôi. Tôi đuổi chúng đi: tôi còn đầu óc đâu mà nghĩ đến chúng, tôi bắt đầu chia sẻ nỗi lo ngại của ông thượng úy tốt bụng kia.

Chưa đầy mười phút thì người mà chúng tôi đợi đã hiện ra ở đầu bên kia bãi đất. Anh ta đi cùng đại tá N..., đại tá tiến chân anh tới tận lữ quán rồi từ giã và trở về pháo đài. Tôi sai ngay một người phế binh chạy đi tìm Marxim Marximich.

Tên hầu bước ra, đến trước Pêtsôrin và báo cho anh ta biết là sẽ đóng ngựa ngay; hãnh trao cho anh hộp thuốc lá, nhận mệnh lệnh và tất tả đi ngay. Sau khi châm thuốc hút, anh ta ngáp hai cái và ngồi xuống chiếc ghế phía bên kia cổng. Giờ thì tôi phải tả chân dung anh ta cho các bạn biết.

Anh ta người tầm vóc trung bình; thân hình cân đối, mảnh dẻ, vai rộng biểu lộ một thể chất cường tráng có thể chịu đựng được tất cả những khó

khăn mặt nhọc của một cuộc đời chông gai và nay đây mai đó, thay đổi khí hậu luôn. Sức người như thế thì một cuộc sống phóng dăng ở chốn kinh thành cũng như những cơn bão lòng không thể làm cho anh ta quy ngã được; chiếc áo khoác nhung phủ đầy bụi, chỉ cài hai cúc dưới để lộ chiếc áo lót sạch sẽ bóng bẩy đến lóa mắt chứng tỏ đó là những thói quen của một trang phong nhã; đôi tất tay có vết bẩn hình như đã được thừa riêng cho đôi tay nhỏ nhắn quý phái, và khi anh tháo một chiếc ra, tôi lấy làm kinh ngạc trước những ngón tay xanh xao gầy guộc của anh. Dáng dấp cầu thả và biếng nhác, nhưng tôi thấy anh không khoa tay - một dấu hiệu chắc chắn của tính cách kín đáo. Nhưng đó chẳng qua cũng chỉ là những ý kiến cá nhân căn cứ trên những nhận xét của tôi mà thôi, cho nên tôi không muốn các bạn chấp nhận nó một cách mù quáng. Người anh ta thẳng là thế mà lúc anh ngồi xuống ghế thì nó lại cong gập xuống như người không xương sống; tư thế của toàn thân hình anh biểu thị anh bị thần kinh do lối sống quá buông thả: nhìn anh ta ngồi ta liên tưởng đến một cô gái làm đom, tuổi ba mươi mà Banzắc đã mô tả, đang ngồi trong chiếc ghế bành đầy nệm gối, sau một buổi khiêu vũ mệt lử. Thoạt nhìn gương mặt anh ta, tôi chỉ ước chừng anh không quá hai mươi ba tuổi, nhưng sau đó tôi lại không ngần ngại mà cho là anh đã ba mươi. Nụ cười anh có cái gì như trẻ con. Da dẻ mềm mại như da phụ nữ; mái tóc hung và quần tự nhiên ôm lấy vầng trán nhọn nhọn đầy vẻ cao quý nom thật duyên dáng, và chỉ có nhìn kỹ mới thấy trên vầng trán ấy có những đường nhăn chằng chéo lên nhau, và có lẽ sẽ hẳn rõ trong những lúc anh giận dữ hay bị kích động. Mặc dù tóc màu nhạt nhưng ria mép và lông mày lại đen; đó là do nòi giống của con người, cũng như một con ngựa trắng lại có bờm và đuôi đen. Để hoàn tất bức chân dung, tôi xin nói với các bạn là anh ta có cái mũi hơi hếch, răng trắng muốt và mắt nâu; về đôi mắt tôi còn phải nói thêm một tí nữa.

Trước tiên, đôi mắt ấy không cười, ngay cả những lúc anh ta cười! Các bạn có khi nào thấy cái điều kỳ lạ ấy ở một số người không?.. Đó là biểu hiện của cái tính hiểm ác hoặc của một nỗi buồn sâu xa và dai dẳng. Qua hàng lông mi hơi sụp xuống, đôi mắt ấy long lanh như có ánh lân tinh, nếu

có thể nói như thế. Đó không phải là sự phản ánh một tâm hồn nhiệt tình hay một khối óc khoáng hoạt, mà là một thứ ánh giống như ánh thép bóng loáng, chói loà nhưng lạnh lùng, ánh mắt anh không nhìn chòng chọc, nhưng xuyên thấu và nặng nề dễ gây một cảm giác khó chịu như của một cuộc thăm vấn trắng trợn, và có thể nói là xác lác, nếu như nó không tỏ ra bình thản dửng dưng. Tất cả những ý nghĩ kia đã đến trong óc tôi có thể chỉ vì tôi đã biết một số chi tiết trong đời anh và cũng có thể, cái bề ngoài của anh đã gây ra cho người ta những ấn tượng hoàn toàn khác, nhưng ngoài tôi ra không còn ai nói cho các bạn biết về anh, nên các bạn bắt buộc phải bằng lòng với sự mô tả này vậy. Và để kết luận, tôi xin nói thêm rằng anh ta nói chung là người khá đẹp trai và có một vẻ mặt thuộc vào loại người độc đáo mà phụ nữ thượng lưu rất ưa thích.

Ngựa đã đóng vào xe, thỉnh thoảng chiếc chuông nhỏ trên vòng cổ lại kêu leng keng; đã hai lần rồi, tên hầu đến gần Pêtsôrin thưa với anh rằng tất cả đã sẵn sàng, vậy mà bác Marxim Marximich vẫn chưa thấy về. May thay, Pêtsôrin vẫn trầm ngâm, mắt nhìn lên những ngọn núi xanh hình răng cưa của dãy Kapka, và không có vẻ gì là lên đường vội. Tôi lại gần anh:

- Nếu có thể xin ông đợi thêm lát nữa, - tôi nói, - ông sẽ vui sướng được gặp lại một người bạn cũ...

- À, đúng đấy? - anh ta nhanh nhẩu đáp, - hôm qua người ta có báo cho tôi, nhưng ông ấy đâu? - Tôi ngoảnh về phía bãi trống và thấy Marxim Marximich đang cố hết sức chạy tới... Vài phút sau, ông đã đến cạnh chúng tôi; ông thở hồng hộc, mồ hôi chảy ròng ròng ở trên mặt; những chùm tóc hoa râm ướt sũng thò ra khỏi mũ, dính bết vào trán; hai đầu gối ông run run... ông muốn nhảy tới bá lấy cổ Pêtsôrin, nhưng anh ta đưa tay ra bắt khá lạnh lùng, tuy miệng cười niềm nở. Ông thượng úy ngờ ngàng một lát rồi nhanh nhẩu giơ cả hai tay ra siết chặt lấy tay anh: ông vẫn chưa thể nói lên lời.

- Bác Marxim Marximich thân mến ơi, gặp lại bác tôi mừng quá? Nhưng bác có khỏe không đã? - Pêtsôrin hỏi.

- Còn... mà?... còn anh?.. - ông già thì thăm, nước mắt chảy giàn giụa... -
ròng rã bao nhiêu năm... bao nhiêu tháng rồi... Nhưng anh đi đâu thế này?..

- Tôi đi sang Ba Tư... rồi đi tiếp...

- Nhưng không đi ngay bây giờ đấy chứ? hãy đợi một tí, anh bạn rất thân
ơi! Lẽ nào chúng ta lại từ biệt nhau vội như thế này?.. sau từng nẩy năm xa
cách...

- Đã đến giờ tôi phải đi rồi, bác Marxim Marximich ạ, - anh ta đáp.

- Trời ơi, trời! nhưng đi đâu mà vội thế? Tôi còn bao nhiêu điều muốn
nói với anh... còn phải hỏi anh bao nhiêu chuyện nữa chứ. À, thế nào, anh
đã xin giải ngũ rồi ư?.. Sao... anh đã làm những gì nào?..

- Tôi chỉ chán thôi! - Pêtsôrin mỉm cười đáp.

- Thế anh có nhớ lúc chúng ta sống ở pháo đài không? Một nơi săn bắn
tuyệt vời! - Vì anh mê săn bắn lắm mà... Và Bela nữa chứ?..

Pêtsôrin hơi tái người và ngoảnh mặt đi chỗ khác...

- Vâng, tôi vẫn nhớ! - anh ta nói và ngay sau đó gượng ngáp một cái.

Marxim Marximich bắt đầu nài nỉ anh ta ở lại với ông dù chỉ vài giờ.

- Chúng ta sẽ chén một bữa cơm ngon tuyệt vời - ông nói, - tôi có hai con
trĩ; và rượu vang đỏ vùng Khaxetin... tất nhiên không bằng rượu Gruzi
được thế nhưng cũng thuộc loại khá... Chúng ta sẽ nói chuyện... và anh sẽ
kể cho tôi nghe đời sống của anh ở Pêterbua... đồng ý chứ?..

- Thật ra tôi chả có gì để kể cho bác nghe, bác Marxim Marximich thân
mến... Xin vĩnh biệt, đã đến lúc tôi phải đi rồi... Tôi đang vội... Cám ơn đã
không quên... - anh ta nói thêm và nắm lấy tay ông già.

Ông già nhú mày lại... Vừa buồn vừa giận, tuy ông cố không để lộ ra.

- Quên! - ông càu nhàu, - tôi, tôi không quên gì cả... Thôi cầu Chúa phù
hộ cho anh! Tôi đâu có ngờ gặp lại anh như thế này... - Thôi, thôi, -
Pêtsôrin vừa nói vừa thân ái ôm chặt ông bạn già, - Chẳng lẽ tôi lại khác
xưa?.. làm thế nào được? Mỗi người có một con đường riêng của mình...
Không biết chúng ta có còn gặp lại nhau nữa không: - trời biết được?.. Khi
nói câu này anh ta đã ngồi trên xe, và người xà ích đã sửa soạn dây cương.

- Khoan đã, khoan đã! - Marxim Marximich bỗng nhiên kêu lên, tay nắm thành cửa xe, - tôi quên khuấy đi mất!.. Đồng giấy má anh gửi tôi, anh Pêtsôrin ạ... tôi vẫn mang theo... tôi tưởng sẽ gặp anh ở Gruzi, nhưng run rủi lại gặp nhau ở đây. Nên làm thế nào với đồng giấy má ấy?..

- Làm thế nào tùy bác? - Pêtsôrin nói - Vĩnh biệt!..

- Thế là anh đi sang Ba Tư?.. mà khi nào thì về?.. Marxim Marximich còn cố kêu với theo...

Xe chạy đã xa; Pêtsôrin giơ tay làm hiệu đại khái như muốn nói: vị tất đã gặp, vả lại có ích gì?..

Tiếng nhạc ngựa và tiếng bánh xe lăn trên đường đã tắt từ lâu mà ông già đáng thương vẫn đứng đấy, trầm ngâm suy nghĩ.

- Thôi được? - sau cùng ông nói, cố làm ra cái vẻ hững hờ, mặc dù những giọt nước mắt hờn giận vẫn lấp lánh mãi trên hai hàng mi, - tất nhiên chúng ta đã từng là bạn bè, nhưng trên đời này liệu có còn gì là bạn bè nữa không nhỉ?.. Tôi là cái thứ gì đối với hãn ta? Tôi không giàu, không chức trọng quyền cao, vả lại tuổi tác cũng khác nhau xa. Thì đấy, từ khi hãn trở về Pêterbua, hãn đã lại thành một thằng công tử như thế đấy... Chà, cái xe! Bao nhiêu hành lý!.. Lại cả cái tên đầy tớ kiêu căng ấy nữa chứ?.. - ông nói ra những điều này với nụ cười chua chát - ông thử nói xem - ông quay lại tôi nói thêm - ông nghĩ gì về chuyện đó? - Không biết con quỷ nào đã xúi giục hãn đi Ba Tư vào lúc này?.. Buồn cười thật, ôi Chúa ơi, thật là nực cười? Nhưng tôi biết tổng hãn là thằng nông nổi, không trông mong gì được... Nhưng, quả tình cũng thấy tiếc là đời hãn rồi sẽ chẳng ra gì... Nhưng không thể khác được!.. Tôi đã chẳng từng nói: những kẻ quên bạn cũ nào có ra gì!.. - Nói rồi ông bỏ đi để che giấu nỗi xúc động, và ông đi trong sân, rồi cứ loay hoay bên xe, làm bộ xem xét lại bánh xe nhưng nước mắt thì cứ trào ra, trào ra mãi.

- Bác Marxim Marximich ơi, - tôi vừa nói vừa tới gần ông, - nhưng đồng giấy má mà Pêtsôrin gửi lại chỗ bác là giấy tờ gì vậy? - Có trời biết được hãn. Những ghi chép vở vẫn gì đó...

- Và bác định làm gì với cái đồng giấy má ấy?

- Làm gì ư? làm vô đạn.

- Vậy thì cho tôi có hơn không.

Ông ta nhìn tôi ngạc nhiên, lăm lăm điều gì trong miệng rồi bắt đầu lục lọi va ly; thế rồi ông lôi ra một quyển vở và ném xuống đất, vẻ khinh miệt; sau đó là quyển thứ hai, thứ ba, quyển thứ mười cũng đều chịu chung một số phận như thế: sự hờn giận của ông xem ra rất trẻ con; tôi vừa buồn cười vừa thương hại...

- Đây, tất cả cái đồng ấy đây, - ông nói, - xin mừng ông đã tìm được của quý!..

- Và tôi có thể tùy ý sử dụng chúng chứ ạ? - Nếu thích thì đưa mà đăng lên báo, can hệ gì đến tôi!.. Vậy thôi, chẳng thà tôi là bạn bè hay thân thích gì của anh ta cho cam? Thật ra thì hẳn đã sống chung với tôi dưới một mái nhà khá lâu... Nhưng nói cho cùng tôi đâu có phải chỉ sống với riêng mình hẳn?..

Tôi nhặt lấy những tập giấy ấy và vội vàng mang đi, chỉ sợ ông thượng úy đổi ý. Chẳng mấy chốc có người đến báo cho chúng tôi biết một giờ nữa xe sẽ khởi hành. Tôi cho đóng ngựa. Tôi vừa chụp mũ lên đầu thì ông thượng úy bước vào; hình như ông chưa có vẻ gì là chuẩn bị ra đi; nom ông có vẻ ngượng nghịu và lạnh lùng.

- Còn bác, bác Marxim Marximich, chẳng lẽ bác không đi sao?

- Không!

- Sao lại thế?

- Tôi chưa gặp ông tư lệnh, tôi cần giao cho ông ta một vài thứ hồ sơ công quốc...

- Nhưng bác đã đến chỗ ông ta rồi kia mà.

- Phải, đã đến - ông bối rối nói, - nhưng ông ấy không có nhà, mà tôi thì không đợi được.

Tôi hiểu ông: Có lẽ, đây là lần đầu tiên trong đời, ông già tội nghiệp này đã đặt việc riêng lên trên công vụ - nói theo giọng công chức, - và ông đã được đền bù như thế đấy!

- Rất tiếc, - tôi nói với ông, - rất tiếc, bác Marxim Marximich ạ, là chúng ta phải xa nhau quá sớm.

- Chúng tôi chỉ là lũ già hủ lậu, đuổi theo các anh làm sao được?.. Các anh là những chàng trai trẻ cao sang quý phái: Lúc này ở đây dưới làn mưa đạn của bọn Tserkex còn khả dĩ... nhưng rồi nếu có gặp lại nhau, các anh lại lấy làm xấu hổ khi phải đưa tay cho chúng tôi bắt...

- Bác Marxim Marximich, tôi có liên can gì đến việc ấy đâu mà bác trách!

-Ồ, ông biết đấy, tôi nói là nói vậy thôi: thế nhưng cũng xin chúc ông gặp mọi sự may mắn và lên đường vui vẻ.

Cuộc chia tay của chúng tôi khá nhạt nhẽo. Bác Marxim Marximich tốt bụng kia đã trở thành một ông thượng úy cố chấp và hay cáu bẳn. Mà vì sao? Cũng chỉ tại Pêtsôrin, vì đảng trí hay vì một lý do nào khác, chỉ chìa tay ra bắt tay ông, khi ông lại muốn nhảy lên bá lấy cổ anh kia? Thật đáng buồn phải thấy một thanh niên trai trẻ đã mất hết cả hy vọng và ước mơ đẹp đẽ nhất của mình, khi người ta đã giật khỏi mắt anh tấm màn màu hồng mà trước đó anh vẫn nhìn qua nó để xét đoán hành vi và tình cảm của con người; mặc dù anh vẫn còn hy vọng rằng anh sẽ thay thế những điều lầm lẫn cũ bằng những điều lầm lẫn mới không kém phần gian nan, nhưng do đó mà ngọt ngào hơn... Nhưng ở độ tuổi của Marxim Marximich, thì lấy gì mà thay thế được nữa? Dù muốn hay không, trái tim vẫn thành chai và tâm hồn sẽ khép kín lại...

Tôi ra đi một mình.

PHẦN THỨ HAI

TRÍCH NHẬT KÝ CỦA PÊTSÔRIN

Gần đây tôi được biết Pêtsôrin đã qua đời khi ở Ba Tư về. Tin này làm cho tôi rất vui: tôi được quyền cho công bố những trang ký này, và lợi dụng cái chết ấy để ký tên mình vào một tác phẩm không phải của tôi. Lạy chúa, mong sao độc giả không trừng phạt tôi về cái chuyện man trá vô tội này!

Bây giờ thì tôi phải giải thích đôi lời về lý do khiến tôi công bố những điều bí mật sâu kín nhất của một người tôi chưa hề quen biết. Giá tôi lại là bạn anh ta, thì ai cũng hiểu được cái thói hiếu thắng hiểm độc của một người bạn chân chính. Nhưng đời tôi, tôi chỉ thấy anh ta có một lần trên dọc đường đi xa, vậy thì đối với anh tôi không thể nuôi lòng hận thù thâm lặn, được che giấu dưới cái mặt nạ tình bạn, và chỉ đợi đối tượng thân yêu của mình chết hoặc gặp tai nạn để trút lên đầu anh ta hàng loạt những điều chê trách, khuyên nhủ, giễu cợt và thương cảm.

Đọc lại những dòng bút ký này, tôi thấy tin ở lòng thành khẩn của một người đã thẳng tay tự bóc trần những nhược điểm và khuyết tật của mình. Lịch sử một tâm hồn con người dù là một tâm hồn nhỏ bé nhất, chưa hẳn đã kém thú vị và bổ ích hơn lịch sử của cả một dân tộc, nhất là khi nó lại là kết quả quan sát của một khối óc chín muồi về bản thân mình và khi nó được viết ra không phải với tham vọng hiếu danh nhằm gây lòng thiện cảm hay thán phục. Lời sám hối của Rút-xô^[20*] mắc phải cái khuyết điểm này vì ông đã đem đọc cho bạn bè nghe.

Vậy thì chỉ riêng ý muốn giúp ích thôi đã khiến tôi quyết định cho in một số đoạn trong cuốn nhật ký ngẫu nhiên rơi vào tay. Mặc dù tôi đã đổi hết họ tên, nhưng những người được nhắc đến ở đây, có lẽ sẽ nhận ra được mình, và có lẽ họ sẽ tìm được lý lẽ biện bạch cho những hành động mà cho đến nay họ vẫn còn kết tội cho một con người không còn gì chung đụng với cuộc đời này nữa: chúng ta hầu như bao giờ cũng sẵn lòng tha thứ cho những điều mà chúng ta đã hiểu ra.

Tôi chỉ đưa vào cuốn sách này cái phần liên quan đến Pêtsôrin lúc anh ta ở Kapka, trong tay tôi còn có một quyển vở lớn, trong đó anh kể lại toàn bộ cuộc đời mình. Rồi cũng có lúc nó sẽ được đưa ra cho thiên hạ phán xét; Nhưng hiện giờ; tôi chưa dám đảm đương trách nhiệm này vì nhiều lý do quan trọng.

Có thể một số độc giả muốn biết tôi nghĩ thế nào về cá tính của Pêtsôrin? Đề mục cuốn sách này là câu trả lời của tôi. Họ sẽ nói: "Nhưng đó là một sự mỉa mai tàn nhẫn quá!" họ bảo thế. – Tôi không biết.

I. TAMAN

Taman là một thành phố nhỏ tồi tệ nhất trong tất cả các thành phố duyên hải của nước Nga. Tôi đã suýt chết đói ở đó, và tệ hơn, người ta còn muốn dìm chết tôi nữa cơ. Tôi đi xe ngựa trạm tới nơi vào lúc đêm đã khuya. Người đánh xe dừng chiếc xe tam mã mệt lử trước cổng một ngôi nhà đá độc nhất ở ngay bên đường đi vào thành phố. Nghe tiếng chuông ngựa leng keng, một anh lính gác người Kôđắc miền Hắc Hải, hét toáng lên, giọng thô lỗ của người còn ngái ngủ: "Ai đến đây!" Một trung sĩ người Kôđắc và một anh dân vệ bước ra. Tôi giải thích cho họ biết tôi là sĩ quan đang trên đường tới đơn vị tác chiến theo công lệnh, và đòi được xếp vào một căn hộ do nhà nước đài thọ. Người dân vệ dẫn chúng tôi qua khắp các phố, nhưng không thể nào tìm được một túp lều còn rảnh rỗi. Trời thì rét mà đã ba đêm nay tôi chưa được ngủ tôi thấy kiệt lực nên bắt đầu nổi cáu: "Đồ kẻ cướp, hãy dẫn tao đi đâu thì dẫn, đến nhà quý nhà ma nào cũng được, miễn là còn chỗ!" - tôi hét lên. "Cũng còn một cái nhà xấu xí đấy, - người dân vệ gãi tai đáp, - chỉ sợ quan lớn không vừa ý; chỗ ấy tệ mạt lắm!". Không hiểu rõ ý nghĩa lời sau cùng của anh ta, nên tôi cứ ra lệnh dẫn tôi đến đấy; sau khi đã len lỏi hồi lâu qua những cái hẻm chật chội bẩn thỉu mà hai bên chỉ toàn là những bờ dậu đổ nát, chúng tôi tới một ngôi nhà nhỏ ở sát ngay bờ biển.

Trăng rằm chiếu sáng mái nhà bằng lau và những mảng vách trắng của căn nhà tôi mới đến; trong cái sân có tường bao quanh xây bằng đá hộc còn có một túp lều khác nữa xiêu vẹo, bé hơn và cũ hơn đứng kề sát bên căn lều này. Nó nằm gần như sát ngay mép bờ dốc đi xuống biển, và ở phía dưới, những ngọn sóng xanh sẫm vỗ vào bờ rì rào không ngớt. Trăng yên tĩnh nhìn xuống mặt nước xáo động nhưng ngoan ngoãn, và nhờ ánh trăng tôi có thể nhận thấy ở nơi cách xa bờ có hai chiếc tàu với những sợi dây đen chằng chịt như mạng nhện, lặng lẽ in hình trên chân trời nhạt. "Có tàu đậu ngoài bến, - tôi nghĩ, sáng mai mình sẽ đi Ghêlengích".

Tôi có một người lính hầu, một người Kôđắc miền biên thùy. Sau khi bảo hầu xách lấy va ly và cho xe đi, tôi lên tiếng gọi chủ nhà - không có tiếng trả lời, tôi gõ cửa - vẫn im ắng... sao thế nhỉ? Cuối cùng một đứa bé chừng mười bốn tuổi từ trong phòng ngoài bò ra.

"Ông chủ nhà đâu? " "Hông^[21*] có sao? Không có ai cả à?" "Hông" "Thế bà chủ?" "Đi hố". "Ai sẽ mở cửa cho tao?"^[22*]- tôi nói và giơ chân đạp vào cánh cửa. Cánh cửa tự mở, căn nhà bốc lên mùi ẩm ướt. Tôi đánh một que diêm và giơ sát dưới mũi thằng bé: que diêm soi rõ hai con mắt trắng dã. Nó mù, mù bẩm sinh. Nó đứng trước mặt tôi không động đậy và tôi bắt đầu ngắm kỹ nét mặt nó.

Xin thú thật là tôi vốn có thành kiến rất nặng đối với tất cả những người mù, chột, điếc, câm, cụt chân, cụt tay, gù v.v... Tôi nhận thấy con người ta bao giờ cũng có một mối liên hệ kỳ lạ thế nào đó giữa ngoại hình và nội tâm, tuồng như nếu mất đi một bộ phận thì tâm hồn cũng sẽ mất đi một cảm xúc nào đó.

Thế là tôi bắt đầu quan sát khuôn mặt thằng mù, “nhưng các bạn thử nói xem còn có thể đọc được cái gì trên một khuôn mặt không có mắt?.. Tôi nhìn ngắm nó khá lâu và bất giác lại thấy thương, thì bỗng một nụ cười kín đáo lướt trên làn môi mỏng dính của nó, và tôi không biết vì sao nụ cười kia lại gây cho tôi một cảm giác khó chịu nhất. Trong đầu tôi bỗng thấy nghi ngờ rằng nó không mù như người ta tưởng. Tôi đã hoài công cố thuyết phục mình rằng làm sao có thể tự tạo ra những cái nhai quặt ở trên mắt, và lại làm thế để làm gì? Nhưng biết làm sao được? Tôi thường có những thành kiến như vậy.

"Mày là con cái trong nhà ư?" – Cuối cùng tôi hỏi nó. "Hông". "Vậy mày là ai?" - "Một đứa mồ côi khốn khổ!" - "Thế bà chủ có con cái gì không?" "Hông, có cô con gái, nhưng cô đã bỏ đi về phía bên kia biển với một người Tatar", - "Với người Tatar như thế nào?". "Có quý mới biết được hẳn! Một người Tatar vùng Krum, làm lái đò ở Kertia".

Tôi vào nhà; hai chiếc ghế dài và một cái bàn, với một chiếc hòm to nằm cạnh lò, đó là tất cả các đồ đạc trong nhà. Trên tường không có tượng chúa

- một dấu hiệu chẳng tốt lành gì! Gió biển lùa vào qua một tấm kính vỡ. Tôi lấy ở va ly ra một mẫu nển, thả lên, và bắt đầu sắp xếp đồ đạc, dựng thanh kiếm và cây súng vào một góc, đặt mấy khẩu súng lục lên bàn, trải chiếc áo khoác buộc ca cả lên một chiếc ghế dài, người lính hầu Kôđắc cũng trải chiếc áo của mình lên một chiếc ghế khác; mười phút sau, hẳn đã ngáy, còn tôi thì không tài nào ngủ được: tôi vẫn thấy trước mắt tôi thằng bé mắt trắng đang lớn vờn trong bóng tối.

Gần một giờ trôi đi như thế. Ánh trăng chiếu qua cửa sổ, nô giỡn trên nển nhà đất. Đột nhiên một bóng đen lao vút qua vùng có ánh sáng cắt ngang nền nhà. Tôi nhồm người lên và nhìn qua cửa sổ: lần thứ hai, một bóng người đi qua rất nhanh và biến mất, có trời biết là đi đâu. Tôi không thể nghĩ rằng cái bóng ấy lại tụt xuống theo bờ dốc. nhưng hẳn cũng không thể đi lối nào khác. Tôi ngồi dậy, khoác lên người chiếc áo besmet, dắt con dao nhọn vào thắt lưng và rón rén đi ra khỏi nhà; thằng mù đi tới phía tôi. Tôi dán người vào hàng rào, và nó đi qua gần bên tôi, bước đi chắc chắn nhưng thận trọng, nách cặp một gói gì đó, hẳn đi về phía bến tàu, tụt xuống một đường mòn hẹp và dốc. "Trong những lúc như thế này, người câm bật nói, và kẻ mù sẽ sáng" tôi nghĩ và đi theo cách nó một quãng để khỏi mất hút.

Giữa lúc đó thì trăng lườn vào trong mây và sương mù bốc lên trên mặt biển; qua lớp mù dày đặc le lói một ngọn đèn trên mạn lái của chiếc tàu gần bờ; bọt sóng bên các tảng đá sáng loáng lên ở dải bờ luôn đe dọa nhấn chìm con tàu kia. Tôi chật vật lắm mới tụt xuống hết cái dốc thẳng đứng thì thấy: thằng mù dừng lại một lát rồi rẽ sang phải, đi theo một lối mòn; xuống biển; hẳn đi sát nước đến nỗi tôi có cảm giác là lúc nào ngọn sóng cũng có thể chộp lấy nó và cuốn đi. Nhưng trông hẳn bước từ hòn đá này qua hòn đá khác, tránh những hố trũng một cách dễ dàng tự tin thì đủ biết đây không phải là lần đầu nó đi dạo ở đây. Cuối cùng nó dừng lại, hình như để nghe ngóng một tiếng động nào đó, rồi ngồi thụp xuống đất và đặt cái gói xuống cạnh người. Nấp sau một tảng đá ở bên mép bờ vực tôi quan sát được tất cả mọi hành động của nó. Mấy phút sau, ở phía đối diện, một bóng

trắng hiện ra, đến gần thẳng mù và ngồi xuống cạnh nó. Thình thoảng gió thoảng tới tai tôi loáng thoảng những mẩu chuyện.

- Cái gì thế này, hả mù? - Tiếng một phụ nữ nói, - biển động dữ dội, Iăngkô sẽ không tới được đâu.

- Iăngkô không sợ bão, - thẳng mù đáp.

- Sương mù mỗi lúc một dày đặc, - tiếng người phụ nữ lại vang lên, đượm một vẻ buồn.

- Trong sương mù, càng dễ tránh những con tàu tuần canh, - lại có tiếng đáp.

- Nhưng nhờ anh ấy chết đuối thì sao?

- Còn sao nữa? Chủ nhật, chị sẽ không có khăn mới để đi lễ.

Sau đó lại im lặng; thế nhưng có điều làm tôi ngạc nhiên là thẳng mù hồi nãy nói với tôi bằng thổ ngữ Tiểu Nga^[23*] nhưng lúc này lại nói bằng tiếng Nga rất sành sỏi.

- Đấy chị xem, tôi nói đúng mà, - thẳng mù vỗ tay nói tiếp, - Iăngkô không sợ biển, sợ gió, sợ mù, sợ lính đoan mà. Nghe xem, đó không phải tiếng sóng vỗ, không lừa được em đâu, đó là tiếng mái chèo dài của anh ấy đấy!

Người đàn bà đứng bật dậy, và bắt đầu nhìn ra phía xa về bồn chồn.

- Mà lại mê sáng rồi, mù ạ, - cô ta nói, - tao không trông thấy gì hết.

Thú thật là tôi cũng cố căng mắt nhìn ra phía xa nhưng không thấy một vật gì giống cái thuyền cả. Mười phút qua như thế; bỗng nhiên một chấm đen hiện ra giữa những ngọn sóng cao như núi, khi to, khi nhỏ. Một chiếc thuyền từ từ nhô lên trên đỉnh ngọn sóng, thoắt cái lại tụt xuống ngay để mỗi lúc một gần bờ. Kẻ nào dám vượt qua eo biển rộng hai mươi dặm, trong một đêm tối như thế này, kể cũng to gan thật; và cái lý do thúc đẩy hấn ta hấn phải là quan trọng lắm! Vừa nghĩ như thế tôi vừa ngắm chiếc thuyền đáng thương kia, bất giác thấy tim mình đập mạnh: nó chao ngụp xuống như một con vịt sau đó đôi mái chèo lại vùng vẫy nhanh nhẹn như đôi cánh, đưa nó nhô ra khỏi vực thẳm giữa những đám bọt, và có lúc tôi đã

tưởng với đà lao đi như thế nó ắt sẽ đập vào bờ và vỡ tan tành ra từng mảnh, vậy mà nó lại quay ngang, giơ sườn ra đỡ sóng một cách khéo léo, rồi lướt vào một cái vũng con, bình yên vô sự. Bước xuống khỏi thuyền là một người tầm vóc trung bình, đầu đội mũ trùm Tatar bằng da cừu, hăn vẫy tay ra hiệu và cả ba cùng hợp lực kéo những vật gì đó ra khỏi thuyền; và cho đến nay tôi vẫn không hiểu nổi tại sao chở nặng như thế mà con thuyền lại không chìm. Chúng mang trên vai mỗi đứa một bọc rồi men theo bờ biển mà đi xa dần và chẳng mấy chốc đã mất hút. Phải trở về thôi; nhưng cũng xin thú thật là tất cả những việc kỳ lạ ấy đã làm tôi lo lắng, và tôi nóng lòng mong cho trời chóng sáng.

Người hầu Kôđắc của tôi rất đỗi ngạc nhiên khi tỉnh dậy đã thấy tôi ăn mặc chỉnh tề; thế nhưng tôi không nói cho hăn biết vì sao. Qua cửa sổ tôi ngắm một lúc bầu trời xanh với những mảnh mây rách bươm trôi lơ lửng, xa xa bờ biển Krưm trải dài thành một dải màu tím nhạt và cuối cùng là một mũi đất mang trên mình cái tháp hải đăng trắng lấp lánh, sau đó tôi tới pháo đài Phanagoria để hỏi ông chỉ huy trưởng pháo đài xem lúc nào có thể đáp tàu đi Ghelengích.

Nhưng chao ôi! Ông chỉ huy trưởng không thể cho biết một chút gì chắc chắn cả. Những chiếc tàu mà tôi thấy ở bến thì hoặc là tàu bảo vệ bờ biển hoặc là tàu buôn thậm chí chưa ăn hàng. "Có lẽ độ ba bốn hôm nữa tàu chở thư mới tới, - ông chỉ huy trưởng nói, - lúc ấy ta sẽ liệu". Tôi ra về trong lòng rất bức dọc. Tên lính Kôđắc đợi tôi trên ngưỡng cửa, vẻ mặt hết hoảng:

- Bấm quan lớn, lại không xong rồi! hăn nói với tôi.

- Nhưng anh bạn ơi, có trời biết khi nào chúng ta mới rời khỏi được nơi này! - Lúc ấy hăn càng tỏ ra lo sợ hơn, và hăn nghiêng người về phía tôi, nói nhỏ:

- Ở đây tồi tệ lắm! Hôm nay, tôi có gặp một ông trung sĩ Kôđắc gốc Hắc Hải, tôi có quen ông ta, ông ta cùng ở một đội với tôi năm ngoái; tôi có nói chỗ chúng ta trú ngụ, ông ta đã bảo tôi: "Này ông bạn ơi! Nơi ấy tồi tệ lắm... Toàn bọn người bất lương..."

Mà đúng vậy, cái thằng mù kia thế nào mà cứ một mình đi khắp nơi: đi chợ, đi múc nước, đi mua bánh mì thế nhỉ?.. Hình như ở đây người ta đã quen thấy nó như thế...

- Thế thì sao! Ít ra hôm nay mẹ chủ cũng xuất hiện rồi chứ?

- Hôm nay lúc ngài đi vắng, một mẹ già đã tới cùng với đứa con gái mẹ.

- Con gái nào? Mẹ ta làm gì có con gái?

- Nhưng có trời mà biết được con mẹ ấy, nếu không phải con, thì chả hiểu con bé là ai? Mà kia kia, mẹ ta đang ở trong nhà đấy.

Tôi vào nhà: lửa cháy trong lò nóng rực, trong lò đang nấu bữa ăn trưa, một bữa ăn khá thịnh soạn đối với người nghèo. Đáp lại tất cả những câu hỏi, mẹ già nói là mẹ điếc không nghe thấy gì cả. Biết làm thế nào với mẹ ta bây giờ? Tôi ngoảnh sang thằng mù đang ngồi trước lò ném cành khô vào lửa. "Thế nào, thằng quý mù này, - tôi vừa nói vừa véo tai nó, - mà nói đi, đêm qua mà xách cái bọc đi đâu, hả?". Bỗng nhiên thằng mù của tôi khóc toáng lên và kêu ôi ôi: "Tôi đi đâu đấy ư?.. Tôi hông đi đâu cả!.. lại mang theo cả cái bọc nữa kia? làm gì có cái bọc nào?" Lần này thì mẹ già nghe được, mẹ càu nhàu: "Thiên hạ chỉ được cái khéo bịa chuyện, mà lại bịa đặt cho cái kẻ tàn tật nữa kia chứ! Ông muốn làm gì nó? Nó đã làm gì ông?". Thế là tôi chán ngấy. Tôi bỏ ra ngoài, định tâm quyết tìm cho ra manh mối cái việc bí hiểm kia.

Tôi cuộn mình trong chiếc áo khoác và ngồi xuống một hòn đá bên hàng rào, đưa mắt nhìn ra xa: Trước mắt tôi, biển rộng mênh mông, còn xáo động vì cơn bão hồi đêm. Tiếng sóng biển đều đều như tiếng rì rầm của một thành phố đang ngủ, làm tôi nhớ đến những năm xưa khiến tôi thấy hồn bay về phương Bắc, về thủ đô giá buốt của chúng ta. Chìm đắm trong những kỷ niệm, tôi quên bứt tất cả... Gần một giờ trôi qua như thế, có lẽ là hơn.

Bỗng nhiên, có tiếng gì đó nghe như tiếng hát vắng đến tai tôi. Đúng, đó là tiếng hát, một giọng nữ tươi mát - nhưng từ đâu vọng đến?.. Tôi lắng tai... Đó là một giai điệu cổ, khi thì chậm rãi và buồn, khi lại nhanh và vui. Tôi ngó quanh, không một bóng người. Tôi lại lắng tai nghe, những âm thanh như từ trên trời rơi xuống. Tôi ngược mắt nhìn lên: đứng trên mái

nhà tôi ở là một cô gái mặc áo kẻ sọc, những bím tóc buông xõa, một nàng tiên cá đích thực rồi! Tay che mắt tránh những tia sáng mặt trời, nàng đắm đắm nhìn về phía xa, khi thì cười nói một mình, khi thì lại cất tiếng hát.

Bài hát ấy tôi nhớ từng lời:

Những con tàu xinh xinh

Những con thuyền buồm trắng

Đi lại trên biển xanh

Như giữa đời phóng khoáng.

Con thuyền nhỏ của tôi

Con thuyền không thiết bị,

Chỉ hai mái chèo thô,

Đi giữa tàu thuyền ấy.

Bảo tố có nổi lên.

Những tàu thuyền lão luyện

Dâng cánh bay nhẹ nhàng

Tung hoành trên sóng biển.

Còn tôi sẽ rập mình

Cúi lạy xin với biển:

“Ôi hung dữ biển khơi,

Thuyền tôi biển dừng động;

Con thuyền tôi chở nặng

Những báu vật tuyệt vời,

Lái thuyền trong đêm tối

Ngang tàng một chàng trai”.

Tôi chợt có ý nghĩ rằng đó chính là cái giọng nói tôi đã nghe thấy đêm trước; tôi nghĩ ngợi một lát, và lại nhìn lên mái nhà, thì cô gái đã biến đâu mất... Đột nhiên cô chạy lướt qua mặt tôi miệng hát một bài hát khác, bẻ ngón tay kêu răng rắc, rồi chạy thốc vào nhà mụ già, và ngay lúc đó có tiếng cãi cọ. Cô gái cười khanh khách, còn mụ già thì nổi cáu. Thế rồi tôi

lại thấy con thủy quái của tôi chạy nhảy tâng tâng, khi đến gần tôi, cô dừng lại và chăm chú nhìn thẳng vào mắt tôi như ngạc nhiên vì thấy tôi ở đây; sau đó cô quay ngoắt đi về khinh mạn và thong thả đi ra bến tàu. Nhưng đâu đã hết: suốt ngày cô cứ lờn vờn quanh nhà, nhảy nhót và hát hồng luôn mồm. Một cô gái kỳ lạ! Trên mặt cô không có vẻ gì là điên dại. Trái lại, cặp mắt cô nhìn tôi một cách sắc sảo, tinh ranh, và cặp mắt ấy hình như có cái tài áp đảo đầy ma lực, và lúc nào nó cũng có vẻ như chờ một câu hỏi. Nhưng hễ tôi mở miệng là cô bé chạy mất, miệng cười quỷ quyệt.

Quả là tôi chưa hề thấy một người đàn bà nào như thế. Cô bé không có gì là đẹp, nhưng tôi lại có quan niệm riêng về cái đẹp đàn bà. Ở cô còn có nhiều huyết thống... huyết thống ở đàn bà, cũng như của những con ngựa cái, đó là điều vĩ đại; chính nước Pháp trẻ trung đã khám phá ra điều này. Nó, tức là huyết thống chứ không phải nước Pháp trẻ, biểu lộ rõ rệt nhất ở dáng dấp, ở đôi tay và đôi chân; nhất là mũi, cái có rất nhiều ý nghĩa. Ở nước Nga, một cái mũi hài hòa hiếm hơn là một đôi chân nhỏ nhắn. Con chim nhỏ của tôi trông không quá mười tám. Thân hình cô uyển chuyển tuyệt diệu, cái dáng điệu nghiêng đầu của cô mới thật độc đáo, một dáng điệu chỉ riêng cô có, mái tóc dài màu vàng sẫm, nước da hơi r ám nắng ở cổ và vai nổi ánh vàng rực rỡ; nhất là cái mũi cân đối của cô, tất cả đều làm cho hồn tôi mê mẩn. Mặc dù trong ánh mắt liếc ngang liếc dọc của cô tôi vẫn thấy một cái gì như hoang dã và khả nghi, tuy nụ cười kia luôn luôn chứa đựng một cái gì mơ hồ, nhưng đó là sức mạnh của những định kiến, cái mũi cân đối đã làm tôi mất trí. Tôi tưởng mình đã tìm thấy nàng Minông của Gơơ [24*], một sáng tạo kỳ quái của óc tưởng tượng kiểu Đức, - mà quả là giữa hai người có nhiều điểm giống nhau: hai người cùng có những biến đổi mau lẹ về tâm tình như nhau: đang xúc động ghê gớm bỗng trở lại tĩnh lặng hoàn toàn, cũng có những cách nói khó hiểu, cũng có dáng đi nhảy nhót, cũng có những khúc ca kỳ lạ như vậy.

Vào lúc chập tối tôi chặn cô lại bên ngưỡng cửa và nói với cô câu chuyện như sau:

"Này cô em xinh đẹp, hãy nói ta nghe, - tôi hỏi cô, - hôm nay cô em làm gì trên mái nhà thế hả?" - "Em lên xem gió thổi từ đâu tới" - "Để làm gì vậy?" - "Gió từ đâu tới thì hạnh phúc cũng từ nơi ấy về" - "Cô nói sao? Chẳng lẽ cô hát để gọi hạnh phúc ư?" - "Đâu có lời ca, nơi ấy có hạnh phúc" - "Nhưng lời tiếng hát của cô lại gây cho mình đau khổ nhiều hơn thì sao?" - "Chao ôi, biết nói sao? nơi nào không tốt đẹp lên, nơi ấy ắt sẽ xấu đi, nhưng từ tốt đến xấu có xa nhau là mấy". - "Ai đã dạy cô bài hát này?" - "Chả ai dạy cả, em nghĩ sao thì hát vậy, ai cần nghe thì nghe, còn những ai không cần, sẽ chả hiểu gì đâu" - "Thế tên cô là gì, hỡi nàng tiên ca hát của tôi?" - "Ai đã đặt tên thì người ấy biết" - "Nhưng người đặt tên đó là ai?" - "Làm sao em biết được" - "Sao mà bí hiểm thế vậy mà ta vẫn biết đôi điều về cô rồi đây!". (Cô ta không thay đổi sắc mặt, không hé răng, tuồng như việc này chả liên quan gì đến cô). "Ta biết đêm qua cô em đã ra bờ biển". Và ngay lúc đó, với vẻ mặt nghiêm trang tôi nói lại với cô tất cả những điều tôi đã chứng kiến, tưởng rằng tôi sẽ làm cô lúng túng, - không may may! Cô cười phá lên: "Ông đã thấy nhiều nhưng không biết được bao nhiêu đâu, còn những gì ông biết thì hãy để bụng" - "Nhưng nếu giả dụ tôi lại đi mách với ông chỉ huy trưởng thì sao?" và lúc ấy tôi đã làm ra vẻ rất đứng đắn đến mức như nghiêm khắc. Đột nhiên cô bé nhảy cẫng lên một cái, miệng cất tiếng hát và biến mất như một con chim sợ hãi vụt bay lên khỏi bụi rậm. Những lời tôi nói sau cùng thật là không phải lúc. Bây giờ tôi đâu có ngờ được hết tầm quan trọng của chúng, nhưng sau đó tôi đã có dịp để hối hận.

Đêm vừa xuống, tôi ra lệnh cho người lính Kôđắc đun ấm nước như mọi khi đóng quân ngoài trời. Tôi thả nển lên và ngồi xuống cạnh bàn, hút thuốc bằng chiếc tẩu đi đường. Tôi vừa uống xong chén trà thứ hai thì thành linh nghe tiếng cánh cửa kêu kèn kẹt một tiếng rồi phía sau có tiếng áo sột soạt và tiếng chân bước nhẹ; tôi rùng mình và quay lại - đúng là nó, con thủy quái của tôi! Cô bé lặng lẽ và khẽ khàng ngồi xuống trước mặt tôi và đôi mắt cô đăm đăm nhìn tôi, và không hiểu tại sao, cái ánh mắt ấy đối với tôi lại trĩu mền đến thế; nó làm tôi nhớ tới một trong những ánh mắt thuở xưa đã đùa bỡn đời tôi một cách độc đoán. Cô ta như đợi tôi hỏi, nhưng tôi

vẫn nín thình, lòng rạo rức khôn tả. Mặt cô ta phủ một lớp màng tái mét không chút sinh khí, biểu lộ tâm hồn bị kích động; tay cô sờ soạng vẫn vờ trên bàn, và tôi thấy cô hơi hồi hộp; ngực cô khi thì phồng cao lên khi thì như cố nín thở. Tôi đã bắt đầu chán cái tấn trò này, và đang định phá tan sự im lặng bằng một cách rất phàm tục, nghĩa là mời cô xơi chén trà, thì đột nhiên cô chồm dậy, đưa hai tay bá lấy cổ tôi, và hôn đánh chụt một cái lên môi tôi, một cái hôn ướt át và nóng hổi. Mắt tôi hoa lên, đầu tôi choáng váng, tôi ôm ghì lấy cô với tất cả sức mạnh của đục vọng tuổi trẻ, nhưng cô bé đã luồn khỏi tay tôi như một con rắn, và ghé vào tai tôi thì thầm: "Tối nay khi mọi người đã ngủ, anh nhớ ra bờ biển", - rồi nhanh như tên bắn, cô chạy vụt ra khỏi phòng. Ra đến phòng ngoài cô vấp làm đổ cả ấm nước và ngọn nến để trên nền đất. "Rõ đồ yêu tinh" - người lính Kôđắc kêu lên; lúc ấy hẳn ta đã ngồi trên ổ rơm và đang mong được uống nốt chỗ trà thừa cho ấm bụng. Mãi lúc ấy tôi mới như bừng tỉnh lại.

Đúng hai giờ sau, khi mọi vật trên bến tàu đã im ắng, tôi mới đánh thức anh lính Kôđắc dậy và bảo hẳn: "Nếu nghe thấy tiếng súng ta bắn thì chạy ngay ra bờ biển". Hẳn mở to đôi mắt, đáp như cái máy: "Bấm quan lớn, vâng ạ!". Tôi dặt khẩu súng ngắn vào thắt lưng và đi ra. Cô ta đứng đợi tôi gần bờ dốc đi xuống biển; cô ăn mặc quá mỏng manh, tấm khăn nhỏ quấn chặt lấy cái eo mềm mại.

"Hãy theo em!" - cô ta vừa nói vừa nắm lấy tay tôi, và chúng tôi đi xuống. Đến nay tôi vẫn không hiểu sao tôi lại không bị ngã gãy cổ; đến chân dốc, chúng tôi rẽ về phía phải, và đi trên con đường tôi đã đi theo thẳng mù đêm hôm trước. Trăng chưa lên và chỉ có hai ngôi sao nhỏ giống như hai ngọn hải đăng cứu hộ, lấp lánh trên nền trời xanh đen.

Sóng biển nặng nề lăn đi, nhấp nhàng và đều đặn hết đợt này đến đợt khác, nhẹ nâng con thuyền cô quạnh đậu bên bờ. "Chúng ta lên thuyền đi!", - cô bạn đồng hành của tôi nói, tôi do dự - tôi không ham thích những cuộc dạo chơi tình cảm trên mặt biển; nhưng thoái lui thì đã muộn. Cô nhảy lên thuyền, tôi lên theo sau, và tôi chưa kịp trấn tĩnh thì đã thấy thuyền bỗng bành trôi ra. "Thế nghĩa là thế nào?" - tôi hỏi xãng giọng. "Thế nghĩa là - cô

ta vừa đáp vừa dìu tôi ngồi xuống và đưa hai tay ra và ôm lấy người tôi, - thế nghĩa là em yêu anh!". Cô áp má vào má tôi, và tôi cảm thấy trên mặt mình hơi thở nồng cháy của cô. Thành linh một vật gì rơi tồm xuống nước; tôi đưa tay lên thắt lưng - súng ngắn đâu mất rồi! Thế là trong đầu tôi hiện lên ngay một mối nghi ngờ rùng rợn, máu bốc lên đầu! Tôi ngoảnh lại - chúng tôi đã ra xa bờ tới gần năm mươi xagien [25*], mà tôi thì không biết bơi! Tôi muốn ấy cô ta ra nhưng nó cứ bám lấy quần áo tôi như con mèo, và đột nhiên nó hất mạnh một cái làm tôi suýt nữa thì lằm tòm xuống biển. Thuyền chòng chành, nhưng tôi vẫn giữ được thăng bằng, và hai đứa bắt đầu một cuộc vật lộn ác liệt; cơn điên khùng làm sức tôi tăng lên gấp bội, nhưng chẳng mấy chốc tôi nhận ra rằng đối phương nhanh nhẹn hơn tôi nhiều... "Mày muốn gì?" - tôi hét lên, bóp chặt đôi bàn tay bé nhỏ của nó; ngón tay nó kêu răng rắc, nhưng nó không hề kêu lên một tiếng; với bản tính hiểm độc nó chịu đựng được cơn thử thách này.

"Mày đã thấy, - nó nói, - mày sẽ tố giác chúng tao!", và dốc hết toàn lực siêu nhiên nó vật tôi ngã xuống mạn thuyền; nửa mình trên của hai đứa chúng tôi đã nhô ra ngoài thuyền; tóc nó chấm nước; giờ phút quyết liệt. Tôi tì đầu gối xuống lòng thuyền, một tay túm tóc, một tay bóp cổ họng, nó buông áo tôi ra, và tôi xô ngay nó xuống biển.

Trời khá tối; đầu nó nhấp nhô hai lần giữa đám bọt biển rồi sau đó thì tôi không thấy gì nữa...

Dưới đáy thuyền, tôi tìm thấy một nửa cái bơi chèo cũ, và cố gắng mãi rồi tôi cũng cập được vào bờ. Lúc men theo bờ biển để về nhà, tự nhiên tôi ngoảnh sang phía mà đêm trước thằng mù đã ra đợi người lái dò đêm; trăng tròn đi trên bầu trời, và tôi có cảm giác hình như có ai đó bận đồ trắng ngồi trên bờ; tò mò, tôi rón rén lại gần, và nằm bẹp xuống cỏ trên đỉnh bờ vực. Nhô đầu ra một chút, và từ trên vách đất tôi có thể thấy tất cả những việc xảy ra ở phía dưới và tôi không chút ngạc nhiên mà còn lấy làm vui thích khi nhận ra đó là nàng tiên cá của tôi. Cô đang vuốt bọt biển khỏi mái tóc dài; chiếc áo ướt dính bết vào người làm nổi bật lên tấm thân mềm mại và cặp vú cao căng phồng. Trong chốc lát từ phía xa một chiếc thuyền ló ra

rồi lướt mau tới. Cũng như hôm qua, một người đàn ông đầu đội mũ Tatar nhưng tóc lại cắt theo kiểu Kôđắc bước lên bờ và một con dao to lủng lẳng ở thắt lưng. "Iăngkô - cô nói, hông hết rồi!" - Sau đó câu chuyện giữa họ còn dài nhưng tiếng nói nhỏ đến nỗi tôi không nghe được. Cuối cùng Iăngkô cao giọng hỏi: "Còn thằng mù, nó đâu?" - "Em đã bảo nó đi rồi" có tiếng đáp lại. "Vài phút sau thì thằng mù xuất hiện, lưng cồng một cái bị; chúng đặt bị lên thuyền.

- Mù này, nghe tao nói đây, - Iăngkô nói, - mà y cứ giữ lấy chỗ đó... mà y biết không? Đó là những hàng quý giá... hãy nói với... (tôi không nghe rõ tên), tao không làm đầy tớ cho nó nữa đâu, ở đây không ổn rồi, hăn sẽ không gặp lại tao nữa đâu; bây giờ nguy hiểm lắm, tao đi kiếm việc ở nơi khác đây, và hăn sẽ không tìm được một người táo gan như tao nữa đâu. Và hãy nói với hăn là giá như hăn trả khá hơn thì lão Iăngkô này đã không bỏ hăn; còn tao, đi đâu tao cũng có việc miễn là nơi ấy có gió thổi và biển gầm! Sau một phút im lặng hăn nói tiếp: "Cô ấy không thể ở đây được, cô ấy sẽ đi với tao. Nói với mẹ già là đã đến lúc nên về với Diêm vương, sống thế đủ rồi, cũng phải biết điều một chút chứ. Mẹ không còn gặp được chúng tao nữa đâu.

- Còn tôi? - thằng mù nói giọng van vãn.

- Mà y còn muốn tao dùng mà y làm việc gì? - đó là câu trả lời.

Trong lúc ấy con thủy quái đã nhảy vào thuyền và ra hiệu cho tình nhân. Iăngkô đặt một vật gì vào tay thằng mù và nói: "Đây, cho mà mua bánh" - "Chỉ có thể này thôi ư?" - đứa bé nói. "Thì đây nữa" - một đồng tiền rơi xuống đá kêu keng một tiếng. Thằng mù không nhặt. Iăngkô nhảy lên thuyền, gió từ phía bờ thổi ra; chúng căng một chiếc buồm con rồi lướt ra xa rất nhanh. Dưới ánh trăng, chiếc buồm trắng còn thấp thoáng hồi lâu giữa những ngọn sóng tối sẫm: Thằng bé mù vẫn ngồi trên bờ, và đột nhiên tôi nghe thấy tiếng gì đó như tiếng khóc nức nở. Thằng bé mù khóc thật, nó khóc rất lâu, khóc mãi... Tôi thấy buồn. Tại sao số mệnh đã quăng tôi vào giữa cuộc sống yên tĩnh của đám người buôn lậu chân chất kia? Như một

hòn đá rơi vào dòng suối phẳng lặng, tôi đã đến phá cuộc sống bình yên của họ, và bản thân tôi suýt nữa thì cũng chìm xuống đáy biển như hòn đá vậy!

Tôi trở về. Ở phòng ngoài ngọn nến sắp cháy hết nỗ tí tách trong một cái đĩa bằng gỗ; mặc dầu đã được lệnh, người lính Kôđắc của tôi vẫn ngủ say ly bì, hai tay ôm súng. Tôi để mặc hẳn ta ngủ và cầm lấy cây nến đi vào nhà. Than ôi! cái tráp của tôi, cây kiếm đốc bạc và con dao nhọn vùng Đaghextan của một người bạn cho, tất cả đều biến mất. Lúc ấy tôi mới đoán ra thằng mù chết tiệt đã mang trên lưng những thứ gì? Tôi thúc một cú mạnh, đánh thức tên lính Kôđắc dậy. Tôi tức giận la mắng anh ta, nhưng còn làm thế nào được nữa! Đi trình nhà đương cục là một thằng bé mù đã đánh cắp của mình và một đứa con gái mười tám tuổi suýt nữa đã làm mình chết đuối, thì liệu có phải là làm trò cười cho thiên hạ không?

Lạy chúa, sáng hôm ấy tôi có thể lên đường đi ngay, và thế là tôi từ già Taman. Số phận mù già và thằng mù ra sao tôi không biết. Và lại, những nỗi vui và đau buồn của người đời đâu có quan hệ gì đến tôi, một sĩ quan đang giữa hành trình với tờ công vụ lệnh tầm cỡ quốc gia.

II. NGƯỜI TIN ĐỊNH MỆNH

Có lần không hiểu bằng cách nào tôi lại trú ngụ trong một làng Kôđắc ở phía tả ngạn, ở đấy có một tiểu đoàn bộ binh đóng quân; các sĩ quan tối nào cũng tụ tập nhau chơi bài, cứ lần lượt, hết ở nhà này đến nhà kia.

Một buổi tối, sau khi đã chán đánh bài và quăng bài vào học bàn, chúng tôi còn ngồi nán lại rất lâu ở nhà ông thiếu tá X; khác với mọi hôm, câu chuyện hôm ấy rất thú. Người ta bàn tán rằng cứ như điều mê tín của người Hồi giáo thì dường như số phận con người đều được ghi sẵn trong Sổ Thiên tào, và điều này cả trong chúng ta, những người Cơ đốc giáo, cũng có nhiều người ái mộ; và người nào cũng dẫn ra những trường hợp dị thường đủ loại, hoặc pro hoặc contra^[64*].

- Tất cả những điều ấy, thưa các ngài, cũng không chứng minh được gì cả, - ông thiếu tá già nói, - vì không ai trong các ngài đã từng chứng kiến những trường hợp kỳ lạ mà các ngài đưa ra để khẳng định ý kiến của mình...

- Tất nhiên, không ai cả, - đa số trả lời, - nhưng chúng ta đã nghe từ miệng những người đáng tin cậy...

- Tất cả những chuyện ấy đều là ba láp tất! – có ai đó lên tiếng – ai là người đáng tin cậy đã từng thấy quyển sổ Thiên Tào có ghi sẵn giờ chết của chúng ta?.. và nếu có tiền định thật thì trời phú cho chúng ta ý chí, lý trí để làm gì? Tại sao chúng ta lại phải chịu trách nhiệm về hành động của chúng ta?

Vừa lúc ấy, một sĩ quan ngồi trong góc phòng, đứng dậy và chậm rãi tiến lại gần bàn, đưa mắt nhìn mọi người xung quanh, điềm tĩnh và nghiêm trang. Đó là một người gốc Xerbu^[65*] nghe cái tên anh cũng đủ biết. Bề ngoài của trung úy Vulich nom rất hợp với tính cách của anh. Tâm vóc cao to và nước da đen giòn, tóc đen, đôi mắt đen sắc sảo, cái mũi to nhưng cân đối, một thuộc tính của dân tộc anh, nụ cười buồn bã và lạnh lùng luôn luôn

nở trên môi anh, - tất cả những nét đó tuồng như tương hợp nhau tạo cho anh cái vẻ một con người đặc biệt, không tài nào bày tỏ được ý nghĩ và những ham muốn của mình với những ai mà số phận đã trao cho anh để làm bạn.

Anh can đảm, ít nói nhưng giọng rắn rỏi; anh không kể với một ai những chuyện bí mật của gia đình và tâm tư tình cảm của mình; anh hầu như không bao giờ uống rượu, không hề ve vãn những cô gái Kôđắc có vẻ đẹp khó hình dung nếu chưa thấy bao giờ. Tuy nhiên người ta đồn rằng bà đại tá lại không hề dừng dưng với cặp mắt tình tứ của anh; nhưng khi có ai nói bóng gió tới điều đó thì anh nổi cáu thật sự.

Chỉ có một đam mê mà anh không hề giấu giếm là đánh bạc. Bên chiếc bàn xanh anh quên tất, và thường là thua; nhưng những lần thường xuyên đen bạc ấy càng làm cho anh cay cú hơn. Người ta kể rằng có lần, trong cuộc hành quân ban đêm, anh ta đã ngồi ngay trên xe để cầm cái, canh bạc ấy anh đổ lạ lòng. Đột nhiên có tiếng súng nổ vang, báo động nổi lên, mọi người đều chồm dậy và đâm bổ đến chỗ để súng. “Đặt cửa đi đã!” - Vulich vẫn ngồi yên lớn tiếng gọi một con bạc cay cú nhất trong bọn “Cửa bảy!” - anh này vừa đáp vừa chạy ra ngoài. Mặc cho cảnh nhốn nháo chạy tứ tung, Vulich vẫn trang xong bài và rút ra một con.

Khi anh có mặt trên chiến tuyến thì cuộc giao tranh đã trở nên ác liệt. Nhưng Vulich không đếm xỉa đến đạn bay và kiếm xả của tụi Tsetsen: anh còn mãi tìm con bạc vận đỏ kia.

- Đúng cửa số bảy! - anh kêu lên, rút cục anh tìm thấy người này giữa đám pháo thủ đang bắt đầu dồn kẻ địch ra khỏi rừng rậm, và anh tới gần, rút hết ví to, ví nhỏ ra và trao cho người gập vận dù anh này phản đối: đây không phải là toán nợ nần. Khi đã làm xong cái bốn phận khó chịu ấy, anh xông lên phía trước, lôi cuốn đội lao theo mình, và anh đã hết sức bình tĩnh bắn nhau với tụi Tsetsen cho đến phút cuối cùng của cuộc chiến.

Lúc trung uý Vulich đến gần bàn, mọi người im bật, chờ đợi ở anh một trò tình nghịch độc đáo.

- Thưa các ngài! - anh ta nói (giọng anh nói bình tĩnh tuy âm điệu có hơi thấp hơn lúc thường), - thưa các ngài! Sao lại cứ bàn cãi suông thế mãi phỏng được ích gì? Các ngài muốn có chứng cứ ư: tôi đề nghị lấy ngay bản thân mình ra làm thử nghiệm xem con người có thể tự do định đoạt lấy cuộc đời mình được không, hay là đối với mỗi người chúng ta cái giờ phút tận số đã được định đoạt trước rồi... Ai muốn thử nào?

- Không phải tôi, tôi chịu thôi! - người ta nhao nhao lên nói, - kỳ quặc đến thế là cùng! Nghĩ ra cái trò quái gì thế không biết!..

- Tôi xin cuộc đấy! - tôi nói đùa.

- Cuộc thế nào?

- Tôi khẳng định rằng không có định mệnh, - tôi vừa nói vừa quăng lên bàn chừng hai mươi đồng tiền vàng, - tất cả số tiền tôi có trong túi.

- Tôi nhận cuộc, - Vulich đáp, giọng khàn khàn. - Thưa thiếu tá, ngài sẽ là trọng tài hộ; mười lăm đồng vàng đây, và ngài còn nợ tôi năm đồng nữa. Vậy xin ngài làm ơn bỏ số ngài nợ đó vào số tiền này cho đủ.

- Được! - thiếu tá nói, - duy có điều là quả thật tôi chả hiểu đầu đuôi ra sao, cũng không biết các anh sẽ giải quyết vấn đề tranh chấp như thế nào?..

Chẳng nói chẳng rằng, Vulich đi sang phòng ngủ của thiếu tá; chúng tôi theo sau. Anh ta tới chỗ có treo mấy khẩu súng trên tường, tháo hù họa lấy một khẩu súng ngắn. Chúng tôi vẫn chưa hiểu; nhưng khi anh kéo cò súng lên và đổ thuốc nổ vào bầu súng thì nhiều người bất giác la lên và chộp lấy tay anh.

- Anh định làm gì thế? Đây, đó là chuyện điên rồ! - người ta hét vào tai anh. `

- Thưa các ngài! - anh giăng tay ra, thong thả đáp, - ai muốn trả hai mươi đồng vàng thay tôi nào?

Mọi người im bật và tản đi.

Vulich qua phòng bên kia và ngồi vào bàn; tất cả lại theo anh sang; anh đưa tay ra hiệu mời chúng tôi ngồi xuống xung quanh. Mọi người lặng lẽ tuân theo lời anh: lúc này anh đã áp đảo chúng tôi bằng một uy thế thần bí.

Tôi chăm chú nhìn vào tận mắt anh; nhưng bằng một cái nhìn bình thản và dờ dẩn, anh ta đương đầu với cái nhìn xoi mói của tôi, và đôi môi tái nhợt của anh nở một nụ cười; cho dù anh ta vẫn thản nhiên, nhưng tôi vẫn có cảm giác rằng mình đã thấy rõ cái dấu ấn của thần chết trên khuôn mặt trắng bệch của anh ta. Tôi đã từng nhận thấy, và nhiều chiến binh già cũng đã xác nhận lời tôi, là trên khuôn mặt của một người sắp chết, chỉ sau mấy giờ nữa thôi, thường có cái dấu ấn kỳ lạ thế nào ấy của cái số không tránh khỏi, rõ đến nỗi ngay con mắt của một người bình thường cũng khó nhầm lẫn.

- Hôm nay anh sẽ chết! tôi bảo anh.

Anh quay phắt lại phía tôi nhưng trả lời rất điềm tĩnh và chậm rãi:

- Cũng có thể thế, mà cũng có thể không...

Sau đó quay sang ông thiếu tá hỏi: khẩu súng này đã nạp đạn chưa?

Trong cơn bối rối ông thiếu tá không nhớ rõ.

- Thôi đi Vulich, thế đủ rồi! - một người nào đấy lên tiếng, - tất nhiên là đã nạp đạn rồi vì nó treo ngay ở đầu giường, đùa gì mà kỳ khôi quá đỗi!...

- Đùa thộn! - một người khác tiếp lời

- Tôi đặt cuộc năm mươi rúp lấy năm rằng khẩu súng kia chưa nạp đạn! - một người thứ ba kêu lên.

Rồi người ta đặt cuộc thêm nhiều mãi.

Cái nghi thức dài dòng này làm tôi đâm chán.

- Này! - Tôi nói, - có bắn thì bắn đi, không thì treo súng vào chỗ cũ, rồi chúng mình đi ngủ.

- Tất nhiên rồi! - nhiều người tán thành, - ta đi ngủ thôi!

- Thưa các ngài, xin các ngài đừng rời chỗ vội! - Vulich nói, rồi dí họng súng vào trán. mọi người đều ngậy ra như hoá đá.

- Ông Pêtsôrin, - anh ta nói thêm, - ông hãy rút lấy một con bài và tung lên đi.

Tôi cầm lên khỏi mặt bàn - việc này tôi nhớ rõ như vừa mới xảy ra hôm nay - một con át cơ và tung lên không: mọi người đều nín thở; những cặp

mắt tỏ vẻ sợ hãi và tò mò khó tả hết nhìn khẩu súng lại nhìn con bài định mệnh kia, con bài run rẩy trong không khí và chậm chạp rơi xuống; nó vừa chạm tới mặt bàn thì Vulich bóp cò... Đạn không nổ!

- Lạy chúa, may quá! - nhiều người kêu lên, - súng không nạp đạn...

- để xem đã, thế nhưng... - Vulich nói. - Anh ta lại lên cò một lần nữa, rồi nhắm cái mũ cát kết treo trên cửa sổ; một tiếng súng nổ vang, khói um đầu nòng. Khi khói tan, người ta gỡ chiếc mũ xuống: viên đạn xuyên thủng chính giữa mũ và cắm sâu vào tường.

Khoảng ba phút đã trôi qua mà không ai thốt nổi nên lời; Vulich với vẻ thản nhiên nhất trần đời, trút những đồng tiền vàng của tôi sang cái ví mẽ gà của anh.

Một cuộc bàn cãi nổi lên: Tại sao lần thứ nhất đạn lại không nổ; số người thì cho rằng đầu súng chắc là bị tắc, số khác thì lại nói rất khẽ rằng lúc đầu thuốc nổ bị ẩm và sau đó Vulich đã đổ thuốc mới vào; nhưng tôi xin xác nhận sự phỏng đoán thứ hai này không đúng vì trong suốt thời gian ấy tôi không rời mắt khỏi khẩu súng lấy một phút.

- Anh gặp vận đỏ trong cuộc chơi - tôi nói với Vulich...

- Đây là lần đầu tiên trong đời tôi, - anh ta mỉm cười tự mãn và đáp, - lối chơi này thích hơn các lối chơi bài khác.

- Nhưng cũng hơi nguy hiểm hơn.

- Sao? Bây giờ thì anh bắt đầu tin ở định mệnh rồi chứ?

- Tôi tin; nhưng không hiểu tại sao lúc này tôi vẫn cứ cảm thấy rằng hôm nay sớm muộn gì rồi anh cũng chết...

Thế là cái con người vừa đây đã hết sức bình tĩnh khi dí miệng súng vào trán, lúc này lại bỗng nhiên đỏ mặt và tỏ vẻ lúng túng.

- Thôi thế là đủ! - anh ta đứng dậy nói, - cuộc cá cược của chúng ta đã xong, và giờ thì những lời nhận xét của anh tôi cảm thấy không đúng lúc...

- Anh cầm lấy mũ và bước ra ngoài. Điều đó khiến tôi lấy làm lạ - và cũng không phải là vô cơ đâu!..

Lát sau thì giải tán, ai về nhà nấy, và mỗi người giải thích những hành động rõ ràng của Vulich theo cách riêng của mình, và có lẽ họ đều nhất trí cho tôi là thẳng ích kỷ, vì tôi đã đánh cuộc với một người đang muốn tự sát; cứ làm như không có tôi thì anh ta sẽ không tìm được dịp nào thuận tiện hơn để tự sát vậy!..

Tôi trở về nhà qua những ngõ hẻm vắng trong làng; trăng tròn và đỏ như ánh hồng của đám cháy bắt đầu ló ra sau phía chân trời lờ mờ những mái nhà, các vì sao bình yên lấp lánh trên vòm trời xanh sẫm, và tôi thấy buồn cười khi nhớ đến thuở xa xưa các nhà hiền triết đã nghĩ rằng các vì tinh tú đều quan tâm đến những cuộc tranh giành nhỏ nhen của chúng ta vì một mẩu đất hay vì những cái quyền hão huyền gì đó!.. Và biết nói sao? những cây đèn chong này được đốt lên, theo ý họ, chỉ là để soi sáng những cuộc giao tranh và những ngày hội chiến thắng của họ, vậy mà chúng vẫn cháy sáng như thuở xa xưa, còn những đam mê và những hy vọng của các nhà thông thái này thì đã tắt ngấm từ lâu cùng với bản thân họ, tựa như một đồng lửa nhỏ do một du khách vô tình nào đó đã nhóm lên ở bên bìa rừng! Nhưng cái niềm tin là bầu trời nguyên vẹn với hằng sa số các vì sao đang nhìn họ với một mối quan tâm câm lặng nhưng bền bỉ ấy đã làm cho họ có một ý chí sức mạnh mãnh liệt biết chừng nào!.. Còn chúng ta, những lớp hậu thế đáng thương của họ thì vẫn cứ lang thang hoài trên mặt đất, không một niềm tin và không một chút tự hào, không vui sướng và không sợ hãi, ngoài một mối lo vô thức bóp nghẹt con tim khi chúng ta nghĩ tới cái chung cục không thể tránh khỏi, và chúng ta không có khả năng hy sinh to lớn hơn vì lợi ích của nhân loại, thậm chí cả vì hạnh phúc của bản thân chúng ta, bởi vì chúng ta biết rõ rằng làm gì có cái hạnh phúc đó, và chúng ta đã vô tình đi hết từ hoài nghi này sang hoài nghi khác như ông cha chúng ta đã đi hết từ lầm lẫn này sang lầm lẫn khác, trong khi chúng ta lại không có như họ cả những hy vọng lẫn những niềm khoái lạc tuy chân chính nhưng mơ hồ mà tâm hồn có được trong bất kỳ một cuộc đấu tranh nào với con người hoặc số phận...

Nhiều ý nghĩ khác tương tự nảy ra trong đầu tôi; tôi không nghĩ tiếp tới chúng vì tôi không thích dừng lại ở một ý niệm trừu tượng. Nghĩ ngợi như thế có ích lợi gì?.. Trong buổi thiếu thời tôi là kẻ mơ mộng; tôi thích vuốt ve hết thấy những hình tượng lúc thì âm đạm, lúc thì vui tươi sặc sỡ, cứ hết cái này lại đến cái khác, do óc tưởng tượng háo hức và đầy những bản thảo vẽ ra. Nhưng rồi từ đó trong tôi còn lại được những gì? Chỉ là một sự mệt mỏi như sau một đêm chiến đấu với bóng ma, và một hồi ức mờ mờ đầy luyến tiếc. Trong cuộc chiến đấu vô ích ấy tôi đã làm cạn kiệt hết cả cái hăng say của tâm hồn lẫn sự bền bỉ của ý chí, cái rất cần cho cuộc đời thực; tôi bước vào cuộc đời này sau khi đã sống bằng tưởng tượng và tôi thấy chán chường và bị ối như người đọc một cuốn sách nhạt nhẽo bắt chước một cuốn sách khác mà anh ta đã biết từ lâu.

Việc xảy ra buổi tối hôm ấy gây cho tôi một ấn tượng khá sâu sắc và kích thích thần kinh tôi; tôi không đoán chắc là lúc này tôi có còn tin ở định mệnh nữa hay không, nhưng tối hôm ấy thì tôi tin lắm: chứng cứ rất hiển nhiên, và cho dù tôi có nhạo báng tổ tiên chúng ta và khoa chiêm tinh thiên chí của họ đến mấy thì tôi vẫn cứ vô tình rơi vào vết xe cũ của họ; nhưng tôi đã tự dừng lại một cách đúng lúc trên con đường nguy hiểm ấy, và nguyên tắc của tôi là không dứt khoát bác bỏ một cái gì, cũng không mù quáng tin theo một cái gì, nên tôi đã xếp sang một bên phép siêu hình và bắt đầu nhìn xuống dưới chân mình. Tính thận trọng của tôi đã giúp tôi rất đúng lúc: tôi suýt ngã vì đụng phải một vật gì to to và mềm mềm nhưng rõ ràng là không còn sinh khí. Tôi cúi xuống - trăng chiếu thẳng xuống mặt đường - cái gì thế này? trước mắt tôi là một con lợn bị một nhát kiếm xẻ làm đôi... Tôi vừa đủ thì giờ để xem xét nó thì bỗng nghe thấy tiếng bước chân; hai người lính Kôđắc từ trong ngõ hẻm chạy ra, một người đến bên tôi và hỏi: có thấy một tên Kôđắc say rượu đuổi theo một con lợn không. Tôi nói với họ là tôi không thấy một tên Kôđắc nào cả, và chỉ cho họ xem cái vật hy sinh khốn khổ cho lòng dũng cảm rõ dại của anh chàng Kôđắc kia.

- Thằng giặc khốn kiếp! - người Kôđắc thứ hai nói, - nốc cho đầy rượu mới vào rồi đi bằm vằm tất cả những gì nó vớ được. Ta phải đuổi theo nó ngay, Êrêmêich, phải bắt cho bằng được không thì...

Họ đi rồi, tôi tiếp tục đi theo đường mình, có thận trọng hơn và cuối cùng thì về đến nhà bình yên vô sự.

Tôi trọ ở nhà một người đội kỵ binh già mà tôi mến vì ông tốt tính, và nhất là vì ông có cô con gái, cô Naxtia xinh đẹp.

Cô thường cuộn người trong chiếc áo lông đứng đợi tôi bên cổng rào; trăng chiếu sáng đôi môi duyên dáng đã bị tím ngắt của cô vì trời đêm lạnh. Thấy tôi cô mỉm cười, nhưng tôi đâu có để ý đến cô. “Tạm biệt, Naxtia”, - tôi nói khi đi ngang qua bên cô. Cô như muốn nói một điều gì đó, nhưng rồi chỉ buông một tiếng thở dài.

Tôi khép ngay cánh cửa buồng lại, châm nến và nằm lăn lên giường; có điều giấc ngủ lần này bắt tôi phải đợi lâu hơn mọi ngày. Khi tôi vừa thiếp đi thì phương Đông trời bắt đầu nhạt màu, nhưng rõ ràng là trong Số Thiên tào có ghi rằng đêm ấy tôi không được ngủ. Vào lúc bốn giờ sáng, có ai gõ mạnh hai tiếng vào cửa sổ phòng tôi. Tôi bật dậy: cái gì thế?.. “Dậy ngay, mặc quần áo vào!” có mấy người cùng hét gọi tôi. Tôi vội mặc quần áo và bước ra. “Anh có biết xảy ra chuyện gì không?” Cả ba người sĩ quan đến tìm tôi cùng nói một lúc; mặt mũi họ tái mét như xác chết.

- Gì thế?

- Vulich bị giết chết rồi!

Tôi đứng ngây ra một lát.

- Đúng, bị giết chết rồi! - họ nói, - ta đi thôi, mau lên!

- Nhưng đi đâu chứ?.

- Cứ đi rồi sẽ biết.

Chúng tôi cùng đi. Họ kể cho tôi nghe tất cả những gì đã xảy ra, và chen vào những lời nhận xét về cái định mệnh kỳ lạ đã khiến anh ta thoát khỏi cái chết chắc chắn để rồi sau đó nửa giờ lại bắt anh ta phải chết. Vulich đi một mình trên con đường làng tối om; gã Kôđắc say, kẻ vừa xẻ đôi con lợn

kia, đụng phải anh ta, và có lẽ hẳn đã đi qua, không để ý đến anh, nếu như Vulich không đột nhiên dừng lại, hỏi: “Này, tìm ai đấy, anh bạn?” “Mày!” - tên Kôđắc vừa trả lời vừa cho anh một nhát kiếm và xé đôi anh ra từ vai cho đến gần khoảng tim... Hai người Kôđắc đã gặp tôi lúc này và đi đuổi bắt thẳng giết người, liền chạy tới và khiêng người bị thương lên; nhưng anh ta đã trút hơi thở cuối cùng và chỉ nói được mỗi một câu: “Anh ấy nói đúng!”. Tôi là người độc nhất hiểu được ý nghĩa thâm kín của những lời ấy: câu ấy nói về tôi; tôi đã vô tình báo trước cho người bất hạnh ấy biết vận mệnh của anh ta; linh tính của tôi đã không lừa dối tôi: tôi đã đọc được một cách chính xác trên gương mặt đã biến sắc của anh ta dấu ấn của cái chết cận kề.

Tên sát nhân cố thủ trong một căn nhà trống ở cuối làng. Chúng tôi tới đó. Nhiều phụ nữ khóc than cũng chạy về phía ấy; thỉnh thoảng lại thấy một người Kôđắc chậm chân lao vụt ra đường giắt vội thanh đoản kiếm vào thắt lưng và chạy vượt lên trước chúng tôi. Cảnh huyền ảo thật đáng sợ.

Sau cùng chúng tôi tới nơi. Chúng tôi xem xét: một đám đông tụ tập xung quanh một ngôi nhà mà cửa ra vào và các cửa sổ đều chốt trái ở phía trong. Các sĩ quan và lính Kôđắc bàn tán rất hăng: đàn bà thì tru tréo khóc than và xỉ vả. Trong số đó, đập vào ngay mắt tôi là khuôn mặt đáng chú ý của một bà lão, khuôn mặt đó biểu lộ một nỗi u uất thất vọng điên dại. Bà ngồi trên một khúc gỗ lớn, hai khuỷu tay chống lên đầu gối và hai bàn tay ôm lấy đầu: đó là mẹ tên sát nhân. Đôi môi bà thì thoảng lại mấp máy: bà cầu nguyện hay nguyện rửa? Nhưng dầu sao cũng phải quyết định một phương pháp gì để tóm cho bằng được tên giết người kia. Thế nhưng không một ai dám vào trước. Tôi đến bên cửa sổ và nhìn vào trong qua khe cửa sổ: người đàn ông kia tái nhợt, đang nằm duỗi dài trên sàn nhà, tay phải cầm một khẩu súng ngắn; thanh kiếm còn đẫm máu nằm bên cạnh. Đôi mắt sáng sợ hãi đảo quanh; thỉnh thoảng hẳn lại rùng mình và đưa tay lên vò đầu tuông như đang nhớ lại một cách lơ mờ sự việc hôm qua. Trong cái nhìn lo lắng ấy tôi không thấy gì là quyết liệt lắm và tôi nói với ông thiếu tá

nên ra lệnh cho lính Kôđắc phá cửa và ủa vào trong nhà, vì làm ngay bây giờ thì sẽ có lợi hơn là đợi cho hãn tỉnh hãn.

Vừa lúc ấy, một viên đại úy Kôđắc già tới bên cửa gọi tên hãn; hãn đáp lại.

- Anh đã phạm tội, anh bạn Êphimưt ơ! - đại úy nói, - làm thế có ích gì, thôi hãy hàng đi!

- Tôi không hàng! - hãn trả lời.

- Phải biết sợ Chúa chứ! Vì anh đâu phải là một thằng Tsetsen vô đạo, anh là một tín đồ Cơ đốc trung thực cơ mà; chao ôi, nếu tội lỗi đã làm cho người ta lú lẫn, thì biết làm sao, người ta không ai tránh khỏi cái số của mình!

- Tôi không hàng đâu! - tên Kôđắc hét lên vẻ hăm dọa, và có tiếng lách cách như tiếng nạp đạn vào súng.

- Này, dì ơi! - viên đại úy Kôđắc nói với bà cụ già, - dì hãy nói với thằng con dì đi, có lẽ nó sẽ nghe lời dì... Vì như thế chỉ làm cho Chúa thêm nổi giận thôi. Dì hãy nhìn xem: các ngài đây đã đợi hai tiếng đồng hồ rồi.

Bà lão nhìn chòng chọc vào mặt viên đại úy rồi lắc đầu.

- Vaxili Pêtrôvich! - viên đại úy tới gần ông thiếu tá và nói, - nó sẽ không hàng đâu, tôi biết nó lắm. Nhưng nếu ta phá cửa mà vào thì sẽ có nhiều người chết. Sao ông không ra lệnh bắn bỏ nó đi có hơn không? có một khe hở rộng ở chỗ cửa sổ.

Lúc đó một ý nghĩ lạ lùng nảy ra trong đầu tôi: cũng như Vulich, tôi muốn thử vận mệnh xem sao.

- Hãy khoan đã, - tôi nói, với ông thiếu tá, - tôi sẽ bắt sống nó.

Sau khi ra lệnh cho viên đại úy Kôđắc nói chuyện với hãn và cử ba người lính Kôđắc đứng sẵn bên lối cửa ra vào, sẵn sàng phá tung cửa ập vào để giúp tôi theo hiệu lệnh đã quy định trước, tôi liền đi vòng quanh và đến bên cái cửa sổ vô cùng nguy hiểm kia. Tim tôi đập mạnh.

- Chà, đồ vô đạo! - viên đại úy Kôđắc hét lớn, - mày muốn chế nhạo chúng tao chắc? Hay mày tưởng chúng tao sẽ không làm gì nổi mày? - và

ông ta rán hết ức đập mạnh vào cánh cửa; mắt dán vào khe hở, tôi chăm chú quan sát mọi cử chỉ của tên Kôđắc, hẳn không ngờ tới một cuộc tấn công từ phía này, - và bất thần tôi giật mạnh cửa sổ và nhảy qua bậc cửa sổ, lao chúi đầu xuống. Một tiếng súng nổ sát ngay bên màng tai tôi, viên đạn đã giật mất một bên cầu vai. Nhưng khói mù mịt khắp phòng khiến tên sát nhân không tìm thấy chiếc kiếm ở ngay bên cạnh hẳn. Tôi chộp lấy tay hẳn, lính Kôđắc xông ừa vào và chưa đầy ba phút sau, tên tội phạm đã bị trói và bị dẫn đi, có lính áp giải hẳn hoi. Đám đông tản về. Các sĩ quan chúc mừng tôi, - và quả thực thì cũng có lý do mà chúc mừng đấy chứ!

Sau những việc như thế thì có lẽ chả mấy ai lại không tin ở định mệnh? nhưng đã mấy ai biết chắc là mình tin hoặc không tin vào định mệnh?.. Và chúng ta chả vẫn thường coi ảo giác hoặc sự lầm lẫn của lý trí là niềm tin đó sao!..

Tôi thích hoài nghi tất cả: sở thích đó của trí tuệ không ảnh hưởng gì đến tính cương quyết của tính cách - trái lại, đối với tôi, khi tôi không biết cái gì đang đợi tôi ở phía trước, bao giờ tôi cũng hành động một cách mạnh dạn hơn. Chính vì không có gì tồi tệ hơn cái chết, - mà chết lại là cái ta không tránh được!

Về đến pháo đài, tôi kể cho Marximi Marximich nghe tất cả những việc đã xảy ra với tôi và những điều tôi đã chứng kiến, và tôi muốn biết ý kiến của ông về định mệnh... Thoạt đầu ông không hiểu chữ ấy nhưng tôi cố giải thích cho ông, và đến lúc ấy ông chỉ lắc đầu quày quật rồi nói:

- Hử, tất nhiên rồi! Đó là chuyện quá ư thông thái!.. Và lại cò súng của người châu Á thường hay bị tắc nếu lau chùi không cẩn thận, hoặc ngón tay bóp cò không đủ mạnh. Tôi cũng xin thú thực là tôi chả ưa gì những khẩu súng trường kiểu Tserkex; súng ấy không vừa mắt chúng ta: báng súng thì bè mà phải coi chừng kéo bị cháy xém cả mặt mày... Nhưng kiếm của họ... cái ấy thì tôi xin bái phục...

Sau một lát nghĩ ngợi, ông nói thêm:

- Ừ, thật tội nghiệp cho con người xấu số... Ma quỷ gì xúi bẩy mà đang đem lại đi nói chuyện với một thằng say rượu!.. Và lại rõ là cái số của anh

ta từ thuở lọt lòng đã được định sẵn là như thế rồi!..

Ngoài ra tôi không thể moi thêm được gì hơn ở ông: ông nói chung không thích những cuộc bàn cãi siêu hình.

III. CÔNG TƯỚC TIỂU THƯ MÊRI

Mười một Tháng 5,

Hôm qua, tôi tới Piatigorxkơ thuê một căn phòng ở ngoại ô, một nơi cao nhất, ở chân núi Masuk; vào những lúc trời nổi giông tố, mây sà xuống tận mái nhà tôi. Sáng nay, lúc năm giờ, khi tôi mở cửa sổ thì căn phòng tôi sực nức mùi hương của những bông hoa nở trong mảnh vườn con trước nhà. Những cành anh đào nở hoa nhìn vào cửa sổ phòng tôi, và đôi khi gió rắc những cánh hoa trắng lên bàn làm việc của tôi. Nhà tôi ở, ba mặt trông ra đều là cảnh sắc tuyệt vời. Nhìn về phía Tây là núi ngũ lĩnh Bestu xanh xanh, như "đám mây đen cuối cùng của cơn bão giông vừa lặn"^[26*], phía bắc, ngọn Masuk ngất ngưỡng trông như cái mũ lông của người Ba Tư, che khuất cả một vùng trời, về phía đông, cảnh vật tươi vui hơn: phía dưới, trước mặt tôi là cái thành phố nhỏ, mới mẻ và sạch sẽ khoe màu sắc sỡ; những mạch nước khoáng chữa bệnh chảy rào rào và đám người tứ chiếng ồn ào huyên náo, - phía xa là những ngọn núi chắt chùng như một cái hý trường, càng xa càng xanh hơn, càng mù hơn, còn ở phía cuối chân trời là dãy núi đỉnh phủ tuyết nom như sợi dây chuyền bạc, bắt đầu từ ngọn Kadobéch tới ngọn Enbơrux hai đỉnh... Được sống trên mảnh đất như thế này thật vui sướng xiết bao! Một cảm giác khoan khoái tràn ngập khắp cơ thể tôi. Không khí trong lành và tươi mát như nụ hôn của trẻ thơ; mặt trời rực rỡ, vòm trời biếc xanh – có lẽ chả còn ước ao gì hơn? Đam mê, ham muốn, thương tiếc lúc này cần chi... Nhưng đã đến giờ. Tôi tới suối Elidavêtin, nghe nói là buổi sáng tất cả cái đám người đi tắm suối đều tụ tập ở đấy...

Lúc xuống trung tâm thành phố, đi dọc theo đại lộ tôi gặp vài ba nhóm người mặt mày ủ rũ, đang chậm chạp leo lên núi; phần lớn là những gia đình địa chủ vùng thảo nguyên; điều ấy thấy được ngay qua những chiếc áo duôi tôm đã sờn và không hợp thời trang của các đức ông cũng như qua

cách trang phục tinh tế của các bà và các cô. Tất nhiên là họ đã biết nhắm mắt nhắm mũi đi tắm suối vì thế họ mới nhìn tôi với con mắt tò mò triu mến: chiếc áo ngoài của tôi may theo kiểu Pêterbua làm họ nhâm, nhưng chả mấy chốc, khi đã nhìn thấy chiếc ngù vai quân nhân của tôi, họ liền ngoảnh mặt đi, khó chịu.

Các bà vợ những nhà chức trách địa phương có thể nói là các bà chủ của vùng suối thì lại tỏ ra tử tế hơn; họ mang theo những chiếc kính có cán và ít để ý đến bộ binh phục hơn, họ đã từng gặp ở Kapka những trái tim nồng nhiệt sau những chiếc khuy đánh số và những khối óc có học dưới chiếc mũ cát kết trắng^[27*]. Các bà này rất có duyên, và có duyên một cách lâu dài! Năm nào họ cũng thay tình nhân mới, và có lẽ đó là bí quyết khiến họ nhã nhặn được mãi. Lúc leo lên trên con đường mòn chật hẹp dẫn tới suối Elidavêtin, tôi vượt lên trước một đám đông gồm thường dân và binh sĩ, những người mà sau này tôi mới biết là họ đã họp thành một lớp người đặc biệt giữa những kẻ hy vọng ở sự vận động của nước suối. Họ uống nhưng không phải nước suối, họ ít đi dạo, có tán tình phái đẹp cũng là chuyện nhân thế; họ đánh bạc và phàn nàn vì buồn tẻ. Họ là những chàng công tử bột thả chiếc cốc đựng trong cái giỏ tết bằng liễu gai của mình xuống giếng nước khoáng họ làm bộ như các nhà bác học. Thường dân mang cà vạt xanh lam; quân nhân thì binh phục không cài khuy cổ để lộ ve áo sơ mi. Họ làm ra vẻ rất khinh bỉ những ngôi nhà tình lẻ, ước ao những phòng khách quý phái ở thủ đô, nơi họ không bao giờ được bén mảng tới.

Cuối cùng, tôi đã tới giếng. Gần đấy, trên một bãi đất nhỏ có một căn nhà nhỏ mái đỏ che trên bể tắm, và xa hơn là một dãy nhà cầu để khách dạo khi trời mưa. Có mấy sĩ quan bị thương ngồi trên ghế, nạng để bên, nom xanh xao, buồn bã. Mấy bà mệnh phụ chân bước nhanh, đi đi lại lại trên bãi nhỏ, đợi tác dụng của nước suối. Trong đám ấy có hai, ba gương mặt xinh xinh. Phía trên những lối mòn trong các vườn nho trên sườn núi Masuk, thỉnh thoảng lại thấp thoáng những chiếc mũ sắc sỡ của những bà những cô thích cảnh vắng vẻ chỉ có hai người với nhau, bởi vì bên cạnh chiếc mũ đó bao giờ tôi cũng thấy một chiếc mũ cát kết nhà binh hay là một chiếc mũ tròn

ủng. Trên vách núi đá dốc nơi có tòa phong đình được gọi là Eôlip Arpha - lối nhỏ những người thích ngắm phong cảnh đang chĩa ống nhòm nhìn sang núi Enbơrux; trong số ấy có hai gia sư cùng đám học trò đến đây để chữa bệnh tràng nhạc.

Mệt đứt hơi, tôi dừng lại ở chân núi, và tựa người vào góc một ngôi nhà nhỏ, tôi bắt đầu ngó quanh thì bỗng nghe thấy một giọng nói quen vang lên ở phía sau:

- Pêtsôrin! đến đây lâu chưa?

Tôi ngoảnh lại: Grusnixki! Chúng tôi ôm hôn nhau. Tôi quen anh ta trong một đơn vị tác chiến. Anh ta bị một viên đạn làm bị thương ở chân và tới suối nước khoáng trước tôi một tuần.

Grusnixki là học sinh võ bị mới tại ngũ được một năm. Anh ta làm dáng bằng một cách đặc biệt, mang một chiếc áo ca pốt lính dày cộp và chiếc huân chương Thánh Gióocgiơ, một thứ huân chương thưởng cho lính trơn. Anh ta tầm vóc cân đối, nước da ngăm đen, tóc đen, thoạt nhìn vẻ ngoài người ta tưởng anh đã hai mươi lăm tuổi, mặc dù anh ta chưa đầy hai mươi mốt. Khi nói, anh ta ngửa đầu ra sau và luôn luôn đưa tay trái lên vê ria mép vì tay phải vướng chống nạng. Anh nói nhanh và vắn vẽ; anh thuộc hạng người, trong mọi cảnh đời, đều có sẵn những câu khoa trương, hạng người không xúc động trước cái đẹp và rất thích huênh hoang bằng những tình cảm ly kỳ, những ham muốn cao thượng và những đau khổ khác thường. Điều họ thích nhất là gây được ấn tượng mạnh; những cô gái lãng mạn tình lẻ say mê họ như điên như rồ! Về già, họ trở thành hoặc là những chúa đất an phận, hoặc là những tay nát rượu, đôi khi là cả hai. Trong tâm hồn họ thường có nhiều đức tính tốt, nhưng thơ phú thì không đáng một xu. Điều ham thích của Grusnixki là nói những lời hoa mỹ: khi câu chuyện vừa mới vượt ra ngoài những chuyện thông thường thì anh ta thao thao bất tuyệt; tôi không bao giờ có thể tranh luận được với anh. Anh ta không đáp lại những câu bắt bẻ của anh cũng không nghe anh nói. Các bạn vừa ngừng một tí là anh ta chộp lấy nói ngay một thôi tràng giang đại hải mà ai nấy

đều tưởng là có liên quan ít nhiều đến những điều mình vừa nói, nhưng thật ra thì anh ta vẫn tiếp tục bài diễn thuyết của mình.

Anh ta khá hay châm chọc, những lời châm chọc của anh thường thì cũng vui nhộn, nhưng không khi nào sắc bén và độc ác: Anh ta không có khả năng chỉ dùng một tiếng mà đủ giết được người; anh ta không hiểu người đời, những khía cạnh yếu của họ, vì suốt đời anh ta chỉ lo toan cho bản thân mình. Mục đích của anh ta là trở thành một nhân vật tiểu thuyết. Anh ta thường gắng công làm cho người khác nghĩ rằng mình sinh ra không phải để sống trên thế gian này, rằng anh ta bị đày ải vào những đau khổ huyền bí nào đó, mà điều này thì chính anh ta cũng tin như thế. Đây là lý do tại sao anh ta rất hãnh diện mặc cái áo ca pốt lính thô kệch. Tôi hiểu anh ta lắm nên anh ta không ưa tôi tuy bề ngoài hai bên đều rất thân. Anh ta được tiếng là rất can đảm, nhưng tôi đã từng trông thấy anh ta lúc lâm sự: tay vung kiếm, miệng hét vang và xông lên phía trước nhưng hai mắt lại nhắm nghiền. Đó là cái gì chứ đâu phải lòng dũng cảm của dân Nga!

Tôi cũng không ưa gì anh ta; tôi cảm thấy một ngày kia chúng tôi sẽ chạm trán nhau trên quãng đường hẹp. và một trong hai chúng tôi sẽ gặp tai họa.

Sở dĩ anh ta đến ở Kapka cũng chỉ do đầu óc cuồng tín đầy tính lãng mạn của mình: tôi biết chắc là trước ngày rời quê cha đất tổ, anh đã đeo một vẻ mặt sầu thảm để nói với một cô láng giềng xinh tươi nào đó rằng chuyến này anh ra đi không phải chỉ là để phục vụ mà là đi tìm cái chết, bởi vì chắc chắn lúc ấy anh ta đã đưa tay lên bưng lấy mắt và nói thêm: "Nhưng thôi, nàng (hay em) không nên biết đến điều đó làm gì? Tâm hồn trong sáng của nàng sẽ phải run sợ! Và lại, ích gì? Tôi nào có nghĩa lý gì đối với nàng? Nàng liệu có hiểu được tôi chăng?" và vân vân.

Chính anh ta có lần đã nói với tôi rằng lý do thúc đẩy anh gia nhập trung đoàn K... sẽ muôn đời là điều bí mật, chỉ có trời và anh ta biết mà thôi.

Và chẳng, khi anh ta cởi bỏ chiếc áo bi thảm đi thì trông cũng dễ thương và ngộ nghĩnh. Tôi tò mò muốn ngắm anh ta ở giữa đám đàn bà: lúc ấy, tôi nghĩ chắc hẳn anh ta sẽ tỏ ra tận tụy lắm đấy!

Chúng tôi gặp nhau như đôi bạn cũ. Tôi hỏi anh về lối sống ở vùng nước khoáng và những nhân vật đáng quan tâm ở đây.

- Chúng tôi sống một cuộc đời khá buồn tẻ - anh ta thở dài đáp, - sáng sáng uống nước khoáng và thần thờ uể oải như tất cả mọi người ốm, còn chiều chiều thì uống rượu vang và nhộn nhạo như mọi người khoẻ mạnh khác. Đàn bà thì có nhiều đấy nhưng nhập bọn với bọn họ cũng chẳng phải là nguồn an ủi lớn lao gì: họ chơi bài vixt, ăn mặc thì quê mùa và nói tiếng Pháp thì không chịu nổi. Năm nay, từ Matxkova tới, chỉ có mỗi công tước phu nhân Ligôpxkaia cùng cô con gái; nhưng tớ không quen họ. Chiếc áo lính trên người tớ như là một vết nhơ. Nếu nhờ nó mà có được chút thiện cảm thì cũng nặng nề như của bố thí vậy thôi.

Đúng lúc đó, hai phụ nữ quý tộc đi ngang qua chỗ chúng tôi để tới giếng nước: một người đã đứng tuổi người kia còn rất trẻ, dáng người thon thả. Nét mặt họ bị mũ che khuất nên tôi không thấy rõ, nhưng họ đều ăn mặc rất đúng kiểu phong nhã: không có cái gì thừa. Người phụ nữ trẻ mặc một chiếc áo khếp gris de perles^[28*]; một tấm khăn bằng lụa mỏng quấn lấy cái cổ mềm mại. Đôi giày Couleur puce^[29*] bó chặt lấy cái bàn chân hơi gầy ở nơi mắt cá, nom duyên dáng đến mức làm cho cả những ai ít hiểu về bí mật của sắc đẹp chắc chắn cũng phải kêu lên, dù chỉ vì kinh ngạc. Dáng đi của nàng nhẹ nhàng, nhưng dài các, trong đó có một cái gì như trinh khiết, nhìn thấy nhưng khó tả. Khi nàng đi qua cạnh chúng tôi, một mùi hương lạ lùng toả ra, giống như mùi hương đôi khi ta thấy phảng phất trong những bức thư của người tình.

- Đó là công tước phu nhân Ligôpxkaia, - Grusnixki nói, - và đi cùng với bà là cô con gái mà bà gọi theo kiểu Anh là Mêri. Họ tới đây mới được ba ngày.

- Thế mà cậu đã biết tên nàng rồi kia ư?

- Đúng thế, cũng là ngẫu nhiên mà tớ nghe được thôi - Anh ta đỏ mặt đáp. - Thú thực là tớ không thiết làm quen với họ. Cái hạng quý tộc hợm mình ấy, họ coi quân nhân chúng ta như lũ mọi vật. Họ nào có thèm để ý

đến một bộ óc biết suy nghĩ dưới chiếc mũ đánh số hay một trái tim đang đập sau chiếc áo ca pốt thô kệch?

- Tôi nghiệp cho cái áo ca pốt! - Tôi cười nói, - nhưng cái ông đang đến chỗ họ và đang niềm nở dâng họ hai cốc nước kia là ai vậy?

- Ô! Đó là chàng công tử thành Matxkova, Raievich! Một tay cờ bạc; cứ trông sợi dây chuyền vàng to tướng đang uốn lượn trên ngực áo gi lê xanh lơ của hắn cũng đủ thấy ngay. Và cái gậy nặng nề kia nữa, đúng là cây gậy của Rôbinxơn Kruxô! Đến cả bộ râu và cách chải tóc cũng à la mougik^[30*].

- Cậu có ác cảm với cả thế gian?

- Cũng có lý đấy...

- Ô! Thật thế ư?

Trong khi ấy, hai người đàn bà đã rời khỏi giếng và đi sát cạnh chúng tôi. Grusnixki đã kịp làm điệu bộ bi thảm bằng cái nạng và cao giọng trả lời tôi bằng tiếng Pháp:

Mon cher, je hais les hommes pour ne pas les mépriser car autrement la vie serait une farce trop dégoûtante^[31*].

Cô công tước tiểu thư xinh đẹp ngoạn cổ lại và ban cho diễn giả một cái nhìn tò mò, dai dẳng. Ý nghĩa của cái nhìn đó rất mơ hồ, nhưng không có vẻ gì là chế giễu. Trong thâm tâm, tôi cũng hết sức khen ngợi anh ta về việc đó.

- Công tước tiểu thư Mêri này thật là xinh đẹp! - tôi nói với anh ta. - Nàng có đôi mắt nhưng, đúng, đúng là đôi mắt nhưng, và tôi khuyên cậu nên dùng cái thành ngữ này khi nói tới đôi mắt nàng. Hai hàng mi trên và dưới dài đến nỗi ánh sáng mặt trời không chiếu vào tới con ngươi. Tôi rất thích những đôi mắt không ánh ấy. Nó thật là dịu dàng! Người ta có cảm tưởng nó đang mơn trớn mình... và lại hình như trên mặt nàng chỉ có đôi mắt khả dĩ là xem được thôi. Thế còn răng nàng, có trắng không? Điều cốt yếu đấy! Rất đáng tiếc là câu nói văn vẻ của cậu lại không làm cho nàng mỉm cười.

- Cậu nói đến người phụ nữ đẹp mà cứ như là nói đến con ngựa cái xứ Anh ấy, - anh ta nói về bức dọc.

- Mon cher, - tôi trả lời anh ta, cố bắt chước cái giọng của anh, - Je méprise les femmes pour ne pas les aimer car autrement la vie serait un melodrame trop ridicule^[32*].

Tôi quay gót, bỏ đi. Trong khoảng nửa giờ, tôi dạo trên những lối đi dạo trong vườn nho, trên những vách đá vôi và len lỏi qua những bụi cây con treo lủng lẳng giữa những vách đá. Trời bắt đầu nóng nên tôi rảo bước quay về. Khi đi ngang qua chỗ nguồn nước khoáng tôi đứng lại bên tòa phong đình có mái che để thở dưới bóng râm, tôi đã được dịp chứng kiến một cảnh khá đáng chú ý. Các nhân vật được xếp đặt như sau: bà công tước phu nhân và anh chàng công tử bột Matxkova ngồi trên một chiếc ghế dài dưới mái tòa phong đình; cả hai người đang mãi mê trao đổi một vấn đề gì có vẻ là quan trọng lắm. Công tước tiểu thư chắc vừa uống xong cốc nước cuối cùng, đang mở màng dạo gần giếng. Grusnixki đứng sát ngay bên giếng. Ngoài ra không còn ai khác trên cái bãi nhỏ ấy.

Tôi lại gần và nấp sau góc tường tòa phong đình. Cũng trong lúc đó Grusnixki đánh rơi chiếc cốc xuống cát và cố gắng cúi xuống nhặt, nhưng không được vì chân đau. Tội nghiệp cho anh chàng! Anh ta tì trên nạng, cố tìm mọi cách nhặt lấy chiếc cốc nhưng vô ích. Lúc ấy, nét mặt diễn cảm của anh biểu lộ nỗi đau đớn thực sự.

Công tước tiểu thư Méri đã trông thấy tất cả sự việc ấy rõ hơn tôi.

Nhẹ nhàng hơn cánh chim, nàng chạy vút tới gần anh ta, cúi xuống nhặt chiếc cốc lên và đưa cho anh với một dáng vẻ đẹp vô cùng; sau đó mặt nàng đỏ bừng lên; mắt ngó nhanh về phía tòa phong đình và khi biết chắc rằng mẹ nàng có lẽ không thấy gì hết, nàng lại bình tĩnh ngay. Khi Grusnixki mở miệng định cảm ơn thì nàng đã đi xa. Một phút sau, nàng ra khỏi tòa phong đình cùng với mẹ và anh chàng công tử bột, nhưng khi đi ngang qua gần Grusnixki, nàng lấy dáng điệu rất nghiêm trang và kiểu cách, thậm chí không ngoảnh lại, cũng không nhận thấy anh chàng đang đăm đăm nhìn theo nàng đi xuống núi, nhìn mãi cho tới khi bóng nàng đã

khuất sau dây bồ đề trồng hai bên đại lộ. Thế rồi chiếc mũ trên đầu nàng thấp thoáng qua đường phố, nàng chạy vào cổng của một trong những căn nhà đẹp nhất ở Piatigorxkơ. Bà mẹ theo sau, tới trước cổng, bà còn dừng lại từ giã Raiêvich.

Và chỉ lúc ấy chàng học sinh võ bị si tình tội nghiệp kia mới nhận ra tôi.

- Cậu thấy rồi chứ? - anh ta vừa nói vừa xiết chặt tay tôi, - đó đúng là một thiên thần!

- Tại sao? - tôi hỏi với vẻ mặt rất ngây ngô.

- Chẳng lẽ cậu không thấy ư?

- Có tớ có thấy nàng nhặt chiếc cốc cho cậu. Nếu người gác có mặt ở đấy thì hẳn cũng sẽ làm như vậy, mà còn vồn vã hơn nữa kia, vì hẳn hy vọng là sẽ được thưởng chút tiền uống rượu. Hơn nữa cũng rất dễ hiểu là nàng thương hại cậu: cậu đã nhìn mặt một cách khủng khiếp quá, lúc thì người trên cái chân bị thương...

- Và nhìn nàng lúc ấy cậu không thấy mảy may xúc động khi tâm hồn nàng rực sáng lên trên gương mặt sao?

- Không.

Tôi đã nói dối. Nhưng tôi muốn trêu tức anh ta. Tôi bẩm sinh thích nói ngược lại; cả đời tôi chỉ là một chuỗi những điều nói trái ngược buồn thảm và bất thành, trái với con tim hoặc lý trí: Sự có mặt của một người nhiệt tình cũng đủ làm cho lòng tôi nguội lạnh và tôi nghĩ nếu năng đi lại với một người lãnh đạm héo úa thì chắc hẳn tôi sẽ trở thành một người mơ mộng đắm say. Tôi cũng xin thú thật là lúc ấy, một cảm giác khó chịu nhưng quen thuộc thoáng hiện trong lòng tôi; cảm giác ấy chính là sự đổ kỵ; tôi mạnh dạn nói lên chữ đổ kỵ, bởi vì tôi quen thú nhận với lòng mình tất cả, và vị tất đã có một chàng trai khi gặp một cô gái đẹp đã thu hút hết tâm trí nhàn tản của mình lại không tỏ ra khó chịu vì bỗng nhiên cô ta lại quan tâm đến người khác, mà đối với cô người kia cũng xa lạ chả kém gì anh ta, tôi nói là vị tất đã có một chàng trai như thế (đương nhiên anh ta phải là một con người sống trong giới thượng lưu và quen thói mơn trớn lòng tự ái).

Tôi cùng Grusnixki lặng lẽ đi xuống núi, chúng tôi đi trên con đường trồng cây, qua trước cửa sổ ngôi nhà nàng vừa vào. Nàng ngồi bên cửa sổ. Grusnixki kéo tay áo tôi, và ngược mắt nhìn lên, một cái nhìn trù mẫn ngô nghê không mấy hiệu quả đối với phụ nữ. Tôi thì ngược cái kính cặp mũi chỗ vào nàng và thấy nàng mỉm cười khi Grusnixki nhìn lên, còn khi các kính cặp mũi láo xước của tôi chĩa lên thì nàng nổi giận thực sự. Thật ra thì một gã quân nhân ở cái vùng Kapka này sao lại dám cả gan đưa kính lên nhìn một tiểu thư Matxkova!

13 Tháng 5

Sáng nay ông bác sĩ tới nhà tôi. Ông ta tên là Verne, nhưng lại là người Nga. Điều ấy có gì là lạ? Tôi có quen một ông Ivanôp người Đức.

Verne là người đáng chú ý vì nhiều lẽ. Ông là người theo chủ nghĩa hoài nghi và duy vật, như tất cả các thầy thuốc; thêm vào đó, ông còn là thi sĩ, và nói nghiêm chỉnh thì ông là thi sĩ luôn luôn bằng hành động; và đôi khi bằng lời nói, tuy suốt đời ông chưa hề làm nổi hai câu thơ. Ông đã nghiên cứu những cơ mạch của xác chết nhưng không bao giờ ông biết lợi dụng những kiến thức của mình; ví như đôi khi một nhà giải phẫu không biết chữa bệnh sốt rét. Verne có thói hay nhạo báng ngầm những bệnh nhân của ông, nhưng có lần tôi đã thấy ông khóc trước một người lính hấp hối... Ông nghèo, ao ước có bạc triệu, nhưng không bao giờ bước một bước quá đáng để kiếm tiền: một hôm ông nói với tôi là ông thích giúp thù hơn là bạn, bởi vì làm ơn như thế là bán lòng từ thiện, còn sự oán thù thì lại tăng lên theo tỷ lệ với lòng hào hiệp của kẻ thù. Ông là một người độc miệng: với những lời trào phúng của ông không một người tử tế nào lại không bị xem là ngốc đặc, đối thủ của ông, những thầy thuốc vùng suối nước khoáng, hay ghen tỵ, gieo dư luận rằng hình như ông đã vẽ tranh châm biếm để đả kích bệnh nhân, - những người bệnh này đâm giận, hầu hết không đến khám bệnh ở chỗ ông nữa. Các bạn bè của ông, tức là tất cả những người thực sự đứng đắn đang phục vụ ở Kapka tìm hết cách gây lại ngân quỹ đã bị suy giảm của ông, nhưng vô ích.

Bề ngoài, ông là một người lúc mới gặp người ta thấy khó chịu, nhưng sau đó lại thích một khi đã nhận ra dấu ấn của một tâm hồn từng trải và cao thượng qua những đường nét lệch lạc của con người. Ta đã thấy nhiều người đàn bà say mê say mết những hạng người như thế và họ sẽ chẳng chịu đổi cái hình dạng xấu xí của người đàn ông này để lấy cái vẻ đẹp của hạng Ängđimiôn^[33*] tươi tắn và hồng hào nhất. Phải công nhận rằng đàn bà có linh cảm về cái đẹp tinh thần, và có lẽ vì thế mà những người như Verne yêu họ say đắm.

Verne người tầm vóc bé nhỏ, vừa gầy vừa yếu như một đứa trẻ; chân cao chân thấp như Bairon; đầu to không tương xứng với người: tóc cắt ngắn, những chỗ gồ ghề trên cái sọ bị phơi trần đã làm cho một nhà não tướng học phải kinh ngạc trước sự liên hợp một cách kỳ lạ những khuynh hướng trái ngược nhau. Đôi mắt ông đen, bé nhỏ, luôn luôn lo lắng, cố nhìn thấu vào những ý nghĩ của ta. Trông cách ăn mặc người ta biết ông có khiếu thẩm mỹ và tươm tất sạch sẽ; đôi bàn tay nhỏ, gầy guộc và gân guốc được trang điểm bằng đôi găng tay vàng nhạt. Chiếc áo ngoài, cà vạt và gi lê bao giờ cũng là màu đen. Bọn thanh niên đã mệnh danh ông là Mefixtôfen^[34*] ông làm ra vẻ giận dữ vì người ta gán cho mình cái tên như vậy, nhưng thực ra nó đã mượn trớn lòng tự ái của ông. Chúng tôi chả mấy chốc đã hiểu nhau và trở thành đôi bạn, bởi vì tôi không hay kết bạn: giữa đôi bạn, bao giờ người này cũng là nô lệ của người kia, mặc dầu thông thường chẳng người nào chịu thú nhận điều đó; tôi không thể là nô lệ, còn như sai khiến trong trường hợp này lại là thứ lao động quá ít mệt nhọc, bởi vì muốn sai khiến phải biết lừa dối; vả lại, tôi đã có đầy tớ và đủ tiền bạc rồi. Chúng tôi quen nhau trong trường hợp như thế này: tôi gặp Verne ở X... giữa đám thanh niên đông đảo và ồn ào; cuối buổi họp mặt câu chuyện đã xoay sang chiều hướng triết lý siêu hình; chúng tôi nói đến lòng tin, ý kiến mỗi người một khác.

- Đối với tôi, bác sĩ nói, - tôi chỉ tin một điều là...

- Điều gì? - tôi hỏi, rất muốn biết ý kiến của một người từ này đến giờ vẫn lặng thinh.

- Là, - ông ta trả lời, - sớm hay muộn thì một buổi sớm mai nào đó, tôi cũng sẽ chết.

- Tôi còn phong phú hơn anh, - tôi nói. – và ngoài ta tôi còn có thêm một niềm tin nữa - đó là vào một đêm khốn nạn, tôi đã gặp phải nỗi bất hạnh là đã ra đời.

Tất cả mọi người đều cho rằng chúng tôi nói bậy nói bạ, nhưng quả thật trong số họ không ai nói được một điều gì thông minh hơn. Từ phút ấy chúng tôi đã nhận ra nhau trong đám đông. Chúng tôi gặp nhau luôn và nói chuyện rất nghiêm chỉnh về những vấn đề trừu tượng cho đến lúc cả hai đều nhận thấy rằng chúng tôi đang huyền hoặc lẫn nhau. Thế rồi chúng tôi nhìn thẳng vào mắt nhau một cách trang nghiêm như những thầy giải triệu cổ La Mã đã làm, nói theo lời Xixêrông^[35*], và chúng tôi cười phá lên; sau khi cười no nê, chúng tôi chia tay nhau, rất thỏa mãn về tối gặp mặt.

Tôi đang nằm dài trên đi văng, mắt dán lên trần, tay đặt dưới gáy, thì Verne bước vào. Ông ngồi xuống chiếc ghế bành, đặt cái gậy vào một góc, ngáp một cái và bảo ở bên ngoài trời bắt đầu nóng. Tôi trả lời là ruồi quấy rầy tôi quá thế, rồi chúng tôi lại im lặng.

- Bác sĩ thân mến ơi! - tôi lên tiếng, - anh có nhận thấy rằng nếu không có những thằng ngu thì đời sẽ buồn tẻ lắm!.. Anh xem: hai đứa ta đây đều là hai thằng thông minh; chúng ta biết trước rằng có thể tranh cãi không cùng về đủ mọi thứ, thế cho nên ta không tranh cãi. Chúng ta biết gần hết những ý nghĩ thầm kín của nhau; chỉ một lời thôi, đối với chúng ta cũng là cả một thiên truyện rồi, chúng ta nhìn thấy qua ba lần vỏ cái hạt mầm của từng mỗi cảm xúc của nhau. Cái gì buồn đối với chúng ta lại tức cười và cái đáng cười thì ta lại thấy buồn, nhưng nói chung thì chúng ta quả thực là những kẻ khá thờ ơ với tất thảy sự đời, trừ bản thân chúng ta. Cho nên, chúng ta không thể trao đổi tình cảm và ý nghĩ với nhau được nữa, chúng ta đứa này biết rõ đứa kia tất cả những gì muốn biết, và chúng ta không muốn biết gì hơn nữa. Chúng ta chỉ còn một ước: là kể cho nhau nghe những tin mới. Anh hãy kể cho tôi nghe một tin gì mới mới đi vậy.

Mệt mỏi vì đã nói dài, tôi nhắm mắt lại và ngáp một cái...

Nghĩ ngợi một lúc, ông ta nói:

- Trong bài diễn văn quanh co rắc rối của anh, kể ra cũng có một ý đấy.

- Hai chứ! - tôi trả lời.

- Anh nói cho tôi biết một, rồi tôi sẽ nói cho anh ý kia.

- Được bắt đầu đi! - tôi nói, mắt vẫn nhìn lên trần nhà và cười thầm.

- Anh rất muốn biết những chi tiết gì đó về một trong số những người đã tới vùng suối này, và tôi cũng đã đoán ra người anh quan tâm đó là ai, vì rằng ở đằng kia họ cũng đang hỏi về anh.

- Bác sĩ ơi chúng ta thật không tài nào nói chuyện với nhau được: chúng ta đã thấu tâm hồn nhau quá rồi.

- Bây giờ sang ý thứ hai...

- Ý thứ hai là thế này: tôi muốn bắt anh phải kể cho tôi nghe một điều gì đó cũng được, lý do thứ nhất là nghe thì ít mệt hơn; thứ hai là nói nhiều sẽ lỡ lời, ba là có thể biết được bí mật của kẻ khác, bốn là những người thông minh như anh thích người ta nghe hơn là người ta kể. Và bây giờ thì vào đề: Công tước phu nhân Ligôpxkaia đã nói với anh những gì về tôi?

- Anh có thật tin chắc đó là công tước phu nhân... chứ không phải công tước tiểu thư?..

- Tôi chắc chắn thế.

- Tại sao?

- Vì công tước tiểu thư đã hỏi thăm về Grusnixki rồi.

- Trời phú cho anh có một khả năng nhìn thấu lòng người. Công tước tiểu thư đã nói cô tin rằng người thanh niên mặc áo lính kia đã bị truất chức vì một cuộc quyết đấu...

- Tôi hy vọng là anh đã để mặc nàng mang cái ảo tưởng êm ái ấy?

- Cố nhiên!

- Đã tìm thấy đầu mối rồi! - tôi reo lên thán phục, - ta sẽ tìm cách gỡ nút thắt trò này. Rõ ràng là số phận đã không muốn để cho tôi phải buồn chán.

- Tôi linh cảm thấy rằng cái cậu Grusnixki tội nghiệp kia sẽ là nạn nhân của anh... - bác sĩ nói.

- Bác sĩ cứ nói tiếp đi...

- Công tước phu nhân đã nói rằng nét mặt anh trông quen quen. Tôi có nhắc bà rằng chắc hẳn bà đã gặp anh ở Pêterbua, ở đâu đó trong giới thượng lưu... tôi nói đến tên anh... Bà ta có biết. Hình như, chuyện của anh ở đây đã làm xôn xao dư luận... Bà còn kể những mẩu chuyện phiêu lưu của anh, và chắc chắn là đã thêm thắt những lời nhận xét riêng của mình vào những câu đơm đặt của giới thượng lưu. Cô con gái tò mò lắng nghe. Trong trí tưởng tượng của cô, anh đã thành một nhân vật tiểu thuyết thích hợp với thị hiếu hiện nay... Tôi không cải chính lại một điều gì tuy biết thừa bà công tước đã nói nhiều điều nhảm nhí.

- Anh đúng là người bạn thân thiết! - tôi kêu lên và đưa tay ra bắt. Bác sĩ xiết chặt tay tôi cảm động, và nói tiếp:

- Nếu anh muốn, tôi sẽ giới thiệu...

- Thôi, xin anh tha cho, - tôi vừa trả lời vừa chắp tay lại. - ai đời lại đi giới thiệu các vị anh hùng bao giờ? Các vị ấy tự làm quen, không bằng cách nào khác là sau khi đã cứu được người yêu của mình khỏi một cái chết mười mười.

- Nhưng thật tình anh có định ve vãn công tước tiểu thư không?..

- Không, hoàn toàn không! Bác sĩ ời cuối cùng thì tôi thắng rồi đấy nhé: anh không hiểu tôi!.. Và lại, như thế sẽ làm tôi đau khổ đấy, bác sĩ ạ, - tôi nói tiếp sau một phút im lặng, - tôi không bao giờ tự đem kể những điều bí mật của mình, nhưng lại rất thích người ta đoán ra; bởi vì như vậy, khi nào cũng có thể phủ nhận nếu cần. Nhưng anh phải tả cho tôi nghe cả bà mẹ lẫn cô con gái. Họ là người thế nào?

- Trước tiên, công tước phu nhân là một người đàn bà bốn mươi lăm tuổi, - Verne đáp, - bà có cái dạ dày tuyệt vời nhưng xấu máu, trên má có những nốt đỏ. Nửa đời sau bà đã sống ở Matxkova, và ở đó sống trong cảnh yên tĩnh nên đã phát phì. Bà rất thích những câu chuyện tiểu lâm khêu gợi tình dục và bản thân bà đôi khi cũng nói đến những chuyện tục tĩu khi vắng mặt

cô con gái ở trong phòng. Bà đã nói với tôi là con gái bà ngây thơ như con chim câu. Điều ấy nào có liên quan gì đến tôi?.. Tôi rất muốn trả lời bà để bà yên tâm, rằng tôi sẽ không nói điều đó với ai đâu! Bà mẹ đến chữa bệnh tê thấp, còn cô con thì có trời biết là cô chữa bệnh gì; tôi đã bảo cho cả hai, uống mỗi ngày hai cốc nước lưu hóa và mỗi tuần tắm hai lần trong bồn nước khoáng. Bà công tước hình như không quen sai bảo: bà ta rất trọng thị đầu óc và kiến thức của con gái, cô đã đọc Bairon bằng tiếng Anh và biết đại số học: ở Mátxcơva rõ ràng là các tiểu thư đã lao đầu vào khoa học và học tốt! Đàn ông chúng ta nói chung đều thiếu nhã nhặn vì đã làm duyên làm dáng với họ, ắt là điều không chịu nổi đối với người đàn bà thông minh. Bà mẹ rất thích cánh thanh niên, còn cô con thì nhìn họ với con mắt hơi khinh khỉnh: một thói quen kiểu Mátxcơva! Ở Mátxcơva họ chỉ giao lưu với những người hóm hỉnh đã trạc tứ tuần.

- Thế anh đã ở Matxcơva rồi ư, bác sĩ?

- Đã, tôi đã hành nghề ở đấy ít lâu.

- Anh nói tiếp đi!

- Nhưng thiết tưởng tôi đã nói hết rồi... À, quên: hình như cô tiểu thư thích nói đến tình cảm, những nỗi đam mê và vân vân... Cô ấy đã qua một mùa đông ở Pêterbua, và không thích thú gì cái thành phố ấy, nhất là cái giới của cô, chắc hẳn cô đã được tiếp đón một cách lạnh nhạt.

- Thế hôm nay anh không trông thấy ai ở đấy nữa ư?

- Có chứ, có một viên sĩ quan tùy tùng, một sĩ quan cận vệ cứng như que củi và một bà mới từ xa tới, bà con với bà công tước, họ hàng nhà chồng, rất đẹp nhưng hình như ốm yếu lắm... Anh chắc chưa gặp bà ấy ở bên giếng? Tóc bà ta màu hung, tầm vóc trung bình, với những đường nét cân đối, có nước da của người đau phổi và trên má phải có nốt ruồi. Gương mặt bà ta làm tôi kinh ngạc vì sức diễn cảm của nó.

- Một nốt ruồi! - tôi lẩm bẩm trong miệng, - có thể thế được ư?

Bác sĩ nhìn tôi, đặt tay lên vùng tim tôi rồi trịnh trọng nói:

- Anh có quen bà ấy rồi!.. - Tim tôi đúng là có đập mạnh hơn bình thường.

- Bây giờ thì đến lượt anh thắng, - tôi nói, - nhưng tôi hy vọng ở anh: anh đừng có phản tôi. Tôi chưa gặp nàng nhưng sau khi đã nghe anh tả chân dung một người đàn bà, tôi tin chắc đó là một người đàn bà đã từng yêu... Đừng hé miệng nói một lời về tôi với nàng; nếu nàng có hỏi, anh cứ tha hồ nói xấu tôi.

- Tùy anh! - Verne nhún vai, nói.

Bác sĩ đi rồi, lòng tôi đau thắt vì một nỗi buồn ghê rợn. Phải chăng số phận lại muốn gán bó chúng tôi một lần nữa trên mảnh đất Kapka này? Hay nàng cố tình đến đây vì biết chắc là sẽ gặp tôi? và chúng tôi sẽ gặp gỡ nhau như thế nào đây? rồi sau nữa, không biết đó có phải là nàng không?.. Nhưng linh cảm tôi chưa bao giờ đánh lừa tôi. Không có ai trên thế gian này mà quá khứ lại đè nặng lên đầu như tôi: một ký ức về một nỗi buồn hay một niềm vui đã qua đều đập mạnh vào tâm hồn tôi đau đớn, rồi bắt nó dội lại những âm thanh y hệt. Tôi vốn mê muội: không quên một điều gì, không sót một điều gì!

Sau bữa cơm trưa, vào lúc sáu giờ, tôi ra đại lộ: ở đấy có một đám đông, bà công tước cùng với cô tiểu thư đang ngồi trên ghế dài, xung quanh là đám thanh niên đang tranh nhau ve vãn. Tôi tìm một chiếc ghế khác, cách đó một quãng, chặn hai sĩ quan quen biết của Đ... lại, và tôi bắt đầu kể cho họ nghe một câu chuyện, có lẽ câu chuyện buồn cười quá nên họ cười như điên. Tò mò, vài ba người trong số thanh niên đang vây quanh cô tiểu thư cũng đi lại chỗ tôi, dần dần tất cả đều bỏ cô đến nhập bọn với chúng tôi. Tôi vẫn thao thao bất tuyệt: những câu chuyện tiểu lâm của tôi ý vị đến mức nhảm nhí, và những lời chế giễu của tôi về những kẻ lập dị đang đi ngang qua, thì độc ác đến mức tàn bạo... Tôi cứ tiếp tục mua vui cho thiên hạ đến lúc mặt trời bắt đầu lặn. Mấy lần cô tiểu thư khoác tay mẹ đi ngang qua trước mặt tôi, theo sau là một ông già bé nhỏ đi khập khiễng, và có mấy lần nàng nhìn tôi, ánh mắt tỏ ra tức tối, tuy nàng cố làm ra vẻ dửng dưng...

- Anh ta nói chuyện gì với các anh thế? – nàng hỏi một chàng thanh niên vì xã giao nên đã trở lại với nàng, - chắc phải là một câu chuyện rất thú vị -

những chiến tích của mình nơi chiến trận chẳng?.. - nàng nói khá to, chắc chắn với ý muốn chọc tức tôi. "A ha!.. - tôi tự nhủ, cô giận thật rồi, hồi tiểu thư yêu quý, gươm đã còn nhiều chuyện khác nữa kia!".

Grusnixki theo dõi nàng như một con thú và không rời mắt khỏi nàng. Tôi đoán chắc là ngày mai anh chàng sẽ nhờ người giới thiệu anh với bà công tước. Bà ta sẽ thích lắm đấy, chả là bà đang chán mà!

16 Tháng 5,

Trong vòng hai ngày mà công việc của tôi đã có những tiến triển khủng khiếp. Công tước tiểu thư nhất định căm ghét tôi; người ta đã kể lại với tôi hai, ba bài thơ trào phúng châm biếm tôi, khá gai gạnh nhưng đồng thời lại rất phỉnh nịnh. Cô tiểu thư hết sức ngạc nhiên; là một người đã quen sống trong xã hội thượng lưu đã từng có quan hệ thân thiết với các anh chị em họ và cô, dì của cô ở Pêterbua, sao tôi lại không cố gắng làm quen với cô. Chúng tôi gặp nhau hàng ngày ở giếng trên đại lộ; tôi đã tìm mọi cách để những gã trai si tình, những sĩ quan tùy tùng hào nhoáng, những gã trai Mátxcova nhạt nhẽo và nhiều kẻ khác xa lánh cô ta và hầu như bao giờ tôi cũng thành công. Xưa nay tôi rất ghét tiếp khách ở nhà mình nhưng lúc này thì nhà tôi ngày nào cũng chật ních người, họ ăn trưa, ăn chiều, họ cờ bạc - và than ôi! rượu sâm banh của tôi đã thắng sức quyến rũ của đôi mắt đẹp như thoi miên của cô nàng.

Hôm qua, tôi gặp cô ta ở cửa hàng ông Tselakhôp; cô đang hỏi giá một tấm thảm Ba Tư đẹp tuyệt vời. Công tước tiểu thư van nài bà mẹ đừng hà tiện: tấm thảm kia mà đặt trong phòng cô thì nổi bật xiết bao!.. Tôi đã trả thêm bốn mươi rúp và lấy mất, vì thế cô ta đã thưởng cho tôi một cái nhìn bưng bưng phần khí mà mê ly nhất trần đời. Đến giờ cơm trưa, tôi sai người dẫn con ngựa Pserkex của tôi cố ý đi qua dưới cửa sổ nhà cô, trên lưng ngựa phủ tấm thảm kia. Verne lúc ấy đang có mặt ở nhà họ và ông đã cho tôi biết là tác dụng của cảnh tượng đó rất bi thảm. Cô tiểu thư muốn lôi kéo mọi người chống lại tôi; tôi đã chú ý thấy có hai viên sĩ quan tùy tùng khi có mặt cô thì với tôi chỉ khẽ chào rất khô khan, thế nhưng ngày nào cũng đến ăn cơm ở nhà tôi.

Grusnixki làm ra vẻ bí hiểm; anh ta đi, tay chấp sau lưng, và không chào hỏi ai. Cái chân anh ta tự nhiên khỏi hẳn, anh chỉ còn đi hơi cà nhắc tí thôi. Anh đã có dịp bắt chuyện với bà công tước và ngỏ lời tán dương cô tiểu thư: cô ta rõ ràng là không khó tính lắm, vì từ khi ấy cô thường đáp lại cái chào của anh ta bằng một nụ cười đáng yêu nhất.

- Vậy ra cậu nhất định không tới làm quen với gia đình Ligôpxki ư? - anh ta nói với tôi hôm qua.

- Nhất quyết không!

- Này! Đó là cái nhà êm ái nhất vùng suối này đấy! Tất cả bọn tai mắt ở đây đều...

- Anh bạn của tôi ơi, cái xã hội ngu cư ở đây làm tớ chán ngấy. Thế cậu đã lui tới nhà họ chưa?

- Chưa đâu! Tớ có nói chuyện hai ba lần với công tước tiểu thư và hơn thế nữa cơ, nhưng cậu biết đấy, cứ nằng nặc xin người ta mời đến thăm thì bất tiện lắm, tuy ở đây người ta vẫn làm thế... Hơn nữa, giá như tớ có bộ cầu vai thì đó lại là chuyện khác...

- Xin lỗi! Nhưng cậu cứ ăn mặc như thế lại hoá hay! Có điều là cậu chưa biết lợi dụng ưu thế của mình đấy thôi... Dưới mắt bất kỳ một cô tiểu thư đa cảm nào thì cái áo lính cũng sẽ biến cậu thành một anh hùng và một kẻ tuần tiết.

Grusnixki nở nụ cười tự mãn.

- Chuyện vớ vẩn! - anh ta nói.

- Tớ chắc chắn rằng - tôi nói tiếp, - công tước tiểu thư đã phải lòng cậu rồi!

Anh ta đỏ mặt, đỏ rần đến mang tai và bĩu môi vênh váo.

Than ôi, lòng tự ái! Mi là cái đòn bẫy mà xưa kia Arsimet^[36*] đã muốn dùng để kích cả trái đất lên!..

- Cậu thì cái gì cũng là trò đùa tất, - anh ta nói, làm ra vẻ giận, - trước hết nàng biết về tớ còn ít quá...

- Đàn bà họ chỉ yêu những người họ không biết thôi.

- Nhưng tớ đâu có cái cao vọng được nàng thích mình kia chứ! Tớ chỉ muốn quen với một gia đình dễ mến, và tớ sẽ hóa ra lỗ bịch nếu lại nuôi những ước vọng gì khác... Ví như các cậu lại là chuyện khác - các cậu, những kẻ đã chiến thắng ở Pêterbua, chỉ nhìn thôi là các bà các cô đã tan ra như nước. Mà này Pêtsôrin, cậu có biết là tiểu thư đã nhắc đến cậu rồi không?

- Sao? Nàng đã nói với cậu về mình rồi ư?..

- Nhưng đừng có vội mừng! Tớ có bắt chuyện với nàng ở bên giếng, vô tình thôi. Mới được vài lời, nàng đã hỏi; "Cái ông có ánh mắt nặng nề, khó coi ấy là ai vậy? Cái ông cùng đứng với ông lúc mà..." Nàng đỏ mặt nhớ đến cái cử chỉ tế nhị của mình hôm trước nên không muốn nói rõ. "Công tước tiểu thư không cần nhắc lại hôm đó là ngày nào, - tớ trả lời, - ngày ấy sẽ mãi mãi khắc sâu vào tâm tư tôi..." Pêtsôrin, bạn của tôi ơi tớ không dám mừng cho cậu đâu: nàng rất có ác cảm với cậu... Nhưng kể ra cũng tiếc thật, bởi vì Mêri rất dễ thương.

Cũng cần nhấn mạnh rằng Grusnixki thuộc vào hạng người lúc nói đến một người đàn bà dù mới chỉ quen biết sơ sơ thôi cũng cứ gọi người ta là Mêri của tôi hay Xôphi của tôi, nếu người ấy có diễm phúc được họ thích.

Tôi làm ra vẻ nghiêm trang và trả lời anh ta:

- Vâng, cô ấy không hề ngu đần... Có điều là cậu hãy cẩn thận, Grusnixki ạ! Các tiểu thư Nga phần lớn đều nuôi một thứ tình yêu tinh thần chứ không nghĩ đến việc lấy chồng, mà tình yêu tinh thần lại là một thứ đáng ngại nhất. Công tước tiểu thư có lẽ thuộc loại đàn bà thích người ta mua vui cho mình; nếu ở gần cậu hai phút liền mà nàng đã thấy chán thì cậu cứ gọi là đi đứt: sự im lặng của cậu phải kích thích được anh tò mò của nàng cơ; câu chuyện của cậu không bao giờ được làm cho nàng thoả mãn, cậu phải làm cho nàng lo lắng từng giây từng phút, nhiều lần nàng sẽ vì cậu mà bất chấp dư luận và cho như thế là một tự hy sinh, và để tự đền bù vì sự hy sinh đó nàng sẽ làm cho cậu đau khổ, rồi một ngày nào đó nàng sẽ nói toạc ra rằng nàng không thể chịu được cậu nữa. Nếu cậu lại không chế ngự được nàng thì thậm chí sau cái hôn đầu tiên cậu sẽ không có cái quyền được

hưởng cái hôn thứ hai nữa kia. Nàng cứ thả sức làm đóm với cậu cho đến chán chê, rồi sau một hay hai năm nàng sẽ đi lấy chồng, lấy một thằng quái vật để làm vừa lòng bà mẹ, và nàng cứ tự nhủ với lòng mình rằng nàng bất hạnh, rằng nàng chỉ yêu có một người thôi - tức là cậu, rằng trời đã không muốn xe duyên cho nàng với người ấy vì anh ta mặc một chiếc áo ca pốt lính, cho dù dưới cái áo ca pốt dày cộp, xám xịt có một trái tim cao thượng và say đắm đang đập...

Grusnixki nắm tay đắm xuống bàn và bắt đầu đi đi lại lại ở trong phòng.

Tôi cười thầm trong bụng và thậm chí còn cười mỉm tới hai lần, nhưng may thay, anh ta không nhận ra điều đó. Rõ ràng là anh ta đã yêu mê muội, nên trở thành kẻ dễ tin người hơn, trên tay anh ta thậm chí còn xuất hiện cả chiếc nhẫn bạc có lớp khảm men huyền, một sản phẩm của địa phương: tôi cảm thấy đáng ngờ, tôi bắt đầu quan sát chiếc nhẫn, biết nói sao?.. mặt trong chiếc nhẫn có khắc tên Mèri bằng những nét chữ nhỏ li ti, và bên cạnh là dãy số chỉ ngày tháng khi nàng nhặt chiếc cốc trứ danh kia. Tôi giấu kín điều phát hiện này; tôi không muốn bắt anh ta phải thú nhận: tôi muốn tự anh ta chọn tôi làm người để thổ lộ tâm tình. Và lúc ấy thì tôi sẽ khoái xiết bao...

..... [\[37*\]](#)

Hôm nay tôi dậy muộn, khi tới giếng thì ở đấy đã không còn ai. Trời bắt đầu nóng; những đám mây mưa xộp trắng từ các đỉnh núi tuyết lao nhanh tới, báo hiệu trời sắp có dông; đỉnh Masuk bốc hơi ngùn ngụt trông như một bó đuốc vừa tắt; xung quanh là những cụm mây xám bị níu kéo trên đường bay nên cuộn mình bò đi như con rắn và tuồng như bị mắc vào các bụi gai. Không khí bức bối vì điện dông. Tôi đi sâu vào con đường dạo trong vườn nho tới hang đá, tôi cảm thấy buồn. Tôi nghĩ tới người đàn bà trẻ, có nốt ruồi trên má mà bác sĩ đã nói với tôi... Nàng tới đây làm gì? Liệu có đúng là nàng không? Và tại sao tôi lại nghĩ đó là nàng? Và thậm chí tại sao tôi lại tin chắc là như thế? Thiếu gì đàn bà có nốt ruồi trên má? Đầu thì nghĩ ngợi, chân đã bước tới hang lúc nào không biết. Tôi thấy: một người đàn bà đang ngồi trên ghế đá, dưới bóng mát của vòm hang, mình phủ

chiếc khăn đen, đầu đội chiếc mũ rơm và cúi xuống sát ngực; chiếc mũ che lấp mặt nàng. Tôi định quay gót để không quấy rầy giây phút trầm tư mặc tưởng của nàng, thì người ấy ngược mắt lên nhìn tôi.

- Vêra! - tôi buột miệng kêu lên.

Nàng rùng mình, mặt tái mét.

- Em biết anh đang ở đây, - nàng nói. Tôi ngồi xuống cạnh nàng và cầm lấy tay nàng. Nỗi xúc động đã quên lãng từ lâu lại chạy râm ran khắp người tôi khi nghe thấy âm điệu của giọng nói thân yêu này, đôi mắt sâu và bình lặng nhìn vào tận mắt tôi, đôi mắt ấy ánh lên vẻ ngờ vực và có gì như oán trách.

- Đã lâu chúng ta không gặp nhau, - tôi nói.

- Vâng, lâu lắm rồi, và cả hai chúng ta đều thay đổi nhiều!

- Hẳn là em không còn yêu anh nữa chứ gì?..

- Em đã lấy chồng!.. - nàng nói.

- Lại lấy chồng? Thì mấy năm trước cái nguyên cơ đó cũng vẫn có, nhưng trong lúc đó...

Nàng rút tay ra khỏi tay tôi, và đôi má đỏ bừng.

- Có lẽ em yêu người chồng thứ hai này lắm?..

Nàng không trả lời và ngoảnh mặt đi.

- Hay anh ấy rất hay ghen?

Im lặng.

- Biết nói sao? Anh ta trẻ, đẹp, đặc biệt là anh ta lại giàu, nên em sợ... tôi ngó nhìn nàng và thấy sợ; nét mặt nàng biểu lộ một nỗi tuyệt vọng sâu xa; nước mắt long lanh trên hai hàng mi.

- Hãy nói với em đi, rút cuộc thì, - nàng lẩm bẩm, - giày vò được em anh thích lắm hả? Lẽ ra em phải căm ghét anh. Từ lúc chúng ta biết nhau, anh có cho em được gì đâu, ngoài đau khổ... - Giọng nàng run run; nàng ngả người về phía tôi và áp đầu lên ngực tôi.

“Có thể, - tôi nghĩ, - vì thế mà nàng yêu ta: những niềm vui qua mau, còn những nỗi buồn thì đọng lại...”

Tôi ghi chặt lấy nàng, và chúng tôi ngồi như thế rất lâu. Cuối cùng thì đôi môi chúng tôi cũng sát lại gần và hòa vào nhau thành một cái hôn nóng bỏng, đầy cảm xúc. Tay nàng lạnh như băng, trán nóng bừng. Rồi giữa hai chúng tôi bắt đầu một trong những câu chuyện mà người ta không ghi lên giấy làm gì, không nên nhắc lại và thậm chí cũng không nên nhớ: ý nghĩa của các âm thanh thay thế và bổ sung cho ý của lời, như trong một vở nhạc kịch Italia vậy.

Nàng nhất thiết không muốn tôi làm quen với chồng nàng, một ông già bé nhỏ đi khắp khiêng mà tôi đã thoáng gặp trên đại lộ: Nàng lấy lão cũng chỉ vì đứa con. Lão giàu và đau khổ vì chứng tê thấp. Tôi không cho phép mình nhạo báng lão dù chỉ một lời: nàng kính trọng lão như người cha! Và sẽ lừa dối lão như một đức ông chồng... Trái tim của người đời nói chung đến là kỳ lạ, nhất là trái tim đàn bà!

Chồng Vêra, Xêmen Vaxilievich G... là bà con xa của bà công tước Ligôpxkaia, và hai nhà ở cạnh nhau. Vêra hay lui tới nhà bà công tước, tôi hứa với nàng sẽ đến làm quen với gia đình Ligôpxkaia và sẽ làm như ve vãn cô công tước tiểu thư để đánh lạc hướng những con mắt tò mò. Như vậy các kế hoạch của tôi cũng không đến nỗi đổ vỡ, và tôi sẽ lại có dịp đùa vui...

Đùa vui!.. Vâng, đời tôi đã quá cái thời sống bằng tinh thần, khi người ta chỉ biết tìm hạnh phúc, khi trái tim cần tình yêu, yêu mãnh liệt và đắm say một người; lúc này tôi chỉ muốn được yêu, nhưng cũng chỉ tí chút thôi; thậm chí tôi còn có cảm tưởng rằng một mối gắn bó lâu dài đối với tôi thế đã là quá đủ rồi: một thói quen thâm hại của con tim!..

Thế nhưng một điều luôn luôn làm tôi kinh ngạc: tôi chưa bao giờ làm nô lệ của người đàn bà tôi yêu, trái lại, tôi luôn luôn có quyền lực không gì cưỡng được đối với ý chí và trái tim đàn bà, mà nào có mất công mất sức gì lắm đâu. Vì sao ư? Phải chăng vì tôi không bao giờ quá tha thiết với một cái gì và vì họ luôn luôn sợ tôi tuột khỏi tay họ: Hay đó là sự hấp dẫn ma lực của một cơ thể mạnh mẽ? Hay chỉ tại tôi chưa gặp một người đàn bà có cá tính ngoan cường?

Phải thừa nhận, đúng là tôi không thích loại đàn bà có cá tính: cái ấy đâu phải dành cho họ!..

Quả thật lúc này tôi mới nhớ ra: có lần, chỉ một lần thôi, tôi đã yêu một người có tính khí cương quyết mà tôi không thể nào thắng nổi.. Chúng tôi đã chia tay nhau như hai kẻ thù, nhưng cũng có thể, nếu tôi gặp nàng năm năm sau đó, thì chúng tôi đã chia tay nhau cách khác...

Vêra ốm yếu, rất yếu, tuy nàng không muốn thú nhận như vậy, tôi rất sợ nàng bị bệnh lao phổi hay bị thứ bệnh mà người ta gọi là fièfvre lente^[38*], một thứ bệnh nói chung không có ở nước Nga nên không có tên bằng tiếng ta.

Chúng tôi còn đang ở trong hang thì trời nổi dông và phải ngồi thêm nửa giờ nữa. Nàng không đòi hỏi tôi những lời thề thốt trung thành, không hỏi xem từ khi xa nhau tôi còn yêu thêm những ai nữa... Vẫn như xưa, nàng tự phó thác cho tôi một cách vô tư, - và tôi cũng không lừa dối nàng: nàng là người đàn bà duy nhất trên đời mà tôi không thể nào lừa dối. Tôi biết, chúng tôi lại sắp phải xa nhau một lần nữa và có thể là mãi mãi: cả hai chúng tôi sẽ đi mỗi người một ngả cho tới lúc xuống mồ, nhưng hồi ức về nàng sẽ toàn vẹn trong tâm hồn tôi; tôi thường nói với nàng như thế, và nàng cũng tin tôi, tuy miệng thì nói trái lại.

Sau cùng chúng tôi chia tay nhau; tôi đưa mắt nhìn theo nàng một hồi lâu cho đến khi chiếc mũ nàng lẫn vào những bụi cây và vách đá. Lòng tôi đau thắt lại như sau buổi chia ly lần đầu. Ôi, sao mà lòng tôi vui sướng với cái tình cảm này đến thế! Có phải tuổi trẻ với những cơn bão táp tốt lành đã muốn trở lại với tôi một lần nữa chẳng, hay đó chỉ là cái nhìn từ biệt của nàng, một món quà cuối cùng để làm kỷ niệm? Cứ nghĩ mà buồn cười, nhìn bề ngoài tôi vẫn còn là một cậu thiếu niên: mặt mũi tuy xanh xao nhưng vẫn còn tươi tắn; tay chân mềm mại và cân đối, những lọn tóc dày cong cong, cặp mắt cháy rực, máu sôi sùng sục...

Về tới nhà, tôi lên ngựa và phi vào thảo nguyên; tôi thích phi trên lưng một con ngựa hung hăng trên nền cỏ cao, ngược chiều gió hoang mạc, tôi say sưa hít bầu không khí đượm mùi hương và phóng tầm mắt vào chốn xa

xăm xanh biếc, cố nắm bắt lấy những đường nét lờ mờ của những vật mỗi lúc nom một rõ nét hơn. Dù nổi đặng cay có đè nặng lòng ta đến đâu đi nữa, dù nổi lo âu có giày vò trí óc ta đến thế nào thì trong giây phút ấy tất cả đều tan biến; tâm hồn trở nên thư thái, sự mệt mỏi của thể xác sẽ thảng nổi lo âu của trí tuệ. Không một ánh mắt nào của đàn bà mà tôi lại không quên khi tôi nhìn thấy những ngọn núi loăn xoăn sáng rực dưới ánh mặt trời phương Nam, khi nhìn bầu trời xanh, hay nghe tiếng suối âm âm chảy từ vách đá này qua vách đá khác.

Tôi nghĩ, những người Kôdắc đang ngáp dài ở chòi quan sát của mình có lẽ phải moi óc đoán già đoán non rất lâu, khi thấy tôi phi ngựa không lý do và không mục đích như thế, bởi vì trông quần áo chắc chắn họ sẽ cho tôi là một thằng Tserkex. Thật thế, người ta đã nhiều lần bảo tôi rằng mặc bộ y phục Tserkex mà ngồi trên mình ngựa, tôi có dáng Kabardin hơn nhiều người Kabardin. Và quả thật là trong bộ quân phục chiến trận oai vệ kia, tôi đúng như một trang nam nhi hoàn hảo: không một cái ngù kim tuyến nào thừa, vũ khí quý giá trang trí giản dị, lớp lông trên mũ không ngắn quá mà cũng không dài quá, nẹp đôi chân và đôi giày rất chỉnh, cái áo besmet trắng và cái áo nẹp Tserkex màu nâu sẫm. Tôi đã nghiên cứu tỉ mỉ phương pháp cưỡi ngựa của người miền núi và không khi nào tôi thấy mát ruột hơn lúc nghe người ta thừa nhận rằng nghệ thuật đi ngựa của tôi là theo kiểu Kapka. Tôi có bốn con ngựa, một cho tôi và ba con khác cho bạn bè để họ cùng tôi phi trên những cánh đồng cho vui. Họ vui lòng nhận ngựa của tôi nhưng không bao giờ họ đi cùng tôi. Đã sáu giờ chiều rồi, tôi mới sực nhớ ra là đã đến giờ ăn trưa. Ngựa tôi đã mệt lử. Tôi đi lên con đường dẫn từ Piatigorxkơ tới khu di dân của người Đức, nơi đám người tắm suối thường đến en piquenique^[39*]. Con đường ngoằn ngoèo giữa bụi rậm và đôi khi tụt xuống tới tận những con mương xói nhỏ, có suối chảy róc rách dưới bóng những ngọn cỏ cao. Xung quanh là những khối đá xanh đen của các dãy núi Bestu, núi Răn, núi Sắt và núi Cáo nhô cao như một cái hý trường. Khi tụt xuống tới một trong những mương xói mà thổ ngữ địa phương gọi là Banka, tôi dừng lại cho ngựa uống nước; - giữa lúc đó trên đường xuất hiện

một đoàn người cưỡi ngựa ồn ào và rực rỡ: các bà các cô thì mặc áo kiểu Amadôn màu đen và xanh lam, các bạn trai hộ tống thì mặc lễ phục pha trộn giữa Tserkex với Nigiegôrôđ, đi đầu là chàng Grusnixki cùng công tước tiểu thư Méri.

Các bà, các cô đến tầm tuổi nhưng vẫn cứ sợ người Tserkex tấn công giữa ban ngày; chắc chắn vì thế nên Grusnixki đeo ngoài lớp áo ca pốt lính một thanh kiếm và đôi súng ngắn: với kiểu nai nịt oai phong lẫm liệt ấy trông anh ta khá lỗ bịch. Một bụi cây cao che tôi khuất mắt họ, nhưng qua kẽ lá tôi có thể nhìn thấy tất cả và qua nét mặt tôi đoán được họ đang nói chuyện tâm tình. Cuối cùng họ tới quãng đường dốc; Grusnixki nắm dây cương ngựa của cô tiểu thư và tôi đã nghe được đoạn cuối câu chuyện giữa hai người:

- Và anh muốn suốt đời ở lại Kapka sao? - Công tước tiểu thư hỏi.

- Nước Nga đối với tôi là cái gì? - Anh ta đáp, - một đất nước mà ở đó có hàng nghìn người, vì họ giàu hơn tôi nên nhìn tôi với con mắt khinh bỉ, trong khi đó ở đây, - ở đây cái áo khoác lính dày cộp này đã không cản trở tôi làm quen với tiểu thư.

- Trái lại kìa? - Công tước tiểu thư đỏ mặt nói.

Vẻ khoái trá hiện rõ trên mặt Grusnixki. Anh ta nói tiếp:

- Ở đây dưới làn đạn của tụi mọi rợ, đời tôi sẽ trôi qua một cách ồn ã, mau lẹ và không mấy ai hay, và nếu như hàng năm Chúa ban cho tôi một cái nhìn trong sáng của phụ nữ, một cái nhìn giống như...

Lúc ấy họ đã đến ngang chỗ tôi đứng; tôi giơ roi quất con ngựa một cái và lao ra khỏi bụi cây...

- Mon Dieu, un Circassien!^[40*] - Cô tiểu thư thét lên khủng khiếp.

Để nàng hết nhầm, tôi khẽ nghiêng mình trả lời bằng tiếng Pháp:

- Ne craignez rien, madame. - je ne suis pas plus dangereux que votre cavalier^[41*].

Nàng bối rối, nhưng vì sao? Vì nhầm lẫn của mình hay vì câu trả lời của tôi đối với nàng có vẻ láo xược? Tôi mong lời phỏng đoán sau của tôi là

đúng. Grusnixki nhìn tôi vẻ không bằng lòng.

Đêm đã khuya, tức là khoảng mười một giờ, tôi dạo trên con đường hóng mát dưới hàng cây gia của đại lộ. Thành phố đã ngủ chỉ còn vài ô cửa sổ thấp thoáng ánh đèn. Cả ba phía đều lỗ nhố những đỉnh vách đá đen đen của dãy hoành sơn Masuk với một đám mây hung triệu nằm trên đỉnh; trăng đã mọc ở phương Đông; xa xa là những ngọn núi tuyết phủ lóng lánh như một đường tua rua bằng bạc. Tiếng hô của lính tuần hòa lẫn với tiếng nước chảy ầm ầm của nguồn nước nóng được mở ra ban đêm. Thỉnh thoảng có tiếng vó ngựa lóc cóc vang lên trên mặt đường hòa cùng với tiếng bánh xe cót két và điệu hát buồn của người Tatar. Tôi ngồi xuống một chiếc ghế dài và chìm đắm trong suy nghĩ... Tôi cảm thấy muốn giải bày tâm sự với bạn bè... Nhưng với ai "Lúc này Vêra đang làm gì nhỉ?" – tôi nghĩ, tôi muốn trả một giá đắt để được xiết chặt tay nàng lúc này.

Đột nhiên tôi nghe thấy bước chân nhanh và không đều. Có lẽ Grusnixki... Quả nhiên!

- Ở đâu ra thế này?

- Ở nhà công tước phu nhân Ligôpxkaia, - anh ta đáp, vẻ quan trọng - Méri hát mới hay làm sao chứ!

- Cậu có biết điều này không nào? - Tôi nói với anh ta, - tôi xin cược với cậu rằng tiểu thư không biết cậu là một học sinh võ bị, nàng tưởng cậu bị giáng chức...

- Có lẽ đúng! Nhưng có can gì đến tớ! - Anh ta trả lời lơ đãng.

- Ồ, tớ cũng chỉ nói thế thôi!

- Nhưng cậu có biết, hôm nay nàng căm tức cậu ghê lắm không? Nàng thấy cậu láo xược quá chừng, tớ phải vất vả lắm mới làm cho nàng tin rằng cậu là người được giáo dục tử tế và hiểu đời nhiều nên không thể có ý định làm méch lòng nàng, nàng bảo rằng cái nhìn của cậu rất ngạo mạn, rằng chắc hẳn cậu đánh giá mình quá cao.

- Cô ấy không nhầm đâu... Nhưng cậu có muốn về phe với cô ta không?

- Tớ lấy làm tiếc vì tớ đâu có cái quyền đó...

"Ô hô, - tôi nghĩ, - rõ ràng là anh chàng cũng đang nuôi hy vọng..."

- Và lại đối với cậu còn tồi tệ hơn – Grusnixki nói tiếp, - vì hiện thời thì cậu khó mà làm quen được với họ, - thật đáng tiếc! đó là một trong những ngôi nhà dễ chịu nhất mà tớ biết...

Tôi cười thầm.

- Lúc này thì căn nhà dễ chịu nhất là nhà tớ, - tôi nói, ngáp một cái và đứng dậy để đi.

- Thế nhưng hãy thú nhận là cậu cũng có hối tiếc đi?..

- Chuyện nhảm nhí! Nếu tớ muốn tớ sẽ đến nhà công tước phu nhân ngay tối mai.

- Để còn xem đã...

- Thậm chí để làm vui lòng cậu, tớ sẽ ve vãn cả công tước tiểu thư nữa cơ...

- Được thôi, nếu nàng thích nói chuyện với cậu...

- Tớ chỉ cần đợi tới lúc nàng chán, không muốn nghe cậu nói nữa... Thôi chào cậu!

- Nhưng tớ còn đi dạo một lúc đã, - chả vì có gì mà lại về đi ngủ vào lúc này... à này, hay ta ra tiệm ăn đi, ở đây có trò chơi... Lúc này tớ đang cần cảm xúc mạnh...

- Chúc cho cậu thua cuộc...

Tôi đi về.

21 Tháng 5,

Gần một tuần đã qua, nhưng tôi vẫn chưa làm quen được với gia đình nhà Ligôpxki. Tôi đợi một dịp thuận lợi. Grusnixki bám riết công tước tiểu thư như một cái bóng; chuyện của họ dài vô tận - lúc nào anh ta mới làm cho nàng chán nhỉ? Bà mẹ thì không để ý tới vì anh ta không xứng mặt làm rể. Cái logic của các bà mẹ là thế đấy! Tôi đã bắt gặp hai ba ánh mắt trù mến, - cái đó phải chấm dứt ngay.

Hôm qua lần đầu tiên, Vêra tới giếng... Từ hôm chúng tôi gặp nhau trong hang, nàng chưa ra khỏi nhà. Lúc ấy chúng tôi cùng thả cốc xuống giếng,

nàng hơi nghiêng mình khẽ nói với tôi:

- Anh không muốn làm quen với gia đình Ligôpxki ư? Chỉ ở đây chúng ta mới có thể gặp nhau được thôi...

Một lời trách móc! Rõ chán! Nhưng tôi cũng đáng trách lắm...

Nhân tiện ngày mai có tổ chức vũ hội theo yêu cầu trong gian đại sảnh của khách sạn, và tôi sẽ nhảy điệu Mazurka với công tước tiểu thư.

22 Tháng 5.

Gian đại sảnh của khách sạn đã biến thành phòng họp mặt của giới quý tộc. Vào lúc chín giờ, mọi người đều có mặt. Công tước phu nhân và cô con gái là những người tới sau cùng. Nhiều bà nhìn nàng với vẻ ghen tị và thiếu thiện chí, vì tiểu thư Mêri trang phục rất trang nhã. Những bà tự cho mình là bậc quý phái ở đây đều giấu lòng ghen tỵ, đã đến với nàng. Có thể nào khác được? Chỗ nào có đàn bà thì ở đó sẽ có ngay một đám người đứng vòng trong vòng ngoài. Grusnixki đứng giữa đám đông, gần cửa sổ, mặt dán vào kính và mắt không rời nữ thần của mình. Lúc đi qua, nàng khẽ gật đầu chào anh ta, khẽ đến mức khó nhận ra. Anh ta đỏ rầm mặt lên như mặt trời... Cuộc khiêu vũ bắt đầu bằng một vũ điệu Ba Lan, rồi Vanxơ. Cựa giầy bắt đầu kêu lách cách, đuôi tôm sau áo bay phần phật và quay tít.

Tôi đứng sau một bà to béo người đầy những nốt ruồi đỏ hồng, vẻ sang trọng của bộ y phục bà mặc khiến tôi nhớ tới thời đại của những bộ phigiơma^[42*] và nước da sần sùi loang lỗ của bà nhắc tôi nhớ tới thời kỳ sung sướng của những con ruồi làm bằng vải lụa đen^[43*]. Chuối hạt che lấp cái mụn cóc to nhất trên cổ bà. Bà ta nói với người tháp tùng của mình, một đại úy long ky:

- Cái cô tiểu thư Ligôpxkaia này là một con nhãi ranh đáng ghét. Anh xem, nó hích vào tôi mà không thềm xin lỗi, lại còn quay lại giơ kính lên nhìn vào mặt tôi... C'est impayable^[44*]!.. Gì mà nó lại ngạo mạn thế? Phải cho nó một bài học đáng đời...

- Về việc này bà cứ yên tâm! - ông đại úy giàu lòng cừu mang kia trả lời rồi đi sang phòng bên.

Tôi bèn đến gần công tước tiểu thư, lợi dụng sự tự do của các phong tục ở đây, cho phép nhảy với những bà mà mình chưa quen, và tôi mời nàng nhảy điệu van xơ.

Nàng khó lòng mới nén nổi một nụ cười và giấu đi sự đắc thắng của mình; nhưng chả mấy chốc nàng đã lấy lại được vẻ lãnh đạm và còn có phần nghiêm nghị nữa: nàng uể oải đặt tay lên vai tôi, đầu hơi nghiêng sang một bên và chúng tôi bắt đầu quay. Tôi chưa từng thấy một tấm thân nào mềm mại và gợi cảm hơn. Hơi thở nàng mát dịu mơn man trên mặt tôi, thỉnh thoảng một vòng bím tóc bị xoắn trong vòng xoáy lốc của điệu van xơ, lướt trên bên má nóng bừng của tôi... Chúng tôi đã nhảy quanh phòng ba vòng (Nàng nhảy rất tuyệt). Nàng mệt gần đứt hơi, đôi mắt hỗn loạn và đôi môi hé mở vừa đủ sức thêu thào một câu cần thiết: "Merci, monsieur"^[45*].

Sau mấy phút lặng im, tôi nói với nàng với một vẻ nhún nhường nhất:

- Thưa công tước tiểu thư, tôi có nghe nói dù chưa quen biết tiểu thư, rằng tôi thật bất hạnh là đã không làm vừa lòng tiểu thư và tiểu thư cho tôi là một kẻ rất láo xược... Chẳng lẽ đó là sự thật?

- Và lúc này ông muốn tôi phải công nhận ý kiến đó chẳng? - nàng trả lời với một cái bĩu môi hơi giễu cợt, một cử chỉ rất hợp với nét mặt hay thay đổi của nàng.

- Nếu tôi đã có thái độ hỗn láo xúc phạm đến tiểu thư điều gì thì cũng xin tiểu thư cho phép tôi một lần hỗn láo nữa, táo gan hơn là cầu xin tiểu thư tha lỗi... Và quả tình là tôi rất mong được chứng tỏ cùng tiểu thư rằng tiểu thư đã nghĩ nhầm về tôi...

- Kể ra cũng khó cho ông lắm đấy...

- Tại sao ạ?..

- Vì ông không lui tới nhà chúng tôi, và có lẽ những buổi dạ hội như hôm nay cũng hiếm có...

“Thế nghĩa là, - tôi nghĩ, - cửa nhà họ sẽ vĩnh viễn không còn mở để đón mình nữa!”.

- Tiểu thư có biết rằng, - tôi nói, lòng hơi bực bội, - không bao giờ nên hắt hủi một kẻ có tội đã sám hối: vì thất vọng hẳn có thể phạm những tội

nặng gấp đôi... và khi ấy thì...

Tiếng cười và tiếng lao xao ở xung quanh chúng tôi bắt buộc tôi phải quay đầu lại và ngừng ở giữa câu. Cách tôi vài bước có một đám đàn ông tụ tập, trong đó có lão đại úy long kỵ đã tỏ ra có những ý định thù địch đối với cô tiểu thư đáng yêu. Đặc biệt là lão ta hình như có gì hả hê lắm, vừa xoa tay, vừa cười hô hố vừa cùng bạn bè nháy mắt ra hiệu cho nhau. Đột nhiên một người mặc áo đuôi tôm, ria mép dài, mặt đỏ gay bước ra khỏi đám kia, và bước thấp bước cao đi thẳng tới chỗ cô tiểu thư; hẳn đã say mèm. Dừng lại trước cô tiểu thư đang bối rối, và chắp tay ra sau lưng hẳn chăm chăm nhìn nàng với đôi mắt xám mờ đục, và hẳn nói giọng khàn khàn:

- Pecmete^[46*]... Chà sao lại đi vào bụi rậm thế? Đơn giản là ta muốn nhảy với cô em một điệu mazurka...

- Ông muốn gì? - Nàng nói, giọng run run, mắt ngó quanh vè cầu khấn. Than ôi! Mẹ nàng thì ở xa, và ở đây lúc ấy cũng không có tay bạn nhảy nào quen nàng; chỉ có mỗi một sĩ quan tùy tùng hình như đã chứng kiến hết cảnh tượng kia, nhưng hẳn đã lẩn vào đám đông để khỏi phải dính líu vào vụ việc này.

- Thế nào? - Lão say rượu vừa nói vừa nháy mắt cho lão đại úy long kỵ đang ra hiệu khích lệ hẳn - chẳng lẽ cô em không thích sao?.. Nhắc lại cho cô em biết, ta lấy làm hân hạnh mời cô em pour mazurka^[47*]. Cô em có lẽ tưởng ta say chẳng? Không hề gì!.. Ta nhảy càng thoải mái hơn, ta có thể đoán chắc với cô như thế...

Tôi thấy nàng sắp ngất vì sợ hãi và phẫn uất.

Tôi đi thẳng tới lão say rượu, nắm mạnh cánh tay hẳn và nhìn chăm chăm vào tận mắt hẳn, tôi mời hẳn rút lui, - bởi vì, tôi nói thêm rằng, tiểu thư đã hứa từ nãy sẽ nhảy điệu mazurka với tôi.

- Thế thì thôi vậy!.. Để lần khác! - Hẳn vừa cười vừa nói và bỏ đi nhập bọn với lũ bạn đang xấu hổ, chúng lôi ngay hẳn sang phòng bên.

Nàng đã tặng tôi một cái nhìn sâu thẳm, tuyệt vời.

Công tước tiểu thư đi tìm mẹ và kể với bà tất cả câu chuyện vừa xảy ra; bà tìm tôi trong đám đông và cảm ơn tôi. Bà nói là có biết mẹ tôi, và là bạn

với năm sáu bà dì của tôi.

- Tôi không biết cơ sự làm sao mà cho đến lúc này chúng tôi vẫn chưa quen ông, - bà nói thêm, - nhưng ông cũng phải nhận là lỗi chỉ tại ông cả thôi: Ông xa lánh tất thấy đến nỗi chả còn ra cái gì. Tôi mong rằng không khí tiếp khách ở nhà tôi sẽ xua tan được bệnh u sầu của ông. Có phải như thế không nào?

Tôi đã nói với bà những câu mà bất kỳ ai cũng phải chuẩn bị sẵn để đề phòng những trường hợp như thế này.

Những đợt khiêu vũ cứ kéo dài đến mức khủng khiếp.

Sau cùng tiếng nhạc mazurka vang lên âm ỉ nơi dàn nhạc; tôi ngồi với cô tiểu thư.

Tôi không hề nhắc đến lão say rượu, đến hành vi trước kia của tôi, đến Grusnixki. Cái cảm tưởng khó chịu do chuyện hồi nãy gây ra cho nàng đã dần dần biến mất; sắc mặt nàng trở lại hồng hào. Nàng nói đùa rất có duyên; chuyện của nàng rất hóm hình nhưng không nhằm mục đích bông đùa, sôi nổi và thoải mái; những nhận xét của nàng đôi khi cũng sâu sắc... Bằng một câu rối rắm, tôi đã làm cho nàng cảm thấy rằng, từ lâu tôi đã rất thích nàng. Nàng nghiêng đầu và mặt hơi ửng đỏ.

- Ông là một người kỳ lạ! - sau một lát nàng nói, ngược đôi mắt nhưng lên nhìn tôi và cười gượng gạo.

- Sở dĩ tôi chưa muốn làm quen với tiểu thư, - tôi nói tiếp, - là vì xung quanh tiểu thư có quá nhiều người ngưỡng mộ, và tôi sợ bị chìm ngấm giữa bọn họ.

- Ông sợ thế là nhầm! Tất cả bọn họ đều chán ngắt...

- Tất cả? Lẽ nào lại tất cả?

Nàng chăm chú nhìn tôi như cố nhớ lại một điều gì, sau đó lại hơi đỏ mặt, và sau cùng nàng nói giọng cương quyết: Tất cả!

- Cả anh bạn của tôi là Grusnixki?

- Ông ấy là bạn ông? - nàng nói có vẻ hơi ngờ vực.

- Đúng thế.

- Ông ấy cố nhiên không thuộc vào loại những người đáng ngán...
- Nhưng vào loại những người đau khổ? – Tôi cười hỏi.
- Tất nhiên! Nhưng ông thấy như vậy là buồn cười sao? Tôi muốn, giá như ông ở vào địa vị ông ấy...
- Thế thì sao? Tôi trước cũng đã từng là học sinh võ bị, và quả thật đó là thời đẹp nhất của tôi!
- Nhưng chẳng lẽ ông ấy là học sinh võ bị? - nàng hỏi giật giọng và sau đó nói thêm: - Thế mà tôi cứ tưởng...
- Tiểu thư tưởng gì cơ?
- Ồ, có tưởng gì đâu!.. Bà nào thế kia?
- Lúc này câu chuyện đã chuyển sang hướng khác và chúng tôi không trở lại vấn đề này nữa.
- Thế rồi bản mazurka cũng hết, và chúng tôi chia tay nhau: - Tạm biệt! Các bà các cô đã ra về hết... Tôi đi ăn tối về thì gặp Verne.
- A - hà! - ông ta nói, - anh là người như thế đấy! Vậy mà anh lại bảo là muốn làm quen với công tước tiểu thư không có cách nào khác là cứu cô khỏi một cái chết chắc chắn.
- Tôi đã làm hơn thế, - tôi trả lời ông, - tôi đã cứu cô ta khỏi bị chết ngất ngay giữa buổi khiêu vũ!..
- Thêm thế nào? Kể đi!..
- Không. anh đoán lấy. anh là người có tài đoán biết được tất cả mọi sự việc trên đời này kia mà!

23 Tháng 5,

Vào khoảng bảy giờ tối tôi đi dạo trên đại lộ. Grusnixki từ xa nom thấy tôi liền đi lại gần, một niềm hân hoan đến là buồn cười long lanh trên đôi mắt anh ta. Anh ta kết chặt tay tôi và giọng bi thảm:

- Cám ơn cậu, Pêtsôrin... Cậu hiểu tớ chứ?..
- Không! nhưng bất luận thế nào cũng không có gì đáng phải cám ơn, - tôi trả lời vì thực tình lương tâm tôi thấy mình chưa làm điều gì tốt đẹp cả.

- Sao? thế hôm qua? Chẳng lẽ cậu quên rồi ư? Mêri đã kể cho tớ nghe hết cả rồi...

- Thế thì sao? chẳng lẽ giữa anh chị lúc này cái gì cũng là chung tất cả rồi sao? cả đến sự biết ơn?

- Cậu nghe đây, - Grusnixki nói với vẻ rất nghiêm trang, - xin cậu đừng có giễu mối tình của tớ nếu cậu còn muốn là bạn của tớ. Cậu cũng biết là tớ yêu nàng như điên như dại... và tớ nghĩ, tớ hy vọng là nàng cũng yêu tớ. Tớ yêu cầu cậu một việc: tối này cậu sẽ tới nhà họ, hãy hứa với tớ là cậu sẽ để ý nhận xét mọi điều; tớ biết cậu có kinh nghiệm về những việc như thế, cậu hiểu đàn bà hơn tớ... Đàn bà, đàn bà! Ai mà hiểu được họ? Họ mỉm cười một cách, nhưng lại nhìn một cách khác, lời nói của họ thì hứa hẹn và hấp dẫn, nhưng giọng nói của họ thì đẩy ta ra xa... Khi thì họ hiểu và đoán biết được tức khắc những ý nghĩ thầm kín nhất của chúng ta, khi thì lại không hiểu đến cả những lời bóng gió rõ ràng nhất... Thì đấy, ví như công tước tiểu thư chẳng hạn: hôm qua, đôi mắt nàng khi nhìn tớ còn từng bừng khát vọng, vậy mà hôm nay lại trở nên lơ đãng và lạnh lẽo...

- Điều đó có thể do tác dụng của nước suối đấy! - tôi nói.

- Cậu thì cái gì cũng chỉ nhìn thấy mặt xấu của nó... Một nhà duy vật mà!
- Anh ta nói thêm về khinh khỉnh, - nhưng hãy nói sang vấn đề^[48*] khác...
Và khoái chí về lối chơi chữ nhạt nhẽo ấy, anh ta trở nên vui vẻ hơn.

Lúc chín giờ, chúng tôi cùng tới nhà công tước phu nhân.

Khi đi ngang qua cửa sổ nhà Vêra, tôi thấy nàng đang ngồi bên cửa. Chúng tôi nhìn nhau rất nhanh. Sau chúng tôi một lát, nàng cũng bước vào phòng khách nhà Ligôpxki. Công tước phu nhân giới thiệu tôi với nàng như một người bà con. Chúng tôi uống trà; rất đông khách khứa, mọi người đều nói chung một câu chuyện. Tôi gắng làm vừa lòng công tước phu nhân, tôi pha trò và nhiều lần khiến bà phải cười thực lòng; còn công tước tiểu thư thì nhiều lần cũng buồn cười, nhưng nàng đã ghìm lại để giữ đúng vai trò mà nàng đã chọn: nàng làm ra vẻ uể oải, và có lẽ nàng không làm. Grusnixki hình như rất sung sướng vì thấy sự vui vẻ của tôi không lồi cuồn được nàng.

Uống trà xong, mọi người vào phòng khiêu vũ.

- Anh đã nghe lời em, em vừa lòng chưa, Vêra? - tôi nói khi đi qua gần nàng.

Nàng nhìn tôi đầy âu yếm và biết ơn. Tôi đã quen với những cái nhìn như thế, nhưng trước kia những cái nhìn ấy có thời đã làm cho tôi sung sướng xiết bao. Bà công tước bảo con gái ngồi vào đàn, mọi người đều yêu cầu nàng hát một bài, - tôi không nói một lời và lợi dụng lúc nhốn nháo, tôi đến bên cửa sổ với Vêra, nàng đang muốn nói với tôi một chuyện rất quan trọng đối với cả hai chúng tôi... Hóa ra, chỉ là trò nhúng nhẳng...

Trong khi ấy, sự hờ hững của tôi làm công tước tiểu thư rất bực, điều này tôi có thể đoán ra qua ánh mắt long lanh, tức tối của nàng... - Chà, tôi hiểu rất rõ cái cách nói chuyện không bằng lời nhưng lại biểu lộ rõ tâm tình, ngắn gọn và mạnh mẽ ấy lắm!..

Nàng cất tiếng hát: giọng không đến nỗi, nhưng hát kém... và lại tôi cũng có để tai nghe đâu. Grusnixki thì trái lại, chống khuỷu tay xuống mặt đàn, đứng đối diện với nàng, nhìn nàng như muốn nuốt chửng và chốc chốc lại khe khẽ nói: "Charmant! Délicieux!"^[49*].

- Anh này, - Vêra bảo, - em không muốn anh làm quen với chồng em đâu, nhưng anh phải luôn luôn làm vừa lòng công tước phu nhân. Việc này đối với anh dễ thôi, vì anh có thể làm tất cả những gì anh muốn! Chúng ta chỉ có thể gặp nhau ở đây được thôi...

- Chỉ ở đây thôi ư?..

Nàng đỏ mặt lên rồi tiếp:

- Anh biết rằng em là nô lệ của anh, em không bao giờ có thể cưỡng lại anh... và vì thế một ngày kia em sẽ bị trừng phạt: anh sẽ không yêu em nữa! Nhưng ít ra, em cũng muốn giữ thanh danh.. không phải cho em: anh biết rất rõ điều đó! Thôi, em van anh đừng giày vò em như hồi xưa bằng những mối nghi ngờ vô ích và những dáng điệu lạnh nhạt giả vờ của anh nữa: có lẽ em cũng không sống được bao lâu nữa đâu, em cảm thấy mỗi ngày một yếu thêm... tuy nhiên em vẫn không thể nghĩ tới cuộc sống tương lai, em chỉ nghĩ tới anh. Đàn ông các anh đâu có thể hiểu được những nỗi vui

sướng do một cái nhìn, một cái xiết tay, còn em, em xin thề cùng anh là chỉ nghe thấy tiếng nói của anh thôi, em đã thấy trong lòng mình tràn ngập một niềm hạnh phúc sâu xa, kỳ lạ, mà những chiếc hôn nồng cháy nhất cũng không thể thay thế được.

Trong khi ấy thì tiểu thư Méri đã thôi hát. Những lời tán tụng cũng đồng thanh nổi lên xung quanh nàng, tôi đến với nàng sau cùng và nói với nàng đôi điều chiếu lệ về giọng hát của nàng.

Nàng cau mày, trề môi dưới và khuyu gối xuống chào giễu cợt:

- Như thế tôi càng vui thích hơn, - nàng nói - là vì nói chung ông có nghe tôi hát đâu; nhưng có lẽ ông không thích âm nhạc?..

- Trái lại... nhất là sau buổi cơm trưa...

- Ông Grusnixki đã nói đúng, khiếu thẩm mỹ của ông rất tầm thường... và tôi thấy ông yêu âm nhạc chỉ dưới khía cạnh ẩm thực thôi...

- Tiểu thư lại nhảm rôi: tôi thật không phải người sành ăn, dạ dày tôi thật tồi. Nhưng sau bữa cơm trưa âm nhạc ru ta ngủ, mà ngủ sau bữa cơm thì rất lợi cho sức khỏe; như vậy là tôi yêu âm nhạc dưới khía cạnh y học. Trái lại ban đêm, âm nhạc làm cho thần kinh tôi quá căng thẳng: nó làm tôi hoặc quá buồn, hoặc quá vui. Mà buồn hay vui một khi không có lý do chính đáng đều đáng ngán, vả lại buồn ở chỗ đông người là lỗi bịch. Nhưng vui quá cũng là bất nhã...

Nàng không nghe tôi nói hết, bỏ đi và ngồi xuống chỗ cạnh Grusnixki; một câu chuyện tâm tình bắt đầu giữa hai người: hình như cô tiểu thư trả lời khá lơ đãng và không đúng ý những câu thông thái của anh chàng, tuy nàng cố làm ra vẻ vẫn chăm chú lắng nghe chàng nói bởi vì thỉnh thoảng anh ta lại ngạc nhiên nhìn nàng, cố tìm ra lý do của nỗi xúc động nội tâm đôi lúc vẫn biểu lộ ra qua cái nhìn nôn nóng của nàng..

Nhưng ta thì ta hiểu cô em rồi, tiểu thư thân mến của ta ơi, hãy coi chừng! Cô muốn ăn miếng trả miếng, chọc tức tính tự ái của ta ư. - không ăn thua gì đâu! - Và nếu tiểu thư tuyên chiến với ta thì ta sẽ thẳng tay đấy!

Suốt buổi tối hôm ấy, nhiều lần tôi cố ý muốn xen vào câu chuyện của hai người, nhưng nàng tiếp chuyện tôi khá khô khan, và sau cùng tôi bỏ đi,

làm bộ tức tối. Tiểu thư tỏ ra đắc thắng. Grusnixki cũng vậy. Cứ đắc thắng đi, các bạn tôi ơi, mà nhanh lên, kẻo các bạn sẽ không đắc thắng được lâu đâu!... Sẽ ra sao ư? Tôi đã có linh cảm rồi... Khi làm quen một người đàn bà bao giờ tôi cũng đoán đúng là cô ta có yêu tôi hay không...

Tôi ngồi hết buổi tối cạnh Vêra, và thả sức nói lại chuyện cũ... Sao nàng lại yêu tôi đến thế? Tôi thật không hiểu? Hơn nữa nàng còn là một người đàn bà hiểu thấu tâm can tôi, hiểu cả những điều nhỏ nhen ty tiện lẫn những dự vọng xấu xa của tôi... Có lẽ nào cái xấu xa lại hấp dẫn đến thế sao?..

Tôi cùng ra về với Grusnixki; ra đến ngoài đường anh ta nắm lấy cánh tay tôi và sau khi im lặng một hồi lâu anh ta hỏi:

- Chà, làm sao thế?

"Mày là thằng ngốc", tôi muốn đáp; nhưng tôi nén lại được và chỉ nhún vai.

29 Tháng 5,

Những ngày này tôi không một lần đi chệch khỏi nguyên tắc của mình. Câu chuyện của tôi bắt đầu làm cô tiểu thư thích; tôi kể cho nàng nghe một số trường hợp kỳ dị của đời tôi, và nàng bắt đầu xem tôi như một người khác thường. Tôi cười nhạo tất cả mọi thứ trên đời, nhất là tình cảm; điều đó bắt đầu làm cho nàng hoảng sợ. Trước mặt tôi nàng không dám nói chuyện tâm tình với Grusnixki nữa, và đã mấy lần, để đáp lại những lời nói ngộ nghĩnh của anh chàng, nàng chỉ mỉm cười chế giễu, nhưng mỗi lần anh ta sát tới gần nàng tôi bèn làm ra vẻ nhẩn nhục và bỏ đi để hai người ngồi với nhau. Lần thứ nhất điều đó làm cho nàng thích thú, hay nàng cố tỏ ra như thế, lần thứ hai thì nàng bực bội với tôi; lần thứ ba thì với Grusnixki.

- Ông thật ít khi tự ái! - Hôm qua nàng nói với tôi. - Làm sao ông lại nghĩ rằng nói chuyện với Grusnixki tôi sẽ vui vẻ hơn?

Tôi trả lời rằng tôi hy sinh sự vui thích của mình để cho bạn được hạnh phúc.

- Và cả của tôi nữa chứ! - nàng nói thêm.

Tôi nhìn nàng chăm chú và làm ra vẻ nghiêm trang. Sau đó, suốt ngày tôi không hề nói với nàng thêm một lời... Buổi tối, nàng tỏ ra đăm chiêu tư lự,

và sáng nay, ở bên giếng nàng càng tỏ ra tư lự hơn; khi tôi đến bên nàng, nàng đang lơ đãng nghe chuyện Grusnixki, anh ta hình như đang ca ngợi cảnh thiên nhiên, nhưng vừa mới trông thấy tôi nàng đã cười phá lên (rất không đúng lúc), mà vẫn vờ như chưa nhìn thấy tôi. Tôi lảng ra xa và quan sát nàng: mặc cho anh chàng cứ nói, nàng quay mặt đi nơi khác và hai lần ngáp dài.

Thôi đích thị rồi, Grusnixki đã làm cho nàng chán ngấy.

Tôi sẽ không nói chuyện với nàng, thêm hai ngày nữa.

3 Tháng 6,

Tôi thường tự hỏi tại sao tôi lại cứ cố giành cho bằng được tình yêu của một cô gái trẻ mà tôi không có ý định quyến rũ và không bao giờ cưới làm vợ? Cái lối làm duyên làm dáng kiểu đàn bà ấy phỏng có ích lợi gì? Vêra yêu tôi mạnh mẽ hơn là tiểu thư Mêri sẽ yêu tôi mai này; giá như tôi thấy nàng là một tuyệt thế giai nhân không thể chinh phục nổi, thì có thể tôi bị hấp dẫn bởi cái khó khăn của việc định làm ấy... Đẳng này lại không thể! Do đó đây không phải là cái nhu cầu rạo rức của tình yêu thường giày vò chúng ta vào những năm đầu của tuổi thanh xuân, sẽ ném chúng ta vào tay hết người đàn bà này sang người khác, cho đến ngày chúng ta gặp phải một người không thể nào chịu nổi chúng ta nữa: đến lúc ấy chúng ta mới trở nên chung thủy - một sự say mê thật sự, không cùng, mà người ta có thể dùng toán học để biểu diễn bằng một đường thẳng xuất phát từ một điểm và mất hút vào không gian; bí quyết của cái vô cùng ấy chỉ là không thể nào đạt được mục tiêu, tức là cái tận cùng.

Cớ sao tôi lại cứ hao công tốn sức thế? Vì ghen tị với Grusnixki chăng? Con người tội nghiệp, thật ra thì anh ta chẳng đáng ghen! Hay đó là hậu quả của các thứ tình cảm xấu xa, nhưng không khắc phục nổi, nó buộc chúng ta đi hủy hoại những ảo tưởng êm ái của người thân chỉ cốt đổi lấy một cái thú cón con là được nói với người đó khi người đó thất vọng hỏi ta rằng nên tin vào cái gì: "Bạn tôi ơi! Tôi đã trải qua chính các bước ấy rồi, thế mà bạn thấy đấy, tôi vẫn ăn ngon ngủ kỹ và hy vọng có thể chết không một tiếng kêu, không một giọt nước mắt!".

Vả chẳng chiếm được một tâm hồn non trẻ vừa mới hé nở không phải là một lạc thú vô ngần hay sao! Nó giống những đóa hoa mà hương thơm đang ở độ ngào ngạt nhất lan tỏa ra để đón những tia nắng đầu tiên của mặt trời; chính lúc ấy là lúc ta phải hái lấy, ngửi cho chán rồi vứt ra đường! Thế nào chả có ối kẻ khác nhạt lại. Tôi cảm thấy trong tôi luôn rạo rục một nỗi thèm khát vô biên, nuốt chửng tất cả những gì gặp trên đường đi, tôi coi nỗi đau và mềm vui của kẻ khác chỉ là những thứ thức ăn để duy trì sức mạnh tâm hồn của tôi. Bản thân tôi không còn điên rồ vì dục vọng được nữa, tính hiếu danh của tôi đã bị hoàn cảnh bóp nghẹt rồi, nhưng nó lại xuất hiện dưới một hình thái khác, bởi vì tính hiếu danh không phải cái gì khác mà chính là sự ham hố quyền lực, mà điều tôi thích thú nhất lại là bắt tất cả những gì quanh tôi phải phục tùng ý chí tôi. Làm cho người khác yêu mình, trung thành với mình và sợ mình, đấy há không phải là dấu hiệu đầu tiên và sự thắng lợi vĩ đại nhất của quyền lực hay sao? Không có quyền hành thực mà lại là nguyên nhân gây đau khổ hay vui sướng cho ai đó, há không phải là món ăn ngon lành nhất cho tính kiêu hãnh của chúng ta hay sao? Mà hạnh phúc là gì? Tính kiêu hãnh được thỏa mãn. Nếu như tôi đã tự coi mình là người tốt đẹp hơn, có thể lực hơn mọi người trên đời này thì tôi đã sung sướng, nếu ai cũng yêu tôi thì tôi sẽ tìm thấy trong bản thân mình những nguồn tình yêu vô tận. Cái ác lại đẻ ra cái ác; một nỗi đau đầu tiên làm cho ta hiểu niềm vui được giày vò kẻ khác; không một ai có ý nghĩ làm điều ác mà lại không muốn thực hiện ngay: ý định, - ai đó đã nói – là những sáng tạo hữu cơ hãy đã thoát sinh là có hình thái ngay, và hình hài đó là hành động; kẻ nào trong óc có nhiều ý tưởng hơn, kẻ ấy sẽ hành động nhiều hơn người khác; vì thế mà một bậc thiên tài bị đóng đinh vào cái bàn quan chức ắt sẽ chết hoặc là phát điên, đúng như một người có cơ thể cường tráng mà phải sống một cuộc đời tù túng và hành vi khiêm tốn, thì ắt sẽ chết vì bệnh xuất huyết não.

Dục vọng không phải cái gì khác mà là những ý niệm trong giai đoạn đầu phát triển: chúng là vật dụng đặc hữu của tuổi trẻ tâm hồn, và chỉ có thằng ngu mới nghĩ rằng có thể lợi dụng nó suốt đời: nhiều dòng sông hiền

hòa lại bắt nguồn từ những dòng thác dữ; nhưng không có dòng chảy nào cứ nhảy vọt và tung bọt mãi cho tới tận biển. Nhưng sự yên bình ấy thường là dấu hiệu của một sức mạnh vĩ đại tuy ẩn tàng; những ý nghĩ và tình cảm khi ở độ viên mãn và sâu sắc đều không phải là những cơn điên: tâm hồn cả khi đau khổ và vui sướng, đều rất có ý thức về tất cả những việc xảy ra và thấy rõ là phải như thế, nó hiểu rằng không có đông tố thì sức nóng liên miên của mặt trời sẽ làm nó khô héo; nó hiểu thấu cuộc sống của bản thân nó, - nó tự mơn trớn và xử phạt mình, như một đứa bé ta yêu. Chỉ khi nào con người đạt tới mức tự nhận thức tối cao ấy thì hẳn mới có thể hiểu được lẽ trời.

Khi đọc lại trang này, tôi thấy mình đã đi xa đề nhiều quá... Nhưng thôi kệ. Vì tập nhật ký này tôi viết cho tôi, và do đó mà tất cả những điều tôi ghi bừa lên giấy mai này sẽ là một kỷ niệm quý báu cho tôi.

.....[\[50*\]](#)

Grusnixki lại chơi và nhảy bổ đến bá cổ tôi: anh ta đã được phong hàm sĩ quan. Chúng tôi cùng uống sâm banh. Lát sau bác sĩ Verne cũng tới.

- Tôi không mừng cho anh đâu! - ông ta nói với Grusnixki.

- Tại sao?

- Vì chiếc áo ca pốt lính rất hợp với anh, và anh hãy thừa nhận rằng mặc bộ quân phục sĩ quan bộ binh may ở cái xứ nước khoáng này sẽ chẳng mang lại cho anh ích lợi gì đâu... Anh thấy đấy, cho tới lúc này anh là một ca ngoại lệ, còn bây giờ thì anh cũng sẽ như mọi người khác thôi.

- Bác sĩ cứ nói đi, nói nữa đi, nhưng bác sĩ cũng không ngăn cản tôi vui được đâu. - Và anh ta rí vào tai tôi, - ông ấy không biết rằng những chiếc cầu vai này đã mang đến cho tôi biết bao hy vọng. Trời! Những chiếc cầu vai! những chiếc cầu vai! những ngôi sao nhỏ của các ông, những ngôi sao nhỏ chỉ đường... Không! Lúc này tôi hoàn toàn hạnh phúc.

- Cậu có đến chỗ núi lở đi dạo với chúng tôi không? - Tôi hỏi anh ta.

- Tớ ấy ư? Chả vì cơ gì mà tớ lại ra mắt công tước tiểu thư khi chưa có bộ quân phục mới.

- Cậu có muốn tớ báo với nàng về tin mừng này của cậu không?

- Chớ! Xin cậu, đừng nói gì vội... Tớ muốn dành cho nàng một sự bất ngờ!..

- Vậy thì cậu hãy nói cho tớ biết, việc của cậu với nàng tới đâu rồi?

Anh ta bối rối và bắt đầu nghĩ ngợi: anh ta rất muốn ba hoa, bốc láo, - nhưng lại cảm thấy ngượng, còn nói thật thì lại xấu hổ.

- Cậu có tin là nàng yêu cậu không?

- Nàng có yêu tớ không ấy ư? Xin lỗi, cậu hay có những ý nghĩ thật kỳ khôi, Pêtsôrin ạ, làm sao có thể chóng vánh như thế được?.. Mà nếu như nàng có yêu rồi, thì một người phụ nữ tử tế đời nào lại nói ra...

- Đúng lắm! Vậy thì theo ý cậu, chắc hẳn một người đàn ông tử tế cũng phải che giấu lòng mình chứ?..

- Ê hê, anh bạn ơi! mỗi người một kiểu chứ; nhiều điều không nói mà chỉ đoán được thôi...

- Đúng đấy... Nhưng có điều là tình yêu mà ta đọc thấy trong khoe mắt lại không có gì ràng buộc được người đàn bà, còn những lời đã nói ra... Hãy cẩn thận, Grusnixki ạ, kẻo nàng đang phỉnh phờ cậu đấy...

- Nàng ấy ư?.. - anh ta đáp, mắt ngược lên nhìn trời, miệng nở một nụ cười tự mãn, - tớ lấy làm ái ngại cho cậu, Pêtsôrin ạ!..

Anh ta bỏ đi.

Chiều đến, một đám đông đi bộ đến chỗ núi lở.

Theo ý kiến các nhà bác học địa phương thì chỗ núi lở này không phải cái gì khác mà chỉ là cái miệng núi lửa đã tắt; nó nằm trên sườn dốc thoải của núi Masuk, cách thành phố khoảng một dặm. Đi tới đó có một con đường mòn len lỏi qua những bụi cây và vách đá; khi leo lên núi, tôi đưa tay cho tiểu thư khoác, và nàng đã khoác tay tôi suốt buổi đi dạo.

Câu chuyện của chúng tôi bắt đầu bằng việc nói xấu người khác, tôi bắt đầu điếm lại những nhân vật mà tôi đã quen biết, cả có mặt lẫn vắng mặt, trước tiên kể những điều lỗi bịch của họ rồi sau đến những tật xấu. Máu tôi hăng lên. Tôi nói lúc đầu thì còn là đùa nhưng sau đó thì ác ý thật sự. Thoạt tiên nàng thấy vui thích nhưng sau đó thì sợ.

- Ông là một người nguy hiểm! - nàng nói với tôi - tôi thà chết trong rừng dưới lưỡi dao của một tên sát nhân còn hơn là trở thành nạn nhân vì những lời độc địa của ông... Tôi xin nói thật với ông: nếu ông nảy ra ý muốn nói xấu tôi thì xin ông hãy lấy dao giết chết tôi đi còn hơn, - tôi thiết nghĩ việc ấy đối với ông chả khó khăn gì.

- Chẳng lẽ nom tôi giống một kẻ sát nhân lắm ư?..

- Ông còn tệ hơn thế nữa kia...

Tôi nghĩ ngợi một lúc, rồi sau đó làm ra vẻ rất xúc động nói:

- Vâng, từ thuở ấu thơ cái phận tôi nó đã thế. Ai cũng thấy trên mặt tôi biểu hiện những dấu hiệu của những tư chất xấu xa mà tôi không có; nhưng người ta cứ gán cho tôi, - và thế là chúng nảy mầm. Tôi khiêm tốn - người ta kết tội tôi là xảo quyệt; tôi trở nên thâm trầm. Tôi cảm nhận sâu sắc điều thiện và điều ác; không một ai vỗ về tôi, mọi người đều lăng mạ tôi; tôi đâm ra thù hận; tôi trở nên cau có, trong khi những đứa trẻ khác thì vui tươi và tíu tít; tôi cảm thấy mình ở trên bọn chúng, người ta lại đẩy tôi xuống dưới. Tôi đâm ra hay đổ ky. Tôi sẵn lòng yêu tất cả thế gian, - không một ai hiểu tôi: và tôi nhiễm máu thù hận. Tuổi trẻ buồn thảm của tôi chỉ là một cuộc vật lộn với bản thân và chống tất cả mọi người; sợ những lời chế giễu, tôi đã chôn vùi những tình cảm đẹp đẽ nhất của mình ở tận đáy lòng: chúng đã chết ở nơi ấy. Tôi nói thật - người ta không tin: tôi bèn nói dối; khi đã biết rõ thiên hạ và tất cả những mảnh khoé trong xã hội, tôi trở nên thành thạo trong nghệ thuật sống và nhận thấy rằng những kẻ không có cái nghệ thuật ấy sống cũng sung sướng, vì họ tận dụng được một cách dễ dàng những món lời mà tôi cố công lắm may ra mới có. Thế là nỗi chán chường đè nặng trong lòng tôi, - không phải nỗi chán chường có thể chữa khỏi bằng một viên đạn súng ngắn, mà là một nỗi chán chường lạnh lùng, bất lực, được che đậy bằng cử chỉ phong nhã và một nụ cười nhân hậu. Tôi trở thành một kẻ tàn tật về đạo đức: một nửa tâm hồn tôi không còn nữa, nó đã khô héo, tan thành mây khói, nó đã chết, tôi đã cắt bỏ nó rồi - trong lúc nửa còn lại thì cứ động đậy và sống có ích cho mọi người; nhưng không ai nhận thấy điều ấy bởi vì không ai hay biết về sự tồn tại của cái nửa đã chết của

nó; nhưng lúc này tiểu thư làm thức tỉnh trong tôi niềm hoài tưởng lại nó, và tôi đã đọc để tiểu thư nghe tấm mộ chí của nó. Nhiều người thấy tấm mộ chí là đáng buồn cười, nhưng đối với tôi thì không phải thế, nhất là khi tôi nhớ tới cái đang an nghỉ dưới đó. Và lại, tôi cũng không chờ mong tiểu thư đồng ý với tôi: nếu lời nói tếu của tôi tiểu thư thấy là đáng buồn cười thì xin nàng cứ việc cười: tôi xin nói trước với nàng là điều đó không mấy may làm tôi đau khổ.

Lúc này đi bắt gặp đôi mắt nàng: trong khóe mắt long lanh hai hàng lệ; cánh tay nàng tỳ trên tay tôi, run run; đôi má đỏ bừng; nàng thương hại tôi! Lòng thương cảm - cái thứ tình cảm dùng để chinh phục tất cả đám đàn bà một cách dễ dàng ấy đã cắm sâu vuốt nhọn vào trái tim non nớt của cô tiểu thư. Suốt buổi dạo chơi, nàng trở nên lơ đãng, không làm duyên làm dáng với một ai - nhưng đó là một dấu hiệu vĩ đại!

Chúng tôi đã tới chỗ núi lở; các bà đã buông tay các ông tháp tùng của mình, nhưng nàng vẫn cứ khoác tay tôi. Những câu nói ý nhị của bọn công tử trong vùng không làm nàng bật cười, nàng đứng trên mép bờ dốc thẳng đứng mà không chút sợ hãi, trong khi những cô tiểu thư khác thì kêu lên chí chóc và nhắm mắt lại.

Trên đường về tôi không nói lại những câu chuyện buồn kia nữa; nhưng đối với những câu hỏi nhạt nhẽo và những câu bông đùa của tôi nàng chỉ trả lời cụt lủn và lơ đãng.

- Tiểu thư đã từng yêu? - cuối cùng tôi hỏi nàng.

Nàng nhìn tôi chăm chú, khẽ lắc đầu rồi lại dăm chiêu; rõ là nàng muốn nói điều gì, nhưng không biết nên bắt đầu từ đâu, ngực nàng phập phồng!.. Biết làm sao! ống tay áo vải sa chỉ là một vật chống đỡ yếu ớt, và một luồng điện từ cánh tay tôi đã truyền sang tay nàng; hầu hết mọi ham muốn đều nảy nở như thế, và chúng ta thường rất hay tự lừa dối mình khi nghĩ rằng đàn bà yêu ta vì thể chất hay phẩm hạnh của ta; tất nhiên những đức tính ấy chuẩn bị, tạo điều kiện cho trái tim họ tiếp nhận ngọn lửa thiêng, nhưng dấu sao thì sự va chạm đầu tiên mới quyết định tất cả.

- Có phải hôm nay tôi rất dễ mến không? – Nàng gượng cười và nói với tôi khi chúng tôi đi dạo về.

Chúng tôi chia tay nhau.

Nàng không bằng lòng về mình: cho rằng mình có lỗi vì đã lạnh nhạt... Ôi, đó là thắng lợi đầu tiên, thắng lợi căn bản! Ngày mai nàng sẽ muốn đền bù cho tôi. Tất cả cái đó tôi đã biết tỏng từ lâu - vì thế mà đâm chán!

4 Tháng 6,

Hôm nay tôi gặp Vêra. Nàng giày vò tôi vì nàng ghen! Chắc là công tước tiểu thư đã xem nàng như người bạn để thổ lộ những nỗi lòng thầm kín của mình: phải thừa nhận rằng việc chọn mặt gửi vàng ấy là rất đạt!

- Em đã đoán thấy là tất cả cái việc ấy rồi sẽ đi tới đâu - Vêra nói với tôi, - hãy nói ngay với em lúc này là anh yêu cô ta thì hơn.

- Nhưng nếu anh không yêu cô ta thì sao?

- Thế thì sao lại theo đuổi, làm điên đảo, quấy rối đầu óc cô ta lên làm gì?... Ô, em biết anh lắm chứ? Hãy nghe em nếu anh muốn em tin anh thì một tuần nữa anh hãy đến Kixlôvôđxk; ngày mai vợ chồng em sẽ đến đây ở. Công tước phu nhân còn ở lại đây ít lâu nữa. Anh hãy thuê lấy căn phòng cạnh đó; chúng em sẽ ở trong một ngôi nhà lớn gần nguồn suối, trên tầng nóc; ở dưới là bà công tước Ligôpxkaia; còn ngôi nhà bên cạnh của cùng một chủ chưa có ai thuê... Anh sẽ đến đây chứ?

Tôi hứa - và ngay hôm đó cho người đi thuê ngôi nhà ấy.

Grusnixki đến tôi vào lúc sáu giờ tối và nói là bộ quân phục của anh ngày mai sẽ may xong, đúng dịp có vũ hội.

- Thế là tớ sẽ nhảy với nàng suốt buổi tối... Tớ có dịp thả sức nói! - anh ta nói thêm.

- Dạ hội sẽ tổ chức vào lúc nào?

- Ngày mai? Chẳng lẽ cậu không biết sao? Một ngày hội lớn do các quan chức địa phương lãnh trách nhiệm tổ chức...

- Chúng mình ra phố đi...

- Không, chả dại, với cái áo ca pốt thổ tả này...

- Sao, cậu không yêu nàng nữa ư?

Tôi ra đi một mình, và gặp công tước tiểu thư Mêri, tôi mời nàng nhảy một điệu Mazurka, nàng tỏ vẻ ngạc nhiên và thích thú.

- Tôi tưởng ông chỉ nhảy khi cần thiết, như lần trước – nàng nói, miệng nở một nụ cười rất có duyên... Nàng hình như không để ý tới sự vắng mặt của Grusnixki.

- Ngày mai tiểu thư sẽ được một dịp bất ngờ thú vị đấy, - tôi nói với nàng.

- Cái gì vậy?

- Đó là điều bí mật... Đến dạ hội tiểu thư sẽ tự đoán ra.

Tôi ở nhà bà công tước suốt cả buổi tối; ngoài Vêra và một ông già rất ngộ nghĩnh, nhà không có khách. Lòng tôi rất vui, đã ứng khẩu bịa ra đủ thứ chuyện phi thường. Tiểu thư ngồi trước mặt tôi và lắng nghe câu chuyện nhảm nhí của tôi với một sự chăm chú sâu sắc, căng thẳng, thậm chí là đáng yêu đến mức tôi thấy ngượng. Cái vẻ sôi nổi hay làm duyên làm dáng, cái tính khí thất thường, vẻ mặt xác xược, nụ cười khinh khỉnh và ánh mắt mơ màng của nàng, tất cả đều biến đâu hết cả rồi?..

Vêra đã thấy hết: một nỗi buồn sâu thẳm đượm trên gương mặt bệnh tật của nàng; nàng ngồi trong bóng tối bên cửa sổ, lọt thỏm trong chiếc ghế bành rộng... Tôi thấy ái ngại cho nàng...

Tôi bèn kể lại cái thiên chuyện bi thảm về cuộc gặp gỡ đầu tiên của tôi với nàng, mối tình của chúng tôi – tất nhiên là để che giấu sự thật đó tôi đã đổi tên tất cả các nhân vật.

Tôi mô tả tình cảm âu yếm của tôi, những lo lắng, niềm hân hoan của tôi một cách rất sinh động, tôi đã mô tả những hành vi và tính cách của nàng theo kiểu tốt đẹp phô ra xấu xa đập lại khiến nàng dù muốn hay không cũng phải bỏ qua hết những lời tán tỉnh của tôi với cô tiểu thư.

Nàng rời ghế bành, đến ngồi với chúng tôi, tươi tỉnh hẳn lên... và mãi tận hai giờ đêm, chúng tôi mới sức nhớ tới lời dặn của thầy thuốc là phải đi ngủ vào lúc mười một giờ.

5 tháng 6,

Nửa giờ trước cuộc khiêu vũ, Grusnixki đến nhà tôi, rạng rỡ trong bộ quân phục sĩ quan bộ binh. Ở chiếc khuy thứ ba có móc một sợi dây chuyền bằng đồng, ở đầu dây, đeo lủng lẳng một chiếc kính cặp mũi; đôi cầu vai rộng quá khổ cong lên như đôi cánh bé xíu của thần ái tình; đôi ủng kê có cát kết, tay trái anh ta cầm đôi găng da mềm màu nâu và chiếc mũ cát kết, chốc chốc anh ta lại đưa tay phải lên vuốt những món tóc cứ xoắn ngược lên. Nét mặt anh ta biểu lộ sự tự mãn đồng thời lại có vẻ hơi ngại ngần dè dặt; nếu không trái với những ý định của mình, thì có lẽ tôi đã cười phá lên trước cái vẻ trang trọng và dáng đi oai phong của anh chàng.

Ném đôi găng và chiếc mũ lên bàn, anh ta bắt đầu vuốt lại những nếp nhăn trên bộ quân phục và ngắm nghía trước gương; một chiếc khăn quàng đen to đùng quấn xung quanh cái cổ giả cao nhất trần đời với lớp lông cứng đỡ dưới cằm, chiếc khăn cứ thò ra ngoài cổ áo tới nửa versốc^[51*]; như thế mà anh ta vẫn cho là chưa đủ: anh còn kéo nó lên tới tận mang tai; do cái công việc khó khăn ấy, - vì cổ áo rất chặt lại không chịu nằm yên, khiến cho mặt anh ta đỏ bừng lên.

- Nghe nói dạo này cậu tán tỉnh cô tiểu thư của tớ dữ lắm phải không? - anh ta nói với tôi vẻ khinh khi và mắt không nhìn tôi.

- Trà kia đâu phải dành cho cái lũ ngu này dùng! - Tôi trả lời anh ta, nhắc lại một câu ngạn ngữ ưa thích mà một trong những tay phóng đảng tinh ranh nhất ở thời đại trước đó ưa dùng, một người đã từng được Puskin ca tụng.

- Cậu thử xem bộ quân phục này có vừa với tớ không?.. Chà, thằng Do Thái chết tiệt!... Nách chặt quá!... Cậu có nước hoa không?

- Xin lỗi, xúc thế vẫn chưa đủ sao? Người cậu sực nức mùi phấn hoa hồng, đến điếc cả mũi rồi còn gì...

- Chả sao cả, cứ đưa đây...

Anh ta dốc đến cả nửa lọ lên cà vạt, khăn mùi soa và ống tay áo.

- Cậu sẽ nhảy chứ? - anh ta hỏi.

- Chưa chắc.

- Tớ rất ngại phải bắt đầu nhảy điệu Mazurka với cô tiểu thư, vì tớ hầu như không biết nổi lấy một vũ hình...

- Nhưng cậu đã mời nàng nhảy điệu Mazurka rồi cơ mà?

- Chưa...

- Liệu đấy! Kéo người ta chặn trước cậu đấy...

- Thật ư? - anh ta nói và vỗ tay lên trán. - Thôi xin chào... Tớ đi trước để đợi nàng ở lối cửa vào đây. - Anh ta vớ lấy mũ và chạy đi mất.

Nửa giờ sau tôi cũng đi. Đường phố tối tăm và vắng vẻ. Người ta chen chúc quanh chỗ hội họp, hay nói là quanh cái quán hàng cũng được, bạn muốn gọi thế nào tùy ý. Các cửa sổ đã sáng ánh đèn; gió mát ban đêm làm vắng đến tai tôi những âm thanh của một khúc quân nhạc. Tôi bước đi chậm chậm; lòng tôi buồn rười rượi... Lẽ nào, tôi nghĩ, cái chức năng duy nhất của tôi ở trên cõi đời này lại là đi phá hoại những niềm hy vọng của kẻ khác? Kể từ lúc tôi sống và tôi hành động, số phận tưởng như luôn luôn đẩy tôi vào thế gỡ nút cho những bi kịch của người đời, dường như không có tôi, người đời sẽ không ai có thể chết, chìm đắm trong thất vọng. Tôi là nhân vật cần thiết của hồi thứ năm; tôi vô tình đã đóng cái vai thảm hại của tên đao phủ hoặc kẻ phản bội. Làm như thế số phận nhằm đạt tới mục đích gì?.. Có phải số phận muốn định sẵn cho tôi trở thành tác giả của những bi kịch trường giả và những thiên tiểu thuyết gia đình - hay thành cộng tác viên chuyên cung cấp chuyện cho “Tủ sách để đọc”^[52*] chẳng hạn?.. Làm sao tôi biết được?.. Đã từng có không biết bao nhiêu người khi bắt đầu cuộc đời thì tưởng là mình sẽ kết thúc nó như Alexander Đại đế hay huân tước Bairon, nhưng rồi mãi mãi vẫn chỉ là những nhà cố vấn danh dự đấy ư?..

Khi bước vào phòng, tôi trà trộn vào đám đàn ông và để ý quan sát. Grusnixki đang đứng bên cạnh công tước tiểu thư và nói gì với nàng rất sôi nổi; nàng lơ đãng nghe anh ta nói, mắt thì đảo nhanh nhìn tứ phía, chiếc quạt áp lên môi, nét mặt lộ vẻ sốt ruột, mắt như tìm kiếm ai ở quanh đó: từ phía sau tôi nhẹ nhàng đi tới để lắng nghe xem họ nói chuyện gì.

- Thừa tiểu thư, tiểu thư đang hành hạ tôi, - Grusnixki nói, - tiểu thư thay đổi rất nhiều kể từ khi tôi không gặp tiểu thư.

- Ông cũng thay đổi, - nàng vừa đáp vừa liếc anh ta một cái rất nhanh, nhưng anh ta không có khả năng nhận thấy ở đấy cái ý giễu cợt thầm kín.

- Tôi, tôi đã thay đổi... ồ không đời nào! Tiểu thư cũng biết là không bao giờ lại như thế được! Ai đã gặp nàng một lần thì sẽ ghi vào tận đáy lòng hình ảnh trác việt của nàng.

- Thôi ông đừng nói nữa...

- Tại sao tiểu thư lại không muốn nghe những điều mà cách đây ít lâu nàng vẫn thường nghe lòng đầy thiện cảm?..

- Vì tôi không thích những chuyện lặp đi lặp lại nhiều lần, - nàng cười đáp...

- Trời! Tôi đã nhầm một cách chua chát!.. Tôi thật là điên khi nghĩ rằng những chiếc cầu vai này chí ít ra cũng cho tôi cái quyền được hy vọng... Nhưng không: đáng lý ra tôi nên giữ suốt đời chiếc áo ca pốt lính tôi tàn kia vì có lẽ nhờ nó mà nàng đã chú ý tới tôi...

- Đúng thế, chiếc áo ca pốt hợp với khuôn mặt ông hơn nhiều...

Vừa lúc ấy, tôi bước tới và chào nàng; tiểu thư hơi đỏ mặt và nói nhanh:

- Có phải thế không, thưa ông Pêtsôrin! Ông Grusnixki mặc chiếc áo ca pốt xám thích hợp hơn nhiều có phải không ông?..

- Tôi không đồng ý với tiểu thư, - tôi đáp, - bộ quân phục làm anh ta nom trẻ ra nhiều chứ.

Grusnixki không thể chịu nổi cái đá ấy, cũng như tất cả đám thiếu niên, anh ta tự cho là mình đã già, anh ta tưởng rằng trên mặt mình những vết hằn sâu của đục vọng đã thay thế cho những nếp nhăn của năm tháng. Anh ta liếc nhìn tôi bằng cặp mắt điên dại, giậm chân một cái và bỏ đi.

- Nhưng tiểu thư hãy thú nhận rằng, - tôi nói, - tuy anh ta lúc nào nom cũng lỗ bịch, nhưng vừa mới đây thôi, tiểu thư vẫn còn thấy anh ta hay hay... trong chiếc áo ca pốt xám đấy chứ ạ?..

Nàng nhìn xuống và không đáp.

Suốt buổi tối hôm ấy Grusnixki bám riết cô tiểu thư, khi thì nhảy với nàng, khi thì nhảy vis à vis^[53*], anh ta nhìn nàng như muốn nuốt trứng, rồi

thở dài và làm cho nàng chán tai vì những lời van lơn và trách móc. Nhảy hết lượt thứ ba, vũ khúc quadrille^[54*] nàng đâm ra ác cảm với anh chàng.

- Tớ không bao giờ ngờ cậu lại là người như thế, - anh ta đến gần và nắm lấy cánh tay tôi, nói.

- Cái gì kia?

- Cậu sắp nhảy điệu Mazurka với nàng? - anh ta trịnh trọng hỏi tôi, - nàng đã thú với tôi như thế...

- Rồi sao nữa? Lẽ nào lại phải giữ bí mật?

- Tất nhiên... Đáng lý ra, tớ phải nghĩ đến cái con ranh... cái con làm đóm kia có thể làm như thế lắm chứ... - Để rồi ta sẽ cho biết tay!

- Cậu nên đổ tội cho chiếc áo ca pốt hay đôi câu vai của cậu thì hơn, chứ sao lại kết tội nàng? Nếu cậu không làm vừa lòng nàng thì đâu có phải lỗi tại nàng?..

- Sao lại làm cho người ta hy vọng?

- Tại sao cậu lại hy vọng? Muốn thì cố mà chiếm lấy, cái đó tớ hiểu, nhưng ai đời lại đi nuôi hy vọng?

- Cậu đã được cuộc, nhưng chưa hẳn đâu, - anh ta đáp với một nụ cười ác hiểm.

Điệu Mazurka bắt đầu. Grusnixki chỉ chọn mời có mỗi một mình cô tiểu thư; những tay nhảy khác cũng đến mời nàng luôn: đó rõ ràng là một âm mưu chống lại tôi; càng hay: nàng muốn nói chuyện với tôi nhưng bị ngăn trở - nàng lại càng mong muốn gặp bội.

Hai lần tôi xiết chặt tay nàng; lần thứ hai nàng rụt tay lại nhưng không nói một lời.

- Đêm nay tôi sẽ khó ngủ lắm đây, - nàng nói với tôi sau điệu nhảy Mazurka.

- Grusnixki là kẻ có lỗi.

- Ồ không! - Và nét mặt nàng đượm vẻ buồn u uất nên tôi tự hứa với mình rằng tối nay nhất định ta sẽ hôn tay nàng.

Mọi người ra về. Khi đưa tiểu thư lên xe, tôi nhanh nhẹn ép bàn tay nhỏ bé của nàng lên môi mình. Trời tối, và không ai trông thấy gì cả. Và tôi trở về phòng nhảy, rất hài lòng về mình.

Đám thanh niên đang ăn bữa tối quanh chiếc bàn lớn, Grusnixki cũng đang ở đấy. Khi tôi bước vào, mọi người im bật: chắc chắn là họ đang nói về tôi. Sau cuộc khiêu vũ dạo trước, nhiều người đã bực tức với tôi, nhất là lão đại úy long ky, nên bây giờ, nhất định họ đang lập một phe thù địch chống lại tôi, dưới sự chỉ huy của Grusnixki. Trông anh chàng mới hùng dũng và ngênh ngáo biết chừng nào...

Rất sung sướng; tôi yêu kẻ thù tuy nhiên không phải theo kiểu Cơ đốc giáo. Họ làm tôi khuây khỏa, làm cho máu tôi sôi lên. Lúc nào cũng đề phòng, đón bắt từng cái nhìn, xét đoán từng lời nói, tìm ra những ý đồ, phá vỡ những mưu mô, giả vờ đã bị mắc lừa rồi dùng một cái hất lật nhào tất cả cái lâu đài đồ sộ và công phu của những mưu mẹo và ý đồ của chúng - đó là cái mà tôi gọi là cuộc đời.

Suốt buổi cơm tối, Grusnixki và lão đại úy long ky không ngớt thăm thì và đưa mắt ra hiệu cho nhau.

6 Tháng 6,

Sáng nay, Vêra đến Kixlôvôđxk với chồng. Tôi gặp chiếc xe của họ khi tôi đang trên đường tới nhà công tước phu nhân Ligôpxkaia. Nàng khẽ gật đầu chào tôi; trong khóe mắt nàng, vẫn thấy lời trách móc.

Lỗi tại ai? Tại sao nàng không muốn cho tôi được dịp gặp riêng nàng? Tình yêu cũng như lửa, - thiếu chất đốt sẽ tắt. Những cái mà sự ghen tuông làm được thì lời cầu khẩn của tôi lại không thể làm được.

Tôi đang ngồi ở nhà bà công tước thì đồng hồ điểm một giờ. Tôi không thấy Méri: nàng ốm. Chiều nay trên đại lộ cũng không thấy nàng. Cái đám người vừa mới được tập hợp lại, trang bị bằng kính tay quả thực là nom cũng có cái vẻ hăm dọa thật. Tôi sung sướng khi biết cô tiểu thư ốm: họ có lẽ đã làm gì đó xúc phạm đến nàng. Grusnixki đầu tóc rối bù, vẻ mặt thất vọng; anh ta có lẽ đang đau khổ thực sự, nhất là lòng tự ái của anh ta đã bị

tổn thương, nhưng cũng có những người mà ngay đến nỗi thất vọng cũng là niềm vui!..

Khi về đến nhà, tôi cảm thấy như thiếu vắng một cái gì. Tôi không gặp nàng! Nàng ốm! Tôi yêu thật rồi sao?.. Chuyện vợ vẫn!

7 Tháng 6,

Vào lúc mười giờ sáng, - giờ mà bà công tước Ligôpxkaia thường đi xông nước ở bồn tắm Ermôlôp, - tôi đi ngang qua nhà bà công tước. Tiểu thư đang ngồi đăm chiêu bên cửa sổ, thấy tôi, nàng vội đứng dậy.

Tôi bước vào tiền sảnh; không có ai, lợi dụng lối sống tự do mà phong tục ở đây cho phép, tôi đi thẳng vào phòng khách không cần báo trước. Khuôn mặt xinh xắn của công tước tiểu thư phủ một màu xanh bợt. Nàng đứng bên chiếc dương cầm, một tay tỳ lên lưng ghế bành: bàn tay ấy hơi run run; tôi nhẹ nhàng đến gần nàng và nói:

- Tiểu thư giận tôi sao?..

Nàng ngược mắt lên nhìn tôi bằng một cái nhìn éo lá, sâu thẳm và lắc đầu; môi nàng mấp máy như muốn nói điều gì nhưng không nói nổi; nước mắt rưng rưng; nàng gieo mình xuống ghế và đưa hai tay lên bưng lấy mặt.

- Tiểu thư làm sao thế? - Tôi nắm lấy tay nàng, nói.

- Ông khinh em lắm!.. Thôi, để mặc em!..

Tôi bước vài bước... Nàng lại ngồi thẳng người lên, mắt nàng sáng lên...

Tôi dừng lại, tay nắm nắm cửa, và nói:

- Hãy tha thứ cho tôi, thưa công tước tiểu thư! Tôi đã hành động như thằng điên... Lần sau sẽ không bao giờ có chuyện như thế nữa: tôi sẽ lễ độ hơn... Tiểu thư cần biết làm gì những điều đã xảy ra trong tâm hồn tôi từ độ đó! Tiểu thư không bao giờ hiểu được đâu, và như thế càng tốt cho tiểu thư hơn. Vĩnh biệt.

Khi đi ra tôi có cảm tưởng là tôi đã nghe thấy tiếng nàng khóc.

Tôi đi bộ, lang thang quanh vùng núi Masuk cho đến tận chiều tối, mệt mỏi kinh khủng, và về đến nhà, tôi nằm vật xuống giường trong trạng thái hoàn toàn kiệt lực.

Verne ghé vào thăm tôi.

- Có thật là anh định lấy công tước tiểu thư Ligôpxkaia không? - ông ta hỏi.

- Nhưng mà sao?

- Cả thành phố đều đồn như vậy; tất cả bệnh nhân của tôi đều bàn tán về cái tin quan trọng này; mà những bệnh nhân này thuộc loại người: cái gì cũng biết tất!

“Chắc Grusnixki chơi khăm mình đây!” – tôi nghĩ.

- Để chứng minh với anh, thưa bác sĩ, rằng những lời đồn đại ấy là giả dối, tôi xin tuyên bố với anh một cách bí mật là ngày mai tôi sẽ đi Kixlôvôđxk...”

- Cả bà công tước cũng đi?

- Không, bà ta còn ở đây thêm một tuần nữa...

- Như vậy là anh không lấy vợ?..

- Bác sĩ, bác sĩ thân mến ơi! Hãy nhìn tôi đây: chẳng lẽ trông tôi giống một vị hôn phu hay một cái gì tương tự đến thế ư?

- Tôi không nói thế... nhưng anh cũng biết đấy, - ông ta cười ranh mãnh, nói thêm - có những đám mà một người hào hiệp nhất định phải lấy làm vợ, và có những bà mẹ chí ít là cũng không làm gì để tránh điều ấy... Chỗ bạn bè với nhau cho nên, tôi khuyên anh một điều: hãy cẩn thận hơn! Ở vùng nước suối này, không khí nguy hiểm nhất đấy; tôi đã từng thấy bao nhiêu thanh niên ưu tú, đáng được hưởng một cuộc sống tốt đẹp, đã rời khỏi nơi này để đi thẳng đến nhà mồ... Và tôi đây nữa, liệu anh có tin được không, người ta thậm chí còn muốn cưới vợ cho tôi nữa cơ đấy! Chính là một bà mẹ quê mùa có cô con gái rất xanh xao ốm yếu. Vô phúc cho tôi là đã nói với bà ta rằng cô con gái bà sẽ trở lại hồng hào sau khi đi lấy chồng; thế là bà ta mắt rưng rưng lệ cảm kích đề nghị tôi lấy con gái bà với tất cả gia sản chừng năm mươi nông nô thì phải. Nhưng tôi đã trả lời là tôi thật không có khả năng làm việc ấy nữa...

Verne từ giã tôi, định ninh rằng ông đã làm cho tôi chú ý đề phòng.

Qua những lời ông ta nói, tôi chỉ nhận ra một điều là khắp nơi trong thành phố đã ồn lên những lời đồn đại độc địa về tôi và cô tiểu thư: về chuyện này rồi Grusnixki sẽ biết tay tôi!

10 tháng 6,

Tôi ở Kixilôvôđxk thế là đã được ba ngày. Ngày nào tôi cũng trông thấy Vêra bên bờ giếng và trong lúc đi dạo mát. Sáng sớm, khi ngủ dậy, tôi đến ngồi bên cửa sổ và chĩa kính cầm tay sang ban công nhà nàng; nàng đã mặc quần áo từ lâu và đang đợi ám hiệu; chúng tôi làm ra vẻ như tình cờ gặp nhau trong khu vườn đi từ nhà chúng tôi xuống giếng. Khí núi trong lành đã khiến cho nước da trên mặt nàng trở lại tươi tắn và bồi bổ lại sức lực cho nàng. Không phải vô cớ mà Nardan được mệnh danh là cái mạch nguồn tráng kiện. Dân bản địa khẳng định rằng không khí ở Kízlôvôđxk khơi gợi ái tình, rằng ở đây thường mở nút chung cục cho tất cả các thiên tình sử đã khơi mào từ chân núi Masuk. Quả thật, thì ở đây chỗ nào cũng toát ra cái vẻ cô liêu thơ mộng; ở đây cái gì cũng huyền bí: nào là những bóng cây gia càn lá dày đặc rủ bóng xuống dòng nước nhỏ đang chảy âm âm và tung bọt trắng từ tảng đá này xuống tảng đá khác để mở cho mình một con đường len lỏi giữa những ngọn núi xanh, nào là những vực hẻm tối tăm và im lìm, từ đấy chúng lại tỏa nhánh đi khắp ngả, nào là vẻ tươi mát của bầu không khí vốn đã thơm tho lại được hương vị của loại cỏ cao miền Nam và keo trắng làm cho thơm hơn, nào là tiếng róc rách của những con suối lạnh buốt chảy triền miên như tiếng ru đưa người ta vào giấc ngủ ngọt ngào, và chảy đến cuối thung lũng thì hội tụ, cùng nhau mở một cuộc đua giao hảo và cuối cùng thì đổ vào con suối lớn Pôtkumôk. Từ phía ấy, cái vực hẻm phình rộng ra và biến thành một cái hồ trũng cây cối xanh rì; trong đó có một con đường ngoằn ngoèo mù bụi chạy qua. Lần nào trông ra đường tôi cũng có cảm tưởng như có một chiếc xe đang chạy qua, và từ trong cửa sổ xe một khuôn mặt hồng hào đang nhìn ra. Bao nhiêu xe đã qua lại trên con đường này, nhưng chiếc xe ấy thì vẫn chẳng thấy đâu. Khu Xlôbôđka^[55*] sau pháo đài đã đầy người; trong tiệm ăn nằm trên đồi cách nhà tôi ở chỉ mấy bước, chiều vừa buông là đã bắt đầu lấp lánh ánh đèn lợt

qua hai hàng cây phong, tiếng người nói ồn ào, tiếng lanh canh của cốc tách chạm vào nhau cứ thể vang lên cho đến tận khuya.

Trên thế gian này không có nơi nào người ta uống nhiều rượu vang Kakhetin và nước khoáng như ở đây.

Nhưng trộn lẫn hai thứ này

Có ối người ưa chuộng -

Trong số họ không có tôi.

Gruxnixki cùng đồng bọn hầu như ngày nào cũng om xòm trong tửu quán, và với tôi hầu như không chào hỏi gì sất.

Anh ta vừa tới hôm qua, nhưng đã bị cãi lộn với ba ông già muốn vào bồn tắm trước anh ta: chắc chắn là - những nỗi bất hạnh đang thúc đẩy tinh thần vô biên ở nơi anh.

11 Tháng 6,

Cuối cùng họ đã tới. Khi nghe thấy tiếng bánh xe gỗ lọc cọc trên mặt đường - lúc ấy tôi đang ngồi bên cửa sổ, trái tim tôi giật bắn lên... Thế là thế nào nhỉ? Lẽ nào ta lại yêu thật rồi sao?.. Tôi sinh ra vốn đã xuẩn ngốc nên có thể là như thế lắm chứ.

Tôi ăn trưa ở gia đình họ. Công tước phu nhân nhìn tôi rất âu yếm và không rời cô con gái lấy nửa bước... Chẳng hay ho gì đâu! Thế nhưng Vêra lại ghen tôi với cô tiểu thư: niềm hạnh phúc mà tôi đã cố công để đạt được là thế đấy! Để hành hạ kẻ tình địch người đàn bà không từ một việc gì hết! Tôi nhớ là một người đàn bà đã yêu tôi vì tôi yêu người khác - Không có gì ngược đời hơn là trí tuệ đàn bà: khó mà thuyết phục được đàn bà trong bất cứ việc gì, phải dẫn dắt họ để họ tự thuyết phục mình; trình tự các chứng cứ mà họ dùng để triệt tiêu những định kiến của mình là rất độc đáo; để hiểu được phép biện chứng của họ phải lật ngược trong đầu mình tất cả những quy tắc sơ đẳng của lôgich học. Ví như một cái phép thông thường thì:

Người này yêu ta, nhưng ta đã có chồng; do đó không nên yêu người ta.

Cái phép của đàn bà thì:

Mình không nên yêu anh ta, bởi vì mình đã có chồng, nhưng anh ta yêu mình, - vậy thì...

Ở đây có mấy cái chấm, bởi vì lý trí không lên tiếng, mà phần lớn là cái lưỡi, con mắt và tiếp theo chúng là trái tim nếu đàn bà cũng có một trái tim.

Cái gì sẽ xảy ra, nếu một lúc nào đó những dòng ký này lọt vào mắt đàn bà? “Vu khống!” – cô ta thét lên một cách phẫn nộ.

Kể từ khi các thi sĩ làm thơ và đàn bà đọc thơ (vì thế mà phải mang ơn họ sâu sắc nhất trần đời), không biết bao nhiêu lần người ta gọi họ là thiên thần, thật ra tâm hồn họ rất đơn giản nên họ tin ngay cái lối tán tụng ấy là thật, mà quên mất rằng, cũng chính những thi sĩ ấy đã vì tiền mà tôn sùng Nêrô như một vị á thánh...

Dù tôi có phải nói về họ một cách ác khẩu như vậy là không đúng lúc, đúng chỗ thì tôi vẫn là một người mà trên thế gian này, ngoài họ ra không yêu gì nữa cả, tôi vẫn là một người luôn luôn sẵn sàng hy sinh cho họ sự thư thái, lòng tự ái, và cả mạng sống nữa... Nhưng không phải vì một cơn tức giận và lòng tự ái bị tổn thương mà tôi cố hết sức giật phăng khỏi người họ tấm màn kỳ ảo có phép màu, một tấm màn chỉ có con mắt tinh đời mới nhìn thấu được. Không! Tất cả những cái mà tôi nói về họ chỉ là kết quả của:

Những quan sát lạnh lùng bởi trí óc

Và những nhận xét xót xa cay đắng bằng con tim. [\[56*\]](#)

Đàn bà lẽ ra họ phải mong sao cho tất cả cánh đàn ông đều biết họ rõ ràng như tôi, vì từ khi tôi không sợ họ và đã hiểu thấu những khuyết điểm dù còn con của họ, tôi càng yêu họ gấp trăm lần.

Nhân thể nói thêm: cách đây mấy hôm Verne đã so sánh đàn bà với khu rừng bị mê hoặc mà thi sĩ Taxxo [\[57*\]](#) đã nói trong tác phẩm “Giêsudalem giải phóng!”. “Cứ tiến tới đi, - ông nói, - những nỗi kinh hoàng mà chúa đã phán từ khắp tứ phía sẽ lao vào anh: bốn phận, lòng tự hào, vẻ lịch thiệp, dư luận quần chúng, sự lơ lửng, khinh miệt... Có điều là đừng nhìn, hãy tiến thẳng: dần dần những quái vật kia sẽ biến đi, và trước mặt anh sẽ là cánh rừng thưa yên tĩnh và sáng sủa, ở giữa là những cây sim xanh mượt đang

nở hoa. Nhưng vô phúc cho anh nếu ngay từ bước đầu tim anh đã đập rộn lên và ngoái cổ lại!”

12 tháng 6,

Buổi tối hôm nay xảy ra nhiều biến cố. Cách Kixlôvôđxk ba dặm, trong một hẻm núi, nơi có con suối Pôtkumôk chảy qua, có một vách đá gọi là Chiếc nhẫn: đó là một cái cổng thiên tạo. Nó đứng sừng sững trên một ngọn đồi cao, và mỗi khi vầng đông xế tà đều ném qua đó xuống thế gian cái nhìn rực lửa cuối cùng của mình. Một đoàn kỵ mã đông đúc đi tới đây để ngắm cảnh mặt trời lặn qua ô cửa sổ đá ấy. Thật ra thì không một ai trong chúng tôi để ý tới mặt trời. Tôi cưỡi ngựa đi cạnh cô tiểu thư; lúc quay về, phải lội qua suối Pôtkumôk. Những con suối vùng núi, ngay cả những con nhỏ nhất, cũng đều nguy hiểm, nhất là lòng suối lại là một thứ kính vạn hoa hoàn hảo, do sức ép của sóng nó cứ thay hình đổi dạng hàng ngày; có chỗ hôm qua còn có một hòn đá thì hôm nay lại là một cái hố. Tôi nắm lấy dây cương ngựa của cô tiểu thư và thúc nó lội xuống nước sâu không quá đầu gối. Chúng tôi bắt đầu từ từ lội qua, đi chéo ngược dòng nước chảy. Người ta biết rằng khi đi qua một con suối chảy mạnh thì không nên nhìn xuống nước vì dễ chóng mặt. Tôi quên báo cho tiểu thư Méri biết trước điều ấy.

Chúng tôi đã đi đến giữa dòng, nơi nước chảy mạnh nhất thì đột nhiên nàng lão đảo trên yên... “Tôi thấy khó chịu!” nàng nói bằng một giọng yếu ớt... Mau lẹ, tôi nghiêng người về phía nàng và đưa tay, quàng lấy tấm thân mềm mại của nàng, - “Nhìn lên trời! - tôi thì thào bảo nàng, - không việc gì đâu; đừng sợ: đã có tôi ở bên cạnh”.

Nàng thấy khá hơn; và muốn thoát khỏi cánh tay tôi, nhưng tôi lại càng xiết chặt hơn cái thân hình thon thả và mềm mại kia; má tôi gần kề sát má nàng, người nàng nóng bừng lên như bốc lửa.

- Ông làm gì tôi thế? Trời ơi!..

Mặc cho nàng xúc động và bối rối, tôi không hề để ý tới, môi tôi đã chạm vào bên má mịn màng của nàng; nàng rùng mình nhưng không nói gì. Chúng tôi đi ở phía sau nên không ai trông thấy. Khi chúng tôi lên tới bờ

thì mọi người đã cho ngựa đi nước kiệu. Cô tiểu thư ghìim ngựa lại; tôi dừng lại bên nàng, rõ ràng là sự im lặng của tôi đã làm nàng lo lắng, nhưng vì tính tò mò tôi đã thề là sẽ không thốt ra một lời. Tôi muốn xem nàng xoay xử ra sao để thoát khỏi hoàn cảnh bối rối này.

- Hoặc là ông khinh em, hoặc là ông yêu em lắm? - cuối cùng nàng nói, giọng đầy nước mắt. - Có lẽ ông muốn cười nhạo em, làm rối loạn tâm hồn em và rồi sau đó sẽ bỏ mặc em. Như thế thì hèn hạ quá, bần tiện quá, đến nỗi chỉ một lời... ồ không, không đúng, phải không ông? - nàng nói thêm, bằng một giọng tin tưởng dịu dàng. - Vì em nào có gì để cho ông phải khinh, phải không ông? Hành động sỗ sàng của ông... em cần, em cần tha thứ cho ông bởi vì em đã cho phép... Hãy trả lời đi ông, hãy nói đi, em muốn nghe giọng nói của ông!.. Trong những lời cuối cùng, có cái gì đó tỏ ra nôn nóng kiểu đàn bà làm tôi bất giác đã mỉm cười, may thay, trời đã bắt đầu tối... Tôi không đáp gì cả.

- Sao ông lại làm thình? - nàng nói tiếp, - có lẽ ông muốn em phải nói trước là em yêu ông chắc?

Tôi vẫn im lặng...

- Ông muốn thế chẳng? - nàng nói tiếp và quay ngoắt sang phía tôi... Trong ánh mắt và giọng nói quả quyết của nàng có cái gì thật đáng sợ.

- Ích gì? - Tôi nhún vai, đáp.

Nàng quất ngựa một roi và lao thực mạng trên con đường chật hẹp, nguy hiểm; việc đó xảy ra nhanh đến nỗi tôi phải vất vả lắm mới đuổi kịpnàng và cũng là lúc nàng đã nhập vào đoàn. Từ lúc đó cho về đến nhà, nàng cười nói luôn miệng. Cử chỉ của nàng có cái gì nóng nảy; nàng không nhìn tôi lấy một lần. – Mọi người đều nhận thấy cái vui khác thường ấy. Nhìn cô con gái, trong thâm tâm bà công tước lấy làm mừng, còn con gái bà thì chẳng qua là đang bị một cơn loạn thần kinh: rồi nàng sẽ qua một đêm mất ngủ và sẽ khóc. Ý nghĩ này làm tôi sung sướng vô ngần. Có những phút tôi hiểu được Vampir là con ma hút máu đấy ... Ấy thế mà tôi vẫn được xem như một thanh niên nhân từ và tôi sẽ cố gắng để đạt được danh hiệu ấy!

Khi xuống ngựa, các bà đều vào nhà công tước phu nhân, tôi rất xúc động và phi ngựa lên núi để xua tan những ý nghĩ dồn ứ trong đầu. Đêm mờ sương làm cho khí trời mát mẻ đến say lòng người. Trăng lên từ sau những ngọn núi đen sẫm. Mỗi bước chân của con ngựa không bứt móng nghe âm vang giữa cảnh tĩnh mịch của con hẻm. Đến bên một con thác tôi cho ngựa dừng lại uống nước, tôi háo hức hít mạnh hai hơi bầu không khí mát rượi của đêm phương Nam, rồi cho ngựa quay trở lại. Tôi đi qua Khu phố ngoại ô. Các cửa sổ đã bắt đầu tối đèn. Lính canh trên thành pháo đài và lính Kôđắc đi tuần ở xung quanh đang ề à gọi nhau...

Trong một ngôi nhà ở Khu ngoại ô xây bên bờ một con lạch, tôi thấy đèn đóm vẫn sáng trưng. Thỉnh thoảng lại có tiếng nói và tiếng kêu hỗn độn, chứng tỏ là ở đó có đám quân nhân đang đánh chén. Tôi xuống ngựa và rón rén tới bên cửa sổ. Nghe qua một cánh cửa sổ khép hờ tôi có thể nhìn thấy rõ những người đang uống rượu và nghe được hết câu chuyện của họ. Người ta đang nói về tôi.

Lão đại úy long ky rượu vào thêm hăng, đập mạnh nắm tay xuống bàn yêu cầu mọi người chú ý.

- Thưa các ngài. – lão ta nói, - điều đó thật chẳng còn ra cái thể thống gì! Cần cho thằng Pêtsôrin một bài học! Cái bọn chưa ráo máu đầu ở Peterbua ấy bao giờ cũng vênh váo chùng nào ta chưa búng cho chúng một cái vào mũi! Hẳn tưởng chỉ có mình hẳn sống trong giới thượng lưu, vì hẳn luôn mang găng tay sạch tinh và đi giày bóng lộn!

- Và cả nụ cười khinh mạn ấy nữa! Nhưng tôi chắc kỳ thật hẳn chỉ là một thằng hèn, - vâng một thằng hèn.

- Tôi cũng nghĩ thế, - Grusnixki nói. – Hẳn thích đùa. Có lần tôi đã nói oan cho hẳn những việc mà giá là người khác thì tôi đã bị xé xác ngay tại chỗ, nhưng Pêtsôrin lại biến tất cả thành trò cười. Tất nhiên tôi không khiêu khích gì hẳn, bởi vì, đó là việc của hẳn, nhưng tôi không muốn giao du nữa...

- Grusnixki thù hẳn vì hẳn phỗng mắt cô công tước tiểu thư của cậu ấy! – Ai đó nói.

- Liệu anh còn nghĩ ra thêm được chuyện gì nữa nào! Thật ra thì tôi cũng có theo đuổi cô ta ít lâu, nhưng rồi thôi ngay vì không định lấy vợ, mà nguyên tắc của tôi là không được làm tổn thương đến danh dự của một người con gái.

- Nhưng tôi xin cam đoan với các anh rằng đứa nhát gan nhất thế gian này là Pêtsôrin chứ không phải là Grusnixki!.. - Ồ, Grusnixki là một con người tuyệt vời, và anh ấy cũng là một người bạn chân chính của tôi! – lão đại úy long kỵ lại nói. – Thưa các ngài! Ở đây không một ai bênh Pêtsôrin đấy chứ? Không có ai cả à, vậy thì càng hay! Các ngài có muốn ta thử thách lòng can đảm của hãn không nào? Các ngài sẽ được dịp tha hồ vui thích...

- Muốn, nhưng bằng cách nào?

- Vậy thì các ngài hãy nghe đây: Grusnixki là người căm ghét hãn nhất, vậy anh ấy sẽ đóng vai chính! Anh ấy sẽ kiếm một chuyện vợ vẫn gì đấy để gây sự và thách đấu... Hãy gượng đã; cái trò đùa ấy là thế này... Anh ấy sẽ thách hãn quyết đấu: được! Tất cả những việc khiêu khích, chuẩn bị, ra điều kiện sẽ cố làm sao cho thật trịnh trọng và thật giật gân – tôi xin lãnh trách nhiệm việc này; tôi sẽ là người làm chứng của anh, anh bạn tội nghiệp của tôi ạ! Được lắm! Nhưng cái điều mấu chốt là ở chỗ này: súng ngắn chúng ta sẽ không nhồi đạn. Tôi xin cam đoan với các anh Pêtsôrin là một thằng nhát! Tôi sẽ đặt hai người đứng cách nhau sáu bước, chà mẹ kiếp! Các ngài thấy thế có được không?

- Ý kiến hay quá! Đồng ý! Tại sao lại không nhỉ? – Từ tứ phía đều có tiếng người la lối.

- Còn anh, anh Grusnixki?

Tôi nóng lòng chờ đợi câu trả lời của Grusnixki, một cơn giận dữ lạnh lùng xâm chiếm tôi khi tôi nghĩ rằng nếu không có điều run rủi may mắn này, tôi rất có thể sẽ trở thành trò cười cho tất cả cái tội xuẩn ngốc này. Nếu như Grusnixki từ chối, có lẽ tôi sẽ nhảy bổ vào ôm chầm lấy cổ anh ta. Nhưng sau vài phút im lặng hãn đứng lên, đưa tay ra bắt tay lão đại úy và trịnh trọng nói: “Hay lắm, tôi đồng ý!”

Thật khó mà tả kiệt nổi hoan hỉ của tất cả đám người tử tế kia.

Tôi về nhà; xốn xang bởi hai cảm giác trái ngược nhau. Thứ nhất là buồn bã. “Tại sao tất cả chúng nó lại căm ghét mình? – tôi nghĩ. – Tại sao? Tôi có xúc phạm đến ai đó chẳng? Không! Có thể nào tôi lại thuộc hạng người mà người ta chỉ mới nhìn thấy mặt thôi cũng đã có ác cảm rồi?” Và tôi cảm thấy rằng một cơn căm phẫn đầy nọc độc mỗi lúc một ứ lên trong tâm hồn tôi. Tôi đi đi lại lại ở trong phòng và nói: “Hãy coi chừng, thưa ông Grusnixki! Không đùa với tôi như thế được đâu! Ông có thể phải trả giá đắt chỉ vì ông đồng lòng với những thằng bạn xuẩn ngốc của ông. Tôi không phải là thứ đồ chơi của ông!..”

Suốt đêm tôi không hề chớp mắt. Sáng dậy, người tôi vàng như nghệ.

Sáng nào tôi cũng gặp công tước tiểu thư ở bên giếng.

- Ông ốm hay sao thế? – nàng nhìn tôi chăm chú và nói.

- Đêm qua tôi không ngủ.

- Cả em cũng thế... Em oán ông... có lẽ không đúng chẳng? Nhưng ông hãy nói đi, em có thể tha thứ cho ông tất cả...

- Tất cả ư?

- Tất cả... có điều ông phải nói thật... Và nói mau lên... Liệu ông có thấy, em đã suy nghĩ nhiều, cố giải thích, biện minh cho thái độ của ông; có lẽ ông sợ cha mẹ em cản trở gì chẳng... không có đâu; - nếu các cụ biết... (giọng nàng run run) em sẽ van nài các cụ. Hay là do địa vị của ông... nhưng ông nên biết rằng em có thể hy sinh tất cả cho người em yêu... Ồ, ông trả lời nhanh lên, hãy thương em với... ông không khinh em đấy chứ? Có phải thế không ông!

Nàng chớp lấy tay tôi. Bà công tước đi phía trước với chồng Vêra và không trông thấy gì; nhưng những bệnh nhân đang đi hóng mát có thể nhìn thấy: họ là những kẻ thóc mách nhất trong đám ngòi lê đôi mách; và tôi vội rút ngay tay mình ra khỏi bàn tay nàng đang nồng nàn xiết chặt lấy tay tôi.

- Tôi sẽ nói hết sự thật với tiểu thư, - tôi trả lời, - tôi sẽ không tìm cách tự bào chữa, cũng không giải thích hành vi của mình; tôi không yêu tiểu thư...

Môi nàng hơi tái đi...

- Thôi để tôi yên! – nàng thều thào nói. Tôi nhún vai, quay người lại và đi thẳng.

14 tháng 6

Đôi khi tôi tự khinh miệt mình... có phải vì thế mà tôi khinh cả kẻ khác chẳng?.. Tôi không thể có được những cơn hứng khởi cao quý; tôi sợ trở thành khôi hài ngay đối với tôi. Vào địa vị tôi, một người khác có lẽ đã dâng cho cô tiểu thư cả son coeur et sa fortune^[58*]; nhưng đối với tôi tiênglấy vợ như có quyền lực ma quái; cho dù tôi có yêu tha thiết một người đàn bà nào đi nữa, nhưng nếu cô ta lại để lộ ra khiến tôi cảm thấy là tôi phải lấy cô ta thôi, thì cũng xin vĩnh biệt ái tình! Trái tim tôi trở thành đá, và không gì có thể hâm nóng lại được nữa. Tôi sẵn sàng hy sinh tất cả, trừ điều ấy; tôi có thể hai chục lần liều mạng, thậm chí cả đến danh dự nữa... nhưng tôi sẽ không bán tự do của tôi. Tại sao tôi lại quý nó đến thế? Tôi tìm thấy gì ở nó?.. tôi định đi tới đâu? Tôi chờ đợi gì ở tương lai?.. Quả thật là chẳng có gì sắt. Đây là tính sợ hãi bẩm sinh gì đó, một linh cảm khó hiểu... Bởi vì có những người sợ một cách vô ý thức: sợ nhện, sợ gián, sợ chuột... Có nên nói ra điều này không nhỉ?.. Hồi tôi còn nhỏ một bà lão đã nói cho mẹ tôi biết lá số của tôi; bà ta đã nói cho tôi biết trước là tôi sẽ chết vì tay một người vợ độc ác; thế là tôi mang một ấn tượng rất sâu sắc từ đấy; tôi thấy việc lấy vợ là việc hết sức ghê tởm!.. Tuy nhiên có cái gì đó vẫn nhắc nhở tôi là lời tiên đoán ấy sẽ thành sự thật; nhưng ít ra tôi cũng cố làm sao cho điều ấy xảy ra càng chậm càng hay.

15 tháng 6

Hôm qua nhà ảo thuật Anphenbaum tới đây. Ở cửa tiệm ăn xuất hiện một tấm quảng cáo dài thông báo cho đám quần chúng thượng lưu biết rằng nhà ảo thuật, nhà nhào lộn, nhà hóa học và quang học kỳ tài nói trên sẽ được cái hân hạnh tổ chức một buổi biểu diễn lớn ngay ngày hôm nay, vào lúc tám giờ tối, trong phòng họp của giới Thượng lưu (nói cách khác là trong tiệm ăn). Giá vé: hai rúp rưỡi.

Mọi người đều chuẩn bị đi xem nhà ảo thuật kỳ lạ ấy. Ngay cả bà công tước Ligôpxkaia, tuy cô con gái của bà vẫn ốm nhưng bà vẫn lấy vé đi xem.

Hôm nay, sau bữa cơm trưa, tôi đi ngang dưới cửa sổ nhà Vêra; nàng ngồi một mình trên bao lơn, một mảnh giấy rơi xuống chân tôi:

“Tối nay, vào lúc mười giờ, tới gặp em, lên lối cầu thang lớn; chồng em đã đi Piatigorxki và sáng mai mới về. Bọn gia nhân cũng như bọn tỳ nữ sẽ không ở nhà, em đã phát vé cho tất cả bọn chúng cả đám gia nhân nhà bà công tước nữa! – Em đợi anh; thế nào cũng đến nhé!”

“A, ha, - tôi tự nhủ, - thế là cuối cùng mình cũng được thỏa mãn!” Lúc tám giờ, tôi đi xem nhà ảo thuật. Gần mười giờ công chúng mới tập trung đông đủ; buổi diễn bắt đầu. Ở mấy hàng ghế cuối, tôi nhìn thấy đám gia nhân nhà Vêra và nhà bà công tước. Chẳng thiếu một ai. Grusnixki ngồi ở hàng ghế đầu, mang chiếc kính có cán. Nhà ảo thuật mỗi lần cần đến cái mùi xoa, cái đồng hồ, cái nhẫn và v.v... đều nhờ đến anh ta.

Đã lâu nay Grusnixki không chào hỏi tôi nữa, nhưng hôm nay hãnh nhìn tôi hai lần, vẻ láo xược. Tất cả cái đó hẳn sẽ phải nhớ tới khi chúng tôi phải thanh toán với nhau.

Gần mười một giờ, tôi đứng dậy và đi ra.

Bên ngoài, trời tối như mực. Những đám mây đen nặng nề, lạnh lẽo nằm sóng soài trên những đỉnh núi lân cận; lâu lâu mới có một luồng gió thoi thóp làm lay động mấy ngọn cây phong ở quanh tiệm ăn. Đám người đông đúc chen chúc bên các cửa sổ. Tôi xuống đồi và khi đã ngoặt vào cổng, tôi bèn rảo bước. Đột nhiên tôi cảm thấy như có ai đó đi ở phía sau tôi. Tôi dừng lại và xem xét. Không tài nào nhận thấy gì trong đêm tối; để cho được cẩn thận, tôi đi vòng quanh nhà, làm như thể đi dạo. Khi đi qua dưới cửa sổ nhà tiểu thư Mêri, tôi lại nghe thấy tiếng bước chân ở phía sau; một người đàn ông, cuộn mình trong chiếc áo ca pốt, chạy lướt qua rất nhanh. Điều đó khiến tôi lo lo nhưng tôi vẫn cứ lén tới gần bậc tam cấp và vội vàng chạy tọt vào chân cầu thang tối om. Cánh cửa mở ra, một bàn tay bé nhỏ nắm lấy tay tôi...

- Không ai trông thấy anh chứ? – Vêra vừa thì thào vừa áp người vào tôi.

- Không!

- Bây giờ thì anh đã tin em yêu anh chưa? Ôi, thế mà em cứ do dự mãi, cứ đau khổ mãi... nhưng bây giờ thì em đây, anh muốn làm gì thì làm.

Tim nàng đập mạnh, tay nàng lạnh như băng,... Những lời trách móc của thói ghen tuông những lời cầu khẩn lại bắt đầu, - nàng đòi tôi phải thú nhận hết với nàng, và nói rằng cho dù tôi có phản bội nàng thì nàng sẽ cam lòng chịu đựng bởi vì nàng chỉ có một ước mong duy nhất là thấy tôi được sung sướng! Điều đó tôi không tin nàng lắm, nhưng để cho nàng yên lòng, tôi vẫn thề, vẫn hứa v.v...

- Như vậy là anh không lấy Mèri chứ? Không yêu cô ta chứ?.. Thế mà cô ta cứ tưởng... anh có biết là cô ta mê anh như điên, như dại không, tội nghiệp cho cô bé!..

.....

Vào lúc gần hai giờ sáng, tôi mở cửa sổ, và bằng hai tấm khăn san nối vào nhau, tỳ người vào cột tôi tụt từ bao lơn phía trên xuống bao lơn phía dưới. Trong nhà Mèri vẫn sáng ánh đèn không hiểu cái gì đã xui tôi đi tới bên ô cửa sổ ấy. Màn che chưa kéo kín hẳn nên tôi có thể tò mò nhìn vào trong phòng. Mèri đang ngồi trên giường, khoanh tay trên gối, mái tóc dày vén gọn dưới chiếc mũ con đội đêm có thêu rua; một tấm khăn quàng rộng màu hoa mào gà phủ lên đôi bờ vai trắng, và hai bàn chân nhỏ bé giấu kín trong đôi giày Ba Tư màu sặc sỡ. Nàng ngồi bất động, đầu cúi gằm; trên chiếc bàn nhỏ trước mặt có một quyển sách đang mở, nhưng đôi mắt nàng bất động và u uất một nỗi buồn khôn xiết, hình như đôi mắt ấy đã lướt đi lướt lại trên cùng một trang có đến hàng trăm lần, mà đầu óc thì vẫn nghĩ vợ vẫn tận đâu đâu...

Trong lúc ấy, có ai đó động sột soạt ở phía sau bụi cây. Từ trên bao lơn, tôi nhảy xuống đám cỏ. Một bàn tay vô hình đã túm lấy vai tôi.

- A-ha! - một giọng nói thô bạo kêu lên, - chết nhá!.. bắt được quả tang đang đêm mò tới nhà công tước phu nhân!..

- Giữ chặt lấy nó! - lại một người khác từ sau góc nhà lao ra, kêu toáng lên.

Đó là Grusnixki và lão đại úy long ky.

Tôi nện vào đầu lão một quả làm lão ngã té ngựa, rồi đâm bổ vào bụi cây. Tôi thuộc tất cả những đường ngang, lối tắt trong khu vườn trên sườn đồi trước cửa nhà chúng tôi.

- Có trộm! Lính tuần đâu!.. - họ kêu toáng lên, có tiếng súng nổ. Một quả đạn bụi nhùi còn đang bốc khói rơi ngay sát chân tôi.

Một phút sau, tôi đã về tới phòng mình, cởi áo và lên giường nằm. Tên hầu của tôi vừa khóa cửa thì Grusnixki vào lão đại úy đến gõ cửa nhà tôi.

- Pêtsôrin! Anh ngủ ư?.. Anh có nhà không?.. - lão đại úy kêu lên.

- Tôi đang ngủ, - tôi càu nhàu đáp.

- Dậy đi!.. Có trộm... Tụi Tserkex...

- Tôi đang số mũi, sợ nhiễm lạnh. - Tôi đáp.

Chúng bỏ đi. Thật là uổng, vì tôi đã lên tiếng: giá cứ để cho bọn chúng tìm kiếm trong vườn thêm một giờ nữa. Trong khi đó thì tiếng báo động đã nổi lên dữ dội. Một người Kôđắc phi ngựa nước đại từ pháo đài tới. Rồi thì đâu đâu cũng nhốn nháo cả lên; người ta bắt đầu đi tìm tụi Tserkex trong khắp các bờ bụi, và cố nhiên là chẳng thấy một tên nào. Nhưng nhiều người có lẽ vẫn tin chắc rằng nếu đội lính canh, đội phòng vệ, dũng cảm và khẩn trương hơn tí nữa thì ít ra cũng có vài chục thằng ác điều phơi thây tại chỗ.

16 Tháng 6,

Sáng hôm nay ở bên giếng, người ta chỉ bàn tán về cuộc đột kích ban đêm của tụi Tserkex. Khi đã uống hết số cốc nước khoáng Nardan theo đơn bác sĩ, và sau khi qua lại mười lần dưới hàng cây gia trên con đường dạo mát dài hun hút, tôi đã gặp ông chồng Vêra vừa mới đi Piatigoxkơ về: ông ta nắm lấy cánh tay tôi, và chúng tôi cũng vào tiệm ăn để ăn sáng, ông ta rất đổi lo lắng cho bà vợ. Ông nói: "Hồi đêm nhà tôi sợ hết hồn, mà việc ấy lại xảy ra đúng lúc tôi đi vắng mới chết chứ!" Chúng tôi cùng ngồi vào bàn ăn kê gần ở lối cửa thông sang căn phòng phía góc: ở đấy có mười chàng thanh niên, trong đó có cả Grusnixki. Đây là lần thứ hai, số phận đã cho tôi cơ hội nghe lỏm được câu chuyện có ý nghĩa quyết định đến vận mệnh của

hắn. Hắn không nhìn thấy tôi, nên tôi không thể nghi ngờ dụng ý của hắn, nhưng như vậy thì tội của hắn với tôi càng thêm nặng.

- Nhưng có đúng là tội Tserkex không? - một người nào đó hỏi. - Có ai nhìn thấy chúng không cái đã?

- Tôi sẽ kể cho các cậu nghe đầu đuôi câu chuyện, - Grusnixki đáp, - nhưng đừng có đi tố tố đấy; việc đó như thế này: hôm qua có một người, tớ không nói tên ra đây với các cậu, đến cho tớ hay rằng vào lúc mười giờ đêm anh ta đã thấy có đứa lên vào nhà bà công tước Lôgôpxkaia. Nên nhớ là bà công tước lúc ấy đang ở đây, còn công tước tiểu thư thì đang ở nhà. Thế là chúng tớ cùng nhau đến nấp ở dưới cửa sổ để rình đợi thằng cha tốt số kia.

Tôi cũng xin thú thực rằng lúc ấy tôi rất lo sợ, tuy người ngồi cùng bàn với tôi chỉ cầm đầu cầm cổ ăn: ông ta có thể sẽ nghe thấy những điều rất khó chịu đối với ông ta, nếu chẳng may Grusnixki lại đoán ra đúng sự thật, nhưng vì ghen tuông hắn đâm ra mù quáng nên không hề nghĩ tới cái sự thật ấy.

- Đấy các cậu thấy không, - Grusnixki nói tiếp, - chúng tớ ra đi có mang theo một khẩu súng lắp đạn giả, cốt để dọa thôi mà! Chúng tớ đợi trong vườn tới hai giờ. Cuối cùng hắn từ đâu hiện ra thì có trời biết, có điều là không phải từ cửa sổ, vì cửa sổ đóng; có lẽ hắn trèo qua cửa kính sau cột, cuối cùng như tớ đã nói, chúng tớ thấy có người từ bao lơn nhảy xuống... Công tước tiểu thư là thế nào nhỉ? Há? Chà, tớ xin thú thực là các cô tiểu thư Matxkova cũng đều như thế tất! Sau chuyện này liệu còn có gì đáng tin nữa kia chứ! Chúng tớ muốn tóm lấy hắn nhưng hắn giăng ra được và chuồn vào bụi rậm nhanh như con thỏ, lúc ấy tớ mới nổ súng.

Xung quanh Grusnixki có tiếng xì xào ngờ vực.

- Các cậu không tin ư? - hắn nói tiếp, - tớ xin lấy danh dự mà thề với các cậu một lời thề cao thượng rằng tất cả điều đó đều là sự thật một trăm phần trăm, và để dẫn chứng tớ sẽ chỉ đích danh cái vị ấy cho các cậu biết tay.

- Nói đi, nói đi, hắn là ai vậy? - cả bốn phía đều có tiếng thúc giục.

- Pêtsôrin! - Grusnixki đáp.

Vừa lúc ấy hăn ngược mắt lên - tôi đứng ở lối cửa vào, ngay trước mặt hăn. Hăn sợ hãi, mặt đỏ rần như gấc. Tôi tới gần và nói với hăn một cách chậm rãi và rành rọt:

- Tôi rất lấy làm tiếc là đã vào chậm khi ông đã đưa ra lời thề danh dự để chứng thực cho một điều vu khống bi ối nhất. Giá có mặt tôi thì ông đã không phạm một điều hèn mạt không đáng có.

Grusnixki đứng chồm dậy và như muốn nổi khùng.

- Tôi yêu cầu ông, - tôi nói tiếp, vẫn bằng cái giọng điệu như cũ, - tôi yêu cầu ông cải chính ngay tức khắc điều ông vừa nói; ông cũng thừa hiểu đó là một sự bịa đặt. Tôi không ngờ rằng thái độ lạnh nhạt của một người đàn bà đối với những đức tính chói lọi của ông lại đáng để ông tìm cách báo thù khùng khiếp đến thế. Ông nghĩ kỹ đi: nếu ông khư khư giữ lời ông vừa nói, ông sẽ mất cái quyền được gọi là một người danh giá và ông sẽ phải liều mạng đấy.

Grusnixki đứng trước mặt tôi, mắt hăn sụp xuống, xúc động mạnh. Nhưng cuộc đấu tranh giữa lương tâm và lòng tự ái diễn ra không lâu. Lão đại úy long kỵ ngồi bên lấy khuỷu tay hích hăn; hăn giật mình rồi trả lời tôi rất nhanh, mắt vẫn nhìn xuống.

- Thưa ngài kính mến, khi tôi nói điều gì là tôi đã nghĩ kỹ và sẵn sàng nhắc lại... Tôi không sợ những lời đe dọa của ngài và sẵn sàng đương đầu với tất cả...

- Điều ấy ông cũng đã tỏ rõ rồi, - tôi lạnh lùng đáp lời hăn, và nắm lấy cánh tay viên đại úy long kỵ, đi ra khỏi phòng.

- Ông muốn gì? - lão đại úy hỏi.

- Ông là bạn của Grusnixki, vậy chắc ông sẽ là người làm chứng của hăn?

Viên đại úy nghiêng mình rất trịnh trọng:

- Ông đoán đúng, - lão đáp, - làm chứng cho anh ấy còn là bổn phận của tôi, bởi vì lẳng mạ anh ấy là lẳng mạ cả tôi: đêm qua tôi cùng đi với anh ấy, - lão ưỡn thẳng cái thân hình hơi còng của mình lên và nói thêm.

- À, thế ra chính ông là người đã bị tôi vụng về nện cho một cú trúng đầu đấy ư?

Mặt lão trở nên vàng ệch rồi tím ngắt; nổi căm hờn được giấu kín hiện rõ trên mặt lão.

- Tôi lấy làm hân hạnh sẽ đưa người làm chứng của tôi đến gặp ông ngay đêm nay, - tôi nói thêm, rồi cúi chào rất lịch sự và làm như không để ý đến cơn điên khùng của lão.

Tôi lại gặp ông chồng Vêra ở bậc tam cấp của tiệm ăn, hình như ông ta đang đợi tôi.

Ông ta xiết chặt tay tôi với một tình cảm như thán phục.

- Ông là một chàng trai cao thượng! - ông ta nói, lệ rưng rưng. Tôi đã nghe hết cả. Thằng đốn mạt! Thằng vô ơn... Đã thế thì một gia đình tử tế làm sao còn có thể tiếp chúng được nữa! Lạy chúa, may mà tôi không có con gái. Nhưng ông liều mạng vì một người đàn bà, thì người ấy ắt sẽ đền bù lại ông. Ông cứ tin vào sự kín đáo của tôi cho đến lúc cần thiết, - ông ta tiếp. - Chính tôi cũng đã có thời trai trẻ và đã từng ở trong quân đội: tôi hiểu rằng không nên chen chân vào những việc như thế này. Chào ông!

Tội nghiệp ông già! Mừng vì mình không có con gái...

Tôi đi thẳng tới nhà Verne, ông đang ở nhà và tôi kể lại với ông tất cả - quan hệ của tôi với Vêra và với cô tiểu thư, và câu chuyện mà tôi vừa nghe lỏm được, do đó tôi biết được ý định của các ngài ấy là muốn đem tôi ra chế giễu bằng cách cho chúng tôi dùng đạn giả bắn nhau. Nhưng hiện nay câu chuyện lại ra ngoài phạm vi đùa bỡn; tất nhiên, họ không ngờ rằng câu chuyện lại kết cục như vậy.

Bác sĩ đồng ý là người làm chứng cho tôi; tôi nói cho ông biết mấy điểm quy tắc về điều kiện của cuộc quyết đấu: lẽ ra phải dặn ông cương quyết đòi hỏi làm sao cho công việc diễn ra càng kín đáo càng tốt, bởi vì dù tôi có sẵn sàng đương đầu với cái chết vào bất cứ lúc nào, nhưng tôi lại không mảy may cam lòng làm hư hại mãi mãi tương lai của mình trên cõi đời này.

Rồi tôi trở về nhà. Chừng một giờ sau thì bác sĩ đi thám hiểm về.

- Đúng là một âm mưu chống lại anh. - Ông nói – ở nhà Grusnixki tôi có gặp lão đại úy long kỵ và một lão khác nữa, nhưng tôi quên mất tên. Tôi đứng lại một phút ở phòng ngoài để tháo bao cao su bọc giày. Trong nhà họ cãi cọ nhau ồn ào khủng khiếp: "Không vì có gì khiến tôi đồng ý cả, - Grusnixki nói, - hẳn đã làm nhục tôi trước công chúng; thế cho nên bây giờ sự việc lại khác hẳn rồi". "Việc ấy thì can gì đến cậu? - lão đại úy đáp, - tôi sẽ chịu trách nhiệm tất. Tôi đã từng làm chứng cho năm cuộc quyết đấu và tôi biết thu xếp việc đó như thế nào. Tôi đã lo liệu chu đáo. Duy có một điều là xin cứ để mặc tôi. Sợ đâu có phải là xấu. Nhưng tại sao lại phải mạo hiểm khi còn có thể tránh được?.."

Đang lúc ấy tôi bước vào. Họ im bật. Cuộc đàm phán giữa chúng tôi kéo dài khá lâu; cuối cùng chúng tôi quyết định như thế này: cách đây chừng năm dặm có một con đường hẻm vắng vẻ, ngày mai vào lúc bốn giờ sáng, họ sẽ tới đó, còn chúng ta sẽ tới sau họ nửa giờ; các anh sẽ đứng bắn cách nhau sáu bước – điều này thì chính Grusnixki đã đòi như thế! Có người chết thì coi đó là do bọn Tserkex giết hại. Đến lúc này tôi đâm nghi: bọn chúng, tức là bọn làm chúng có lẽ đã có thay đổi đôi chút ít trong kế hoạch ban đầu và muốn nạp đạn thật vào một khẩu súng ngắn của Grusnixki. Điều này hơi giống như một cuộc ám sát, nhưng trong thời chiến, và nhất là trong cuộc chiến ở xứ Á đông, thì mọi mưu mẹo đều được dùng tất, tuy nhiên, tôi có cảm tưởng là Grusnixki không đến nổi đê tiện như lũ bạn bè hẳn. Anh nghĩ sao? Chúng ta có nên cho chúng biết là ta đã đoán biết được hết rồi không?

- Không đời nào, bác sĩ ơi! Ông cứ yên tâm, chúng không làm gì được tôi đâu!

- Vậy anh định làm gì nào?

- Đó là bí mật của tôi.

- Hãy cẩn thận kéo ngã đấy... bởi vì chỉ có sáu bước!

- Bác sĩ ơi, ngày mai tôi đợi ông vào lúc bốn giờ. Ngựa sẽ sẵn sàng... Xin chào ông!

Tôi ngồi lì ở nhà, khóa trái cửa phòng cho đến tận chiều tối. Bà công tước sai gia nhân đến mời, tôi cho người ra cáo rằng bị mệt...

..... [59*]

Hai giờ sáng... không hề chớp mắt. Nhưng lẽ ra phải ngủ để sáng mai khỏi run tay. Vả lại cách sáu bước thì khó lòng mà bắn trật. Chà, thưa ngài Grusnixki! Cái trò bịp bợm của ngài chả lợi lộc gì cho ngài đâu... Chúng ta sẽ đổi vai cho nhau: bây giờ thì tôi phải tìm trên gương mặt xanh xám của ngài những dấu hiệu của sự sợ hãi thâm kín. Sao ngài lại tự đặt ra cái khoảng cách sáu bước hiểm nghèo ấy làm gì? Ngài tưởng tôi sẽ không tranh cãi mà cứ giơ trán ra cho ngài bắn sao... nhưng chúng ta sẽ rút thăm kia mà!.. Và lúc ấy... lúc ấy thì... lỡ hãn may mắn hơn thì sao? nếu ngôi sao hộ mệnh của tôi cuối cùng lại phản tôi?.. Có gì lạ lắm đâu: từ lâu ngôi sao hộ mệnh ấy đã chả luôn luôn trung thành chiều theo cái tính khí thất thường của tôi rồi đó sao; lòng chung thủy trên thiên đường cũng không hơn gì trên mặt đất này đâu.

Biết làm sao? Phải chết thì chết chứ sao! Sự tổn thất này đối với thế gian chẳng đáng là bao; vả lại bản thân tôi cũng chả đang chán đời đến cực độ rồi đó sao. Tôi như người ngáp dài trong đêm vũ hội và sờ dĩ chưa về ngủ, cũng chỉ tại chưa có xe. Nhưng xe kia đã sẵn sàng... Thôi, tạm biệt!..

Tôi điếm lại trong ký ức toàn bộ quá khứ của tôi và bất giác tôi tự hỏi: tôi sống làm gì? Tôi sinh ra trên cõi đời này với mục đích gì?.. Nhưng mục đích thì chắc là có đấy, và chắc chắn là cái số của tôi rất cao, bởi vì tôi cảm thấy trong tôi năng lực vẫn còn rất dồi dào... Nhưng tôi lại không đoán ra cái mệnh này, tôi ham hố đắm bõ vào những cái bả dục vọng thấp hèn và rỗng tuếch; ra khỏi cái lò dục vọng ấy tôi đã trở thành một con người lạnh lùng và cứng rắn như sắt thép, nhưng tôi đã vĩnh viễn mất đi bầu nhiệt huyết của những chí hướng cao cả - đóa hoa tươi đẹp nhất đời người. Rồi từ đấy không biết bao nhiêu lần tôi đã giữ vai trò cái lưới rìu trong tay số mệnh! Như một công cụ trừng phạt, tôi đã rơi xuống đầu những nạn nhân phải chết, thường không phải vì giận dữ, nhưng không bao giờ thương tiếc... Tình yêu của tôi không bao giờ đem lại hạnh phúc cho một ai, bởi vì

tôi không bao giờ chịu hy sinh gì cho những người tôi yêu: tôi chỉ yêu cho tôi, tôi yêu để thỏa mãn cá nhân tôi; tôi chỉ làm thỏa mãn sự đòi hỏi kỳ lạ của trái tim, ngổn ngấu một cách háo hức những tình cảm, những vuốt ve chiều chuộng, những sướng vui và đau khổ của họ, và cứ ngổn mãi mà chẳng bao giờ thấy no. Ví như một người bị cái đói hành hạ, ngủ thiếp đi vì kiệt lực và trong giấc mơ lại thấy những món ăn sang trọng và rượu vang sủi bọt bày ra trước mắt; anh ta khoái trá ngổn ngấu những thứ quà hư không của trí tưởng tượng, và anh ta cảm thấy dễ chịu hơn; nhưng vừa mới tỉnh giấc - ước mơ biến mất, chỉ còn lại cái đói gấp đôi và thất vọng!

Và có thể ngày mai tôi chết!.. và trên mặt đất này sẽ không còn một ai hoàn toàn hiểu hết tôi. Người này thì cho tôi là tồi tệ hơn, người kia lại thấy tôi tốt hơn là tôi trong đời thực... Người này nói: anh ta là một thanh niên tốt, kẻ khác lại cho tôi là đồ súc sinh!.. Cả người này lẫn người kia đều nhầm. Đã thế thì sống làm gì cho nhọc xác nhai? Vậy mà người ta vẫn sống - vì tò mò: người ta đợi một cái gì đó mới mẻ... Thật tức cười và cũng đáng bực!

*

Tôi ở pháo đài N, thế mà cũng đã được một tháng rưỡi rồi. Bác Marxim Marximich đi săn... tôi còn lại một mình, ngồi bên cửa sổ, mây xám phủ kín núi non từ ngọn cho đến chân; sau màn sương, mặt trời nom giống như cái chấm vàng. Trời lạnh, gió rít và làm cho các cánh cửa sổ lung lay... Buồn quá! Tôi bèn ghi tiếp cuốn nhật ký bị gián đoạn vì có biết bao nhiêu biến cố kỳ lạ.

Tôi đọc trang cuối: buồn cười thật! Tôi đã tưởng chết; điều đó đâu có dễ: tôi chưa uống cạn ly rượu đắng cay và lúc này tôi cảm thấy trời còn cho tôi sống lâu.

Tất cả quá khứ nằm trong ký ức tôi sao mà rõ rệt và sắc nét đến thế. Thời gian không hề xóa đi một đường nét, một sắc màu!

Tôi nhớ suốt cái đêm trước cuộc quyết đấu, tôi không hề chớp mắt lấy một phút. Viết, tôi không thể viết lâu: một nỗi lo thầm kín giày vò tôi. Tôi đi bách bộ trong phòng chừng một giờ, sau đó thì ngồi xuống và giở cuốn

tiểu thuyết của Oantơ Xcốt^[60*] đang nằm trên bàn ra xem: đó là quyển "Những tín đồ Thanh giáo ở Ecôt"; lúc đầu tôi phải cố mới đọc nổi, nhưng sau đó thì bị cái chuyện hoang đường kỳ diệu ấy cuốn hút, tôi quên hết mọi sự đời... Lẽ nào nhà thơ anh hùng ca xứ Êcôt ấy ở thế giới bên kia lại không được đền bù xứng đáng vì mỗi phút giây vui sướng mà cuốn sách của ông đã đem lại cho người đời?..

Rồi cuối cùng trời hửng sáng. Thần kinh tôi trở lại bình thường. Tôi nhìn vào gương: khuôn mặt tôi với nước da xanh xám còn hằn rõ những dấu vết của một đêm thao thức đầy đau thương; nhưng đôi mắt tuy thâm quầng, vẫn long lanh một cách kiêu hãnh và ngạo nghễ... Tôi lấy làm vừa lòng với mình lắm.

Tôi ra lệnh đóng yên cương, mặc quần áo và chạy đi tắm. Ngâm mình trong nước suối khoáng Nardan mát lạnh đang sủi bọt tôi cảm thấy sức lực cả thể xác lẫn tâm hồn đều được hồi phục. Ra khỏi thùng tắm tôi thấy mình tươi tắn và phấn chấn như đang sửa soạn đi khiêu vũ. Cứ thử đi rồi sẽ biết: tâm hồn không lệ thuộc vào thể chất!..

Khi trở về tôi thấy bác sĩ đang đợi tôi. Ông mặc chiếc quần nịt xám, chiếc áo Captan và đội chiếc mũ Tserkex. Tôi cười vang khi trông thấy hình dáng nhỏ bé của ông dưới chiếc mũ lông đồ sộ ấy, gương mặt ông nói chung không có vẻ gì là hiếu chiến nhưng lúc này nom cứ dài thườn ra so với lúc bình thường.

- Bác sĩ ơi! có sao anh lại buồn thế? - tôi nói với ông. - Anh chẳng đã từng đưa tiễn hàng trăm người sang thế giới bên kia, mà lòng vẫn cứ dửng dưng quá ư rồi đó sao? Anh cứ tưởng tượng rằng tôi bị mắc bệnh sốt mật; tôi có thể khỏi, cũng có thể chết; thế này hay thế kia cũng đều nằm trong trình tự của sự vật cả mà thôi; hãy cứ xem tôi như một con bệnh mắc một thứ bệnh mà anh chưa biết, và như vậy tính tò mò của anh càng được kích thích tới tột độ; ngay lúc này anh có thể có một số nhận xét sinh lý học rất quan trọng trên người tôi... Sự đợi chờ một cái chết bức tử không phải là một căn bệnh thực sự sao?

Ý nghĩ này làm ông sững sốt, và ông lại trở nên vui vẻ.

Chúng tôi lên ngựa, Verne hai tay nắm chặt lấy dây cương, và chúng tôi lên đường. Trong nháy mắt chúng tôi đã phi nước đại trước pháo đài, vượt qua khu ngoại ô và đi vào hẻm núi có con đường ngoằn ngoèo bị cỏ cao phủ kín tới phân nửa và chốc chốc lại bị một con suối âm ỉ cắt ngang, muốn qua suối phải lội, rất buồn cho bác sĩ là mỗi lần lội trong nước con ngựa của ông cứ đứng dừng lại.

Tôi không nhớ là có một buổi sáng nào trời xanh và tươi mát hơn hôm ấy! Mặt trời vừa ló ra khỏi những ngọn núi xanh, và luồng hơi ẩm của những tia nắng hòa lẫn với khí mát của đêm tàn gây cho tất cả các giác quan một cảm giác uể oải êm ái lạ kỳ; tia sáng tươi vui của ngày đang lên chưa rọi vào khe hẻm; chỉ mới nhuộm vàng những mỏm vách đá ở hai bên đường, sừng sững trên đầu chúng tôi; mỗi khi có làn gió mát nhẹ thổi, những bụi cây rậm rịt mọc trong các khe nứt sâu trên vách đá, lại giội lên người chúng tôi một cơn mưa bạc. Tôi còn nhớ - lần ấy tôi yêu thiên nhiên hơn bất cứ lúc nào trước đó. Sao tôi lại tò mò ngắm từng giọt sương đang lấp lánh trên một chiếc lá nhỏ to và phản chiếu muôn vàn tia sáng sắc sỡ đến thế! Sao tôi lại hăm hở cố phóng tầm mắt vào chốn xa xăm mờ ảo đến thế! Chốn ấy con đường mỗi lúc một hẹp hơn, những vách đá xanh hơn và ghê rợn hơn, và cuối cùng hình như chúng chập vào nhau thành một bức tường không thể vượt qua. Chúng tôi lặng lẽ đi.

- Anh có viết di chúc không? - Verne bỗng nhiên hỏi tôi.

- Không!

- Nhưng nếu anh chết thì sao?

- Những người thừa kế sẽ có cách.

- Lẽ nào anh không có lấy một người bạn mà anh muốn gửi lời vĩnh biệt ư?..

Tôi lắc đầu.

- Chẳng lẽ trên đời này không có một người đàn bà nào mà anh muốn để lại một vật gì đó để làm kỷ niệm sao?..

- Bác sĩ ơi, - tôi trả lời ông, - anh có muốn tôi mở toang tâm hồn tôi cho anh xem không nào?.. Anh thấy đấy, tôi không còn ở cái tuổi khi hấp hối lại

gọi tên người yêu hay để lại cho bạn một nắm tóc có ướp nước hoa hoặc không ướp. Khi nghĩ đến cái chết kề cận có thể xảy ra, tôi chỉ nghĩ đến bản thân tôi mà thôi; có những kẻ không làm cả cái việc như thế nữa kia. Bạn bè ngày mai rồi sẽ quên ta hay tôi tệ hơn còn trút lên đầu ta, có trời biết là những chuyện bịa đặt gì, đàn bà khi ôm ấp người khác, sẽ cười nhạo ta để không gọi lên ở tình nhân mỗi ghen tuông với người đã chết, - cầu Chúa tha tội cho họ! Từ trong đông tố của cuộc đời tôi chỉ rút ra được một số ý niệm – chứ không có chút tình cảm nào. Đã lâu rồi tôi không sống bằng con tim mà bằng khối óc. Tôi cân nhắc, phân tích các dự vọng và hành động của riêng tôi với con mắt tò mò khắc nghiệt nhưng lạnh lùng. Trong tôi có hai con người: một người thì sống với đầy đủ ý nghĩa của từ ấy, còn người thứ hai thì suy nghĩ và thẩm xét người kia, có thể sau một giờ nữa con người thứ nhất sẽ vĩnh biệt anh và vĩnh biệt thế gian này, còn con người thứ hai... người thứ hai?.. Hãy xem kia, bác sĩ ơi, anh có thấy ba cái bóng đen đen trên vách đá ở phía bên phải kia không? Chắc là những đối thủ của chúng ta đấy?..

Chúng tôi thúc ngựa đi nước kiệu.

Dưới chân vách đá có ba con ngựa buộc trong bụi; chúng tôi cũng buộc ngựa mình vào đấy, và leo lên theo một con đường mòn nhỏ hẹp, chúng tôi tới một bãi đất trống, đứng đợi chúng tôi ở đấy có Grusnixki cũng lão đại úy long kỵ và một người làm chứng khác tên là Ivan Ignatêvich, cái tên họ này tôi chưa bao giờ nghe nói đến.

- Chúng tôi đợi các ông lâu lắm rồi! - Lão đại úy nói, miệng nở một nụ cười mỉa mai.

Tôi rút chiếc đồng hồ ra và giơ cho lão xem.

Lão xin lỗi và thanh minh là đồng hồ của mình nhanh.

Vài phút trôi qua, im lặng, nặng nề; sau cùng để phá tan bầu không khí ấy, bác sĩ hướng về Grusnixki, nói:

- Tôi có cảm tưởng rằng khi cả hai vị đều tỏ ra sẵn sàng quyết đấu và làm việc đó là để trả món nợ cho các quy tắc của danh dự, thưa các vị, bây giờ

các vị có thể giải thích cho nhau và giải quyết vấn đề này một cách thỏa đáng!

- Tôi sẵn sàng - tôi nói.

Lão đại úy nháy mắt cho Grusnixki, và thẳng cha này tưởng tôi sợ nên tỏ vẻ ngạo mạn, tuy từ nãy đến giờ mặt hăn vẫn tái mét. Kể từ lúc chúng tôi tới đây, đây là lần đầu hăn ngược mắt lên nhìn tôi; nhưng trong ánh mắt hăn có một cái gì như lo lắng, biểu lộ một cuộc đấu tranh nội tâm.

- Ông hãy trình bày những điều kiện của ông đi, - hăn nói, - và tất cả những điều tôi có thể làm được cho ông, ông hãy tin rằng...

- Điều kiện của tôi, thì đây: ngay hôm nay ông hãy công khai cải chính những điều vu khống của ông và xin lỗi tôi...

- Thưa đức ông, tôi lấy làm lạ sao ngài lại dám đề nghị với tôi những việc như thế?..

- Ngoài việc đó, tôi còn biết đề nghị với ông cái gì khác được?..

- Chúng tôi sẽ đấu vậy!

Tôi nhún vai.

- Xin mời, nhưng cũng nên biết rằng một trong hai ta nhất định sẽ chết...

- Tôi mong rằng người đó là ông...

- Còn tôi lại tin chắc sẽ trái lại...

Hăn ta bối rối, đỏ mặt, rồi phá lên cười miễn cưỡng.

Lão đại úy nắm tay kéo hăn ra một nơi; và hai người thì thầm với nhau một lúc lâu. Lúc tới đây, tâm trạng tôi còn khá hiếu hòa, nhưng tất cả những việc vừa giờ bắt đầu làm tôi tức tối.

Bác sĩ đến bên tôi.

- Này, - ông nói bằng một giọng rõ ràng là lo lắng, - anh chắc đã quên mất âm mưu của chúng rồi?.. Tôi không biết lắp đạn súng ngắn, nhưng trong trường hợp này... Anh thật là kỳ quặc! Hãy nói cho chúng biết là anh đã biết tổng ý đồ của chúng, và chúng sẽ không dám... Việc quái gì phải thế! chúng sẽ bắn rơi anh như một con chim...

- Xin anh cứ bình tĩnh, bác sĩ ạ, và anh hãy đợi đấy... Tôi sẽ có cách thu xếp khiến bọn chúng chẳng lợi lộc gì đâu. Cứ để mặc cho chúng thì thầm...

- Thưa các ngài, chán lắm rồi! - tôi lớn tiếng nói với chúng, - đấu thì đấu đi; các ngài có đủ thì giờ để bàn bạc từ hôm qua rồi kia mà...

- Chúng tôi đã sẵn sàng, - lão đại úy nói, - mời hai ngài, ai về chỗ này!.. Thưa bác sĩ, xin ngài cho phép đo đủ sáu bước...

- Hãy đứng vào chỗ! - Ivan Ignatiêvich nhắc lại giọng the thé.

- Xin lỗi các ngài! - tôi nói, - còn một điều kiện nữa, vì chúng tôi sẽ bắn chết nhau, nên chúng tôi phải làm tất cả những gì có thể làm để việc khỏi bị bại lộ và để các ngài làm chứng của chúng ta khỏi phải chịu trách nhiệm. Các ngài đồng ý chứ?..

- Hoàn toàn đồng ý.

Vậy thì tôi đã nghĩ ra một cách như thế này. Các ngài có thấy trên đỉnh vách đã dựng đứng kia, về phía tay phải, có một đám đất hẹp không? từ đó xuống tới chân cao ước độ ba mươixagien, có thể hơn nữa; phía dưới là đá nhọn. Mỗi người chúng tôi phải đứng ở ngay mé ngoài đám đất bằng kia; như vậy một vết thương dù nhẹ nhất cũng đưa đến chỗ chết: điều này chắc hẳn là hợp với ý muốn của các ngài, vì các ngài đã tự ý định ra khoảng cách sáu bước. Kẻ nào bị thương nhất định sẽ bay nhào xuống dưới và chắc chắn sẽ chết tan xác; bác sĩ sẽ gấp đạn ra và như vậy sẽ rất dễ dàng giải thích cái chết bất thần ấy là do một bước nhảy hụt. Chúng ta sẽ tung đồng tiền xem ai bắn trước. Để kết thúc, tôi xin tuyên bố rằng nếu không đúng như thế tôi sẽ không đấu.

- Xin mời, - lão đại úy vừa nói vừa đưa mắt nhìn Grusnixki một cách đầy ý nhị; hẳn gật đầu tỏ vẻ chấp nhận. Nét mặt hẳn thay đổi từng lúc một. Tôi đã dồn hẳn vào một tình thế khó xử. Bắn nhau trong những điều kiện bình thường, hẳn có thể nhằm bắn tôi ở chân, làm tôi bị thương nhẹ và như vậy hẳn cũng đủ thỏa mãn việc báo thù mà lương tâm không bị cắn rứt lắm; nhưng bây giờ hẳn chỉ còn mỗi một cách là bắn chỉ thiên, hoặc trở thành kẻ sát nhân, hoặc cuối cùng là vẫn cứ đeo đuổi âm mưu đê tiện của mình, để cũng tự đặt mình vào tình thế nguy hiểm như tôi. Trong lúc này, thật tôi

không muốn ở vào địa vị của hắn. Hắn kéo lão đại úy ra nơi khác và nói với lão điều gì rất nóng nảy; tôi thấy đôi mắt tím ngắt của hắn run run; nhưng lão đại úy quay ngoắt đi với một nụ cười khinh miệt “Cậu là đồ ngốc! - lão nói khá lớn với Grusnixki, - cậu không hiểu gì sất! Chúng ta đi thôi, thưa các ngài!”.

Một con đường mòn nhỏ hẹp len lõi giữa các bụi cây, bò lên dốc; những phiến đá vỡ khập khiễng xếp thành những bậc thang chênh vênh của chiếc thang thiên tạo này; chúng tôi bám vào các bụi cây leo lên. Grusnixki đi trước theo sau là những người làm chứng của hắn, sau đó đến tôi với ông bác sĩ.

- Tôi thấy anh thật là lạ, - xiết chặt tay tôi bác sĩ nói, - để tôi bắt mạch cho anh xem sao!.. Ô hô! anh đang sốt!.. nhưng nhìn mặt anh lại không thấy chỉ có đôi mắt anh là sáng ánh hơn mọi ngày.

Đột nhiên có tiếng lạo xạo của những hòn sỏi nhỏ lăn dưới chân chúng tôi. Gì thế nhỉ? Grusnixki bị vấp ngã; cành cây hắn níu bị gãy và tí nữa thì hắn tuột ngửa xuống mé dưới, nếu những người làm chứng không đỡ hắn lại.

- Hãy cẩn thận, kéo ngã trước đấy: - tôi quát bảo hắn, - đó là một điềm không hay rồi. Hãy nhớ lại Xêda^[61*].

Sau cùng chúng tôi đã lên tới đỉnh một vách đá nhô hẳn ra ngoài; nền đất phủ một lớp cát mịn tuồng như được sửa sang để chuẩn bị sẵn cho một cuộc quyết đấu. Xung quanh, những ngọn núi chen chúc nhau chìm trong sương mù vàng óng của buổi ban mai, nom như một bầy gia súc đông nghịt; còn ở phía nam ngọn Enbơruk hiện lên sừng sững như một khối đá đồ sộ trắng toát tạo thành một đường vòng xích khép kín gồm những ngọn núi đóng băng với những đám mây xốp như bông từ phương Đông chạy tới đang nhờn như bay lượn. Tôi đi tới mép bãi băng nhìn xuống và thấy hơi chóng mặt; dưới kia nom có vẻ tối tăm và lạnh lẽo như trong một năm mờ, những chiếc răng đá nhọn bị mưa bão vào thời gian ném từ trên vách đá cao xuống, phủ đầy rêu phong đang đợi một con mồi.

Nền đất bằng, chỗ chúng tôi sắp bắn nhau là một hình tam giác gần như đều cạnh. Chúng tôi đã đo đúng sáu bước bắt đầu từ cái góc nhô hẳn ra ngoài và cùng thỏa thuận là người đầu tiên phải ném đạn của kẻ thù sẽ đứng ngay trên cái góc ấy, quay lưng về phía vực; nếu người đó không bị giết chết thì hai bên đổi địch lại đổi chỗ cho nhau.

Tôi định bụng là sẽ dành tất cả mọi thuận lợi cho Grusnixki; tôi muốn thử thách hẳn; trong tâm hồn hẳn có thể lóe lên một tia hào hiệp, và như vậy mọi việc sẽ được thu xếp ổn thỏa hơn; nhưng lòng tự ái và tính cách yếu hèn của hẳn đã thắng. Tôi muốn cho mình toàn quyền không thương tiếc hẳn, nếu số phận vẫn nuông chiều. Ai mà chả có những điều thỏa thuận như thế với lương tâm mình?

- Hãy tung tiền đi, bác sĩ! – lão đại úy nói.

Bác sĩ rút trong túi áo ra một đồng tiền bạc và tung lên không.

- Chấn song! – Grusnixki vội vã kêu lên như một người bất thành linh bị một cái huých thân tình làm bừng tỉnh.

- Con phượng hoàng^[62*]! – tôi nói.

Đồng bạc quay mấy vòng rồi rơi xuống đất, kêu leng keng; mọi người nhảy xổ tới xem.

- Ông gặp số may rồi!, - tôi nói với Grusnixki, - ông được bắn trước! Nhưng nên nhớ rằng nếu ông không bắn chết tôi thì tôi sẽ không bắn trượt đâu – tôi xin hứa với ông một lời danh dự đấy.

Hẳn ta đỏ mặt; hẳn thấy xấu hổ vì giết một người không có vũ khí, tôi nhìn hẳn chòng chọc; giây phút ấy tôi đã có cảm tưởng là hẳn sẽ quỳ xuống chân tôi, cầu xin tha tội; nhưng làm sao có thể thú nhận một âm mưu hèn hạ đến thế? hẳn chỉ còn có mỗi một chước là bắn chỉ thiên; tôi tin là hẳn sẽ bắn chỉ thiên! Chỉ có mỗi một điều có thể ngăn cản hẳn: hẳn nghĩ là tôi sẽ đòi phải có một cuộc quyết đấu thứ hai.

- Đã đến lúc rồi! - bác sĩ giật tay áo và khẽ nhắc tôi, - nếu lúc này anh không nói là chúng ta đã biết ý định của chúng thì mọi việc sẽ hỏng bét. Xem kìa, hẳn đang lắp đạn... Nếu anh không nói gì thì tôi sẽ tự...

- Không vì lý do gì trên đời này cả, bác sĩ ơi, - tôi vừa đáp vừa giữ tay ông ta, - anh sẽ làm hỏng hết cả mắt; anh đã hứa là cứ để mặc tôi cơ mà... Nào có can gì tới anh? Có lẽ tôi muốn chết cũng nên...

Ông ta nhìn tôi với vẻ kinh ngạc:

- Ồ, như thế thì lại khác!.. Nhưng lúc sang thế giới bên kia, đừng có đi kiện tôi đấy...

Trong lúc ấy, lão đại úy đã nạp xong đạn vào khẩu súng của mình, lão trao cho Grusnixki một khẩu, miệng mỉm cười thì thầm với hắn điều gì không rõ và trao cho tôi khẩu còn lại.

Tôi đứng ở góc nền đất bằng, chân trái tì chặt xuống đá và hơi nghiêng người về phía trước để có bị thương nhẹ cũng không lộn cổ ra phía sau.

Grusnixki đứng đối diện với tôi và theo hiệu lệnh, bắt đầu giơ súng lên. Đầu gối hắn run run. Hắn nhắm thẳng vào trán tôi...

Thế là một nỗi tức giận khó tả sôi lên trong lồng ngực tôi.

Đột nhiên hắn hạ nòng súng xuống, và xanh như tàu lá, hắn ngoảnh sang người làm chứng của mình:

- Tôi không thể bắn được! - hắn nói giọng khản đặc.

- Đồ hèn! - lão đại úy đáp.

Súng nổ. Viên đạn làm xước đầu gối tôi. Tôi bất giác bước mấy bước lên phía trước để mau chóng rời xa mép bờ vực.

- Chà, anh bạn Grusnixki ơi, đáng tiếc là cậu đã bắn trật rồi! - lão đại úy nói, - giờ thì đến lượt anh, hãy đứng ra chịu đạn! Trước hết, hãy ôm hôn tôi cái đã: chúng ta sẽ không còn gặp nhau nữa đâu! họ ôm hôn nhau; lão đại úy đã cố nén để khỏi bật cười. - Đừng sợ, lão xảo quyết liếc nhìn Grusnixki và nói thêm, - tất cả trên đời này chỉ là chuyện nhảm nhí! Tào hóa là thằng ngu, số phận là con gà tây còn thì đời không đáng giá lấy một xu!

Nói xong những lời bi thảm ấy với cái vẻ mặt hết sức trang nghiêm, hắn trở về chỗ cũ, Ivan Ignatiêvich cũng ôm hôn Grusnixki, nước mắt giàn giụa, và thế là chỉ còn một mình hắn đối mặt với tôi. Cho đến lúc này tôi vẫn cứ cố tự giải thích với mình cái tình cảm đã sôi sục trong lòng tôi lúc

ấy đại khái là thế nào; trong đó có cả sự tức giận vì lòng tự ái bị tổn thương, cả sự khinh bỉ và phần nộ nảy sinh khi nghĩ rằng cái người hiện đang nhìn tôi với vẻ vững tin, tỉnh táo đến mức điềm nhiên kia, hai phút trước đây, không phải trải qua một chút hiểm nghèo nào, đã muốn giết tôi như giết một con chó, vì nếu chân tôi bị thương nặng hơn chút nữa, thì chắc chắn tôi đã ngã lộn nhào xuống khỏi bờ vực rồi.

Tôi chăm chú nhìn vào mặt hấn mấy phút, cố tìm xem hấn có gì là hối hận, dù rất nhỏ không. Nhưng tôi lại có cảm tưởng là hấn đang cố nén một nụ cười.

- Tôi khuyên ông trước khi chết nên cầu Chúa đi! – lúc ấy tôi bảo hấn.

- Đừng có lo lắng cho linh hồn tôi hãy lo cho bản thân mình thì hơn. Tôi chỉ yêu cầu ông một điều: bắn nhanh lên.

- Và như vậy là ông không chịu cải chính những lời vu khống của ông? Không chịu xin lỗi tôi!.. Nghĩ kỹ đi! Lương tâm ông không mách bảo ông một điều gì ư?

- Ngài Pêtsôrin! – lão đại úy long kỵ kêu lên, - ông đến đây không phải để rửa tội cho người khác, xin ông cho phép tôi nói rõ... Làm nhanh lên; kéo lờ có người đi qua đường và nhìn thấy chúng ta đấy.

- Được lắm! Bác sĩ ời, mời anh lại đây với tôi.

Bác sĩ Verne tiến lại gần tôi. Tội nghiệp cho bác sĩ! Ông ta còn xanh hơn Grusnixki mười phút trước đấy.

Những lời sau đây, tôi cố ý nói to, thùng thảng từng tiến một như người ta tuyên án tử hình:

- Bác sĩ ời, chắc chắn là trong lúc vội vàng các vị đã quên nạp đạn vào súng của tôi. Tôi đề nghị anh nạp lại, mà nạp thật cẩn thận vào!

- Có thể nào lại thế được!- lão đại úy kêu lên, không thể thế được! Tôi đã nạp đạn cả hai khẩu, chẳng lẽ đạn trong súng của ông lại rơi đâu mất... Đó không phải là lỗi của tôi! – Nhưng ông không có quyền nạp lại... ông không có quyền... đó là điều trái hẳn với thể thức; tôi không cho phép...

- Được lắm! – tôi nói với lão đại úy, - nếu vậy thì tôi sẽ đấu cùng ông với những điều kiện như thế... Lão bối rối.

Grusnixki đứng đợi, đầu cúi gằm, bối rối và buồn bã.

- Để mặc họ... sau cùng hẳn nói với lão đại úy khi ông ta đang muốn giăng khẩu súng của tôi khỏi tay bác sĩ, - vì chính anh cũng biết là họ có lý.

Mặc cho lão đại úy làm đủ mọi ám hiệu, - Grusnixki vẫn như không muốn nhìn nữa.

Trong lúc ấy bác sĩ đã nạp xong đạn và trao súng cho tôi. Thấy thế lão đại úy nhổ toẹt một bãi xuống đất và giậm chân.

- Sao mà cậu ngu đến thế, hờ anh bạn, - lão nói, - một thằng ngốc đặc!.. Nếu cậu đã giao phó tính mạng cậu cho tớ thì phải nghe tớ đến cùng chứ... Đáng đời cậu lắm! Thôi thì chết như con ruồi chết vậy... Lão quay gót bước đi miệng lẩm bẩm: - Nói gì thì nói, điều đó vẫn cứ trái với thể thức.

- Grusnixki! – Tôi nói, - hãy còn kịp; cải chính những lời vu khống của mày đi, tao sẽ tha thứ cho mày tất cả. Mày đã không lừa tao được rồi; và lòng tự ái của tao đã được thỏa mãn; - hãy nhớ lại chúng mình đã từng là bạn của nhau...

Mặt hẳn đỏ bừng bừng, đôi mắt sáng quắc.

- Bắn đi! – hẳn trả lời, - tôi tự khinh tôi, và tôi căm thù anh. Nếu anh không giết tôi thì một đêm nào đấy tôi cũng sẽ ám sát anh. Trên mặt đất này không đủ chỗ cho cả hai đứa...

Tôi bóp cò.

Khi khói tan, Grusnixki đã không còn trên nền đám đất nữa. Chỉ còn một làn bụi cát nhẹ xoáy tròn như cái cột ở mép bờ vực sâu.

Ai nấy đều kêu lên một tiếng.

- Finita la comedia!^[63*]-tôi nói với bác sĩ.

Ông không đáp lời và ngoảnh mặt đi với vẻ kinh hoàng.

Tôi nhún vai và cúi chào những người làm chứng của Grusnixki.

Khi xuống núi theo con đường mòn, tôi nhìn thấy chiếc thây đẫm máu của Grusnixki nằm giữa những khe nứt của vách đá. Bất giác tôi nhắm mắt

lại...

Tôi cởi dây buộc ngựa và thủng thủng ra về. Lòng tôi nặng trĩu như một tảng đá đè lên ngực. Tôi cảm thấy mặt trời tối mờ đi, tia nắng không sưởi ấm được tôi.

Chưa tới Khu ngoại ô, tôi đã rẽ phải, men theo con hẻm. Hình hài của con người làm cho tôi đau khổ: tôi chỉ muốn được tách biệt một mình. Buông lỏng dây cương, đầu cúi gằm, tôi đi một hồi lâu, cuối cùng thì đến một chỗ tôi không biết là chỗ nào; tôi cho ngựa quay trở lại và bắt đầu tìm đường; mặt trời đã xuống thấp khi tôi về tới Kixlôvôđxk; người kiệt lực cưỡi trên con ngựa kiệt lực.

Tên đây tớ cho tôi biết Verne có tới tìm và đưa cho tôi hai lá thư: một của bác sĩ và một... của Vêra.

Tôi mở bức thư nhất, nội dung như sau:

"Tất cả đều ổn thỏa, không thể hơn: người ta đã mang cái thây bị biến dạng về, đạn đã được gỡ ra khỏi ngực. Mọi người đều cho rằng anh ta chết là vì tai nạn rủi ro; chỉ có tư lệnh trưởng, chắc đã phong thanh biết việc tranh cãi của các anh, nên ông ta lắc đầu, nhưng không nói gì. Không có bằng chứng gì để buộc tội anh và anh có thể ngủ ngon... nếu có thể... Chào anh..."

Tôi cứ do dự mãi không dám bóc lá thư hai... Nàng có thể viết gì cho tôi?.. Một linh cảm nặng nề làm cho tâm hồn tôi xao xuyến.

Nó đây, bức thư ấy đây, mỗi chữ mỗi lời đều mãi mãi khắc sâu vào tâm trí tôi:

"Em viết cho anh vì chắc chắn rằng chúng ta sẽ không bao giờ còn gặp nhau nữa. Cách đây mấy năm, khi xa anh, em cũng nghĩ như thế; nhưng trời còn muốn thử thách lòng em lần thứ hai; em đã không chịu được cuộc thử thách này, trái tim yếu đuối của em một lần nữa đã bị một giọng nói quen thuộc chinh phục... không phải vì thế mà anh khinh em, phải không anh? Lá thư này vừa là lời vĩnh biệt và cũng là lời thú tội: em phải nói với anh tất cả những điều đã chứa chất trong trái tim em từ ngày nó yêu anh. Em sẽ không kết tội anh đâu, - anh đã cư xử với em như bất kỳ một người

đàn ông nào khác: anh đã yêu em như người ta yêu của cải của mình, như một nguồn vui, những nỗi lo âu và phiền muộn cứ như thế nối tiếp nhau, và thiếu vắng chúng cuộc đời này sẽ buồn tẻ và đơn điệu. Em đã hiểu như thế ngay từ đầu... Nhưng thấy anh đau khổ nên em đã hy sinh đời em cho anh, hy vọng rằng một ngày nào đó anh sẽ biết đến lòng hy sinh của em, một ngày nào đó anh sẽ hiểu tình yêu sâu sắc của em không hề lệ thuộc vào bất cứ một điều kiện gì. Từ đó đến nay thời gian trôi qua đã khá nhiều: em đã hiểu thấu tất cả những bí ẩn của lòng anh... và em thấy rõ rằng em đã hy vọng hão huyền. Lòng em xót xa cay đắng! Nhưng tình yêu của em đã gắn liền với tâm hồn em: nó tối dần nhưng chưa tắt.

Chúng ta sẽ xa nhau mãi mãi; thế nhưng anh có thể tin rằng em sẽ không bao giờ yêu một người nào khác nữa: vì anh mà trong tâm hồn em đã cạn kiệt hết tất cả những cái quý giá của mình, khô hết nước mắt và tan hết mọi hy vọng. Một người phụ nữ đã một lần yêu anh thì không thể nhìn người đàn ông khác mà không có chút khinh miệt, không phải vì anh tốt hơn người ta, ồ, không đâu! mà chỉ vì trong bản chất của anh có cái gì đó đặc biệt, cái gì đó đặc thù của riêng anh, cái gì đó như kiêu hãnh và bí ẩn; dù anh nói gì, trong giọng nói của anh vẫn có một sức mạnh uy quyền không cưỡng nổi; không ai lại biết cách làm cho người khác yêu mình một cách thường xuyên như anh; không ai có cái xấu lại hấp dẫn như anh; không ai có cái ánh mắt lại hứa hẹn bao niềm khoái lạc như anh; không ai biết lợi dụng những ưu thế của mình tốt hơn anh và không một ai có thể đau khổ một cách thực sự như anh, bởi vì chẳng ai lại cố công tự thuyết phục là mình không đau khổ.

Giờ thì em phải nói rõ với anh lý do làm cho em vội vàng ra đi; lý do này đối với anh cũng không quan trọng gì lắm vì nó chỉ liên quan đến một mình em mà thôi.

Sáng nay, chồng em đi vào phòng em và kể cho em nghe cuộc cãi cọ giữa anh với Grusnixki. Rõ ràng là mặt em đã biến sắc vì ông ấy chăm chú nhìn vào mắt em một lúc lâu, chỉ suýt nữa thì em bất tỉnh nhân sự khi nghĩ rằng hôm nay anh phải đấu súng mà em lại là nguyên nhân; em cảm thấy

mình sắp điên. Nhưng lúc này, khi em có thể suy xét lại, thì em tin rằng anh vẫn sống: không thể nào anh chết mà lại không có em, không đời nào! Chồng em đi bách bộ trong phòng rất lâu; em cũng không biết ông ta đã nói với em những gì, không nhớ là em đã trả lời ông ấy những gì... chắc hẳn là em đã nói với ông ấy rằng em yêu anh... Em chỉ nhớ là cuối buổi nói chuyện của hai vợ chồng em, ông ấy đã xúc phạm em bằng một lời khùng khiếm và bỏ ra ngoài. Em nghe tiếng ông ấy ra lệnh đóng ngựa... Thế là đã ba giờ đồng hồ em ngồi bên cửa sổ và đợi anh về... Nhưng anh sống, anh không thể chết được!.. Xe đã sẵn sàng... Xin vĩnh biệt, vĩnh biệt anh... Đời em thế là hết, - nhưng có đáng kể gì? Nếu em còn có thể tin được rằng anh bao giờ cũng nhớ đến em, - em không dám nói là yêu, - không đâu, chỉ nhớ đến thôi... Xin vĩnh biệt; có người tới... Em phải giấu lá thư đi...

Có phải là anh không yêu Méri không? Anh sẽ không lấy cô ta chứ? Anh ơi: anh nên vì em mà chịu sự hy sinh này nhé: em đã vì anh mà mất tất cả mọi thứ trên đời này...”

Tôi như điên, đâm bổ ra thềm, nhảy phốc lên con ngựa Tserkex vừa được dắt qua sân, và tôi phi hết tốc lực trên đường đi Piatigorxkơ. Con vật đã mệt nhoài nhưng tôi vẫn cứ hối thúc một cách không thương tiếc; nó thở phì phò và toàn thân đầm bọt mồ hôi, nhưng vẫn cứ vun vút đưa tôi đi trên con đường đầy sỏi đá.

Mặt trời đã lặn vào trong đám mây đen đang nằm nghỉ trên rặng núi phía tây; trong hẻm núi trời tối và ẩm ướt. Con suối Pôtkumôk chảy ào ào qua các tảng đá nghe khô khan và đơn điệu. Tôi cứ phi, ngực thấy ngạt thở vì sốt ruột. Ý nghĩ là mình sẽ không còn gặp nàng ở Piatigorxkơ như một nhát búa đập vào tim tôi! - Chỉ cần trông thấy nàng một phút, một phút nữa thôi, nói với nàng một lời từ biệt, xiết chặt tay nàng... Tôi cầu nguyện, tôi chửi rủa, tôi khóc than, tôi cười... không, không gì có thể diễn đạt nổi nỗi xốn xang, và thất vọng của tôi!.. Khi nghĩ rằng có thể mất nàng vĩnh viễn, đối với tôi Vêra đã trở nên quý giá hơn tất cả mọi thứ trên cõi đời này - hơn cả cuộc sống, cả danh dự và hạnh phúc! Có trời mà biết trong đầu tôi đã nảy nở những mưu đồ kỳ dị, điên cuồng như thế nào... Trong lúc đó thì tôi

cứ phi, phi mãi, thẳng tay dồn thúc ngựa. Thế rồi tôi nhận ra là con vật đang thở dốc, mỗi lúc một nặng nề hơn; nó đã loạng choạng hai lần ngay trên mặt đường phẳng... Còn năm dặm nữa thì tới Exxentukôp - một trạm ngựa của người Kôđắc, đến đây tôi có thể thay ngựa.

Tình thế còn có thể cứu vãn nếu con ngựa của tôi còn đủ sức phi thêm được mười phút nữa! Nhưng khi tôi leo lên khỏi một cái mương xói nhỏ để ra khỏi núi, đến khúc ngoặt gấp, con vật thành linh ngã vật xuống đất. Tôi khéo léo nhảy xuống ngay, nắm lấy dây cương lôi nó dậy, nhưng vô hiệu: chỉ còn nghe thấy một tiếng rên yếu đuối thoát ra qua hai hàm răng nghiến chặt; vài phút sau nó trút hơi thở cuối cùng, tôi còn lại một mình giữa thảo nguyên, mất nốt niềm hy vọng cuối cùng: tôi thử đi bộ - đôi chân tôi khuỵu xuống; kiệt sức vì những lo âu trong ngày và một đêm không ngủ, tôi ngã vật xuống đám cỏ ướt và khóc nức nở như một đứa trẻ.

Tôi nằm bất động một hồi lâu và khóc xót xa, không buồn ghìm nước mắt và tiếng nấc; tôi tưởng ngực mình sắp vỡ tung; toàn bộ cái tính quả quyết, cái máu lạnh lùng của tôi đều tan biến như mây khói. Tâm hồn tôi không còn sinh khí, lý trí tôi im bật, và nếu có ai trông thấy tôi lúc bây giờ thì họ sẽ khinh bỉ mà quay mặt đi.

Khi sương đêm và gió núi làm cho cái đầu nóng bỏng của tôi mát dịu lại và ý nghĩ trở lại bình thường tôi hiểu ra rằng đuổi theo một niềm hạnh phúc đã chết thì thật là vô ích và phi lý. Tôi còn muốn gì nữa nào? Gặp nàng ư? – Để làm gì? Giữa hai đứa chúng tôi còn gì nữa nào? Một chiếc hôn vĩnh biệt cay đắng sẽ không làm cho những hồi ức của tôi thêm phong phú, mà sau đó chỉ làm cho cuộc chia ly của chúng tôi đau xót thêm!

Thế nhưng tôi lại thấy dễ chịu vì mình còn có thể khóc! Và lại nguyên nhân của hiện tượng đó có thể do thần kinh rối loạn, một đêm thao thức, hai phút đứng trước mũi súng và chiếc dạ dày lép kẹp.

Sự thế như thế lại hoá hay! Nỗi đau mới này, nói theo kiểu nhà binh, đã hoàn tất một cuộc phá hoại tốt lành ở nơi tôi. Khóc được là may, và sau đó nếu không có buổi phi ngựa và nếu không buộc phải cuộc bộ quay trở lại

mười lăm dặm đường kia thì chắc đêm hôm ấy giấc ngủ đã không tài nào khép nổi đôi mắt tôi.

Về tới Kixlôvôđxki lúc năm giờ sáng, tôi nằm vật xuống giường và đánh một giấc như Napôlêông sau trận Oaterlô.

Khi tôi tỉnh dậy bên ngoài trời đã tối. Tôi ngồi xuống bên cửa sổ mở và cởi khuy áo ngoài, khi lồng ngực tôi vẫn chưa yên tĩnh sau giấc ngủ nặng nề vì mệt mỏi thì một cơn gió núi đã làm cho nó dịu vợi hẳn đi. Xa xa bên kia sông thấp thoáng những ngọn đèn trong các tòa nhà của pháo đài và khu ngoại ô ánh sáng rọi qua những ngọn cây gia rậm lá làm cho dòng sông thoáng hiện ra. Trong sân nhà chúng tôi tất cả đều yên ả, trong nhà bà công tước vẫn tối đèn. Bác sĩ bước vào; mặt mũi sa sầm; trái với thường lệ, ông không chìa tay cho tôi.

- Bác sĩ ơi, anh từ đâu tới thế?

- Ở nhà bà công tước Ligôpxkaia; con gái bà ta ốm - suy nhược thần kinh! Nhưng không phải việc ấy, mà là thế này kia: nhà chức trách đã đoán ra, và mặc dù không thể tìm ra chứng cứ thích đáng, thế nhưng tôi vẫn cứ khuyên anh nên đề phòng. Hôm nay bà công tước có nói với tôi là bà ta biết vì con gái bà mà các anh đã đấu súng. Chính cái lão già bé tí kia - tên lão là gì nhỉ? - đã kể hết với bà ta... Lão có chứng kiến cuộc cãi lộn giữa anh với Grusnixki trong tiệm ăn. Tôi đến để báo cho anh biết trước. Xin vĩnh biệt anh. Có lẽ chúng ta sẽ không còn gặp nhau nữa đâu: người ta sẽ điều động anh đi nơi khác.

Ông ta dừng lại ở ngưỡng cửa, ông rất muốn bắt tay tôi... và nếu tôi lại tỏ ra cho ông thấy dù một chút thôi là muốn bắt tay, thì chắc hẳn ông đã nhảy bổ tới bá lấy cổ tôi; nhưng tôi vẫn lạnh như đá - và ông ta bỏ đi.

Con người là thế đấy! Tất cả bọn họ đều thế cả: họ biết trước tất cả những mặt xấu của một hành động, họ giúp đỡ, khuyên bảo, thậm chí còn khuyến khích ta hành động nữa kia khi họ thấy không còn cách nào khác rồi sau đó họ lại phủi tay và bất bình ngoảnh đi, bỏ mặc cái kẻ đã dám đảm nhận tất cả gánh nặng của trách nhiệm vào mình. Tất cả bọn họ đều thế cả thậm chí cả những kẻ tốt nhất, thông minh nhất!..

Sáng ngày hôm sau, tôi nhận được lệnh của thượng cấp điều động tới pháo đài N, tôi rẽ vào chào bà công tước.

Bà rất đỗi ngạc nhiên khi tôi trả lời câu hỏi của bà: liệu tôi có điều gì đặc biệt quan trọng muốn nói với bà không? - Tôi đáp rằng xin chúc bà may mắn và vân vân...

- Nhưng tôi lại có câu chuyện cần nói với ông một cách nghiêm chỉnh.

Tôi im lặng ngồi xuống.

Rõ ràng là bà không biết mở đầu câu chuyện như thế nào; bà đỏ mặt lên, những ngón tay múp míp gõ nhẹ lên mặt bàn; cuối cùng bà đã mở đầu như thế này, giọng bà ngắt quãng:

- Này, ông Pêtsôrin này! Tôi nghĩ rằng ông là một người cao thượng.

Tôi nghiêng mình.

- Tôi thậm chí còn tin chắc như thế, - bà nói tiếp, - tuy rằng tư cách của ông có đôi chút đáng ngờ; nhưng ông có thể có những lý do mà tôi không biết, và giờ thì ông nên nói cho tôi hay. Ông đã bảo vệ con gái tôi khỏi bị vu khống, vì nó mà ông đã quyết đấu, - vậy là ông đã liều mạng vì nó... Đừng ngắt lời tôi, tôi biết ông không thể thú nhận điều này, bởi vì ông Grusnixki đã chết (bà ta làm dấu). Chúa xá tội cho ông ta, - và tôi hy vọng, cho cả ông nữa! Điều đó không can hệ tới tôi, tôi không dám phán xét ông, vì con gái tôi, tuy là vô tội, nhưng cũng là nguyên nhân của cái việc này. Nó đã nói hết với tôi... tôi nghĩ là nó đã nói hết: ông đã tỏ tình với nó... nó cũng đã thú với ông là nó yêu ông (đến đây bà công tước thở dài nãy ruột). Nhưng nó đang ốm, và tôi tin rằng đó không phải là một thứ bệnh bình thường! Một nỗi buồn thâm kín đang làm nó héo hon; nó chưa thú với tôi nhưng tôi chắc ông là nguyên nhân... Ông hãy nghe đây: Có lẽ ông cho rằng tôi đang đi tìm danh vọng, giàu sang, - ông đừng nghĩ thế! tôi chỉ muốn cho con gái tôi được hạnh phúc. Địa vị của ông hiện nay cũng không có gì đáng cho người ta khát khao, nhưng mọi việc sẽ có thể thu xếp ổn thỏa: ông có gia tài; con gái tôi yêu ông, nó đã được giáo dục để biết cách làm cho chồng nó sung sướng, tôi giàu và chỉ có mỗi một mình nó... Ông nói đi, cái gì còn làm ông lẩn tránh nào? - Ông biết đấy, lẽ ra tôi không nên

nói tất cả điều này với ông, nhưng tôi tin vào tấm lòng ông, vào danh dự của ông; ông nên nhớ rằng tôi chỉ có mỗi một đứa con gái..., chỉ một...

Bà ta khóc.

- Thừa công tước phu nhân - tôi nói, - tôi không thể trả lời công tước phu nhân được; công tước phu nhân hãy cho phép tôi được nói chuyện riêng với công tước tiểu thư...

- Không đời nào! - Bà ta thốt lên và đứng dậy khỏi ghế trong cơn xúc động mạnh.

- Tùy công tước phu nhân vậy! - tôi đáp và sửa soạn ra về.

Bà ta nghĩ ngợi một lát, rồi đưa tay ra hiệu cho tôi đợi, và bước ra ngoài.

Chừng năm phút trôi qua; tim tôi đập mạnh, nhưng tâm thần vẫn yên tĩnh, đầu óc vẫn lạnh lùng; tôi cố sức tìm trong tôi một chút tình yêu dấu là le lói, đối với cô tiểu thư Méri dịu dàng nhưng những cố gắng của tôi đều vô ích.

Rồi cửa mở, và nàng bước vào. Lạy Chúa tôi! sao mà nàng thay đổi nhiều đến thế, từ lúc tôi không gặp nàng đến nay nào đã lâu la gì?

Đi tới giữa phòng, nàng chệnh choạng; tôi chồm dậy đưa tay cho nàng và dìu nàng tới ghế bành.

Tôi đứng trước mặt nàng. Chúng tôi im lặng hồi lâu; đôi mắt to của nàng tràn ngập một nỗi buồn khôn tả, như đang tìm ở nơi tôi một cái gì đó giống như hy vọng; đôi môi nhợt nhạt cố mỉm cười nhưng không được; đôi cánh tay mềm mại khoanh trên đầu gối, trông gầy guộc và trong suốt khiến lòng tôi thấy thương nàng.

- Thừa công tước tiểu thư, - tôi nói, - tiểu thư biết là tôi đã đùa cợt tiểu thư chứ?... Tiểu thư phải khinh tôi mới phải.

Trên má nàng ửng lên một màu hồng bệnh hoạn.

Tôi nói tiếp: - Đã thế thì tiểu thư không thể nào yêu tôi...

Nàng ngoảnh mặt đi, chống khuỷu tay lên bàn, đưa một tay lên bưng lấy mắt, và tôi cảm thấy đôi mắt ấy long lanh hai hàng lệ.

- Lạy Chúa tôi! - nàng thốt lên giọng rành rọt.

Tình cảnh đó làm tôi không cảm nổi lòng: chỉ một chút nữa thôi có lẽ tôi đã quỳ gối xuống chân nàng.

- Như vậy là chính tiểu thư cũng thấy rõ, - tôi nói, cố lấy giọng rần rỏi và trên môi nở một nụ cười gằn miễn cưỡng, - chính tiểu thư cũng thấy rõ là tôi không thể lấy tiểu thư được, nếu như hiện giờ tiểu thư có muốn như thế đi nữa thì chẳng bao lâu tiểu thư sẽ hối hận. Câu chuyện vừa rồi giữa tôi và thân mẫu tiểu thư buộc tôi phải nói với tiểu thư không úp mở và tàn nhẫn như thế; tôi hy vọng rằng đó là do cụ nhầm lẫn: tiểu thư có thể dễ dàng nói rõ cho cụ biết sự thật. Tiểu thư cũng thấy là tôi đang diễn trước mắt tiểu thư một cái trò thâm hại và đê tiện nhất, và tôi cũng xin thú nhận là như vậy; đó là tất cả những gì tôi có thể làm đối với tiểu thư. Dù cho tiểu thư có ý nghĩ xấu về tôi đến thế nào, tôi cũng cam chịu... Tiểu thư cũng biết đứng trước tiểu thư tôi thật nhỏ nhen. Và nếu như tiểu thư thậm chí đã yêu tôi, thì từ lúc này tiểu thư cũng sẽ khinh tôi, có phải thế không?..

Nàng ngoảnh nhìn tôi, nhợt nhạt như đá hoa cương, chỉ có đôi mắt nàng là vẫn long lanh một cách tuyệt vời.

- Tôi căm thù ông... - nàng nói.

Tôi cảm ơn, nghiêng mình chào kính cẩn và đi ra.

Một giờ sau, chiếc xe tam mã chạy thư đã vun vút chở tôi đi khỏi Kixlôvôđxk. Cách Exxentukôp vài dặm, tôi nhìn thấy xác con tuần mã của tôi ở bên đường; chiếc yên đã bị tước mất, - chắc là do một gã Kôđắc qua đường lấy mất, - và trên lưng nó thay vì chiếc yên là hai con quạ đang đứng chễm chệ. Tôi thở dài và quay mặt đi.

Và lúc này, ở đây, trong cái pháo đài buồn tẻ này, tôi thường điếm lại trong ký ức những cái đã qua, và tự hỏi: cố sao tôi lại không thích bước lên con đường mà số phận đã dành cho tôi, nơi có những niềm vui êm ả và thư thái tâm hồn đang chờ đợi tôi?.. Không! Tôi không chịu sống an cư với cái chức phận ấy! Tôi như một người lính thủy đã sinh ra và lớn lên trên boong một con tàu cướp biển; tâm hồn anh ta đã quen sống với bão táp và chiến đấu, và khi bị ném lên bờ, anh ta thấy chán chường và khổ sở, mặc cho rừng cây rợp bóng vẫy gọi anh, mặc cho mặt trời hiền hòa tỏa sáng đón

mừng anh; anh đi lang thang suốt ngày trên bãi cát ven bờ, tai lắng nghe tiếng sóng biển rì rào đơn điệu và mắt nhìn về chốn xa xăm mờ mịt; xem ở đây, trên cái đường ranh giới nhợt nhạt tách biệt vực nước xanh vôi những đám mây xám ngắt, liệu có thấp thoáng một cánh buồm mà anh mong đợi hay không, thoạt đầu nó giống như cánh hải âu, nhưng dần dần nó nhô lên khỏi bọt sóng cồn và từ tốn xấp gần vào bến bờ hoang vắng...

1838-1840

HẾT

CHÚ THÍCH

[1] Lẽ ra phải dịch là Một nhân vật thời đại ta, nhưng vì bạn đọc cũng như trong các sách giới thiệu về tác giả, tác phẩm đều đã quen dùng cái tên này, nên khi dịch từ bản tiếng Nga chúng tôi vẫn giữ nguyên như cũ. [2] Thủ đô Tlibixi của Gruzia ngày nay. [3] Verxt-1.06 km. [4] Tức Ermôlôp, (chú thích của M.Lermôntôp) - Tướng bộ binh Nga (1772 - 1861) tham gia cuộc chiến tranh với Pháp (1805-1907) năm 1816-1827 chỉ huy quân đoàn Kapka và Tổng tư lệnh ở Gruzia. Đã để lại "Những tập bút ký". [5] Tên gọi hệ thống các công trình quốc phòng ở các vùng biên cương nước Nga thế kỷ 16-19. [6] Xaklia - kiểu nhà nông dân ở Kapka. [7] Bạn bè (chú thích của Lermôntôp). [8] Linh mục Hồi giáo. [9] Tiếng Tuyếc trong nguyên bản: Tốt, rất tốt. [10] Tiếng Tuyếc: Không. [11] Tôi xin bạn đọc thứ lỗi vì tôi đã chuyển bài hát của Kazbich thành thơ, khi bài hát này chuyển đến tay tôi, tất nhiên là bằng văn xuôi, nhưng thói quen là bản ngã thứ hai (c.t. của Lermôntôp). Phần thơ trong cuốn sách này là bản dịch của Thúy Toàn. [12] Tiếng Nga: Krextôvaia. [13] Tiếng Pháp trong nguyên bản: núi Thánh Crixtôp. [14] Tiếng Nga: Tsertôva. [15] Nhân vật phản diện trong văn học dân gian Nga cổ. [16] Điệu dân vũ của vùng Kapka. [17] Nhà thơ Anh (1788 - 1824). [18] Trong nguyên bản dùng chữ: okazya - Tiếng Nga có nghĩa là dịp, dịp thuận tiện - thực ra đó là những chuyến xe hiếm hoi, may ra thì ít phải đợi lâu (ND). [19] Một nhân vật - đầy tớ một nhà quý tộc - trong vở kịch "Đám cưới Phigarô" của nhà văn Pháp Bômarse. [20] Văn hào Pháp thế kỷ 18. Lời sám hối là tên tác phẩm của ông. [21] Thăng bé nói tiếng Nga chưa sôi. [22] Đoạn này các nhân vật nói tiếng Nga giọng Ucrain. [23] Tức Ucrain. [24] Đại Văn hào Đức (1740 - 1832) Viện Sĩ danh dự Viện Hàn lâm Pêterbua (1826). Minông - tên một nhân vật của ông, biểu tượng của một tuổi trẻ trong trắng vô tội. (Gơơ là phiên âm theo tiếng Pháp. Nay các nhà Đức học phiên âm theo chính âm Đức: Quêthơ.) [25] Đơn vị đo chiều dài bằng 2m13. [26] Câu thơ của Puskin. [27] Âm chỉ

những sĩ quan thuộc tầng lớp quý tộc bị giáng chức và điều đi Kapka vì đã tham gia khởi nghĩa tháng 12-1825. Binh lính Nga mang mũ trắng và số quân hiệu thì đánh ở cúc áo. [\[28\]](#)Tiếng Pháp trong nguyên bản: Màu xám trên châu. [\[29\]](#)Tiếng Pháp trong nguyên bản: màu cánh gián [\[30\]](#)Tiếng Pháp trong nguyên bản: kiểu nông dân. [\[31\]](#)Tiếng Pháp trong nguyên bản: Anh bạn thân mến ơi. Tôi căm ghét người đời để khỏi phải khinh họ, bởi vì nếu không thì đời sẽ là một trò hề quá kinh tởm. [\[32\]](#)Tiếng Pháp trong nguyên bản: Anh bạn thân mến ơi, tôi khinh đàn bà để khỏi phải yêu họ, vì nếu không thì đời sẽ là một tấm bi kịch quá lỗ bịch. [\[33\]](#)Andimiôn - chàng mục phu đẹp trai đã xin thần Dêux cho mình ngủ vĩnh viễn để được trẻ mãi không già. [\[34\]](#)Tên con quỷ trong vở kịch Faust của Gớtơ (Gothe), đại văn hào Đức. [\[35\]](#)Nhà hùng biện cổ La Mã. [\[36\]](#)Nhà hình học và vật lý nổi tiếng thời cổ đại. [\[37\]](#)Những chỗ ... là những đoạn văn bị kiểm duyệt và cắt bỏ từ hồi in lần đầu, thời Nga hoàng. (ND). [\[38\]](#)Tiếng Pháp trong nguyên bản: Sốt chậm. [\[39\]](#)Tiếng Pháp trong nguyên bản: đi picnich. [\[40\]](#)Tiếng Pháp trong nguyên bản: Trời ơi, một tên Tserkex? [\[41\]](#)Tiếng Pháp trong nguyên bản: Không có gì đáng sợ, thưa bà, tôi không nguy hiểm hơn ông bạn tùy tùng của bà đâu. [\[42\]](#)Phigioma - một thứ trang sức của phụ nữ thế kỷ 18 đầu thế kỷ 19, đó là cái vành đai làm bằng răng cá voi, cặp vào đùi bên trong váy, hoặc loại váy có cái cặp như thế. [\[43\]](#)Những nốt ruồi giả làm bằng cao hoặc vải đen, dính lên mặt. [\[44\]](#)Tiếng Pháp trong nguyên bản: Điều đó thật quá quái!... [\[45\]](#)Tiếng Pháp trong nguyên bản: Cám ơn ông. [\[46\]](#)Tiếng Pháp phiên âm trong nguyên bản: Cô cho phép (Permitter). [\[47\]](#)Tiếng Pháp trong nguyên bản: nhảy điệu mazurka. [\[48\]](#)Materias: Vừa có nghĩa là vật chất lại có nghĩa là đề tài, vấn đề. [\[49\]](#)Tiếng Pháp trong nguyên bản: Hay, hay tuyệt! [\[50\]](#)Bị kiểm duyệt thời Nga Hoàng (ND) [\[51\]](#)Đơn vị đo chiều dài cũ của Nga, bằng 4,4 cm. [\[52\]](#)Tên một tạp chí xuất bản ở Pêterbua thời đó. [\[53\]](#)Tiếng Pháp trong nguyên bản: đối diện. [\[54\]](#)Tiếng Pháp: Vũ khúc bốn người một bộ. [\[55\]](#)Một cái làng hay khu ngoại ô thành phố ở Nga vào thế kỷ 11-17, nằm trên đất của nhà nước hoặc lãnh chúa. Nghĩa thông thường chỉ khu ngoại ô,

cho nên chúng tôi sẽ dịch là Khu ngoại ô. ^[56]Câu thơ ở lời mở đầu trong “Evgheni Oneghin” - tiểu thuyết bằng thơ của Puskin. ^[57]Nhà thơ lớn Italia, thế kỉ 16. ^[58]Tiếng Pháp trong nguyên bản: trái tim và gia tài của anh ta. ^[59]Bị kiểm duyệt cắt bỏ. ^[60]Đại văn hào Anh (1771-1832) - tác giả Aivanho (1820). ^[61]Nhà độc tài La Mã (102-44 trước Công nguyên). ^[62]Chấn song và con phượng hoàng là những hình nổi trên hai mặt đồng tiền bạc. ^[63]Tiếng Italia trong nguyên bản: Tấn hài kịch đã hạ màn. ^[64]Tiếng Latinh trong nguyên bản: tán thành hoặc phản đối. ^[65]Một quốc gia dân số chủ yếu là người Xerbia, nằm trong thành phần của Liên bang Nam Tư.

Table of Contents

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Lời Dẫn

PHẦN THỨ NHẤT

I. BELA

II. MARXIM MARXIMICH

PHẦN THỨ HAI

TRÍCH NHẬT KÝ CỦA PÊTSÔRIN

I. TAMAN

II. NGƯỜI TIN ĐỊNH MỆNH

III. CÔNG TƯỚC TIỂU THƯ MÊRI

CHÚ THÍCH